



Liên

huyện

VĂN SANG

Ở  
VIỆT NAM

Nhóm Liên Hữu Miền Nam

Đất Việt Thực hiện

# CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM

Nhóm Liên Hữu Miền Nam Đất Việt

Thực hiện

Lời nói đầu

**NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA MÂU NI PHẬT!**

Kính thưa chư liên hữu gần xa!

Chuyện lớn nhất của đời người là luân hồi sanh tử. Dù rằng thực chất của nó vốn là mộng ảo, bao nhiêu thứ buồn vui sầu khổ mà chúng ta đang cảm thọ cũng đều là bọt bóng phù du. Nhưng một khi chưa dứt sạch hết những thấy biết sai lầm (kiến hoặc) và suy nghĩ sai lầm (tu hoặc), chưa vãng sanh Phật Quốc thì những thứ “mộng ảo bọt bóng” ấy, do nghiệp thức của chúng ta biến hiện ra đó nó hiển nhiên thành ra chân thật rõ ràng.

Cho nên Đấng Đại Từ Phụ A Di Đà dùng thế hải độ sanh, giúp bọn phàm mê chúng ta thẳng tắt thoát ra bể khổ. Chỉ cần tin sâu nguyện thiết một niệm, mười niệm là vượt khỏi trần lao, bước lên quả vị Bồ Đề, một phen “Buông dao sát sanh, tức liền thành Phật”. Quả là vi diệu thù thắng chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn!

Ôi! Lòng từ của Di Đà Thế Tôn và mười phương chư Phật vô cùng vô tận. Phật ân cao cả khôn lường, cho dù có tán thán trăm kiếp ngàn đời cũng không sao nói hết được.

Nhân vì hộ niệm tiền đưa cha mẹ và những người thân khi lâm chung, chúng tôi có kể chuyện vãng sanh, đọc truyện vãng sanh, mở băng đĩa nói về vãng sanh cho người bệnh nghe, thì thấy thu được rất nhiều lợi ích. Do vậy, mà chúng tôi không ngần ngại, mạo muội sưu tập, trích tuyển từ sách, băng cũng như đến tận gia đình đạo hữu có người vãng sanh để ghi lại.

Năm 2008, chúng tôi đã nhờ anh Thiện Quang đọc Chuyện Vãng Sanh phần 1 ghi âm được 4 CD, giờ tiếp theo là phần 2. Hiện giờ do có nhiều bạn đồng tu hưởng ứng tham gia cộng tác nên cũng đã sửa chữa và bổ sung phần 1. Hôm nay đủ duyên, chúng tôi xin ra mắt cúng dường chư liên hữu khắp mọi nơi !

Việc làm này nếu có chút ít công đức nào, nguyện hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sinh đồng sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo!

A Di Đà Phật !

*Miền Nam, ngày 9 tháng 10 năm 2014.*

*Nhóm Liên Hữu Miền Nam Đất Việt thực hiện.*

## 1. Bà Nguyễn Thị Thoại (1919 - 2007)

Bà Nguyễn Thị Thoại, sinh năm 1919, quê quán tại xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Năm hai mươi tuổi, bà lập gia đình với ông Lê Văn Lược, cư ngụ tại xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Hai ông bà có tất cả là sáu người con gái, sinh sống bằng nghề làm ruộng. Ngoài ra, còn làm nhiều nghề khác như: nấu rượu, nuôi heo, xay gạo và mua cá linh ử mắm để bán...

Đến năm 1972, vào khoảng tháng 6 ông chồng bị tai nạn ghe máy, khi chuyển đến bệnh viện thì qua đời, bỏ lại một đàn con thơ côi cút, cô con gái Út hầy mới lên mười tuổi. Từ đó, đôi vai gầy phải gánh thêm trách nhiệm làm cha, sớm hôm tảo tần nuôi con, bon chen với xã hội, vật lộn với cuộc sống để tạo ra chén cơm manh áo, bao nhiêu là gian nan, bao nhiêu là vất vả, gót chân trần dong ruổi mãi ngày đêm:

“Đã sinh vào cõi bi thương,  
Trăm ngàn nỗi khổ vẩn vương bên mình.  
Tháng năm đầy những khổ hình,  
Sầu đau chồng chất tội tình họa tai.  
Ngán ngao kiếp sống đọa đày,  
Ngậm ngùi thân phận lạc loài thê lương.  
Lạnh lùng đêm vắng canh trường,  
Buốt lòng lữ khách bên đường mưa giăng.”

Ngẫm nghĩ về nỗi thống khổ của kiếp nhân sinh, thâm thía với nắng mưa sương gió của đời mình nên năm 1975, bà phát tâm trường chay, sớm chiều hai thời lễ Phật.

Tuy vậy hạt giống Bồ Đề vẫn còn yếu ớt, mãi đến gần cuối thập niên tám mươi trở đi mới thật sự đâm chồi nảy lộc. Lúc này, bà thường xuyên tham dự các kỳ Phật thất tổ chức mỗi tháng một lần, tại phòng thuốc Nam của cô Bảy Lánh ở chợ Thốt Nốt.

Nhờ nghe chư liên hữu giảng giải Phật Pháp hằng tháng vào dịp Phật thất, nền tảng Tịnh Tông của bà dần dần được hình thành và thực sự kiên cố. Tín tâm mỗi lúc một sâu chắc, nguyện lực mỗi lúc một thiết tha, cộng thêm sự trợ duyên của các bạn đạo, bà đã hành trì ngày một tiến bộ rõ rệt.

Bên cạnh đó, bà còn tham gia thêm các ngày niệm Phật được tổ chức định kỳ tại chùa Thanh Quan, hoặc tại nhà chư đồng đạo các nơi. Công khóa lễ bái của bà cũng được tăng thêm 4 thời trong ngày (24 giờ).

Lúc này tính tình bà thay đổi nhiều so với những tháng năm trước đó, luôn vui vẻ dễ dãi nên ai ai cũng đều kính mến.

Như vàng trắng tròn rồi khuyết, như nước sông lớn rồi ròng, con người trên cõi đời này cũng thế, thời thanh xuân cường tráng đã trôi qua thì phải đến lúc già nua và bệnh tật. Năm 2004, do sức khoẻ yếu, bà không còn tới lui các khoá niệm Phật, mà chỉ ở nhà chăm chỉ tu hành. Tỉnh thoảng, chư liên hữu ghé thăm, khuyến tấn, bà vô cùng cảm kích và vui mừng.

Bà hết lòng tin tưởng vào lời thề nguyện của Đấng Từ Phụ A Di Đà. Bà tin chắc thật rằng khi lâm chung sẽ được Ngài tiếp độ vãng sanh về thế giới Cực Lạc, nên ngày ngày bà đều thỉnh nước cúng để uống thay thuốc. Thề theo lời chỉ dạy:

“Thành lòng nước lã nên hồ,  
Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban.”

Bằng cái nhìn thế gian thường tình rằng, một khi đã lâm vào hoàn cảnh bệnh hoạn thì đây là bất hạnh nhưng, đối với những ai khao khát tìm cầu thoát ly sanh tử luân hồi thì lại là dịp hy hữu tốt lành. Kể từ đó, sự niệm Phật của bà ngày một chí thiết chí thành hơn.

“Mẹ đẩy con ! Dù cho nhồi quả ,  
Tự nhủ lòng chớ dạ núng nao .  
Càng khổ nhiều đạo hạnh càng cao ,  
Nên lấy đó làm câu an ủi .  
Mẹ đẩy con ! Lời kia không dối ,  
Không gian lao khó nổi công thành .  
Chẳng cho chon đạp sỏi giày sành ,  
Tây Phương khó đưa mình đến chốn .  
Mẹ đẩy con ! Mỗi khi nguy khốn ,  
Mà vẫn vui không núng tim gan .  
Là mỗi lần lên một nấc thang ,  
Càng chịu được là càng cao được .”

Hai năm sau (vào năm 2006) bà phát bệnh nặng, các con đưa đi nhập viện tại Thốt Nốt, kế đó chuyển lên Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Bác sĩ chẩn đoán là bệnh “Hội chứng dạ dày tá tràng” và “Thoái hóa cột sống”, vài hôm sau, bà xuất viện về nhà. Kể từ đó, thể trạng của bà kém dần, ít đi đứng mà nằm nhiều hơn. Đặc biệt là tay bà lúc nào cũng lạnh như chuối.

Gần cuối năm, ngày 12 tháng 10 năm 2006, bà bệnh trở nặng, thân nhân cho vào Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ điều trị. Bà thường lên cơn mê sảng, miệng cứ đọc sám kệ vang dội suốt ngày suốt đêm. Bác sĩ dùng thuốc trấn kinh an thần, cứ tăng liều dần, cho đến gấp 3 lần so với bệnh nhân thường, mà bệnh chứng vẫn không thuyên giảm. Ba hôm sau cũng thế nên thân nhân xin bác sĩ cho bà ra về.

Về nhà, nằm trên giường, bà thường thấy đám con nít vào đây cả nhà, liền bảo các con đuổi chúng ra. Có khi bà nhìn thấy gạo đổ đầy trên đất, liền kêu gọi mọi người lượm lên tiếp. Có lần thấy cá thật nhiều. Có lúc thấy đứa em trai và đứa em gái đã mất đến lôi chân của mình kéo đi, bà vẫy chân và nói là không đi.



Vì biết đây là quả báo do túc nghiệp nhiều đời trước nên chư liên hữu đề nghị, các con cháu phát tâm làm các việc phước thiện như: Phóng sanh, in đĩa ấn tống... để hồi hướng công đức và cầu an cho bà.

Các đồng đạo được sự thỉnh mời của gia đình nên đến cầu an hộ niệm cho bà rất đông.

Đến ngày thứ ba thì bệnh tình dường như khỏi hẳn.

Khi thần trí minh mẫn trở lại, bà nói với mọi người nên cầu nguyện thêm cho bà vài hôm nữa; các con của bà tiếp tục tổ chức đến ngày thứ 9 mới dừng lại.

Tháng giêng năm 2007, bà phát bệnh lại, sức khoẻ cạn kiệt rõ rệt. Trước khi mất 10 ngày bà không ăn gì cả, chỉ uống chút ít nước. Tuy vậy, bà vẫn tỉnh táo, sáng suốt, lúc nào cũng lần chuỗi niệm Phật... Khi các con và rể ghé thăm, bà dặn dò:

- “Các con nên sắp xếp công việc làm ăn để đưa má theo Phật!”

Chiều ngày mùng 1 tháng 2, bà mệt nhiều; thân nhân tề tựu cầu an và hộ niệm, đến 12 giờ khuya, con mệt mỗi lúc một tăng thêm, các con đưa bà ra nhà trước, trợ niệm mãi đến 4 giờ sáng, hơi thở bà yếu dần và nhẹ nhàng ra đi trong âm thanh Phật hiệu vang rền. Lúc ấy là mùng 2 tháng 2 năm 2007. Bà hưởng thọ 88 tuổi.

Chư đồng đạo hay tin, lũ lượt kéo đến hộ niệm thêm 6 giờ đồng hồ nữa. Sau đó, khám nghiệm thì toàn thân đều lạnh, duy chỉ có đánh đầu còn ấm, nét mặt sáng rõ hơn so với bình thời.

Khoảng 5 giờ chiều hôm ấy (ngày mùng 2 tháng 2 năm 2007), người con gái thứ Năm (Lê Thị Bo) vào dọn dẹp giường nằm hằng ngày của bà, khi cuốn mùng lại thì nghe có mùi thơm lạ, bèn chạy ra gọi mấy đứa cháu ở xóm đến xem, chúng cũng ngửi được mùi thơm lạ lùng như chị. Kể từ đó, vợ chồng chị cũng phát tâm lễ Phật trường chay.

*(Thuật theo lời Lê Thị Bo, con gái của bà)*

## **2. Bà Nguyễn Thị Tý (1922 - 2012)**

Bà Nguyễn Thị Tý sinh năm 1922, cha là cụ ông Nguyễn Văn Ngà, mẹ là cụ bà Phan Thị Mão, bà có tổng cộng là bảy anh, chị, em và bà đứng thứ Bảy trong gia đình.

Khi lên 28 tuổi, bà kết hôn với ông Lê Văn Bính, cư ngụ tại khu vực Phúc Lộc III, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Bà sinh được sáu người con, hai trai, bốn gái. Hằng ngày, gia đình bà sinh sống bằng nghề ruộng rẫy.

Thuở nhỏ, bà không có đi học; được người quen chỉ chút ít và thường nghe băng đĩa đọc giảng nên dần dần, bà cũng đọc được rất nhiều kinh kệ. Tính tình bà hiền lành, giản dị, siêng năng, cần mẫn, nhẫn chịu khổ khó trong mọi hoàn cảnh. Trong cuộc sống, bà thường phải đối diện với

nhiều chướng ngại khó khăn nhưng, bà không hề oán hờn, trách than mà trái lại. Có lẽ đây là những động lực giúp cho thiện căn quá khứ sớm đâm chồi nảy nở. Thế nên năm 1976, bà phát tâm trường chay, niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, hầu thoát khỏi cái vòng sanh tử luân hồi, đầy thống khổ và kiếp sống vô thường tạm bợ, như lời nhận định của Cổ Đức:

"Hồng trần là cõi bạc vôi,  
Nó không chung thủy với người nào đâu.  
Càng theo nó lại càng sâu,  
Chúng sanh vì nó bị đầu thai luôn.  
Những điều sâu khổ ngàn muôn,  
Mỗi người đều mỗi quay cuồng khác nhau.  
Người không ai giống ai nào,  
Chung quy cũng một đường vào mồ ma.  
Ấy là định mạng người ta,  
Cuối cùng ai cũng phải là thế ư!  
Há không cầu đạo Chơn Như,  
Để mau giải thoát kiếp người trần gian.  
Dứt xong ba nẻo sáu đường,  
Quý hơn cái chiếc ngai vàng trần ai.  
Ngai vàng khó giữ lâu dài,  
Tòa sen Cực Lạc ngồi hoài tự do.  
Tu hành cần phải sớm lo,  
Tử sanh là việc lớn to của người.  
Nan tri sống chết nay mới,  
Mau tu kéo chẳng kịp Trời kêu tên.  
Ta Bà thế giới rộng thênh,  
Xưa nay thân chết chẳng quên người nào."

Vào năm 1977, bà giao phó hết việc nhà cho các con, còn phần mình thì dành hết thời gian đi làm đạo và công phu lễ niệm nhiều hơn, để chuẩn bị chu toàn cho quãng đời còn lại của mình.

Cũng từ đây, đời sống của bà ngày càng thêm giản dị, bà luôn khiêm ước phần mình, nhất là từ miếng ăn cho đến tấm mặc, để lo bố thí giúp người, tham gia các công tác từ thiện xã hội. Thỉnh thoảng, bà cùng các bạn đạo như bà Nguyễn Thị Thoại, Nguyễn Thị Chín,... đi cầu nguyện làm tuần, hộ niệm cho bạn đạo quanh vùng và thường xuyên tham dự các khóa niệm Phật tổ chức tại chùa Thanh Quang, chùa Tây Lâm Phước hoặc các nhà của chư đồng đạo, dù hoàn cảnh thời tiết mưa nắng thế nào, bà cũng không vắng mặt. Con cháu cũng như xóm giềng, ai cũng đều cảm mến hạnh đức của bà.

Hằng ngày, bà cũng thường khuyên nhắc các con cháu phải biết lo tu hiền, tin sâu Phật Pháp. Mỗi khi nói chuyện với ai, bà cũng chỉ đề cập đến chuyện tu hành niệm Phật mà thôi, bà chưa hề nói chuyện bông lông và chuyện xấu dở của người.

Đến năm 83 tuổi, do vì lớn tuổi, đi lại không thuận tiện nên bà chỉ ở nhà, chuyên lo niệm Phật; không còn tham dự những khóa tu ở các nơi như trước nữa. Mỗi ngày, bà hành trì bốn thời, lễ Phật xong thì bà ngồi niệm Phật từ một tiếng rưỡi cho đến hai tiếng đồng hồ. Sau giờ cơm trưa, bà đi kinh hành, niệm Phật chín vòng rồi mới đi nghỉ, ngày nào cũng đều đặn như thế không thiếu sót. Ngoài ra, trên tay bà lúc nào cũng có chuỗi để lần niệm Phật. Rảnh rỗi, bà cũng thường nghe băng đĩa, bà thường nghe đi, nghe lại nhiều lần và tâm đắc nhất là quyển Khuyến Thiện của Ngài Vô Danh Cư Sĩ.

Thỉnh thoảng, có liên hữu Tư Đạm, Tư Rô,... ghé thăm, hướng dẫn về pháp môn Tịnh Độ và sách tấn tinh thần cho bà thì bà chăm chú lắng nghe và tỏ vẻ thích thú lắm!

Cũng trong thời gian này, do bà có tính cẩn thận chu đáo, phần thì thấy mình đã quá lớn tuổi, lại thêm con cháu trong gia đình chưa am hiểu gì nhiều về Phật Pháp, nên bà đã âm thầm chuẩn bị sắp xếp mọi thứ về hậu sự của mình, từ y phục cho đến cách thức hộ niệm và việc chôn cất...

Bà có thói quen khi nào bệnh, bất cứ là bệnh gì thì thỉnh nước cúng uống với giấy vàng, trước khi uống, bà chí tâm cầu nguyện nên tất cả đều biến thành linh dược. Do con bà không hiểu và không tin bèn đem giấy vàng cất giấu đi nên đến tháng giêng năm 2010, bà đi cầu nhiều lần và nôn ra rất nhiều chất bã màu đen, gia đình lập tức đưa đi bệnh viện, mặc dù bà không muốn nhưng vẫn chiều theo ý các con. Đến Bệnh Viện Thốt Nốt, bác sĩ chẩn đoán là bệnh "xuất huyết dạ dày". Điều trị khoảng một tuần thì xuất viện. Về nhà, thời gian không lâu thì bệnh lại tái phát. Có lần mất máu nhiều quá, phải chuyển xuống Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ để truyền máu, mỗi lần truyền khoảng 600 - 800ml. Bệnh cứ dây dưa như thế suốt gần hai năm. Mặc dù bệnh khổ nhưng tinh thần của bà rất vững, chưa hề quạu quọ, rên than, bà chỉ nằm im niệm Phật, ai đến thăm, bà cũng chỉ lo lần chuỗi niệm Phật.

Vào khoảng cuối tháng 5 năm 2012 bà phát bệnh trở lại, lần này thể lực của bà suy giảm trầm trọng, sau một tuần lễ thì bác sĩ cho bà ra về vì thấy bà đã quá già yếu. Về nhà, bà không còn đi lại được nữa, cũng không còn tự chủ được về sự tiêu tiện, vệ sinh của mình, bà phải hoàn toàn nhờ vào sự chăm sóc, giúp đỡ của con cháu.

Lúc này, tay của bà yếu, không còn lần chuỗi được nữa nhưng trái lại, bà rất tỉnh táo, không hề tỏ vẻ khổ đau, sợ hãi, lúc nào bà cũng nép môi niệm Phật. Mỗi khi đau đớn nhiều, bà càng niệm Phật tha thiết, bởi muốn cho con cháu khỏi phải khổ cực vì phải lo chăm sóc cho mình nên lúc nào bà cũng tha thiết niệm Phật, cầu sớm được Đức Phật rước về Cực Lạc. Bà hạn chế tối đa về việc ăn uống, có khi chai nước lọc, bên cạnh chỗ nằm để thấm giọng mà bà uống rất lâu ngày mới hết.

Có đêm nọ, bà đau nhiều quá, bà chí thành niệm Phật, cầu xin Đức Phật sớm tiếp dẫn bà về Cực Lạc. Một lát sau, bà nghe văng vẳng bên tai có tiếng nói: "Con hết đau rồi!". Sáng lại thì bà cảm thấy trong người nhẹ nhàng, không còn đau nữa. Từ đó, bà càng vững tin hơn vào công đức của câu Vạn Đức Hồng Danh, sự tín tâm, nguyện tâm của bà ngày càng thêm tha thiết và sâu chắc hơn nên bà cũng kể cho một ít bạn đạo nghe về điều huyền diệu này, những mong khích lệ lẫn nhau.

Đến ngày 22 tháng 7 năm 2012, vào khoảng 4 giờ chiều, bà mệt nhiều. Bà nhờ con cháu đưa bà ra bộ ngựa nhà trước rồi mời đồng đạo đến hộ niệm cho mình.

Hay tin bà mệt, chư liên hữu xúm lại cầu an và luân phiên hộ niệm xuyên suốt cho bà, lúc ấy, bà vẫn nhép môi niệm Phật theo.

Trước khi mất 15 phút, bà nhờ con cháu đỡ ngồi dậy, bà ngược mắt nhìn lên ngôi Tam Bảo rồi khoát tay bảo đỡ nằm xuống, cứ như vậy đủ ba lần. Sau khi nằm xuống, bà nằm nghiêng bên phải rồi đưa mắt nhìn quanh mọi người đang hộ niệm như ngỏ lời cảm ơn và từ giã, rồi bà an nhiên chấp tay niệm Phật mà ra đi trong âm thanh vang rền Phật hiệu của hơn hai mươi đồng đạo. Lúc ấy, đúng 3 giờ 15 phút, chiều ngày 23 tháng 7 năm 2012. Bà hưởng thọ 90 tuổi.

Sau 12 tiếng hộ niệm, gương mặt bà càng thêm rạng rỡ, vui tươi, hai tay vẫn còn chấp nơi ngực, trong tư thế nằm nghiêng kiết tường, các khớp xương đều mềm dịu. Điểm đặc biệt là trước khi mất hai tháng, lưng bà bị gù rất nặng, không thể nằm ngửa được, mà chỉ nằm nghiêng một bên. Nhưng sau khi mất, lưng bà không còn gù nữa, mà nằm ngửa trở lại được. Chư liên hữu khám nghiệm thì toàn thân bà đều lạnh, duy chỉ có đỉnh đầu còn nóng.

Lúc bình thời, bà luôn mong mỏi con cháu của bà sớm lo tu hiền, ăn chay niệm Phật để sau này, linh hồn cũng được Đức Phật tiếp dẫn. Lòng thành của bà như được cảm ứng, sau khi chứng kiến sự ra đi của bà thì người con thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư của bà đều phát tâm trường chay, những vị còn lại cũng phát tâm sớm chiều lễ Phật và dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày, hầu cố gắng noi theo gương hạnh của bà.

*(Thuật theo lời ông Lê Văn Sáu, bà Nguyễn Thị Đức, con trai và dâu thứ Sáu của bà, cùng Ban Hộ Niệm)*

### **3. Bà Nguyễn Thị Xinh (1916 - 1983)**

Bà Nguyễn Thị Xinh tục gọi là bà Tám Gia sinh năm 1916. Cư ngụ tại ấp Thạnh Lợi I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Nguyễn Văn Khéo, mẹ là Nguyễn Thị Cam. Bà có hết thảy là chín chị em và đứng thứ Năm trong gia đình.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Trần Văn Gia, người cùng lối xóm, sinh được một người con trai duy nhất, sau nuôi thêm một cô con gái. Định cư tại chợ xã Trung An, nhà số 109, tổ 12. Sinh sống bằng nghề buôn bán và làm rẫy.

Tính tình của bà rất hiền lành, cần kiệm, thích bố thí.

Thuở nhỏ vì gia đình nghèo nên bà không được đi học, đến năm 30 tuổi, bà học lóm trong cuốn văn mà đưa con đang học. Mỗi khi rảnh bà đọc theo, dần dà kinh sách bà đọc được hết. Ký ức của bà rất tốt, kinh kệ đọc qua vài lần là bà thuộc liền.



Năm 1967 bà bắt đầu tập ăn chay, lễ bái và kết giao với các bạn đạo như là bà Ba Vàng, bà Trương Thị Hân, bà Nguyễn Thị Chín... mạnh mẽ làm các việc phước thiện hơn trước.

Đến tháng 10 năm 1970, bà phát tâm trường chay và có ý định chuyên tu. Bà nói với Hai Thành:

- “Con cất cho mẹ một cái cốc để mẹ lo tu hành giải thoát. Còn mấy cái đồ kinh doanh này là mấy cái đồ giả... Mẹ hồng còn ham muốn giữ nó làm gì con ơi! Mẹ giao hết cho cha con và con làm gì thì làm, chứ mẹ hồng có còn nghĩ gì tới nữa hết!”

Thấy vậy, ông chồng liền than rằng:

- “Gia đình đang làm ăn phát đạt mà mẹ mày không lo tiếp, sau này thất bại, nghèo khổ người ta sẽ chê cười!”

Nhưng bà vẫn nhất quyết giao mọi việc lại cho chồng con.

Từ đó, bà thường đến những liên hữu đã tu trước. Có khi đôi ngày mới về nhà một lần, có khi đến năm, bảy ngày mới về. Thấy vậy, Hai Thành hỏi:

- “Mẹ đi đâu mà lâu quá mới về?”

Bà đáp:

- “Mẹ đi kiếm nơi ẩn nấu để lo tu hành.”

Đến năm 1974, bà thường hay đến chùa và đi viếng vùng bảy Núi ở Châu Đốc cùng với một số bạn đạo. Bà còn bảo con mua cho một cái máy thu băng để bà nghe kinh giảng. Mỗi đêm bà thường mở máy từ 3 giờ khuya.

Biết được quyết tâm tu hành tha thiết của bà, nên chồng và con mua nửa công đất cách nhà 1700 mét, ở xóm dưới, cất một gian nhà để bà tiện bề tấn đạo và cho đứa cháu gái lo việc chăm sóc hằng ngày, vì bà cũng thường nhức đầu cảm lạnh.

Có được gian tịnh thất thích hợp với sở nguyện, bà tinh chuyên lễ bái, chí thành niệm Phật, tha thiết cầu sanh Tây Phương. Bởi vì:

“Ngôi niệm Phật thì ai cũng niệm,  
Nhất tâm không xao xuyên ít người.  
Tâm như chong chóng giữa trời,  
Phật thì một niệm còn mười niệm ma.  
Các việc xấu nhớ ra trước nhất,  
Kế tay chơn buồn bực mỗi mê.  
Rồi ma buồn ngủ chạy về,  
Phật quên niệm đến khói mê phủ vào.”

Không cần hỏi ông nào cũng biết,  
Niệm thế bao giờ Phật chứng cho.  
Khác nào nôi gạo mới vo,  
Bắc lên nhắc xuống bao giờ chín cơm.  
Mục đích việc sớm hôm niệm Phật,  
Là để cho chấm dứt niệm tà.  
Chỉ còn một niệm Di Đà,  
Để nhờ Phật rước sang qua Liên Đài.  
Có thật cảm Phật Ngài mới chứng,  
Niệm lơ là Phật chứng vào đâu.”

Năm 1979, sau khi chồng mất bà cảm nhận:

“Dầu tiền của lâu đài muôn dặm,  
Khi chết rồi cũng nắm tay không.  
Chẳng đem một cát một đồng,  
Chỉ ôm tội phước trong lòng mà thôi.”

Nên bà hạ quyết tâm:

“Thân là giả thân,  
Đời là tạm đời.  
Ham mấy cũng bỏ,  
Mê mấy cũng thôi.  
Đạt vọng tiêu theo xác,  
Dục lạc tan theo hơi.  
Dã tràng luống công xe cát,  
Phút giây bao lượn sóng đùa trôi.  
Lấy đó mà suy rộng,  
Việc trần sẽ thối lui.  
Cầu được thân sen hồn Phật,  
Dứt đường sinh tử luân hồi.”

Kể từ đó, bà càng tinh chuyên hành trì thêm hơn.

Đến ngày mùng 8 tháng 6 năm 1983 Hai Thành đi Thốt Nốt ghé thăm, bà dặn:

- “Chiều nay con xuống ăn cơm với mẹ.”

Trong lúc dùng cơm, Hai Thành và đứa cháu nội vừa ăn vừa trò chuyện, bà lại bảo:

- “Con về nói với vợ con, mai làm bánh cho mẹ ăn.”

Còn nói:

- “Mẹ sắp về Phật rồi!”

Hai Thành không tin nên hỏi:

- “Làm sao về được? Về bằng cách nào?”

Bà đáp:

- “Tới ngày đó con biết liền.”

Sáng hôm sau, cô con dâu đã chuẩn bị sẵn bánh, dự định tan phiên chợ sáng sẽ đem xuống cho bà. Chẳng ngờ bà lóe mắt lên tới, vì lúc này trời mưa tầm tã. Vừa lên tới nhà bà nói:

- “Trời mưa hoài đi bộ không được nên mẹ đi xuống, lên đây ngủ một đêm, đến 12 giờ mẹ theo Phật.”

Hai Thành vẫn hoài nghi, vội bảo vợ dọn bánh cho bà ăn. Bà nói:

- “Mẹ lạnh quá, không ăn được.”

Hai Thành bèn nhóm lửa hơ cho bà, vì mưa ướt cả người. Bà bảo:

- “Trùm mền lại cho ấm, và rước anh Ba Thơm (Lương y gần đó) đến xem mạch cho các con biết mà lo, chứ mẹ không sợ chết đâu. Trước sau mẹ cũng về với Phật, đêm nay đúng 12 giờ.”

Hai Thành nói nhỏ với vợ:

- “Mẹ như vậy chẳng lẽ chết sao? Mẹ có đau gì đâu! Nếu 12 giờ mà không có như mẹ nói người ta sẽ cười.”

Bà lại bảo cô con dâu sai mấy đứa cháu qua nhà bà Ba Vàng vốn là bạn thân thiết của bà, xin ba bông sen để bà cầm về Phật. Nhà bà Ba ở rạch Sa Mau, cách nhà bà chừng một cây số. Chiều tối, đứa cháu nội đến xin bông, bà Ba đốt đèn đi hái bông sen nhưng chỉ được hai bông, bà mới ngắt thêm một bông huệ gộp chung cho đủ ba, rồi bà giao cho đứa bé. Đứa cháu nội đem về trình lên bà, bà nói:

- “Vậy cũng được!”

Đến chiều tối, thầy lương y mới tới. Bà nói:

- “Nhờ anh Ba xem mạch giùm, có sao nói vậy, cho con cháu tôi biết. Tôi không sợ chết đâu anh Ba à!”

Chẩn mạch xong thầy lương y đáp:

- “Mợ tám không sao đâu, chỉ tỳ hơi yếu và bị lạnh thôi. Khởi hốt thuốc!”

Ông nhắc lại đến hai lần.

Khi thầy Ba ra về, bà nhờ đưa ra bộ ngựa phía trước, đến 9 giờ 40 phút, bà mệt nhiều bà con xung quanh xúm lại khoảng 20 người hiệp cùng gia đình niệm Phật. Một lát sau bà hết mệt, kêu Hai Thành đến dặn dò hậu sự:

- “Khi mẹ vãng sanh rồi con phải làm theo lời dặn, chớ trái ý:

- 1- Sau 8 giờ mới được động đến thân.
- 2- Dùng 7 miếng vạt để cất xác.
- 3- Trong thân tộc và con cháu khiêng đi chôn, không nên mượn người ngoài làm nhọc bà con.
- 4- Tuân thất và cúng phải làm chay.
- 5- Không được đem theo món gì, quần áo còn tốt nên bố thí cho người nghèo.
- 6- Chôn mả đất, đừng làm mả đá.
- 7- Ngày giỗ có chi cúng nầy, hãy cúng chay chớ đừng cúng mặn, tội lắm!

Con phải nghe lời dặn của mẹ, ở lại ráng lo tu hiền!”

Nhấn nhủ xong bà hỏi:

- “Mấy giờ rồi?”

Lúc đó 11 giờ 50 phút đêm. Hai Thành đáp:

- “Mới hơn 10 giờ.”

Vì sợ nói mà không làm được như lời sẽ bị người ta cười, nên Hai Thành mới đáp như thế. Bà bảo tiếp:

- “Đưa ba cái bông đây để mẹ cầm về Phật”

Bà cầm lấy bông và chấp tay vào ngực, bắt đầu thở mạnh.

Khi ấy, cô ba Liên nhà kế bên lấy dầu nước xanh hiệu con sóc thoa vào mũi bà, bà bèn nói:

- “Cô đừng thoa vô, chất dầu này là đồ uế trước lắm. Mau lấy khăn nhúng nước lau sạch, mau đi!”

Khi cô con dâu lau rồi bà gật đầu và nói lời cuối cùng:

- “Bà con ở lại ráng tu hiền đặng về Phật !”

Nói xong bà thở hơi ra, từ từ buông ba bông rơi xuống nằm trên ngựa rồi xuôi tay, thẳng chân nhẹ nhàng ra đi. Lúc này là 0 giờ 5 phút ngày 10 tháng 6 năm 1983, ở bên ngoài những người

CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM

xung quanh thấy trên nóc nhà của bà sáng hực, họ ngỡ là nhà cháy, ba bốn người cầm thùng cầm thao chạy xuống sông mức nước, ba bốn người chạy đến nhà đập cửa, đúng lúc bà vừa mới mất. Đồng đạo hay tin lần lượt kéo tới hộ niệm đến 9 giờ sáng. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Gần đến giờ liệm, liên hữu Tư Thiệp (bà con cô cậu ruột với Hai Thành), nói với Hai Thành rằng:

- “Mợ Tám chắc ăn đã về Phật rồi!”

Hai Thành hỏi:

- “Làm sao anh biết?”

Tư Thiệp đáp:

- “Chú mày không tin, sờ đỉnh đầu đi! Nó nóng như đưa tay vô nồi cơm đang sôi vậy đó!”

Hai Thành y theo lời, quả thật nóng rang cả bàn tay. Cái chết của bà thật đẹp thật bình yên, cũng chính là nỗi ước ao của bao người con Phật:

“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc,  
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.”

*(Thuật theo lời Hai Thành, con trai của bà)*

#### **4. Bà Trương Thị Hân (1903 - 1984)**

Cụ bà Trương Thị Hân sinh năm 1903, tại xã Thới Long, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ.

Khi lập gia đình, về cư ngụ tại rạch Xẻo Công, ấp Thạnh Lợi, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Bà có hai người con, một trai và một gái.

Tính tình cụ đôn hậu, hay làm phước giúp người, ăn chay mỗi tháng 10 ngày và mỗi năm 3 tháng.

Bà hay đi đây đó để bán thuốc cao (cho chùa Tiên Sơn, gần pháo đài Núi Sam- Châu Đốc) nên cũng thường khuyên người niệm Phật, làm lành.

Đến năm 61 tuổi, nhờ gần gũi với chư liên hữu và nghe đọc kinh kệ bà bèn phát tâm trường chay sớm chiều lễ Phật, lánh dữ làm lành, chuyên tâm trì niệm Lục Tự Hồng Danh, nguyện cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Thường ngày bà rất thích đọc đi đọc lại mấy đoạn sám kệ:

“Đi đứng niệm Di Đà,  
Nằm ngồi trì Lục Tự.  
Thức cũng tưởng A Di,



Ngủ cũng ghi Sáu Chữ.  
Nói cũng nhớ Nam Mô,  
Nín cũng ôm Phật sự.  
Cực Lạc muốn vãng sanh,  
Cứ y hành như thử.”

Và:

“Ở chỗ vắng không người,  
Cũng như nơi đô hội,  
Bình tĩnh niệm A Di,  
Chăm nom Bồ Đề cội,  
Nếu tà ý còn sanh,  
Bởi Phật tâm còn rồi,  
Khéo điều khiển lòng mình,  
Đường Tây Phương một lối.”

Bà chung sống với cô con dâu thứ ba( cô này rất có hiếu) và đứa cháu nội (vì con trai đã mất).  
Càng lớn tuổi, bệnh mắt của bà phát triển dần, sau đó không còn thấy đường. Tuy vậy, sự tu  
ngày một tăng tiến, tâm luôn thanh tịnh, không lo lắng đeo mang gì cả, rất tự tại. Tương ứng với  
lời thi:

“Ngày tháng trôi âm thầm trì Phật hiệu,  
Mặc tình đời đàm tiếu lẫn chê khen.  
Quảng ưu tư toan tính chuyện sang hèn,  
Tâm niệm Phật lòng mơ màng cõi Phật.  
Nay thân tuy phàm chất,  
Mà hồn đạo Liên Bang.  
Thế duyên không bận buộc,  
Mai quyết đáo Tây Phang.”

Vào lối tháng 2 năm 1984, một hôm bà nói với đứa cháu:

- “Ba ngày trở lại đây cậu Ba con ghé thăm!”

Đứa cháu nghe xong cũng không mấy để ý. Quả thật cư sĩ Thiện Căn (tức cậu đứa bé) đến  
thăm. Khi xuống xuống bơi qua rạch để rước, vừa gặp mặt bé vui vẻ thỏ thẻ:

- “Bà nội hay quá!”

Cư sĩ chả biết ắt giáp gì cả, liền hỏi.

Bé đáp:

- “Hôm qua nội nói: ba ngày trở lại đây cậu Ba con ghé thăm, quả nhiên hôm nay cậu ghé thật!”

Cư sĩ vào nhà thăm cụ, như những lần trước, thường sau khi hỏi han xong, đều đem những điểm chính yếu của Tịnh Tông để khuyên tấn cụ. Vốn xuất thân từ nghề giáo nên cư sĩ giảng giải gọn gàng, mạch lạc, thứ lớp dễ đón nhận, bà rất hoan hỉ khát ngưỡng, thích thú lắng nghe, vừa nghe, tay vừa lần chuỗi niệm Phật. Khi già biệt, cư sĩ khích lệ cụ ráng nhớ niệm Phật, cụ khẳng định:

- “Đây là số vốn về Tây Phương, làm sao quên được!”

Cách nửa năm sau, cư sĩ lại ghé thăm. Lúc ra về cư sĩ nhấn mạnh với cụ:

- “Bác ạ! Mình là người đi xa phải chuẩn bị cho kỹ nghen bác!”

Bà chấp tay niệm lớn:

- “Nam Mô A Di Đà Phật”

Thay thế cho câu trả lời.

\*\*\*\*\*

Trước khi mất 7 ngày, là ngày 11 tháng 11 năm 1984, cụ gọi con gái, cô con dâu và các cháu lại dặn dò:

- “Khi má mất rồi không nên đem theo gì cả, quần áo còn lại, cái nào tốt đem cho người ta!”.

Mọi người đều lấy làm lạ, vì thấy bà mạnh khỏe bình thường đâu có bệnh hoạn gì đâu!

Sáng ngày 18 tháng 11 năm 1984, cô con gái nói với cụ:

- “Để con nấu nước cho má tắm nghen!”

Bà đáp:

- “Má đã tắm từ lâu rồi con ạ!”

Đến 10 giờ cụ thay y phục và mặc áo tràng vào, rồi yên tịnh niệm Phật.

Tới 3 giờ chiều (15 giờ), bà nắm tay cầm xâu chuỗi để trước ngực và chấp hai tay, yên lặng, lần lần xâu chuỗi rơi ra, hai tay để ngay ngấn hai bên, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, nét mặt vui tươi rạng rỡ lạ thường. Đây quả thật là còn sống mà an lành đi theo Phật, chứ không phải chết. Bà hưởng thọ 81 tuổi.

*(Thuật theo lời của cư sĩ Thiện Căn và cháu nội của bà)*

## 5. Bà Nguyễn Thị Chín (1913 - 1994)

Bà Nguyễn Thị Chín sinh năm 1913, nguyên quán tại rạch Xẻo Cuông, ấp Thạnh Lợi I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà lập gia đình, sinh được năm người con thì chồng mất, lúc đó bà 31 tuổi. Ít lâu sau, bà tái giá với ông Nguyễn Văn Lạt, người cùng xứ sở, sinh thêm một gái và một trai. Nghề nghiệp chính là làm ruộng.

Tính tình của cụ rất hiền hậu, chân thật, hòa nhã với mọi người.

Vào khoảng tháng 4 năm 1969, lúc đó bà 56 tuổi, bèn phát tâm trường chay. Mặc dù thất học nhưng ký ức của bà rất tốt, kệ sám nghe qua vài lần liền thuộc lòng.

Kể từ lúc ông chồng mất, kinh tế gia đình lần lần sa sút, rồi rơi vào hoàn cảnh cơ hàn nghèo khó, thiếu thốn mọi mặt, nhà thì quá chật hẹp, cơm gạo không đủ ăn cho nên bà đã cảm nhận sâu sắc về lẽ vô thường và nỗi khổ của kiếp nhân sinh. Đúng như lời cảnh tỉnh của chư Cổ Đức:

"Cõi Ta Bà thế giới,  
Hữu hình thì tất hoại.  
Vạn vật chung số phận,  
Chẳng phải riêng nhân loại.  
Ai cũng lo giàu nghèo,  
Ai cũng lo thắng bại.  
Giàu nghèo rồi cũng thôi,  
Thắng bại rồi cũng bãi.  
Người đời không trường sanh,  
Sự vật chẳng tồn tại.  
Vật nối nhau tiêu tàn,  
Người nối nhau chết mãi.  
Cách sống có nhiều phương,  
Cách chết có nhiều loại.  
Sống đều sống không lâu,  
Chết đều thân tan hoại."

Bạn đạo thân thiết với bà là bà Ba Vàng, bà Nguyễn Thị Xinh, Trương Thị Hân,... thỉnh thoảng, thường rủ nhau đi cầu an cầu siêu hoặc cùng nhau niệm Phật.

Trong hàng thân quyến có vị thông hiểu giáo lý nên mỗi khi đến thăm, đều khuyên bà ráng tu để mà giải thoát. Giảng giải tận tường về lý nhân quả, diễn tả cảnh thù thắng của thế giới Cực Lạc, nơi mà không còn một mảy may khổ đau như nhiễm, với 48 lời đại thế độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà, cuối cùng, hướng dẫn bà phát nguyện vãng sanh và chí thành niệm Hồng Danh của Ngài, trong mọi oai nghi, mọi thời, mọi lúc, không phân ngày đêm, không chia sớm tối. Thế là, bà vui vẻ thực hành vì nhận thấy cảnh khổ của chính mình, của gia đình mình và của

tất cả chúng sanh, lòng tin của bà ngày càng sâu chắc, công phu ngày một chuyên cần, râu chưỡi không lúc nào rời tay. Những mong:

“Lòng luôn cho đời là vật hoại,  
Nên chán không nên quấy vào tâm.  
Mượn giả thân mở đạo huyền thâm,  
Lấy kiếp giả để làm kiếp thật.  
Sống thác vẫn một lòng theo Phật,”

Năm 1985 mắt bà bị cườm, dần dần không thấy đường nhưng vẫn tự chăm sóc, sinh hoạt cá nhân bình thường. Trong nhà chỉ có cô con gái thứ Bảy, hằng ngày bán bánh bò và tương chao nuôi bà, vì cô này sống độc thân, trường chay, tu hạnh xuất gia, còn người con trai thì đi làm ở xa. Lúc này bà niệm Phật tinh chuyên hơn, thường ngồi niệm Phật mãi, có khi suốt cả đêm.

Vào khoảng tháng 4 năm 1994 bà nhiễm bệnh rất nặng, song dần dần thuyên giảm, ba tháng sau bỗng nhiên tái phát, mỗi lúc một nghiêm trọng.

Đến ngày 27 tháng 7 năm 1994 cụ ngưng ăn, chỉ uống nước trắng mà thôi. Tình trạng này kéo dài suốt 50 ngày, mặc dù đau nặng nhưng cụ rất tỉnh táo, tay vẫn luôn lần chưỡi. Thấy thể trạng của bà rất nguy kịch, có người bàn với cô con gái của bà nên đi coi thầy. Cụ nghe được, ngăn lại và nói:

- "Bỏ đi đũa mới thấy đạo màu."

Vào ngày 15 tháng 9 năm 1994, cụ nói với con:

- "Mẹ thấy cảnh hoa sen và hoa cúc nở rộ đẹp lắm!"

Và còn nói:

- "Má thấy có người tướng mạo đẹp lắm, cho má biết bảy ngày nữa, má sẽ về Phật!"

Từ lúc ấy về sau, thần sắc của bà luôn vui vẻ khác thường.

Ngày 17 tháng 9, cụ bảo con gái đi gọi hết các con lại để bà gặp mặt lần cuối. Cũng ngày này, bà ngưng luôn uống nước, liên tiếp ba ngày.

Khoảng 1 giờ sáng ngày 21 tháng 9 năm 1994, có một luồng ánh sáng thật sáng, rọi xuống mừng, con trai thứ Năm đang hộ niệm cho bà, cứ ngỡ là đèn của người đi soi cá, vì lúc này, vào mùa nước nổi.

Đến 6 giờ 30 có bà con lại thăm, trong đó có liên hữu Lâm, anh hỏi bà:

- "Bà còn nhớ niệm Phật không, bác Chín ?"

Cụ gật đầu.

Liên hữu đề nghị:

- "Đâu bác niệm lớn thử coi!"

Cụ liền cất tiếng niệm lớn, âm thanh rõ ràng, mọi người đều nghe. Hộ niệm đến 7 giờ 30, tay cụ đang lằn chuỗi, bỗng lặng yên mà qua đời. Cụ hưởng thọ 81 tuổi.

Bốn tiếng đồng hồ sau, rất nhiều đồng đạo khám nghiệm tử thi thì thấy các nơi đều lạnh, duy đỉnh đầu hãn còn nóng ấm.

Một liên hữu thường đi đây đó quảng bá Phật Pháp, đã kính cẩn dâng lên bà mấy dòng thi như sau:

"Xẻo Tràm cô Chín xã Trung An,  
Tám mươi một tuổi chết thanh nhân.  
Chạy lạt hăm lăm, năm tháng lẻ,  
Quyết lòng niệm Phật đến Tây Phang.  
Âm lạnh tình đời không vương bận,  
Khen chê được mất cũng chẳng màng.  
Biết được bảy ngày nương Phật cảnh,  
Mới hay Tịnh Độ diệu muôn ngàn!"

*(Thuật theo lời cô Nguyễn Thị Long, con gái thứ Bảy của bà)*

## **6. Cô Lương Thị Mọn (1950 - 1978)**

Cô Lương Thị Mọn sinh năm 1950, cư ngụ ấp Thạnh Lợi I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên là Lương Văn Ứng, mẹ là Nguyễn Thị Lũy.

Cô mồ côi mẹ từ thuở lên 10 tuổi, ít năm sau, cha tục huyền nên cô phải sống chung với người dì ruột.

Tính tình của cô chân thật và nhẫn nhường.

Đến năm 16 tuổi, được người dì bảo trợ cho học nghề may; hai năm sau, cô thành tài nhưng cô chưa có dịp làm ra tiền. Sáu năm sau nữa, mới mở tiệm may ở nhà người cậu, tại chợ xã Trung An vào năm 1974, lúc ấy cô 24 tuổi.

Nhận thấy gia đình hay xảy ra nhiều chuyện buồn, nên ngày 30 tháng 4 năm 1975 (âm lịch), cô phát tâm ăn chay với ý nguyện cầu cho gia đình vui vẻ trong thời gian chay lạt.

Từ đó, cô bắt đầu đọc kinh sách, kệ giảng, nhiều lúc cô tỏ ra rất thích pháp môn Tịnh Độ như quyển “Con Đường Tu Tất”. Vì vậy cô dùng trường chay luôn.



Đến khoảng tháng 6 năm 1978 cô phát bệnh, sức khỏe yếu nhiều nên không dạy học trò may nữa. Thời gian này, cô được người cậu láng giềng là liên hữu Trần Công Danh giảng giải về Tịnh Độ và đem kinh sách trao cho cô xem.

Kể từ giờ phút ấy, cô bắt đầu tinh chuyên nỗ lực niệm Phật không xao lãng và tha thiết nguyện sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Từ Phụ A Di Đà.

Đến ngày 4 tháng 8 năm 1978, bệnh lần chuyển nặng làm cho bác Bảy Biệp nhà bên cũng rất lo ngại nên thường qua nhắc cô ráng nhớ niệm Phật.

Cô nói với các di rằng:

- “Lúc này con cần được yên tĩnh để niệm Phật, các di đừng chớ đi đâu cho thêm cực nhọc và tốn kém. Con biết bệnh của con không thể hết được vì đây là quả báo con phải đền trả cho sạch trước khi về Tây Phương”.

Tuy nghe thế nhưng các di nóng lòng vẫn chớ cô đi chạy chữa, hết Đông y tới Tây y, bệnh vẫn không thuyên giảm chút nào.

Trong người cô đột nhiên nổi mụn độc, hành cô đau nhức dữ dội. Có người chỉ đâm con còng sống hòa với thuốc uống vô chắc chắn sẽ hết, có kẻ bảo phải cúng “tam tai” thì bệnh mới lành.

Cô nói:

- “Tôi đã nguyện trường chay niệm Phật nên thà chịu chết chứ không làm hại mạng khác để dưỡng mạng sống của mình. Còn cúng “tam tai” là dị đoan mê tín!”  
Thế nên cô nhất quyết không làm theo. Trong lúc cơ thể đau đớn cùng cực mà cô vẫn đủ nghị lực để kiên định tín tâm, quả thật ít ai có được. Cổ Đức từng khuyên:

“Quyết tu sẽ có ngày đắc quả,  
Đúng như câu vạn sự do tâm.  
Học Phật đừng quên chữ thậm thâm,  
Người bền chí sẽ tầm được Đạo.  
Lấy nhẫn nhục chịu khi khảo đảo,  
Đem giới răn để bảo vệ lòng.  
Việc khó khăn và lúc gai chông,  
Đủ nghị lực với lòng tin tưởng.  
Cảnh xung quanh có nhiều ảnh hưởng,  
Đừng để cho ép uổng được mình.  
Trí huệ đem xem xét tận tình,  
Thiền định lấy ra bình tâm địa.  
Bao nhiêu đó biết lo trau tría,  
Thì đường tu không ngã nửa chừng.  
Chỉ một đời đủ chứng Phật Thành,  
Đâu cần phải xả thân nhiều kiếp.”  
CHUYỆN VĨNG SANH Ở VIỆT NAM

Thấy tình hình nguy ngập, các dì đưa cô đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Bác sĩ chẩn đoán là bị “Ung thư tử cung” cần phải phẫu thuật, cô nói với các dì:

- “Con muốn yên tĩnh để niệm Phật chứ không muốn tâm trí mình bỗng nhiên mờ mịt vì bị chích thuốc mê như kẻ không hồn, làm sao còn nhớ niệm Phật được, xin các dì đưa con về!”

Cuối cùng, các dì phải chấp thuận đưa cô về.

Đến ngày mùng 8 tháng 8 năm 1978 bệnh trở nên trầm trọng, cô mệt nhiều, khi đi phải có người dìu. Khuya cô ngủ thiếp đi, mộng thấy Đức Phật A Di Đà hiện đến bảo rằng:

- “Số con đến bây giờ đã hết nợ ở thế gian, con ráng trì tâm niệm Phật trong vòng 3 ngày nữa, Ta sẽ đến rước!”

Cô mừng quá, lay Phật rồi giựt mình thức dậy, sức khỏe cô tự dưng bình phục lại như thường. Cô lau mình, rồi đi dâng hương lễ bái, lòng tràn đầy hoan hỉ, câu Phật hiệu chẳng rời.

Sáng ra, cô kể lại với các dì về điềm mộng đã gặp vừa qua.

Cô tin chắc Phật sẽ rước mình, nên cô dặn các dì lúc hộ niệm đừng khóc lóc, đừng tỏ ra bịn rịn trong khi cô bỏ xác và còn nhiều điều thuộc phạm vi gia đình như: bố thí, phân tán của cải riêng của cô và việc chôn cất...

Bà con hàng xóm nghe tin cô sắp được vãng sanh, rủ nhau đến hộ niệm và cầu an càng lúc càng đông. Họ ở hết đêm này đến đêm khác để quyết lòng thấy cho được giờ phút vãng sanh của cô.

Thế rồi trong đêm thứ ba, sau khi cầu an xong, cô trở nên tỉnh táo lạ thường, cô ngồi dậy cảm ơn hết mọi người. Vì thế có một số đồng anh chị em nghi là cô chưa vãng sanh nên lần lượt ra về, chỉ còn mấy người dì túc trực mà thôi.

Khoảng 12 giờ khuya, bác Bảy nhà cạnh bên có qua thăm thì thấy cô nằm nghiêng bên phải, hơi thở đều đều, ngỡ là cô đang ngủ nên trở về nhà.

Kế đó, em cô vì mệt nên định vào thăm lần nữa rồi đi ngủ. Nhưng khi hé mùng thì thấy cô nằm ngay thẳng, hai tay chắp vào ngực, mắt nhắm, vẻ mặt vui tươi, bèn sinh nghi nên rờ thử thì mạch đã hết nhảy, nhưng toàn thân hãy còn ấm, không dám động dậy nhiều, liền báo tin cho Bác Bảy hay để hộ niệm. Lúc ấy 0 giờ 25 phút ngày mùng 10 tháng 8 năm 1978, vì có chuẩn bị trước nên ai cũng lo niệm Phật chứ không khóc lóc thở than.

Trong lúc đó, trên hư không có đạo hào quang sáng rực xẹt xuống nhà cô, bà Hân và rất nhiều người ở xóm xem thấy, bà rất đỗi ngạc nhiên và bà quả quyết chắc chắn rằng:

-“Cô Mọn chắc được Phật rước!”

Vì vào mùa nước nổi, có rất nhiều người đang giăng câu, giăng lưới ở ngoài đồng nhìn thấy ánh sáng, ánh sáng lớn quá nên họ ngỡ là nhà cháy.

Mọi người hộ niệm đến 6 giờ sáng, bác Bảy mới khám nghiệm thì các nơi trong cơ thể đều lạnh hết duy có đánh đầu hấy còn nóng. Cô hương dương được 28 tuổi. Sau khi chứng kiến sự vãng sanh của cô, bà con nam nữ quanh vùng đã phát tâm ăn chay niệm Phật tu hành rầm rộ.

*(Thuật theo lời của liên hữu Thiện Hảo, Bác Bảy Biệp và chư đồng đạo)*

## **7. Ông Trần Văn Cón (1923 - 1997)**

Ông Trần Văn Cón sinh năm 1923. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Ba, thân mẫu là cụ bà Hồ Thị Bảy. Ông có cả thầy là sáu anh chị em và ông đứng thứ Sáu trong gia đình.

Chỗ ở di dời nhiều lần: Xẻo Cách, Xẻo Ổi, cuối cùng định cư tại Kinh Mới thuộc ấp Thạnh Hưng I, xã Trung Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Năm 20 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Thập, sinh được hai trai, năm gái, nghề nghiệp là làm ruộng.

Tính tình ông chất phác, hiền từ, cần mẫn, nhẫn nhường, chưa từng nóng giận. Khi con cháu trong nhà có lỗi lầm, ông khuyên nhắc chỉ dạy bằng lời lẽ dịu ngọt từ hòa, đối với xóm riềng chưa hề mất lòng một ai. Vì thế, ông được mọi người kính mến.

Ông biết đến Phật Pháp rất sớm, ăn chay mỗi tháng sáu ngày, mỗi năm ba tháng và ngồi niệm Phật 30 phút sau mỗi thời lễ bái sáng chiều.

Tháng 6 năm 1987, qua một cơn bệnh nặng, nhằm ngày mùng 2 thấy ông vẫn còn dùng chay, bà vợ liền hỏi:

- “Bữa nay không phải ngày chay, sao ông vẫn còn ăn?”

Ông đáp:

- “Tui đã quyết định dùng trường chay rồi!”

Từ ấy trở đi, ông càng tin sâu vào bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, một lòng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ:

“Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,  
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”

Cụ thường khuyên nhủ mọi người cố gắng làm lành lánh dữ, chăm lo niệm Phật trong mọi oai nghi: “Đi đứng nằm ngồi không đợi gì thời khắc”. Thêm vào đó là phải:

“Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp,  
Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà.  
Nhớ từ bi hai chữ ngậm nga,  
Dầu làm lụng cũng là trì chí.”

Thật hành như vậy kiên trì đừng lui sụt tất sẽ đạt kết quả chắc chắn sẽ vãng sanh.

Kể từ lúc phát tâm trường chay, công phu của ông tăng lên ba thời trong ngày, thời gian ngồi niệm Phật cũng tăng gấp đôi. Ông rất thường đọc sách nhưng chuyên nhưt quyển “Khuyến Thiện” và quyển “Cách Tu Hiền Và Sự Ăn Ở Của Một Người Bồn Đạo”. Đặc biệt là ông đọc tới đâu làm tới đó và khuyến bảo mọi người cùng làm. Có lần nọ, ông ra vườn, thấy có người lên đôn chuối, ông âm thầm núp kín, chờ họ vác đi rồi ông mới quay vào nhà.

Ông có cô con gái thứ Năm, sống độc thân chuyên tu ở cốc gần bên nhà, mỗi tối hay qua ngồi gần chiếc võng ở nhà trước hàng ba mà ông đang nằm. Ông thường nói:

- “Con ráng lo tu hiền, niệm Phật quyết định chắc chắn được vãng sanh. Cả đời ba lo làm ăn xem kinh sách ít hơn con... Ba thấy con cái gì con cũng được, chỉ còn một chút xiu chưa được!”

Cô Năm hỏi:

- “Còn cái gì chưa được, thưa Ba?”

Ông đáp:

- “Còn nóng quá! Con ráng nguội lạnh lại. Nóng giận dễ thất bại lắm con ơi!”

Cô nói:

- “Mình tu thì mình phải ráng khắc phục! Trời sanh bản tánh con như vậy, để con sửa từ từ, chớ dứt một lần một, con làm hồng có nổi!”

Quả thật, tai hại của sân giận vô cùng ghê gớm “đôn củi ba năm đốt một giò”. Cổ Đức đã từng bảo:

“Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng.  
Nồi lôi đình đâu có định chùng,  
Cho ta biết mà toan giữ trước.  
Tánh sân nộ thường làm bạo ngược,  
Nên loài người ở cõi thế gian.  
Giận hờn nhau thù oán đầy tràn,  
Mới có cuộc tranh tài đấu lực.  
Hơn tự đắc, khoe khoang đồng sức,  
Phải bị người hiềm khích ghét ganh.

Thua hổ ngươi làm chuyện bất lành,  
Gây nghiệp dữ oan oan tương báo.  
Trong cơn giận kẻ gì nhờn đạo,  
Tỷ như con cọp dữ trên rừng.  
Gặp thịt toan cầu xé tung bưng,  
Phân từ mảnh mới là thỏa dạ.  
Diệt được nó tâm trần thông thả,  
Ta thường nên tập tánh khoan dung.  
Thiệt hành đi đừng có ngại ngừng,  
Tha thứ kẻ lỗi làm ngu xuẩn.  
Và nhẫn nhịn đừng ham tranh luận,  
Khỏi mất lòng tất cả mọi người.  
Tánh thuần lương về mặt vui tươi,  
Vây mới đáng tin đồ Phật Giáo.  
Nay ta đã quy y cầu Đạo,  
Gây gổ là trái thuyết từ bi.”

Công phu hằng ngày của ông âm thầm và đều đặn trải suốt mười năm không lúc tạm dừng. Ông rất ít giao tiếp, ít đi lại, chuyên cần chí tâm trì niệm. Thỉnh thoảng, cũng có khuyến tấn về Tịnh Độ cho một số bà con ở Bắc Vàng hoặc các bạn đạo thân quen.

Vào tháng chạp năm 1996 ông nhiễm bệnh nặng, được bác sĩ Bệnh Viện Đa Khoa An Giang chẩn đoán là “Ung thư gan”, không còn chữa trị kịp nữa và không cho nhập viện. Còn nói mạng sống của ông chỉ còn một tuần nữa thôi.

Thân nhân liền đưa ông về nhà đặt bàn cầu nguyện. Trong lúc cầu nguyện, có người đề nghị nên đưa ông đi Bệnh Viện Thanh Bình ở Bắc Năng Gù vì nơi đó chuyên trị về gan. Gia đình bèn y theo.

Chiều ngày 15 tháng 12 năm 1996, đến nơi lương y khám bệnh xong cũng xác định là ung thư gan, và cũng không cho nằm viện. Người rẻ thứ Tư của ông năn nỉ và yêu cầu xin nghỉ tạm nơi đây qua đêm vì đường xá quá xa xôi, trời đã tối không còn về kịp. Đồng thời, uống thuốc may ra có thuyên giảm hay không.

Sáng hôm sau, bệnh ông có phần thuyên giảm, thế là ông được nằm viện. Mười ngày sau, thầy thuốc cho về vì thấy ông đã đỡ rất nhiều, mang thuốc về sắc uống tiếp.

Trong thời gian này sự dụng công của ông càng thêm khẩn thiết. Đau ít thì ông niệm Phật thầm, đau nhiều thì ông niệm ra tiếng, càng đau dữ dội chừng nào thì ông càng niệm lớn chừng nấy. Vì thế, người nhà muốn biết ông đau nhiều hay đau ít thì chỉ cần theo dõi tiếng niệm Phật của ông là biết ngay.



Mãi uống thuốc cầm cự dần dần khỏe ra, lúc này ông có thể đi thăm ruộng được. Đặc biệt là ông cứ chằm chằm lo niệm Phật, ít nói chuyện, trừ những lúc khuyên nhắc các con cố gắng tu hành, hoặc khi bàn luận Phật Pháp với chư bạn đạo.

Đến cuối tháng 7 năm 1997 bệnh trở nặng, uống thuốc không còn hiệu quả nữa. Sức khỏe suy sụp rã rệt, không còn ăn được chỉ uống một ít sữa, các con ông bắt đầu túc trực lo hộ niệm.

Ngày 29 tháng 7 năm 1997, ông bảo con đi mời đồng đạo đến cầu an và hộ niệm cho ông ba đêm.

Sau ba đêm cầu an và hộ niệm đã xong xuôi. Sáng ngày mùng 2 tháng 8 năm 1997, tất cả thân nhân ở xa và bạn đạo từ già ra về. Về chưa bao lâu, ông mở mắt ra hỏi cô Năm, biết được sự tình, ông liền bảo:

- “Thôi! Con chạy theo mời mấy anh em đồng đạo trở lại đây đi, cho Ba nói đôi lời từ già, chiều nay Ba theo Phật!”

Cô ngần ngừ, ông hỏi thúc thêm một lần nữa cô mới chạy đi, lòng thì luôn phập phồng lo lắng, vì thấy rằng Ba mình tu hành bình thường quá mà... đâu có điểm gì nổi bật đâu. Hơn nữa, ông còn tỉnh táo và khỏe quá, ai cũng nhận định như vậy cả, vậy thì làm sao chết được!

Khi đuổi theo kịp nhóm liên hữu Hai Bồn, Ba Long... cô lặp lại lời Ba mình và nói thêm:

- “Ba tui đã nói như vậy. Thôi! Các anh quay lại ngồi chơi với Ba tui một chút, cho ông vui!”

Lúc mọi người tề tựu đông đủ con cháu thân thuộc và đồng đạo, có cả hai ông sui trai, đồng đạo Hai Bồn dùng tay nhấn nút chiếc máy ghi âm vừa mới mượn được, rồi cất tiếng hỏi:

- “Chú Sáu! Chú nói chiều nay chú về Phật, chú kêu mấy đứa con trở lại để cho chú nói lời từ già! Mà có thiệt như vậy không?”

Ông đáp:

- “Ừ! Đúng như vậy!”

Hai Bồn lại hỏi:

- “Chú nói chiều nay chú về Phật! Mà lý do làm sao chú biết chú về Phật? Đức Phật, Đức Thầy báo cho chú biết ha gì?”

Ông đáp:

- “Đức Phật, Đức Thầy không có báo cho chú trực tiếp, mà chú tin tưởng vào sự liễu đạo của mình! Thành ra chú nói chú về Phật. Là 4, 5 giờ chiều nay chú sẽ về Phật!”

Cô con gái thứ Năm đến khêu nhẹ Hai Bồn nói nhỏ:

- “Thôi! Anh Hai ơi! Đừng có thâu! Ba tui nói vậy mà lỗ hồng có, người ta cười chết!”

Hai Bồn đáp:

- “Có hay không gì thì tính sau! Tui giữ mà. Hồng sao đâu!”

Anh liền quay sang qua bên ông, hỏi tiếp:

- “Thông thường, người ta trước khi ra đi thường quyển luyện nhà cửa, vợ con... Còn chú trước khi ra đi thì như thế nào? Chú nói cho mấy đứa cháu biết coi!”

Ông liền mỉm cười rồi đáp:

- “Muôn sự vẫn hườn không! Chú ra đi không còn quyển luyện gia đình vợ con gì hết, cháu ơi!”

Hai Bồn hỏi thêm:

- “Vậy chú có nhắn nhủ gì với vợ con thân quyến ở lại điều gì không?”

Ông đáp:

- “Có! Chú nhắc nhở vợ con, thân quyến và mấy cháu ở lại ráng lo tu hiền, chăm chỉ niệm Phật, để nữa mình sẽ gặp nhau ở Tây Phương Cực Lạc. Mấy cháu hằng ngày ráng gìn giữ giới luật và ráng khuyến khích rộng ra cho mọi người biết thức tỉnh tu hành nghen mấy cháu!”

Hai Bồn nói:

- “Chú nói 4, 5 giờ chú mới đi! Thì thôi, dác này tụi con về! Chiều còn đi đám làm tuần, khoảng 2 giờ tụi con vô với chú!”

Ông đáp:

- “Ừ!”

Khi đồng đạo lần lượt ra về hết, lúc ấy gần 10 giờ trưa, cô Năm mới nói với ông:

- “Thôi! Bây giờ, con nấu nước tắm gội và thay quần áo cho Ba sạch sẽ nghen!”

Ông chấp thuận:

- “Ừ! Con tắm gội và thay quần áo cho Ba đi! Đúng 2 giờ chiều nay là Ba đi đó!”

Con ông giật mình, liền hỏi:

- “Hồi nãy sao Ba hứa với mấy anh là 4, 5 giờ chiều kia mà?”

Ông đáp:

- “Nói thì nói vậy! Chớ đúng 2 giờ là Ba đi! Chớ hông có 4, 5 giờ đâu!”

Sau khi tắm rửa xong, các con đứng xung quanh niệm Phật với ông. Đến 1 giờ 55 chiều, ông bảo con đỡ dậy để trình ngôi Cửu Huyền. Người con gái thứ Bảy và người con trai út đồng đỡ ông dậy. Ông nhìn lên bàn thờ Cửu Huyền, rồi chậm chậm đưa mắt chuyển lên ngôi Tam Bảo, luôn nhép môi niệm Phật, giây lát khép hai mắt lại, hai tay xuôi theo thân mình, hơi thở chậm lại. Các con đỡ ông nằm xuống, ông tự sửa tay chân, rồi an tường trút hơi thở cuối cùng, không lộ một nét gì là thông khổ cả. Nhìn lại đồng hồ vừa đúng 2 giờ chiều, nhằm ngày mùng 2 tháng 8 năm 1997. Ông hưởng thọ 74 tuổi.

Sau sáu giờ hộ niệm, khám nghiệm tử thi thì thấy đỉnh đầu hầy còn ấm trong khi các nơi đều lạnh hẳn. Đặc biệt là gương mặt hết sức tươi- vui- sáng- đẹp lạ thường, các khớp xương mềm mịn. Rất nhiều người trong thôn chứng kiến sự vãng sanh của ông mà phát tâm trường chay tu hành rất đông.

*(Thuật theo lời Nguyễn Văn Mạnh, rể thứ Tư và cô Năm Phước, con gái của ông)*

## **8. Cụ Trần Văn Nghi (1926 – 2007)**

Cụ Trần Văn Nghi sinh năm 1926, cư ngụ tại ấp Thạnh Phước I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (nhà đối diện chùa Tây Lâm Phước, tại đầu vàm rạch Xẻo Luông).

Ông tính tình thuần hậu, chất phác. Thuở thiếu niên noi theo cổ tục để búi tóc bới. Đến tuổi trưởng thành, lập gia đình với bà Nguyễn Thị Tỏ, sanh được bảy người con, sáu trai, một gái.

Vào các ngày rằm và 30 âm lịch, ông thường xuyên tham gia các công khoá của chùa, đặc biệt là trọng lễ rằm ngươn vì cha vợ là ông “tù” của chùa Tây Lâm Phước.

Lúc hàn vi, ông sinh sống bằng đủ thứ nghề: làm mướn, hớt tóc... có thời gian đi làm sở Mỹ.

Mãi đến năm 1965, ông vào Cờ Đỏ mở đất lâm khoảng 100 công tâm điền. Thời gian này ông giao thiệp rộng rãi, có uy tín lớn cả một vùng nơi ông canh tác.

Trong trại luôn có sẵn rượu. Đồng ruộng bấy giờ rất phong phú chim, cá, rắn, rùa... hễ lính bắt quân dịch, lần nào đi ngang qua chỗ ông là ông mời lại cho nhậu say rồi thả hết. Sức ký ức của ông rất tốt, nhớ nhiều bộ truyện Tàu như Tây Du Ký... khi kể giọng điệu lưu loát trôi chảy giống như đang cầm bản đọc, cả những câu thi bài thơ trong đó, vẫn không hề lộn thiếu một chữ.

Vào những thập niên 70 trở về trước, phương tiện giải trí ở nông thôn hầy còn thô sơ ít ỏi, ngay cả máy thu băng casset vẫn chưa được phổ biến rộng rãi. Những khi trong nhà có đám tiệc,

người ta hay mời ông đến kể chuyện nhất là vùng sâu vùng xa. Các bà nội trợ phải tranh thủ xách gọt để bu quanh ngọn đèn măng-xông sắp lớp ngồi nghe.

Sau năm 1975, ông về nhà cùng bạn bè “Sáng xin chiều say, tối xách chai mua rượu”.

Đến năm 1979 đêm nọ, ông nằm mộng thấy có một tàu dừa khô rụng nhưng còn dính một tí treo tòn ten trên cao. Chợt ông nhớ lại câu:

“Cư trần bất nhiễm là người Thánh”

Không biết ông hiểu lời Thánh huấn đó như thế nào mà sáng ra liền bảo với bà vợ:

- “Bà à! Sáng nay đi chợ bà sắm cho tôi một khúc vải đen để may bộ đồ bà ba, và mua tương chao tôi ăn chay luôn nhé bà!”

Lúc này trong gia đình, chỉ có bà và người con trai thứ Tư là dùng chay trường.

Thời điểm này, các liên hữu Thiện Hào, Tư Đậm... thường xuyên ghé thăm, giảng giải Phật Pháp, nhất là pháp môn Tịnh Độ, mà căn bản vẫn là tín nguyện trì danh sớm cầu vãng sanh An Dưỡng Quốc, để thoát vòng sinh tử luân hồi.

Hay tin ông phát tâm tu bà con lối xóm ai cũng ôm bụng cười, không cười là không được!

Ông thường xuyên đọc, học kinh điển đại thừa, nhất là Pháp Bảo Đàn Kinh cũng như thuộc lòng những tác phẩm của ông Thanh Sĩ.

Công phu thường nhật của ông là ba thời lễ bái, lấy trì danh cầu sanh Tịnh Độ làm cương yếu.

Khi các con đã yên bề gia thất, ông giao phó hết mọi chuyện gia đình để rộng thời gian chăm lo tu hành và chuyên lo các hoạt động công ích xã hội.

Ông thường đi làm trưởng tộc nói lễ cho rất nhiều đám tiệc cưới hỏi cho bà con xa gần, và thường xuyên đi thăm liệm người chết dù nửa đêm nửa hôm, dù gió mưa giông bão.

Ông còn đóng góp công sức thu gom gạo cho Hội Từ Thiện của bệnh viện huyện Thốt Nốt để nấu cơm, cháo cho các bệnh nhân nghèo.

Ngoài ra, ông thường đi làm tuần cầu nguyện khắp nơi trong vùng, những mong đem tâm thành chí nguyện của mình để hồi hướng công đức cho những người quá vãng.

Dòng đời như một dòng sông có lúc êm ả trôi, đôi khi cuộn trào thác lũ, thuận và nghịch luôn đan xen nhau là điều tất yếu của duyên cảnh thường tình, mà bất cứ một hành giả nào cũng phải đón nhận trên con đường hướng đến Bồ Đề.

Muốn cho sinh hoạt thuận tiện với đời sống tu tập, các con của ông đề nghị cất riêng một cái thất gần nhà để cho ông có một không gian yên tĩnh thích hợp cho công khóa hành trì, dù đã nhiều lần bàn tính như thế nhưng ông nhứt quyết khước từ.

Vào khoảng năm 1995, cô con dâu thứ Út là Bồ Tát thứ thiệt khảo nghiệm ông. Rốt cuộc định lực và trí lực của ông hãy còn thiếu bực chưa đủ sức đương đầu với chướng ngại bủa vây nên đã ba bốn lần phiền não, ông bỏ nhà ra đi. Sau đó, ông vui vẻ đối diện nhận chịu.

Mặt khác, tập khí tranh luận vẫn âm thầm không chế ông, mỗi lần gặp các bạn đạo để trao đổi, ông xô thật nhiều... thật nhiều... những kinh giảng mà mình đã thuộc, đặng người nghe bội phục tài năng.

Đồng thời, lắm lúc ông uống bia, khi các huynh đệ khuyên can thì ông bào chữa cho rằng giới chỉ cấm rượu chớ bia thì không có!!!.

Khi tuổi hạc dần dần lên cao, thể lực ngày một suy kém, mỗi lần nạp bia là mỗi lần vật vã có khi phải chở đi bệnh viện. Vừa đau đớn vừa bị con cháu cản nhắc nên ông mới mạnh dạn rút bỏ hẳn thói quen nghiện ngập này và đêm ngày khẩn thiết niệm Phật nhiều hơn, chuẩn bị chu đáo cho chuyên ra đi cuối cùng của cuộc đời. Như lời khuyên nhủ của Cổ Đức :

“Đường đạo pháp keo sơn gắn chặt,  
Phải anh hùng thẳng giặc trong tâm.  
Những gì đã thấy sai lầm,  
Liền chừa ngay chớ để làm dây dưa.  
Việc đáng chừa rán chừa cho được,  
Tội lỗi bao cũng chuộc được ngay.  
Con ơi! Kẻ ở trần ai,  
Tỉnh con mê được phải đây khó khăn.  
Phật xưa cũng trong hàng sanh chúng,  
Nhờ quyết tâm mà thẳng con mê.  
Tâm không nhất quyết một bề,  
Ngôi xưa vị cũ khó về ở con!”

Những tháng trước giờ lâm chung, ông buông bỏ vạn duyên chuyên tâm niệm Phật càng lúc càng nhiều hơn, càng lúc càng tha thiết hơn, suốt ngày ông thường nằm trên chiếc võng treo ngoài vườn yên vắng.

Sau đó, ông sắp xếp tươm tất mọi việc như: viết di chúc để lại, thu dọn kinh sách có ngăn nắp...

Khoảng bốn, năm ngày trước vãng sanh, ông có nói với người con thứ Ba rằng:

- “Tao thấy Phật xuống rước tao, mà rước ở hàng ba trước nhà!”

Nhưng anh này chẳng mấy lưu ý, nghe rồi thôi chứ không hỏi điều gì thêm.

Sáng ngày mùng 8 tháng 8 năm 2007, cũng như thường nhật, ông xuống chợ uống cà phê, đàm đạo cùng bạn bè xong về nhà dùng cơm, rồi xem ti vi một chút, lại quay sang nựng cháu, kể đó lên võng ở hàng ba trước nhà nằm nghỉ, trì niệm.



Bà đến gần hỏi:

- “Ông ăn mít hông? Tôi lột cho ông ăn!”

Ông trả lời:

- “Tôi hông ăn!” (vì mới vừa dùng com xong).

Thế là bà cầm miếng mít đi vào nhà lột ăn một mình.

Bà ăn được vài múi gì đó, xong rồi trở ra thì thấy ông đã ra đi từ lúc nào không hay, xem lại đồng hồ vừa đúng 11 giờ trưa. Ông hưởng thọ 81 tuổi.

Trong khi chờ đợi thân quyến tề tựu đông đủ, hộ niệm qua 6 giờ sau, chú Út Be mới khám nghiệm thân thể, từ dưới chân dài lên, các nơi đều lạnh, duy có đánh đầu còn ấm, chú vô cùng kinh ngạc lẫn mừng vui. Chư liên hữu cũng đều rộn rã niềm vui.

*(Thuật theo lời liên hữu Xệ, Thiện, Cường)*

## **9. Ông Nguyễn Văn Hai (1875 - 1973)**

Ông Nguyễn Văn Hai, tục gọi là ông Hai Núi Cẩm, quê ở Bình Hòa 1, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ông Hai lập gia đình, sinh sáu người con, đều là gái cả. Ông có đức tính điềm đạm, chân thật và thích giúp người.

Khi 62 tuổi, bà Hai qua đời. Ông thường đọc kinh sám, nhận thấy đời người ngắn ngủi giả tạm, kiếp sống vô thường, có sinh tất có diệt, nếu không sớm tỉnh thức tu hành, thì tử thần đến phải gánh lấy khổ đau và tiếp nối tử sinh theo bánh xe luân hồi vô cùng vô tận. Do đó, ông quyết định ly gia vào non Thiên Cẩm Sơn một bề lo phần tu niệm.

Suốt thời gian sống ở núi Cẩm 29 năm trời đặng đặng, ông Hai chuyên tu Tịnh Nghiệp, sớm tối lễ Phật, trì niệm sáu chữ Vạn Đức Hồng Danh, thiết tha cầu sanh Cực Lạc. Khi tọa niệm an nhàn, lúc nghiên tâm kinh kệ. Nếu có ai viếng non không biết đường ông phát tâm dẫn hộ. Ngoài ra, ông Hai còn có một đức tính rất đặc biệt, là ông không hề tìm nói những lỗi của người, mà lúc nào cũng xét sửa lỗi mình nên ai ai cũng đều kính mến.

Ngày qua ngày mau chóng, khi ông Hai 91 tuổi, các con xin ông trở về Cái Dầu để tiện bề chăm sóc. Bởi tuổi già sức yếu, thường sinh bệnh hoạn, ông cũng tự thấy mình ở núi non đơn chiếc khó khăn nên ông về Bình Long, ở nhà người con gái thứ Hai vì cô này cũng trường chay niệm Phật.

Năm 94 tuổi, ông thấy trong người yếu dần, có lẽ thấy mình sắp sửa bỏ xác nên một hôm, cháu của ông là cô Trịnh Thị Liễu đến thăm và cũng có đủ mặt các con của mình, ông nghiêm nghị nói:

- “Cháu Liễu à! Hôm nay có đủ mặt các cô của con đây. Ông Hai hỏi con nè! Con có thương ông Hai không?”

Cô trả lời:

- “Dạ! Thương!”

Ông nói tiếp:

- “Ồ! Nếu thương thì y lời dặn của ông. Bây giờ, ông còn bình tĩnh sáng suốt lời nói của ông là chân thật ngữ. Các con cháu đã biết chí nguyện của ông, đó là: sống thì giữ giới tu hành; chết thì vãng sanh Cực Lạc. Chứ không có con đường nào khác cả. Nếu lỡ khi nào bệnh nhiều, ai xúi dùng đồ mặn, dù đó là thuốc tiên con cũng khuyên mấy cô của con đừng cho ông uống nữa nghe con! Còn nếu lúc ông lỡ mê không biết, mà con cháu đồ đồ mặn thì khi biết được, ông cũng tự tử mà chết. Còn nếu nghiệp quá nặng nề mà ông đòi ăn bậy bạ thì các con cháu cứ chôn sống ông đi! Chứ đừng chịu theo. Vì đó là ma nói chứ không phải ông nói, lời nói đó là tà ngữ chứ không phải là chánh ngữ nghe con!”

Ông sợ các con ông thương cha trong tình thương mê muội thế gian mà phá hoại trai giới của mình. Mà các con cũng phải trả quả sau này.

Đến ngày 14 tháng 06 năm 1973, ông kêu các con cháu lại rồi dặn dò hậu sự, khuyên nhắc tu hành.

Tới khuya, khoảng 3 giờ ông bảo cô Hai dâng hương đèn các ngôi thờ, rồi đưa cho ông 3 cây hương và 1 cây đèn cầy, còn các con cháu thì mỗi người 1 cây hương, cùng nhau đồng thỉnh niệm Phật. Niệm được một lúc, ông Hai niệm lớn Nam Mô A Di Đà Phật, mỗi niệm ông xá một xá, niệm 3 lần, xá 3 xá rồi qua đời. Ông hưởng thọ 94 tuổi, nhằm ngày 15 tháng 6 năm 1973.

Lúc đó, các nhà lân cận cũng thức sớm làm bánh để đi chợ bán. Họ thấy ánh sáng lạ, không biết điềm gì, chạy ra xem thì thấy ánh sáng từ hướng Tây bay đến nhà ông Hai. Họ vô nhà thì thấy ông Hai vừa tắt thở nên đồng quỳ xuống đánh lễ ông.

Bây giờ cô Hai, người con lớn của ông cản lại nói:

- “Xin bà con đến lạy Phật! Chứ đừng lạy cha tôi! Cha tôi xác phàm, quý vị lạy tổn đức cha tôi, tội nghiệp!”

Họ bèn nói:

- “Không đâu! Ông Hai đắc đạo rồi, xin cô cho chúng tôi lạy để gieo duyên với ông!”

Cô Hai hỏi:

- “Sao quý vị biết cha tôi đắc đạo?”

Họ đáp:

- “Còn gì nữa mà không đắc đạo! Khi ông Hai mất, hào quang hiện sáng cả vùng. Chúng tôi thấy vậy mà không biết đi tìm gì, cùng nhau chạy lại đây mới hay ông Hai mất đó!”

*(Thuật theo lời cô Trịnh Thị Liễu)*

## **10. Ông Nguyễn Từ Tâm (1912 - 1972)**

Nguyễn Từ Tâm sinh năm 1912, nguyên quán tại ấp Bình Hưng II, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Cha là Nguyễn Văn Tú, mẹ là Lê Thị Hạnh. Song thân đều mất sớm, tục danh thường gọi là ông Hai Chư. Đến khi trưởng thành, ông lập gia đình, sinh được một người con là Nguyễn Thị Nhuận.

Vì thức tỉnh cuộc đời giả tạm, kiếp sống không lâu, vui ít khổ nhiều thiên tai nhân họa, bệnh lão hành thân, nên ông quá chán ngán cho kiếp phù du, phát tâm Bồ Đề bèn ly gia hành đạo.

Ông vào chùa Từ Quang, chuyên lo tu niệm, chùa này cũng ở xã Bình Mỹ, nơi ông cư trú.

Ông có đức tánh chân thật, hiền lành, hòa ái, vui tươi nên từ lớn chí nhỏ, từ các bạn đồng tu trong chùa cho đến ngoài thôn xóm, từ gần đến xa, ai ai cũng đều cảm mến.

Ông hành trì giới luật tinh nghiêm, trường chay chính chắn, chơn chất tu hành, thiết tha trên con đường giác ngộ giải thoát.

Sau một thời gian nghiên cứu tận tường Phật Pháp, trao đổi giáo lý với các bậc cao minh cùng quý thiện tri thức, ông quyết định chọn pháp môn Tịnh Độ làm nơi quy hướng. Có người hỏi:

- “Tại sao huynh lại chọn pháp môn Tịnh Độ để tu?”

Ông đáp:

- “Sở dĩ tôi chọn pháp môn này để tu là bởi vì pháp môn này dễ hành, dễ thành. Vấn đề tri danh niệm Phật ai cũng làm được: “Sáu chữ nam Mô A Di Đà Phật: đi đứng, nằm, ngồi rảnh niệm chớ quên không đợi gì thời khắc...”.

Hơn thế nữa, tu môn Tịnh Độ ngoài vấn đề tự lực ra, chúng ta còn được điểm phúc nhờ đến phần tha lực rất nhiều, do 48 lời đại nguyện của Đức Từ Phụ A Di Đà. Từ xưa đến nay, đã có vô số người đời nghiệp vãng sanh. Điều đó đủ để hùng biện chứng minh rằng lời đại thế nguyện của Đức Phật A Di Đà là chơn thật ngữ vậy! Bao nhiêu sự tích từ xưa đến nay, đều đã được vãng sanh là động cơ mãnh liệt, giúp cho chúng ta thêm niềm tin sâu đậm về pháp môn này.

Còn thời gian tu chứng thì nếu ai thiện căn sâu đậm có thể đắc tam muội hiện tiền, còn chậm hơn thì cũng:

“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc,  
Hưởng công niệm Phật rất yên lành!”

Tóm lại, dù căn cơ thế nào, dù nhanh hay chậm gì cũng:

“Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng  
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”

Do tham khảo rõ ràng, suy nghiệm kỹ càng minh bạch nên tôi quyết định chọn pháp môn Tịnh Độ này để tu.”

Đức hiền của ông không riêng chỉ cảm hóa nhiều người kính mến, mà luôn đến loài vật cũng cảm ái vô cùng.

Như có một mùa nước nọ, nơi cây cầu tắm rửa, ở ngang hông chùa phía Đông Bắc, có một con cá lóc lớn độ nửa cân thường nằm ở đây. Vì nước trong dễ thấy, ông Từ Tâm thấy cá lóc dạn quá, dễ thương, bèn lấy tay sờ thử, cá cũng không chạy tránh. Kể từ đó, ông dùng tay nâng nó lên khỏi mặt nước cho người xem, cá vẫn nằm im không giẫy giụa, rồi ông thả cá về nước.

Tin này được đồn lan, khách đến viếng chùa từ nhỏ tới lớn đều yêu cầu ông Hai bắt cá cho xem. Ông đến cầu lấy tay búng mặt nước vài cái và gọi:

- “Lóc! Lóc! Lóc!”

Lóc liền nổi lên, ông dùng tay nâng cá lên cao cho mọi người xem.

Ai nấy trầm trồ:

- “Ngộ quá! Thật ngộ quá!”

Ở phía Tây Nam chùa có cây phượng vĩ to cao, hoa khá đẹp và nhiều cây vú sữa cành lá sum xuê. Chiều nào cũng có các đàn chim bay về để ngủ, trước khi ngủ nó reo vang, như đàm thoại cùng nhau rất lý thú, nhất là các chú chim sẻ. Thấy có một con chim đậu thấp ông Từ Tâm bèn lấy tay sờ thử, nó vẫn không bay.

Ngộ thay! Loài thú cầm nó cũng có linh tánh, biết người hiền nên vẫn an nhiên không sợ sệt.

Ông Từ Tâm vẫn thường hay bệnh hoạn nhưng không nhiều chi lắm, có lần cô Út Đồng đến hỏi:

- “Thưa huynh Hai! Sao mỗi lần tôi đến viếng chùa, đều thấy huynh đội khăn choàng hầu. Bộ ít khi nào huynh mạnh lắm hả huynh Hai?”

Ông đáp:

- “Tôi ít khi nào mạnh lắm cô à! Nhưng thường đau thì không có gì nặng lắm. Tôi nghĩ đó là do nguyện của tôi từ lúc mới phát tâm tu!”

Cô Út hỏi:

- “Huynh Hai nguyện như thế nào?”

Ông đáp:

- “Tôi nghĩ ai cũng có nghiệp, không nhiều thì ít. Có vay thì tất có trả. Khi vay vui vẻ thì lúc trả cũng phải bằng lòng. Nên tôi nguyện nếu có trả quả thì bệnh lai rai, vừa đau nhưng cũng vừa hành đạo được, chừng nào trả hết nghiệp thì sẽ vãng sanh. Nhưng có điều, khi vãng sanh thì đừng đau ốm gì cả. Vì sợ cực khổ cho đồng đạo chăm sóc cho mình nhiều quá.”

Cô Út lại hỏi tiếp:

- “Như vậy, chừng nào thấy huynh mạnh là huynh sắp tịch phải không huynh Hai?”

Ông cười đáp:

- “Dạ! Chừng nào cô thấy tôi hồng hào, thì tôi sắp vãng sanh đó!”

Năm 1972, cô Út có dịp đến viếng chùa Từ Quang, thấy sắc thái ông Hai ra vẻ hồng hào, tươi nhuận. Cô Út hỏi:

- “Thưa huynh Hai! Độ này chắc huynh khỏe lắm hả huynh Hai?”

Ông đáp:

- “Tôi lúc này thật mạnh rồi cô ạ!”

Cô Út liền nhắc lại chuyện cũ:

- “Huynh nguyện khi nào huynh mạnh là sắp tịch! Bây giờ huynh gần tịch chưa? Thưa hiền huynh?”

Ông bèn đáp:

- “Tôi gần tịch rồi cô ạ!”

Sau khi cô Út về không bao lâu, vào mùa đông năm Tân Hợi 1972, ông đi thăm viếng người thân và đồng đạo rất nhiều. Đến đâu ông cũng tha thiết kêu gọi khuyến khích mọi người đều nên niệm Phật, hầu trực vãng Tây Phương, vì nơi ấy rất an lành và vui vẻ lắm!

Ông có đến nhà cô Năm Lý, cô này trường chay đã lâu. Ông khuyến tấn niệm Phật và trao tặng vật lưu niệm. Ân cần dặn dò:

- “Đây là vật kỷ niệm, hễ cô thấy nó là nhớ tôi nhắc niệm Phật, đừng quên nhé!”

\* Chúng tôi có ý nghĩ, chắc ông Từ Tâm đã biết được ngày tháng vãng sanh, nên ông đi thăm viếng các nơi, hình như để từ giã chứ bình thường ông ít đi đâu lắm, vì tính ông trầm tĩnh, cẩn thận nên những điều gì biết ông chẳng chịu nói ra. Chừng nghe tin ông mất chư liên hữu mới thốt lời:

- “Hèn chi bữa hôm, ông nói hình như từ giã thì phải!”

Thiều quang thấm thoát đã đến cuối đông. Đêm mùng 5 rạng ngày mùng 6 tháng chạp năm Tân Hợi 1972, có ông Như Sanh là người bạn tri âm tri kỷ ở trại cây Cần Thơ về thăm. Đôi bạn thâm tình cùng nhau đàm luận rất vui vẻ, nói chuyện cho đến khi đồng hồ báo hiệu 12 giờ khuya, ông Từ Tâm bảo:

- “Thôi chúng ta hãy trở về chỗ nghỉ vì đã đến giờ tịnh tọa!”

Mọi người đều đồng ý trở về lieu xá của mình, sáng sớm bạn Như Sanh đến từ giã để trở về Cần Thơ cho kịp giờ buôn bán. Khi đến nơi lieu xá, bước lên gác lầu thốt lời giã biệt. Không nghe đáp lại, ngỡ bạn ngủ ngon, ông Như Sanh lặp lại lớn hơn nhưng vẫn không nghe trả lời. Ông Như Sanh sinh nghi liền lấy tay sờ thử thì cơ thể cậu bạn Từ Tâm đã lạnh ngắt tự bao giờ.

Ông Như Sanh bèn cho các đồng đạo hay. Khi tề tựu đến, quan sát kỹ thì thấy ông Từ Tâm nằm dài, xuôi tay xuôi chân khỏi sửa, gương mặt vui tươi lạ thường, mền mùng xếp để gọn gàng có trật tự. Nơi cây cột vuông phía Tây có để bằng phấn mấy chữ: “Ngày 6 tháng 12 Từ Tâm tịch”

Nên nhớ rằng thời gian này ông không có bệnh hoạn chi cả. Ông hưởng thọ 60 tuổi.

#### **\*Phụ Bình:**

Xuyên qua sự đi thăm viếng thân nhân và đồng đạo.

Qua sự đề ngày tịch trên cây cột.

Qua sự sắp xếp mền mền để có trật tự và nằm xuôi tay khỏi sửa.

Qua gương mặt hân hoan kỳ diệu cộng với sự công phu tu hành chính chắn mấy mươi năm trong đời. Chúng ta có thể quả quyết rằng ông Từ Tâm đã đắc sanh Tịnh Độ, chúng ta nên mừng và nên noi gương Tịnh hạnh ấy.

Từ Tâm đứng bậc hiền  
Cảm hóa khắp láng giềng  
Thủy tộc phi cầm mên,



Sự niệm Phật cần chuyên.

\*\*\*\*\*

Cần chuyên niệm Phật ít rời,  
Công phu già giặn biết thời vãng sanh.  
Mùng sáu tháng chạp ghi rành,  
Viết rõ vào cột cho anh em tường.  
Mặt tươi như ngủ nêu gương,  
Xuôi tay nắm thẳng Tây Phương hồn về.  
Ngự nơi tọa bửu Liên Huê!

\*\*\*\*\*

Tu niệm cần chuyên mấy chục năm,  
Sĩ nhân thâm nhập pháp huyền thâm.  
Từ như khởi giác trần gian mộng,  
Tâm đặc chân truyền Quan Thế Âm.  
Gương tốt lưu đời soi mỹ hạnh,  
Hiền lành cảm hóa đến sinh cầm.  
Đáng nêu ngôn đức vàng son đẹp,  
Kính mến người xưa viết để ngâm.  
Từ bi thương muôn loại,  
Tâm đức mến vạn nhân.  
Đáng ghi trang sử đạo,  
Kính cần liền đôi vần.  
Tu môn Tịnh Độ rất chuyên cần,  
Sĩ quyết về Tây lánh cõi trần.  
Từ Phật Bồ Đề tinh tấn xuất,  
Tâm không nhiễm tục mãi hoan hân.  
Vãng hồi Phật Quốc là chơn nguyện,  
Sanh hóa liên hoa ánh rạng ngân.  
Cực lực trì danh luôn chẳng dứt,  
Lạc bang lai đảo đặc kim thân.

*(Thuật theo lời Liên hữu Như Quang)*

## **11. Bà Dương Thị Thu (1948 - 1996)**

Liên hữu Dương Thị Thu sinh năm 1948, cư ngụ ấp Bình Phú, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Dương Văn Đốc, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Cảnh. Cô có cả thầy là mười một anh chị em và cô đứng thứ Chín trong gia đình.

Cô phát tâm ăn chay lúc 15 tuổi. Khi đó, trong nhà đã có vài người trường chay trước rồi. Nhằm lúc phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Miền Nam rầm rộ, cô cũng có tham gia học lớp Giáo Lý do Bùi Văn Ưởng đảm nhiệm, đồng thời sau đó, cô làm công quả ban hậu cần cho các khóa học tiếp theo ở nhiều nơi.

Khi đến tuổi hoa xuân, cha mẹ cô định bè gia thất như bao nhiêu cô gái khác, cô ngỏ ý chối từ nhưng song thân vẫn nhất quyết vì đã lỡ hứa với đàng trai rồi. Vả lại, cha của cô vốn xuất thân từ nhà giáo, luôn giữ chữ tín làm đầu.

Sau ngày lễ hỏi, cô mang đồ nữ trang đến tận gia đình bên nam, nói rõ chí nguyện của mình là khao khát được chuyên tu. Bởi vì cõi đời là bể khổ, có gì bền chắc đâu mà phải nhận chịu trầm luân, khổ đau vĩnh viễn. Cơ hội gặp được Phật Pháp là ngàn năm muôn thuở. Do không muốn để cho dây oan ràng buộc, hầu rảnh rỗi tâm tư tiện bề tu tiến. Nên hôm nay, cô xin trả lại các món nữ trang để được tu hành.

Thấy thế, cha mẹ cô vừa mừng vừa lo lẫn lộn, bởi hai ông bà đã am tường Phật Pháp và cũng là Phật tử thuần thành. Vì biết:

“Tu là cội phúc tình là dây oan.  
Sợ e chỉ được giữa đàng,  
Nếu như gánh gầy họ hàng xót xa!”

Từ đó, cô thường nghiên cứu kinh sách nhất là quyển Khuyến Thiện và vài phẩm trong bộ Hiền Đạo. Những câu cô thường tâm đắc là:

“Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền,  
Thoát chôn mê đồ đến cảnh Tiên.”

Và:

“Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ,  
Đến tội rồi mới hối muộn màng.  
Chi cho bằng ta sớm lo toan,  
Gìn giới luật nghe kinh trọng Phật.  
Đến lâm chung quả lành đâu mất,  
Cõi Tây Phương chừ Phật đợi chờ.  
Việc tu thân thiện tín hằng hờ,  
Chùng họa đến e cho khó tránh.  
Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,  
Rán phụng hành kéo phụ Phật xưa.”

Hoặc là:

“Sâu duyên Phật khiến kiếp này tu được,

Rán tu đừng bỏ cuộc Nữ Nam ơi!  
Tu một đời giải khổ cả muôn đời,  
Đã chịu khổ nhiều rồi đừng chịu nữa.  
Mau tìm chỗ an vui chư Phật ở,  
Chớ chìm luôn trong biển khổ trần gian,  
Nếu kiếp này bên Giác chẳng tìm sang,  
Thì kiếp tới còn mang nhiều nghiệp báo.”

Bẩm tính của cô chất phác, vui vẻ, từ hòa. Nghề nghiệp chính của gia đình là ruộng rẫy.

Sau khi song thân mất, các anh chị lớn đều kết hôn và ra riêng, còn lại cô và người anh thứ Tám (Chú Tám Vuông) và mấy người em sống chung, cùng hai cô con gái của người anh thứ Ba (Ba Ngay) để lại. Kinh tế gia đình, dường như cô thủ vai chính yếu nhờ thể lực tốt và tinh thần trách nhiệm cao, lại hay nhẫn nại cần cù. Hằng ngày, chăm sóc năm công ruộng và năm công rẫy. Đôi lúc, phải đem sản phẩm ra tận chợ Long Xuyên hoặc Cần Thơ để bán, nên khả năng điều khiển các phương tiện giao thông như: xe honda, ghe, tàu... đối với cô chẳng mấy khó khăn gì. Vóc dáng “liều yếu, bô đào” dường như biến mất, cô nghiêm nhiên trở thành một trang “trượng phu hảo hán” thì đúng hơn! Thỉnh thoảng, cô cũng thường kết duyên với bà con lối xóm bằng cái nghề nấu món chay trong những dịp đám tiệc tại tư gia, thậm chí các con gái của anh chàng rể hột năm xưa, đến nài nỉ cô nấu giùm nhân ngày lễ xuất giá, cô cũng vui vẻ hứa nhận.

Đến đầu năm 1995 cô ngã bệnh. Ban sơ không nặng lắm nên điều trị thuốc Nam lây lất qua ngày. Vài tháng sau nhiều hơn nên chuyển ra Bệnh Viện Chợ Rẫy, nhưng không phát hiện được rõ rệt là bệnh gì. Thế là về nhà cô dùng thuốc Nam tiếp tục. Kế đó, vào năm Bệnh Viện Đa Khoa An Giang một tháng rồi cô lại ra Chợ Rẫy. Lần thứ hai, nơi đây chụp hình và làm một số cận lâm sàng mới phát hiện khối u ở phổi, bác sĩ đành bó tay vì ở thời kỳ cuối nên cho cô xuất viện ra về.

Lúc này bệnh khá nặng, toàn thân cô sưng lớn lên, y phục cũ không còn thích hợp nữa, phải may y phục mới toàn bộ. Đồng thời, mời ông lương y tên là Sáu Câu ở Mỹ Luông đến xem mạch, hốt thuốc Bắc, cứ hai, ba ngày đi rước một lần. Nhờ vậy bệnh được cầm cự cho đến khi cô mãn phần là hơn một năm trời.

Về phần công phu hành trì thì từ trước đến giờ, cô chỉ dừng lại ở làm lành lánh dữ, tu nhân xử thế mà thôi. Thời khóa sớm tối cũng đều đặn nhưng ngắn, sau lễ Phật cầu nguyện thì cô ngồi niệm Phật nửa tiếng. Đọc kinh sách hay nghe băng giảng cũng ít vì thời gian lo làm kiếm tiền và xã giao nhiều hơn. Có lúc, cô làm thêm nghề buôn bán: đường, đậu... để tăng thêm thu nhập, được vài năm đến chừng phát bệnh mới ngừng lại.

Khi bệnh tiến triển nặng, mình mẩy sưng phù lên, hành hạ cô bằng những cơn đau nhức khó kham nhẫn, cô tự nghĩ: từ nào tới giờ, mình lo tu hiền, đâu có làm cái gì ác đâu mà mang chứng bệnh khổ như vậy!

Người anh thứ Tám của cô tức là chú Tám Vương, biết được nỗi lòng của em gái mình, liền giảng giải về lý nhân quả thông suốt cả ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai cho cô nghe, còn dẫn chứng lời Cổ Đức:

“Hiền mà khốn đốn vì hiền mới đây.  
Hung được sướng vì gây phước trước,  
Phước hết rồi não nuột bá ban.  
Chớ rằng hung được nhàn an,  
Còn hiền khốn đốn trách than Luật Trời.  
Thần minh khắp mọi nơi đều có,  
Sự dữ lành lớn nhỏ thấy qua.  
Không riêng những việc làm ra,  
Trong lòng mới tính cũng là hiểu thông.”

Nhờ vậy mà cô tỉnh ra, chí thành sám hối, dứt hết nghi lự hoang mang.

Nhân đó, chú còn khai thị sâu thêm về pháp môn Tịnh Độ, khuyên cô nên buông bỏ muôn duyên, chuyên lo trì danh cầu sanh Cực Lạc. Bởi vì, xác thân này là tứ đại: đất, nước, gió, lửa giả hợp tạm có chứ không thật. Cuối cùng rồi ai cũng phải bỏ lại hết: cát bụi sẽ trở về cát bụi, chỉ có cách ráng niệm Phật để Phật rước linh hồn... Nghe xong cô vui vẻ làm theo. Mầm móng Bồ-đề khởi sắc từ đây!

\*\*\*\*\*

Nhờ cả đời chân thật tu hiền, luôn sống vị tha, tận hết bổn phận, hy sinh gánh vác gia đình, chẳng than phiền giận hờn hoặc so đo tính toán nên hoàn cảnh bệnh là tăng thượng duyên thù thắng, giúp cô buông xả mọi thứ dễ dàng, tín nguyện mỗi lúc một sâu chắc và khẩn thiết, công phu hành trì miên mật, tinh thuần rất nhanh chóng. Cô có ý định ngưng uống thuốc để chuyên niệm Phật cầu vãng sanh nhưng gia đình và bè bạn khuyên ngăn, do vì tốn kém không nhiều lắm, cô cũng hoan hỷ thuận theo nên gác lại dự định đó.

Mãi đến giữa tháng 7 năm 1996 cô yếu nhiều, mỗi tối thân quỵên và đồng đạo đều đến trợ niệm cho cô. Trưa ngày 24 thấy cô mệt nhiều, mấy mươi người xúm lại hộ niệm cho cô, được một lúc bỗng nhiên, cô khỏe khoắn trở lại, cô cho biết là Đức Quán Thế Âm hiện thân bảo rằng: bốn ngày nữa cô sẽ xả bỏ báo thân.

Ngày 26 cô bị mệt trở lại, cuộc hộ niệm tiếp tục diễn ra từ chiều cho đến 10 giờ tối, bỗng dưng cô khỏe hẳn lại như người bình thường. Chú Tám hỏi trong lúc mệt nằm li bì đó em có nhớ niệm Phật không, cô đáp là cô niệm Phật tha thiết, thì thấy Đức Phật hiện ra, và tường thuật lại rằng:

- “Đức Phật rầy tôi, thời gian qua công phu tu của tôi hơi giải đãi. Ngài còn cho biết, thời gian bệnh của tôi đó là lúc phải trả nghiệp nhiều đời. Đức Phật cũng khiển trách chung tất cả chúng sanh ở đời này tuy phát tâm tu thì đông nhưng thật tâm giác ngộ, quyết rút danh - lợi - tình để

trở lại nội tâm thì quá ít. Đức Phật dạy nên về nói lại cho mọi người được biết: Hãy cố gắng tu hành theo chánh pháp mà Phật Tổ đã dạy để được giải thoát an vui!...”

Cô còn cho biết:

“Hai ngày nữa tôi sẽ được Phật rước!”

Có một người thân là cô Tý hỏi:

- “Chị Chín! Bây giờ, người ta múc kênh rạch, làm cầu đường, kéo điện dẫn nước, đời sống văn minh tiến bộ quá sung sướng. Sao chị không xin Đức Phật để được sống thêm?”

Cô đáp:

- “Thôi! Phật rước giờ nào đi giờ nấy, sống thêm có biết mình giữ được lập trường tinh tấn mãi không. Vả lại, cõi đời là giả tạm thì có cái vui nào được vĩnh viễn trường tồn, chỉ có cõi Cực Lạc mới là nơi An Dưỡng. Nay được Ngài thọ ký, lẽ nào lại xin ở lại cõi khổ này làm chi!”

Thời gian cô nói chuyện kéo dài hơn 30 phút, chú Tám vô cùng kinh ngạc. Xưa nay, sống chung trong nhà mà... em gái mình đâu có khả năng diễn thuyết hay ho quá mức... như thế này!!!. Có thể nói là trí tuệ của cô hiện giờ là hơn gấp mười lần so với lúc bình thường. Cho nên chú liền chạy lấy máy casset ghi âm, đến chừng mở lại, thì không có tiếng gì cả. Chú ngỡ là máy bị hư, cấp tốc chạy mượn máy thứ hai, nhờ cô lặp lại y như lần trước. Xong xuôi, mở nghe thì không có tiếng của cô, những câu hỏi của chú và cô Sáu Tý thì có. Chú cũng ngỡ là máy trực trực bèn chạy mượn cái máy thứ ba về thì cô cho biết rằng, Phật không cho nói, rồi cô nằm im lặng.

Sáng ngày 27, triệu chứng sung phù biến mất, những bộ bà ba cũ mặc vào rất vừa vặn. Từ đó, lúc nào cô cũng vui tươi niệm Phật.

Đến chiều ngày 28, khoảng 4 giờ, cô bắt đầu lên cơn mệt. Chú Tám bèn thỉnh nước cúng trên bàn Phật xuống đưa cho cô, cô đón lấy và nguyện lớn:

- “Nam Mô A Di Đà Phật.

Nhờ ân trên Đức Phật, từ bi gia hộ cho con uống ly nước này được tỉnh tâm trong giờ phút lâm chung!”

Sau đó cô nhờ người nhà dìu mình lên giường. Vì bệnh phổi khó thở nên bấy lâu cô thường xuyên nằm trên võng có phủ trùm mùng lớn bên ngoài.

Do có thông báo trước nên chư liên hữu đến hộ niệm khá đông. Hộ niệm tới 5 giờ 55 phút tối thì cô nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, tay vẫn còn chắp nơi ngực, gương mặt tươi sáng vui đẹp lạ thường. Nhằm ngày 28 tháng 7 năm 1996, cô hưởng dương 48 tuổi.

Trước đó cô có gửi cho ông Sáu Câu (lương y trị bệnh cho cô) một lá thư và dặn ông sau khi cô bỏ xác thì mở ra xem.

Thấy cô đã mất, ông Sáu liền giở thư ra đọc thì thấy cô cho biết ngày giờ cô vãng sanh và còn chúc ông vui khỏe.

*(Thuật theo lời chú Tám Vương anh của cô, và cô Bé Hai cháu của cô)*

## **12. Thượng Tọa Thích Thiện Tường (1945 - 2000)**

Thượng Tọa Thích Thiện Tường, thế danh là Nguyễn Văn Tâm. Con trai út trong gia đình gồm bốn trai, sáu gái của cụ ông Nguyễn Văn Hương, pháp danh Như Danh và cụ bà Đỗ Thị Tha, pháp danh Thị Lợi. Thầy sanh năm Bính Tuất 1946, tại xã Mỹ Khê, quận Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Trung phần Việt Nam.

Xuất thân từ gia đình thâm tín Phật pháp, nên Thầy được gán gửi ngôi Tam Bảo lúc còn rất nhỏ. Đến năm 16 tuổi (1962), Thầy được Hòa Thượng Tịch Trảng, tổ Đình Linh Sơn tại xã Hiền Lương, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nhận làm đệ tử và cho xuất gia học đạo. Tư chất thông minh lại thêm hiếu học nên tất cả chương trình sơ học và tiểu học Phật Giáo, Thầy chỉ học với vị Bôn sư và các sư huynh trong chùa. Thầy được Bôn sư truyền thụ Sa Di giới với pháp danh Nguyên Cát tự Thiện Tường.

Năm 1966, lớp Trung Đẳng Phật Học, chuyên khoa Liễu Quán mở tại chùa Linh Quang, thuộc tỉnh Thừa-Thiên-Huế, Thầy đã vượt qua một kỳ thi tuyển khó khăn để được theo học tại đây cho đến ngày mãn khóa năm 1970. Cũng vào năm này tại chùa Phổ Thiên, Đà Nẵng, khai Đại Giới Đàn Vĩnh Gia, Thầy được tiến cử thọ Đại Giới tại Đại Giới Đàn này với pháp hiệu Thanh Dung.

Sau khi mãn khóa, một số các huynh đệ cùng lớp đã lên đường nhận Phật sự do giáo hội giao phó, Thầy và một số ít huynh đệ khác tìm đường tiến thân học đạo bằng cách vào Sài Gòn để theo học Cao Đẳng Phật Học. Năm 1971, đúng vào năm khai giảng khóa 4 năm đầu tiên, Thầy lại là một trong những sinh viên Tăng ưu tú tại đây. Trong khi còn là một sinh viên Tăng, Thầy đã được Giáo Hội bổ nhiệm vào Giảng Sư Đoàn Trung Ương.

Trong chức năng của một giảng sư cao cấp, Thầy đã đem ánh sáng Phật pháp chan hòa đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Thầy thâm nhận nhiều đệ tử xuất gia lần tại gia.

Giữa tháng 4 năm 1975, Thầy tốt nghiệp xong cử nhân Phật học, Thầy ra nước ngoài. Năm 1980, Thầy đến Hoa Kỳ, lưu trú tại chùa Từ Quang, Sanfrancisco, tiếp tục sứ mạng hành đạo và hoằng pháp tại vùng đất mới này. Vào khoảng năm 1985, Thầy được Hội Phật Giáo Việt Nam tại Connecticut mời làm lãnh đạo tinh thần tại đây cho đến bào huynh của Thầy là Hòa thượng Thích Thanh An, từ Việt Nam qua (1990) và hai người cùng kiến lập An Tường Tự Viện tại thành phố Oakland, California, Hoa Kỳ. Nơi đây, Thầy đã cùng bào huynh của mình giáo hóa, hướng dẫn biết bao người tìm đến giáo lý an lạc, giải thoát của Phật Đà.



Công phu hành trì hàng ngày của Thầy là chuyên niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Thầy niệm thầm lặng, lúc nào râu chổi cũng chẳng rời tay.

Thầy thật ra đã mang bệnh nan y từ ba, bốn năm về trước. Nhưng sức lực cộng với tâm nguyện hăng say “phục vụ chúng sanh tức cúng dường Chư Phật” của Thầy, căn bệnh dường như không có cơ duyên để phát khởi, biểu hiện ra ngoài.

Năm 1999, Thầy đi viếng chùa tại Trung Quốc, sau đó về Việt Nam..., các Thầy ở chùa Huệ Nghiêm, Sài Gòn cũng như đệ tử của Thầy ở miền Tây đều khuyên Thầy nên về Việt Nam để có gì họ lo hậu sự. Thầy từ chối. Thầy hiểu tất cả chỉ là vô thường. Có lần, Thầy Thanh An hỏi Thầy đã lo hậu sự chưa? Thầy trả lời là đã lo xong cả rồi, đã nhờ Đại Đức Thích Từ Lực ở Trung Tâm Phật Giáo Hayward lo hậu sự. Nhưng thật ra, Thầy Thiện Tường chẳng lo gì cho mình cả. Với Thầy tất cả đều là giả tạm; Thầy đã phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ thì khi lâm chung Thầy sẽ về cõi Phật, cần gì phải lo.

Mãi cho đến một ngày, sức lực hao mòn, Thầy không còn đủ sức chống chọi lại với sự hoành hành hung hãn của con ma bệnh, nên đành bó tay. Tây y từ chối, Thầy Thanh An đã thân hành đến tận Thái Lan, tìm cách vào tận Hoàng gia Thái để tìm cầu Hoàng-Dược, nhưng rồi cũng không kéo dài được mạng căn của Thầy. Có điều cần nhấn mạnh nơi đây là, thân Thầy tuy bệnh nhưng tâm Thầy rất vững mạnh, Thầy đã giữ được sự an tịnh cho đến hơi thở cuối cùng.

Thầy đã bỏ báo thân vào lúc 5 giờ 45 sáng, ngày 16 tháng 11 năm Canh Thìn, tức ngày 11 tháng 12 năm 2000, tại liêu phòng trong An Tường Viện giữa tiếng trợ niệm của chư Tăng và Phật tử. Sau khi Thầy tịch rồi, nét mặt của Thầy thật an nhiên rạng rỡ, trên môi như nở nụ cười.

Thầy thọ thế 55 năm và 30 hạ lạp.

Một tuần lễ trước ngày Thầy mất, nữ bác sĩ Nguyễn Ngọc Mỹ có đến thăm bệnh cho Thầy. Trong phòng Thầy có treo ảnh tượng Phật A Di Đà để lúc nào Thầy cũng nhìn thấy mà quán Phật trì danh. Lúc bác sĩ Ngọc bước vào phòng Thầy, bà thấy hào quang sáng chói từ nơi chân trái Phật A Di Đà phóng vòng qua đầu Thầy. Bà kinh ngạc tưởng mình hoa mắt, vội dụi mắt nhìn lại một lần nữa thì lần này thấy hào quang từ chân phải Phật A Di Đà phóng vòng trùm qua đầu Thầy.

Lễ nhập quan nhục thân Thầy được tứ chúng long trọng cử hành lúc 3 giờ ngày 17 tháng 11 năm 2000, lưu lại 8 khay Xá Lợi.

*(Trích: Niệm Phật Vãng Sang Lưu Xá Lợi –Tịnh Hải sưu tập)*

### **13. Bà Tô Vân Liên (1915 - 2000)**

Bà Tô Vân Liên sinh năm 1915, tại Trung Quốc. Bà theo gia đình chồng di dân qua Việt Nam lúc 19 tuổi (1934).

Bà tính tình chất phác hiền hậu, chỉ một lòng săn sóc gia đình sao cho yên ổn hạnh phúc. Từ lúc tạo đời sống ở Việt Nam, gia đình ngụ tại Tân Định, Sài Gòn. Bà luôn hy sinh tất cả để nuôi dạy các con nên người, bản thân bà không màng hưởng thụ một thứ gì ngon tốt. Bà lại không than thở, chẳng khoe khoang hay bày tỏ cho người khác biết. Nhờ vậy mà các con bà đều trưởng thành tốt đẹp.

Vào năm 1978, bà được người con gái du học tại Đài Loan bảo lãnh. Cư ngụ tại Đài Loan 8 năm, bà lại được bảo lãnh sang Úc. Bà còn có một người con trai tại Mỹ, một người con trai ở Pháp và một trai, hai gái ở Việt Nam. Ở Úc, hai người con gái bà đã ổn định gia đình. Gia đình bà theo Đạo Khổng, chỉ thờ ông bà, tu nhân tạo phước. Đến khi trú ngụ tại Úc năm 1986, bà vẫn chưa hiểu gì về Đạo Phật. Sau này vào năm 1991, hai người con gái có dẫn mẹ đi chùa lễ Phật, nhưng cũng chỉ cầu an, cầu phước lộc, cầu cho tai qua nạn khỏi mà thôi. Mãi tới năm 1997, nhân duyên nghe băng giảng và diện kiến Pháp Sư Tịnh Không, vị Đại Sư chuyên hoàng dương Tịnh Độ, bấy giờ hai cô con gái bà mới thật sự chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Nhờ vậy, bà được quy y với pháp danh Diệu Âm và biết niệm Phật, chính thức trở thành Phật tử.

Những dịp không đến chùa, gia đình con gái bà cùng các bạn đạo tổ chức tu tại nhà, như thế làm bà cảm thấy pháp tu niệm Phật thật gần gũi. Nhắc nhở bà thường xuyên niệm Phật, lại nhờ có má, bà luôn mở và thâm niệm theo.

Đầu năm 1998, bà lâm bệnh; khi được bác sĩ khám, mới hay bà bị ung thư phổi. Gia đình cố gắng mọi phương tiện trị liệu cho bà. Tuy nhiên, với bà không cảm thấy lo lắng, sợ sệt. Bà tự nhận rằng với tuổi 83 là đã quá thọ rồi, nên bà vẫn vui vẻ sinh hoạt, đi lại bình thường, bà còn tin tưởng sâu chắc vào thế hải độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà, càng lúc càng khẩn thiết niệm Phật hơn, chẳng biết rằng, mình đang mang bệnh. Khoảng 4 tháng sau, ngày 19 tháng 5 năm 1998, đi tái khám thì dấu vết chứng bệnh ung thư phổi tự nhiên biến mất. Dịp này làm cho hai cô con gái vô cùng vui mừng và xin được dẫn bà đi du lịch, thăm lại bà con thân thích.

Đầu năm 1999, bà lại được tái khám, lần này bệnh tái phát trở lại và có phần nguy kịch. Nhưng với bà thật lạ, bà chẳng thay đổi, lộ vẻ gì của một người đang mang bệnh nặng, vẫn ăn uống ngủ nghỉ bình thường. Gia đình con cháu khi săn sóc thường hỏi:

- “Má có đau không?”

Bà đáp:

- “Không! Chỉ mệt thôi”

Vì biết bà hiểu Phật Pháp khá hơn, đã niệm Phật tha thiết, tuổi lại thọ, còn tinh táo sáng suốt, nên các con đã bày tỏ, kể rõ hiện tình bệnh trạng cho bà nghe. Phản ứng của bà không một chút gì sợ hãi, bà chỉ nghĩ mình chẳng thấy đau đớn gì, cần phải lo chi! Do đó, ngày 22 tháng 2 năm 1999, bà bảo con gái đi đình lại chích thuốc (thuốc giảm đau, cầm chừng trong thời gian chờ đợi) như đã được định ngày. Nhân đó, cô Trân (con bà) có hỏi tình trạng của mẹ, thì bác sĩ cho biết, theo bệnh trạng như thế, sẽ chỉ còn vài tháng mà thôi. Bấy giờ, bà vẫn niệm Phật như

thường lệ, các con bà lại cùng tâm niệm với bà, nhất tâm hướng về Đức Phật A Di Đà để nguyện bà sớm được vãng sanh ra đi nhẹ nhàng.

Còn khoảng hai tháng trước khi lâm chung, bà sốt sắng lau dọn nhà cửa sạch sẽ như đón biết trước ngày ra đi, bà nói:

- “Mai một tao đi rồi ít có ai lo dọn dẹp”

Đến lúc này, bà vẫn khỏe, đi lại như người không bệnh, chỉ có điều hơi mệt hơn trước, chứ không đau đớn gì; điều này thật lạ vì bệnh ung thư nào trước ngày chết cũng hành hạ bệnh nhân đau đớn dữ dội. Tiếp theo một tháng sau, bà lại đưa tiền dành dụm của mình hơn 1.000 đồng cho con cháu mua máy quay phim, việc này như để chuẩn bị trong ngày ra đi của bà.

Tuần lễ nữa trôi qua, đúng vào ngày lễ Tốt Nghiệp Khóa Học Tiếng Hoa của đứa cháu trai, bà lại được mời tham dự. Đến trường dự lễ, chỉ có gia đình là biết bà bệnh, người ngoài không một ai biết. Nhìn ảnh chụp bà đang bắt tay vui vẻ với cô giáo trong ngày lễ hôm ấy, chắc sẽ không ai ngờ, một người đang mang chứng bệnh nan y đến thời kỳ nặng nhất lại có thể trông khỏe và tươi tỉnh như thế!

Thật sự, bà thỉnh thoảng cũng có đau và cơn đau chỉ thấy rõ vào ngày 26 tháng 12 năm 1999, nên trong ngày đó, các con đã cho bà uống 6 viên panadol. Vì rõ ràng bộ phận bên trong phổi đã hoàn toàn hư hoại; tuy thế, bà cho biết là khi phát lên cơn đau thì bà niệm Phật và tự dung giảm được cơn đau.

Bà còn tinh tấn tham dự khóa tu niệm Phật một tuần lễ, do nhóm cư sĩ tổ chức tại nhà. Trong lúc này hai cô con gái bà hơi lo, vì sức khỏe bà đã kém nhiều. Sợ bà mất ngay khi chưa tròn khóa tu; như vậy, sẽ làm dang dở cho các vị đồng tu vì phải lo cho bà. Tình cảnh này chắc bà đã dự biết trước. Gần cuối khóa tu, bà không tham dự trọn ngày được nên phải chờ bà về nhà, chỉ xin tham dự 1, 2 tiếng. Ở nhà bà vẫn niệm Phật không ngừng.

Ngày 30 tháng 12 năm 1999, vào lúc 2 giờ sáng, thấy bà có phần mệt nhiều, gia đình quyết định đưa bà vào nhà thương khám, vì lo lắng sợ bệnh hành bà đau. Hơn nữa, người con rể là bác sĩ từ Đài Loan gọi điện thoại qua khuyên đưa bà vào bệnh viện, sợ để ở nhà bệnh sẽ hành bà. Tuy vậy, các con cháu gần bà, vẫn cảm thấy bà dù mệt nhưng vẫn tỉnh táo, nên chỉ mong rằng, vào bệnh viện tạm xoa dịu cơn đau, hoặc có thể xác đoán ngày giờ cuối cùng thôi, chứ không nên để ở bệnh viện sẽ trở ngại việc vãng sanh. Tâm niệm các con bà cũng là tâm niệm của bà. Việc này cho thấy các con cùng tâm niệm mong ước đưa bà về Tịnh Độ, nên luôn luôn trong tư thế sẵn sàng lo cho bà. Tâm niệm chung như thế khiến chiêu cảm ra những điều lành suông sẻ, như khi đưa bà vào bệnh viện đã không thông báo trước, cũng không phải là tình trạng khẩn cấp, vậy mà không biết sao, hôm ấy không đợi ai, bà được đưa thẳng đến bác sĩ chuyên khoa. Bác sĩ khám xong, liền cho hay nước trong người bà đã ngập qua phổi, tình trạng thật nguy cấp. Thế là nước được rút ra gần 2 lít, nhưng bác sĩ xem lại chẳng bớt hơn được bao nhiêu. Phần bà thì cảm thấy khỏe lại. Bác sĩ hỏi bà muốn ở lại hay về. Bà trả lời là muốn về.

Cùng trong ngày 30, bà được đưa về nhà, bà đi lại tự nhiên, ăn được sáu múi cam, rồi đi tắm và vào phòng thờ niệm Phật. Bà ngồi ghế đưa tay lần chuỗi, hai cô gái niệm Phật chung với bà. Không tham dự khóa niệm Phật được, ba mẹ con niệm ngay tại nhà, cũng thật tinh tấn thanh tịnh.

Năm giờ sáng ngày 31 tháng 12 năm 1999, chỉ còn 4 tiếng đồng hồ nữa là mãn khóa niệm Phật, bà vẫn khỏe, hai người con hỏi bà có muốn đến tham dự lễ hồi hướng mãn khóa không. Ban đầu bà nói đi, nhưng rồi sau, bảo chỉ một người con đi hồi hướng thôi, còn một ở lại với bà.

Xong buổi lễ hồi hướng, cả ban niệm Phật cùng đến thăm và trợ niệm cho bà. Biết bà có lẽ không còn bao lâu nữa sẽ ra đi, tất cả đồng thanh chí tâm hộ niệm; bà cũng nhép miệng niệm theo (lúc này bà đã không còn lần chuỗi nữa). Đột nhiên, mọi người thấy bà chấp hai tay lại, mặt mày sáng ra có vẻ thành khẩn lắm. Thấy thế, mọi người đều đứng dậy trang nghiêm niệm càng tha thiết hơn. Được một hồi, bà để tay xuống và như nằm dưỡng tĩnh. Trong lúc bà có hành động lạ như vậy, cô Hương con gái bà nhìn thấy gương mặt mẹ sáng hực ra như có ánh sáng vàng chiếu vào vậy. Sau này, hỏi ra có thêm một vị trong ban hộ niệm cũng thấy giống cô. Tất cả mọi người còn lại thì thấy mặt bà tươi tỉnh. Khoảng thời điểm này, mọi người đều xác nhận không có ánh sáng mặt trời lọt vào phòng.

Tối hôm đó, mọi người trong ban cũng đồng trở lại trợ niệm cho bà. Gia đình cũng có gọi bác sĩ Mạch Ảnh Lang tới thăm, bác sĩ hỏi bà mệt không, bà gật đầu, nhưng hỏi có đau không thì bà lắc đầu.

Hôm sau ngày 1 tháng 1 năm 2000, các người con vẫn niệm Phật cho bà, và Ban hộ niệm vẫn đến trợ lực. Trong Ban Hộ Niệm, một vị đứng mang hình Phật đưa lên hơi cao, bà liền ra dấu hạ xuống thấp hơn. Có người cảm thấy bà sắp đi vì mệt nhiều, nên xin phép bà hạ ghế dựa thấp xuống để bà nằm. Bà không muốn, chỉ chịu tư thế hơi ngã người mà thôi. Hình như, bà muốn giữ thân trang nghiêm trước giờ ra đi theo Phật!

Niệm được một hồi, tự nhiên, hai mắt bà mở ra vừa trong lại thật sáng; bà lại nhóm người lên muốn đứng dậy. Hình như, bà đang bắt gặp điều gì! Rồi bà từ từ dụ người xuống, miệng vẫn động môi niệm Phật, đôi mắt cũng từ từ nhắm lại, nhẹ nhàng ra đi trong sự trang nghiêm thanh tịnh hòa theo tiếng niệm Phật không ngừng. Lúc đó là 9 giờ 23 phút tối, ngày 1 tháng 1 năm 2000. Bà hưởng thọ 83 tuổi.

Có vài người tới trễ, vào lúc bà sắp ra đi miệng còn máy động. Họ bước vào đúng lúc liền xá chào bà, rồi quay sang bàn Phật cùng cất tiếng niệm. Đến một hồi, họ xoay lại nhìn bà, ngỡ bà ngủ; nào ngờ, người khác cho hay là bà ra đi ngay lúc họ vừa xá chào.

Mọi người tiếp tục hộ niệm khẩn thiết hơn. Niệm đến gần nửa đêm, cô Trân con gái bà cảm thấy chưa bao giờ chứng kiến buổi niệm Phật kỳ diệu tuyệt hay như vậy, dù cô đã tham dự nhiều khóa niệm Phật thật trang nghiêm. Cảm kích như thế, cô bèn lui ra tìm băng cassette, thu giữ âm thanh hiếm quý này. Cùng lúc đó, cô Hương, con gái bà lại nghe hình như có tiếng nhạc đầu đó hòa theo tiếng niệm Phật, lại thấy cô Trân đang loay hoay với máy thu cassette, tưởng

em mình đang phát băng niệm Phật có đệm nhạc. Trong tâm cô vừa ngạc nhiên, vừa khó chịu vì sao đang niệm Phật tha thiết như vậy, lại để băng vào làm gì!

Sau này, hỏi ra mới rõ, cô Hương đã nghe được âm thanh nhạc điệu lạ lùng và cô là người duy nhất nghe được. Điều lạ nữa, dù niệm Phật lâu như vậy, mà mọi người không cảm thấy chút gì là mệt, dường như còn khỏe người ra. Họ còn nói, như có gió mát thổi vào phòng khiến ai nấy thật sảng khoái mát mẻ, mặc dù lúc này là đang mùa nóng bức ở Úc.

Ban hộ niệm thay phiên hộ niệm đến gần 8 tiếng đồng hồ, rồi hồi hướng ra về. Riêng trong gia đình vẫn tiếp tục hộ niệm cho đến sáng hẳn ngày hôm sau. Tính ra cũng gần 12 giờ niệm Phật, và nhục thân của bà vẫn được giữ yên trong tư thế hơi ngã người vào ghế.

Sau đó, bác sĩ Lang đến ký giấy lần cuối. Bảy giờ, hai cô con gái cùng một người cháu và một Phật tử trong Ban hộ niệm mới di chuyển thân bà, để lau tắm chuẩn bị việc tang sự. Lạ thay, toàn thân bà vẫn mềm mại như người sống! Hai cô con gái thật sửng sốt, liền nghĩ vậy là mẹ mình đã được vãng sanh rồi nên mới có hiện tượng này nhưng nếu đầu mẹ còn ấm nóng thì mới thật sự chắc chắn. Thế là, họ thật vui mừng biết bao, khi chính tay cảm giác hơi ấm trên đầu bà vẫn còn lưu lại dù đã chết sau 12 tiếng đồng hồ.

Việc vui mừng như thế đến nỗi khiến nhân viên nhà quản phải kinh ngạc. Họ hỏi:

- “Sao nhà có người mất lại vui được như vậy!”

Cô Hương và Trân cười và thì thầm nhỏ với mẹ:

- “Chúng con hẹn, sẽ gặp lại mẹ ở Tây Phương Cực Lạc!”

\*\*\*\*\*

Lúc bà đã mang thân bệnh, có lần các con nhắc vui với bà:

- “Hồi ở Trung Hoa khổ, di dân qua Việt Nam sướng được một chút, lại di dân qua Đài Loan sướng hơn chút nữa, rồi qua Úc thì sướng hơn nữa! Bây giờ mẹ không biết sẽ di dân ở đâu! Thôi thì mẹ di dân lên đất Phật chắc là sướng nhất rồi!”

Bà cười và nói:

- “Đúng rồi, lần này phải di dân lên Cực Lạc!”

Bà còn nói đùa:

- “Má có đi rồi thì báo cho bà con ở Việt Nam biết là má chỉ di dân thôi chứ không có chết”.

Các con lại nhắc cho bà nghe câu chuyện một người mất ở Đài Loan, vị đó biết là nếu mất ngày thường, sẽ khó cho người đến thăm viếng nên lựa ngày nghỉ để mất. Đề nghị bà chọn ngày nghỉ mà đi cho mọi người thuận tiện đến trợ niệm và thăm viếng thì tốt lắm! Quả thật bà ra đi ngày 1



tháng 1 năm 2000, đúng vào ngày nghỉ Tết cuối năm, nên tất cả gia đình thân hữu đều đến tiễn đưa bà.

Sự ra đi nhẹ nhàng và mâu nhiệm như thế, khiến các con nghĩ rằng, chắc chắn mẹ sẽ để lại cái gì đó làm vật kỷ niệm cho con cháu. Họ mạnh dạn thưa với nhân viên nhà quàn, xin nán việc nghiền nát xương cốt của bà sau khi hỏa thiêu, để tìm thấy vật để lại của mẹ.

Quả thật, sau đó đã thu được rất nhiều Xá Lợi.

*(Thuật theo lời cô Hương và Trân)*

*(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)*

#### **14. Cư sĩ Nguyễn Văn Trí (1926 - 2000)**

Cư sĩ Nguyễn Văn Trí, sinh năm 1926, quê quán tại Sài Gòn.

Năm 1964, ông quy y với Hòa Thượng Thích Viên Thông ở chùa Giác Ngạn tại đường Trương Minh Ký, được đặt pháp danh là Thiện Bửu. Sau ngày đó, ông ra sức công quả xây dựng chùa Giác Uyển và trở thành gia trưởng Gia Đình Phật Tử chùa Giác Uyển.

Về sau, Thiện Bửu được bầu làm Chánh Đại Diện Quân Nhân Phật Tử Không Quân. Chính vì chức chánh đại diện này mà ông bị “đi” làm thiếu tá mãi cho đến năm 1975, mới được lãnh tờ giấy thăng trung tá.

Năm 1981, Thiện Bửu và đưa con ra nước ngoài. Vì nghe nói đàn bà con gái vượt biển gặp hải tặc bất lợi, nên ông bắt con cắt tóc ngắn giả trai. Cư sĩ Thiện Bửu đi trên ghe máy đủ sức chở 11 người thôi. Khi ra khơi, ông ngồi trước đầu ghe, miệng không ngớt niệm: “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thinh Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Thiện Bửu rất tin tưởng vào sự linh ứng của Quán Âm Đại Sĩ qua hạnh nguyện của Ngài.

Thay vì đi Mã Lai, ghe máy lại chạy lạc hướng qua Thái Lan, rồi gặp hải tặc, ông vẫn bình tĩnh và khẩn thiết kêu cứu thắm với Quán Thế Âm Đại Sĩ. Ông lột cái đồng hồ vàng, chiếc cà rá vàng và đôi mắt kiếng đưa cho cướp và tỏ vẻ cho chúng biết mình chẳng còn gì nữa. Bọn cướp lấy thêm đồ đạc của người khác rồi trở về tàu, lấy thức ăn cho Thiện Bửu.

Vào 3 giờ chiều hôm đó, Thiện Bửu ngược nhìn lên trời thấy Quán Thế Âm Bồ Tát mặc toàn đồ trắng, mà người đời thường gọi là Bạch Y Đại Sĩ, hiện ra trên mây đang mỉm cười... Ông mừng rỡ vừa chấp tay xá chào thì Ngài biến mất. Ngoài ông ra, trên ghe không ai thấy cả.

Thiện Bửu vội báo tin cho mọi người biết để họ an tâm. Từ đó, niềm tin của ông càng sâu chắc thêm vào sự cảm ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm.



Mấy hôm sau, một bầy cá heo độ trên 30 con nổi lên, chúng lượn xung quanh ghe máy, rồi chuyển sang một hướng khác. Thiện Bửu nghĩ rằng đàn cá này muốn hướng dẫn ghe mình đi, anh liền kêu người lái cho ghe chạy theo hướng cá. Quả nhiên, không bao lâu, thấy đất liền Mã Lai.

Khi đến Mỹ, Thiện Bửu ở Chicago. Năm 1986, ông thọ Bồ Tát giới với Hòa Thượng Thích Đức Niệm tại chùa Quang Minh, và được bầu làm Tổng Thư Ký Hội Đồng Quản Trị chùa Quang Minh.

Từ ngày rời xa quê hương, do tin tưởng vào sự hiển linh của Quán Thế Âm Đại Sĩ, Thiện Bửu tu hành thật tinh tấn. Sau khi thọ giới Bồ Tát, ông càng tinh tấn hơn, giữ giới Bồ Tát tại gia càng nghiêm cẩn hơn; những mong giải thoát khổ đau triền miên bất tận của vòng sinh tử luân hồi.

Vì còn phải đi làm để sanh sống, mỗi ngày Thiện Bửu đều hành trì tụng kinh niệm Phật một thời, không bao giờ thiếu sót.

Năm 1988, Thiện Bửu dời về Cali, ngụ tại vùng San Jose, mỗi sáng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật 10 chuỗi, chiều niệm Phật Dược Sư 1 chuỗi, Quán Thế Âm Bồ Tát 3 chuỗi. Ngoài ra suốt ngày, lúc nào cũng xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Ra vườn trồng cây cuốc đất, hay đang lái xe cũng niệm Phật. Ông thích thanh tịnh yên lặng, nên vợ con không nói lớn tiếng khi có sự hiện diện của ông.

Mỗi khi có lễ lớn hay hội họp, Thiện Bửu đều về Phật Học Viện Quốc Tế sinh hoạt. Ông được bầu làm phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Phật Học Viện Quốc Tế. Và còn là một thành viên vận động thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại hải ngoại.

Những ngày về Phật Học Viện Quốc Tế, Thiện Bửu thường đến các chùa ở San Jose làm Phật sự.

Ông am tường sâu sắc Phật lý, tin tưởng vào pháp môn Tịnh Độ, luôn luôn phát nguyện vãng sanh Cực Lạc.

Năm 1994, Thiện Bửu đi chợ bị trượt té, nứt sọ 3 lần bên trái. Bác sĩ bệnh viện cho rằng, người bị thương như thế nếu không chết, phải bị liệt toàn thân hay bán thân. Nhưng ông chỉ bị đau đờn chó không bại liệt. Những ngày nằm nhà thương, ông thấy Tô Bồ Đề Đạt Ma và chư tăng đứng ở đầu giường và nói rằng:

- “Tất cả sẽ qua!”

Sau đó, ông được cho xuất viện.

Trong những năm cuối cùng, ông đau gan nặng, ông càng nhất tâm niệm Phật, cầu vãng sanh Tây Phương nhiều hơn.

Có hôm, ông nói với Hòa Thượng Đức Niệm:

- “Con sẽ vãng sanh Cực Lạc!”

Một tháng trước khi mất, bất cứ ai đến thăm, ông đều khuyên ráng tu hành và nên thường xuyên niệm Phật để được vãng sanh Cực Lạc.

Vào thứ sáu ngày 20 tháng 10 năm 2000, được tin Thiện Bửu đau nặng ở nhà thương Stanford, Hòa Thượng Thích Đức Niệm hướng dẫn phái đoàn Phật tử Phật Học Viện Quốc Tế lên San Jose thăm.

Sau một hồi trò chuyện, Thiện Bửu yêu cầu mọi người ra ngoài, để ông được nói chuyện riêng với Hòa Thượng.

Khi mọi người ra ngoài hết, Thiện Bửu liền ngồi dậy đánh lễ Hòa Thượng, và nói:

- “A Di Đà Phật! Con xin Hòa Thượng ba điều:

1. Con không thể sống thêm nữa. Gia đình con không có con trai, mọi việc nhờ sư phụ lo giùm sau khi con chết, xin đem tro cốt về Phật Học Viện Quốc Tế.
2. Xin Hòa thượng ráng giữ gìn sức khỏe để lo cho Phật Học Viện Quốc Tế và Giáo Hội.
3. Giáo Hội còn nhiều chông gai, còn bị chúng ma phá cho nên chưa yên ổn, khẩn cầu Hòa thượng cố gắng cùng chư Đại Tăng làm cho Phật sự viên thành. Con vãng sanh sẽ trở lại cõi này hộ trì Tam Bảo, giúp cho Phật và chúng sanh.”

Chiều hôm đó (20 tháng 10 năm 2000), ông xuất viện. Đến ngày 22 tháng 10 năm 2000, ông nói với vợ:

- “Em ơi! Anh thèm ăn một tô canh nấu với đọt lang”

Bà tức hành y theo. Rồi ông ngồi ăn ngon lành.

Cũng ngày ấy Ni Sư Giác Hương từ Seattle đến thăm. Thiện Bửu nói với giọng vui vẻ, thỏa mãn:

- “Những người muốn gặp đã gặp hết rồi!”

Tối ngày 23 tháng 10 năm 2000, bệnh gan trở nặng, người nhà đưa ông vào nhà thương Regional Center.

Độ 8 giờ sáng, thứ ba ngày 24 tháng 10 năm 2000, biết mình sắp ra đi, ông liền kêu người con rể tên Thanh Viễn:

- “Con ơi! Hãy hộ niệm cho ba!”

Thanh Viễn đứng bên đầu giường nói:

CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM

- “Con lúc nào cũng niệm Phật cho Ba. Ba hãy nhứt tâm niệm Phật!”

Ông nói:

- “Lẽ dĩ nhiên rồi!”

Cả nhà Thiện Bửu cùng ông xung Phật hiệu.

Đến 2 giờ trưa, ông ngưng niệm Phật, ngược mắt nhìn sừng lên trần nhà, như thấy điều gì, lộ sắc vui mừng, liền nắm dây vô nước biển giựt ra và bảo với con gái:

- “Về gấp! Về gấp!”

Con ông đáp:

- “Dạ! Để con bảo cho y tá hay, rồi về liền.”

Thanh Viễn liền đi rước các Thầy ở chùa Duyên Giác gần đó.

Một lát sau, Thanh Viễn trở lại cùng với Thượng Tọa Thiện Tâm, trụ trì chùa Duyên Giác và Thượng Tọa Chơn Lễ từ Nhật qua dự Đại Hội Phật Giáo ở Seattle, còn ở lại San Jose.

Thấy hai Thượng Tọa, ông liền bảo con:

- “Con à! Lấy ghế mời hai Thầy ngồi!”

Hai Thầy khuyên đừng nên nói chuyện, hãy nhứt tâm niệm Phật.

Thiện Bửu gật đầu, nắm tay Thầy Chơn Lễ đặt lên trán. Đồng thời, bạn đạo trong vùng kéo đến hộ niệm. Ông nói:

- “Quý hóa! Quý hóa!”

Cuộc hộ niệm diễn ra được khoảng 20 phút thì y tá đến gỡ dây vô nước biển. Xe ambulance chở Thiện Bửu về nhà.

Ra xe, ông bắt đầu rơi vào cơn mê. Con gái ông kê miệng sát vào lỗ tai ông xung niệm danh hiệu A Di Đà Phật thật lớn mãi cho tới khi về đến nhà.

Một giờ đồng hồ sau, bà Tâm Minh ở chùa Duyên Giác cùng với chừng 20 Phật tử đến hộ niệm. Bà kê sát tai Thiện Bửu nói lớn:

- “Anh Thiện Bửu! Anh hãy bỏ thân tứ đại này, đừng nhớ tưởng gì hết để về Cực Lạc. Anh Thiện Bửu! Tâm Minh đây! Anh đừng quyến luyến gì hết để ra đi mau lẹ. Nếu anh còn nghe thì ra dấu tay cho biết!”

Thiện Bửu liền chuyển động tay.

Bà Tâm Minh nói tiếp:

- “Anh hãy cùng mọi người niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật!”

Vợ ông quỳ trên giường nói:

- “Ông ơi! Ông hãy cố gắng nhen! Nhớ niệm Phật để theo Phật, biết bao bè bạn đứng chung quanh ông, đang hộ niệm cho ông đó!”

Lúc đó, ông thở hơi cuối cùng, miệng há ra rồi để nguyên.

Sư cô Kiến Minh và Thầy Chơn Lễ vừa tới, Thầy bước đến cầm tay ông nói lời khai thị. Thiện Bửu liền tự khép kín miệng lại, mắt nhắm như người nằm ngủ, gương mặt có chút biến đổi vừa sáng nhuận vừa dịu hiền, trông rất an nhiên tự tại. Khi ấy là 3 giờ rưỡi ngày 24 tháng 10 năm 2000. Ông hưởng thọ 74 tuổi.

Sau lễ thiêu hóa, Hòa Thượng Thích Đức Niệm làm lễ đặt Xá Lợi của Thiện Bửu vào hai tháp nhỏ tôn trí tại Phật Học Viện Quốc Tế.

Xá Lợi của ông rất đẹp với màu xanh biếc sáng chói. Đặc biệt, chiếc răng Xá Lợi sáng trong như ngọc.

*(Thuật theo lời vợ của ông)*

*(Trích trong Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá lợi –Tịnh Hải sưu tập)*

## **15. Sư Bà Đàm Lựu (1933 - 1999)**

Sư Bà Đàm Lựu sinh năm 1933, tại xã Thanh Oai, Hà Đông, Bắc Việt. Lúc 2 tuổi, cha mẹ đem tặng cho Sư Cụ Đàm Soạn nuôi vì khó nuôi. Năm 16 tuổi, Sư Bà thọ giới Sa Di Ni, 19 tuổi thọ giới Tỳ Kheo Ni.

Sư Bà ưa thích giản dị, tính tình khiêm cung, nhu hòa nhẫn nại. Thực hành chí nguyện độ sinh làm hoài bão.

Năm 1952, Sư Bà theo Sư phụ vào Nam. Năm 1964, du học ở Tây Đức. Năm 1970, Sư Bà làm Giám Đốc Cô Nhi Viện Lâm Tỳ Ni tại Sài Gòn. Năm 1977, ra nước ngoài. Năm 1980, lập chùa Đức Viên ở San Jose, California Mỹ quốc.

Năm 1984, để sáng lập một đạo tràng rộng rãi khang trang, thuận lợi cho việc hoằng pháp độ sinh, Sư Bà bắt đầu gây quỹ để xây dựng, bằng cách hướng dẫn Ni chúng và Phật tử trong chùa làm thức ăn chay, bán vào các ngày cuối tuần, mỗi nửa tháng và lễ lớn.

Để mọi người đều có thể gieo trồng thiện căn với Tam Bảo, Sư Bà kêu gọi và phát động việc thu nhặt lon nhôm, giấy báo, thùng cát-tông,... Công tác này được nhiều người nồng nhiệt tham gia.

Pháp môn mà Sư Bà hành trì là trì chú và Niệm Phật. Lòng tin sâu xa khởi phát sau khi chứng kiến sự vãng sanh của Sư Cụ Đàm Soạn, Ngài an nhiên tự tại biết trước ngày giờ. Cũng từ đó, ý nguyện cầu sinh Tây Phương của Sư Bà không lúc nào xao lãng.

Ngày 25 tháng 9 năm 1998, Sư Bà cho họp buổi họp “Bất thường” để thành lập Ban Điều Hành mới cho chùa. Các đệ tử linh cảm sẽ có chuyện không hay xảy ra.

Đêm 25 tháng 12 năm 1998, Sư Bà được đưa đi bệnh viện vì không thở được do chân tay và bụng đều sưng lên. Sáng hôm sau, bác sĩ cho xuất viện vì không thể làm gì được, Sư già Nguyên cố nài nỉ họ tìm cách. Trong khi đó, Sư Bà vẫn bình thản trước bệnh trạng nguy kịch của mình và còn bảo:

- “Con vẫn chưa thành người lớn được!”

Khi trở về chùa, chúng đệ tử lo ngại bu quanh không đi ngủ, Sư Bà đuổi hết ra khỏi phòng:

Lần khác:

- “Thương Thầy thì để cho Thầy niệm Phật chứ!”

Mặc dù con bệnh hành hạ, lăn lộn trăn trở nhiều, nhưng khi được chư Tăng đến hộ niệm, Sư Bà vẫn cố gắng lặng yên chấp tay niệm theo và không quên nói lời cảm tạ khi quý Thầy ra về.

Ngày 11 tháng 1 năm 1999, sau khi thử máu trong con ngát, bác sĩ cho Sư Bà nhập viện để truyền Sodium vì thiếu trầm trọng. Nhiều bác sĩ đến khám vô cùng kinh ngạc, họ không hiểu tại sao Sư Bà vẫn tỉnh táo và chỉ mê vài phút, giá như người khác thì phải hôn mê mãi tính hết rồi? Sư Bà bảo Sư già Nguyên thông dịch:

- “Con nói với họ là nhờ Thầy niệm Phật hằng ngày đó!”

Thời gian Sư Bà nằm viện, y tá phải lấy máu xét nghiệm mỗi ngày, đâm kim nhiều quá đến nỗi họ phải xót xa xin lỗi, Sư Bà vẫn an nhiên:

- “Cám ơn! Cô thật khéo tay!”

Trong khi các đệ tử đau lòng cảm râm với họ, Sư Bà liền quở:

- “Gớm! Con xem, tay Thầy như là bong bóng vậy. Có sao đâu! Cứ để họ làm công việc cần làm. Tại tay Thầy khó, chứ đâu phải họ đỡ mà con nhăn!”

Rồi quay qua cười và “Thank you” họ.

Lần sau đến, thì họ xin cúng dường một Vein, những mong Sư Bà bớt đau. Sư Bà tươi cười đáp:

- “Cô để mà dùng!”

Cô y tá ngỡ ngàng, sau đó khi hiểu ý, cô vô cùng cảm động, ôm lấy tay Sư Bà và gọi “Mama” (mẹ) mỗi khi tương ngộ.

Có lần lưng và cạnh sườn đau dữ dội phải đưa đi cấp cứu... Bác sĩ vào thăm, khi khám bụng, Sư Bà nói:

- “Bụng tôi giống biển cả.”

Họ cấp tốc cho thuốc giảm đau, rồi hỏi đệ tử:

- “Làm sao Sư Bà còn vui được trong nỗi đau kinh hoàng đó nè?”

Một vị nhớ lại lời Sư Bà hôm trước, bèn đáp:

- “Nhờ thầy niệm Phật hằng ngày thôi”

Đến ngày 15 tháng 3 năm 1999, sức khỏe Sư Bà suy sụp trầm trọng, dạy đệ tử thỉnh chư Tăng về làm lễ cầu siêu cho mình. Chúng đệ tử rọi lệ xin Thầy chậm chậm ra đi, nhưng Sư Bà bảo rằng không trì hoãn được nữa. Quý Thầy đến tụng Kinh cầu nguyện. Đệ tử đẩy xe đưa Sư Bà lên bạch Đại Tăng. Sư Bà vẫn ung dung tự tại và thành kính yêu cầu quý ngài tụng chú vãng sanh để cầu siêu và hộ niệm cho mình. Khi thấy các đệ tử buồn so, Sư Bà liền dạy:

- “Các con nên nhất tâm niệm Phật cầu nguyện cho Thầy tiêu hết dư nghiệp mà được vãng sanh”

Một hôm Sư Bà dạy:

- “Sau này Thầy đi rồi, chị em các con phải thương yêu lẫn nhau, phải tu học và sống theo chánh pháp.”

Và:

- “Các con phải dũng mãnh, tinh tấn niệm Phật khi còn khỏe. Trừ hao đến lúc bệnh, thân tâm mỗi nhọc, niệm Phật rất khó định tâm. Mê thì nhiều mà ngộ thì ít.”

Ngày 23 tháng 3 năm 1999, bác sĩ của Sư Bà vào thăm hỏi:

- “Thầy có biết khi đi rồi thì Thầy về đâu không?”

Sư Bà khẳng khái nhất quyết:

- “Về cõi Cực Lạc chứ về đâu!”



Đến ngày 26 tháng 3 năm 1999, vào lúc 21 giờ 27 phút, Sư Bà an lành vãng sanh trong tiếng hộ niệm của đại chúng. Sư Bà hưởng thọ 67 tuổi, 48 hạ lạp.

Sư Bà đã biết trước lúc ra đi. Hơn ba tháng trời từ lúc Sư Bà bệnh nặng cho đến cuối lễ “Trà tỳ”, đạo tràng Đức Viên luôn vang rền câu “NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT” không dứt. Câu Hồng Danh Vạn Đức đã vang lên, tỏa rộng khắp nơi, vượt cả mấy tầng trời, đúng như ước nguyện của Sư Bà đã từng tâm sự với các đệ tử:

- “Nơi đây có đạo tràng Đức Viên, giống như của Chư Tổ Tịnh Độ, mà tiếng niệm Phật vang rền không ngừng nghỉ”.

Tín tâm của đại chúng phát khởi và tăng trưởng, nhất là sau buổi “Trà tỳ” Sư Bà để lại gần trăm viên Xá Lợi, kích thước, hình dáng và màu sắc khác nhau. Có mảnh trắng đục như sữa, sắc óng như ngà, vàng nhạt, xanh cẩm thạch, trắng hoa tuyết, tím sen, đen huyền óng ánh. Đặc biệt là trái tim màu nâu đỏ, như bàn tay nắm lại của một em bé sơ sinh. Một cụ già thường đến niệm Phật, bảo rằng:

- “Bây giờ không tin cũng phải tin, đây là chứng cứ hiển nhiên nhất!”

*(Trích Vãng Sanh Lưu Xá Lợi –Tịnh Hải sưu tập)*

## **16. Thầy Thích Minh Đạt (? - 1997)**

Sa Di Thích Minh Đạt, tục danh là Nhâm Ngọc Hựu. Từ 20 tuổi đã giàu lòng thương người. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đồng đội bị Tây bắn chết, không quần áo chôn, ông đã tặng cho bạn bộ quần áo của mình.

Lớn lên, ông đi lính làm sĩ quan Quân Nhu, nơi đơn vị mà bao sĩ quan Quân Nhu khác làm giàu, còn ông thì liêm khiết trong sạch, sẵn lòng giúp đỡ cho binh sĩ trực thuộc và bạn nghèo.

Năm 1975, ông cũng cha bị tê liệt xuống tàu ra nước ngoài.

Thời gian ở hải ngoại suốt 20 năm, sau khi nuôi nấng bảy người con thành nhân, ông tự tìm con đường giải thoát cho mình.

Khởi đầu, ông đến một ngôi chùa bên Pháp (vào năm 1995) xin xuất gia, vị Hòa Thượng chấp thuận và ban cho Pháp hiệu là Minh Trí. Nhưng sau đó một số tu sĩ lân cận Hòa Thượng chê Thầy già, không có giọng tụng kinh tốt, cản trở không cho Thầy thọ giới cụ túc.

Thầy Minh Trí lặng lẽ ra đi, tìm đến một vị Thiên Sư, nhưng vị này chỉ thu nhận với điều kiện phải có sự giới thiệu của Bôn Sư.

Từ ngày lìa Âu Châu, Pháp hiệu Minh Trí được đổi thành Minh Đạt.

Ngày 23 tháng 9 năm 1997, đáp ứng sự mong chờ của chúng Phật tử Ottawa, Thầy đến trụ tại chùa Từ Ân Canada, mà từ lâu được mang tên là chùa “Đơn cô, bất hạnh”

\* Khóa lễ đầu tiên khi Thầy Minh Đạt được Ban Trị Sự giới thiệu Thầy với Phật tử, Thầy nói:

- “Chúng ta, hôm nay tụ hội về đây đều là anh em cùng một cha, đó là Đấng Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Xin Quý vị hãy tinh tấn tu học, hành trì giáo pháp của Chư Phật để cầu vãng sanh, đạt giải thoát ngay trong hiện kiếp này. Chúng ta không chờ một sự cứu rỗi nào từ bên ngoài, chính chúng ta quyết định đời sống tâm linh của chúng ta...”

Qua vài lời ngắn gọn đủ cho ta thấy tinh thần quyết tâm tu tập cao độ của Thầy. Có lần, Thầy đã khuyến tấn Tuệ Đạt về hạnh nhẫn nhục:

- “Ai mắng chửi, nguyên rửa anh, anh đừng giận. Anh hãy thành tâm niệm Phật và tôn người ấy làm sư phụ, vì chính người ấy đã dạy anh một bài học nhẫn nhục”.

Mỗi ngày, từ khuya Thầy đã thức dậy, lễ Phật trì chú Lăng Nghiêm, tụng kinh, kinh hành. Trong ngày, Thầy chăm chú vào học nội điển, không biếng trễ bỏ thời.

Những gia đình Phật tử có tang lễ cần siêu độ cung thỉnh, Thầy không khước từ, cũng không nhận khoản thù lao nào.

Trong cơn bệnh hoạn nguy cấp, Thầy vẫn hết lòng lo hộ niệm cho người Phật tử sau cùng là bà Bích Hằng. Dù lúc ấy, sức khỏe rất yếu mà Thầy chẳng bỏ sót một khóa lễ nào. Lễ xong, Thầy đi bác sĩ; ở phòng mạch ra, Thầy đi thẳng tới nhà Phật tử để cho kịp khóa lễ. Một câu tụng là một cơn ho. Sau lễ hỏa táng, Thầy phải nhập viện rồi từ bệnh viện về, Thầy lên chánh điện ngay để chủ lễ tụng niệm. Thầy đã ghi mấy câu trong phòng để tự sách tấn mình:

“Phải tinh tấn hôm nay,  
Kéo ngày mai không kịp.  
Cái chết đến bất ngờ,  
Không thể nào mặc cả.”

Đến ngày 9 tháng 12 năm 1997, như thường lệ, sau khi ăn chiều xong, Thầy vào phòng nằm nghỉ. Ông Triệu về, đạo hữu Như Hoa đến lúc 7 giờ tối, cửa phòng còn đóng, cô không dám gõ cửa để Thầy nghỉ. Tới 12 giờ khuya, khi thức giấc thấy đèn còn sáng, Bác Trang mở cửa vào, thì thấy Thầy hai mắt nhắm, hai tay chắp vào nhau để trên bụng trong tư thế thật an nhiên tự tại, hơi thở đã ngưng hẳn tự bao giờ. Lúc đó rạng ngày 10 tháng 12 năm 1997.

Sau lễ “Trà tỳ”, thu nhận được rất nhiều Xá Lợi, to nhỏ đủ cỡ, nhiều màu khác nhau: Xanh, tím, vàng, hồng, đỏ,... được tăng đoàn Việt Nam và cả quý Sư Tây tạng xác nhận đó là Xá Lợi của một vị tu hành đặc quả.

Tất cả Xá Lợi đều được tôn thờ tại chùa Từ Ân.

*(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)*

## 17. Lão Cư Sĩ Lư Nhiên Phú (1929 – 2000)

Lão Cư Sĩ Lư Nhiên Phú, pháp danh là Chúc Quý, người Việt gốc Hoa, sinh năm 1929, tại Trung Quốc. Năm 17 tuổi, ông sang Việt Nam sinh sống rồi lập gia đình và định cư ở Sài Gòn.

Vì gia cảnh nghèo khó nên ông không được ăn học, nhưng bản tính lại chất phác lương thiện. Ông có hết thảy tám người con, bốn trai, bốn gái. Vợ chồng ông ăn hiền ở lành, thỉnh thoảng đi chùa. Các con ông thì đến chùa nhiều hơn và cũng có người đã quy y Tam Bảo.

Đến năm 1991, ông sang Mỹ. Sau đó, quy y tại chùa Phật Bảo, được thượng tọa Thích Thanh An đặt cho pháp danh là Chúc Quý.

Ông thường đến chùa nghe pháp và dự các buổi Bát Quan Trai. Ông tu tinh tấn hơn nhiều người. Bất kể mọi khó khăn của thời tiết, dù mưa gió, dù trời lạnh đến đóng băng, ông cũng đến chùa Quang Minh mỗi sáng Chủ Nhật để dự khóa Hồng Danh Sám Hối. Nhờ đó, những tập khí của ông từ từ rơi rụng, nhất là tánh nóng nảy và tính nguyên tắc. Trước kia trong nhà, ai làm điều gì trái ý là ông la hét ngay, hoặc đến giờ dùng cơm thì mọi người phải đủ mặt, cùng ngồi vào bàn. Nhưng, từ lúc thâm nhuần Phật pháp thì ông trở nên dễ dãi, hiền hòa, hiền như ông Phật; dứt hết tất cả mọi thông lệ. Ông thường lặng lẽ ngồi riêng một mình, khi ăn ông cũng ăn riêng; ai làm gì thì làm, ông đều không quan tâm gì hết; cả đến vật cứng rớt trúng chân mà ông cũng không phản ứng kêu đau. Và ông thường hay đem những điều đã học ở chùa về giảng giải cho vợ con nghe.

Có lần ông hỏi người bạn đạo, là liên hữu Minh Hiền:

- “Niệm Phật cách nào mới thực sự vãng sanh, hầu thoát khỏi luân hồi sanh tử?”

Liên hữu đáp:

- “Niệm Phật phải thật tha thiết, phải quên hết tất cả lục dục tầm thường hàng ngày, như cảnh tình vợ con hãy ráng bỏ, đừng để bị ràng buộc, phải sửa đổi tánh cho được nhu hòa, hiền hậu. Thì ngày ra đi chắc chắn chúng ta sẽ được như ý”.

Ông trầm ngâm suy nghĩ giây lâu rồi nói:

- “Ngộ sẽ cố gắng thực hiện để được vãng sanh!”

Cứ thế, mỗi lần gặp bạn đạo là ông gợi chuyện về niệm Phật và vãng sanh. Hôm nọ, ông than với bạn:

- “Ngộ (tôi) niệm Phật sao còn nhiều vọng tưởng quá!”

Minh Hiền giải bày:

- “Anh nên dùng cách niệm Phật “công cứ”, nghĩa là tự qui định mỗi ngày mình sẽ phải niệm bao nhiêu lần danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật.

Như vậy, mình sẽ diệt được vọng tưởng và không lơ là trong việc niệm Phật”.

Mặc dù kém về chữ nghĩa, nhưng ông là người có ý chí “Lão thật niệm Phật” cầu sanh Tây Phương.

Công phu thường nhật của ông là mỗi tối và khuya tụng kinh A Di Đà và Bát Nhã Tâm Kinh, niệm Phật mỗi ngày 6 tiếng đồng hồ 300 xâu chuỗi, đồng thời quán tưởng Phật A Di Đà. Lúc ông niệm Phật, nhiều khi ai hỏi gì ông đều chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng hiểu gì cả.

Ông là người mộc mạc, thật thà. Đối với Phật pháp điều nào không biết thì ông đem hỏi ngay, không do dự, không sợ xấu hổ. Có hôm ở giữa pháp hội, ông hỏi Đại Đức Minh Chí, trụ trì chùa Quang Minh:

- “Thưa Thầy, đang ngồi tụng kinh hoặc nghe pháp mà lỡ bị đau bụng thành linh, phải “đánh rắm”, như thế có tội không?”

Cả đại chúng ai cũng ôm bụng cười, Thầy cũng cười trả lời:

- “Trường hợp bất khả kháng thì Phật tha, nhưng mà ráng tránh thì tốt hơn”

Ông lại hỏi tiếp:

- “Lỡ tránh không nổi thì sao Thầy?”

Hội trường phát lên một trận cười lớn hơn!

Lần khác, cũng tại chùa Quang Minh, ông cũng hỏi Thầy:

- “Kính bạch Thầy! Chân con đau không ngồi kiết già và bán già được.

Xin Thầy chỉ cho con cách ngồi niệm Phật thoải mái?”

Thầy Minh Trí trả lời ba cách ngồi niệm Phật theo sự chỉ dẫn của Hòa Thượng Thích Đức Niệm:

- “Bác đau chân không có ngồi kiết già và bán già được, thì bác cứ việc ngồi duỗi chân ra cho thoải mái để niệm Phật, đó gọi là “Tự do già”.

Ai cũng cười “Cái già tự do” của Thầy!

Từ sự rụt rè, lẻ loi của buổi ban đầu mới đến chùa, ông dần dần trở thành một “học viên xuất sắc” trong các khóa học và các buổi hoạt động cúng dường Tam Bảo, in kinh ấn tống, bố thí, phóng sanh...

Bằng tiếng Việt lơ lơ của người Hoa:

- “Đề tui mở hàng, đắt lắm!”

Thế là, ông đã gây hào hứng cho mọi người, ai cũng nung theo phước đức của ông mà hoan hi phát tâm.

Vài tuần trước khi vãng sanh, ông nói với con trai Út của ông là Thanh Trí:

- “Ngộ thấy Phật A Di Đà.”

Một hôm, ông tâm sự với liên hữu Minh Hiền:

- “Chắc ngộ không còn dịp trồng cây cho chùa nữa!”

Liên hữu hỏi:

- “Tại sao vậy?”

Ông bình thản đáp:

- “Tự nhiên tôi linh cảm như vậy!”

Đêm 15 tháng 5 năm 2000, khoảng 3 giờ khuya, ông dậy nấu cháo, rồi tụng kinh như thường lệ. Nhưng khác lạ hơn bình thường là ông tụng đến hai lần. Huệ An (cô con gái thứ Năm của ông), không hiểu sao trọn đêm đó không ngủ được; lắng nghe ông tụng trong lòng sinh nghi, linh cảm rằng sẽ có chuyện gì.

Sáng ngày 16 tháng 5 năm 2000, theo công khóa ông đi kinh hành, đột nhiên dừng chân lại một chậu kiếng, rồi nói:

- “Bà ơi! Uổng quá, mấy cây khổ qua trồng tới bây giờ, bỗng chết hết rồi”.

Vợ ông nghe nói, định lên tiếng nhắc ông hãy lo niệm Phật. Nhưng chưa kịp nói thì ông đã tiếp tục kinh hành và niệm Phật.

Một lát sau, ông kêu lên:

- “Bà ơi! Ngộ đau một bên mặt...”

Rồi sau đó:

- “Bây giờ nó đau xuống ngực”

Bà vợ vội chạy vô nhà lấy một viên Tylenol và nước đem ra cho ông uống, khi đưa thuốc cho ông thì ông hãy còn niệm Phật, nhưng khi bà trở vào trong nhà thì một thoáng sau, ông gục đầu xuống và thanh thân ra đi. Ông hưởng thọ 71 tuổi. Điều đặc biệt là gương mặt trẻ đẹp lại hơn.

\*\*\*\*\*

Một ngày trước khi mất, ông Chúc Quý có ghé chùa thăm liên hữu Minh Hiền. Minh Hiền mới mua ở Việt Nam về hai xâu chuỗi kim sa bằng cát vàng nấu lại. Minh Hiền hứa tặng ông một xâu, vì lúc đó không có mang theo. Ông Chúc Quý đòi trả tiền lại nhưng Minh Hiền không chịu. Hôm sau khi hay tin ông mất, Minh Hiền liền đem đến nhà quản trao xâu chuỗi tận tay ông. Lúc Minh Hiền cúi xuống, đặt xâu chuỗi vào tay ông, Minh Hiền nhìn mặt ông bỗng thấy mặt rạng rỡ hơn ngày thường, như trẻ hẳn lại. Do đó, ông tin chắc rằng bạn mình đã được vãng sanh, nên mới gọi riêng cháu Huệ An lại dặn nhỏ:

- “Khi thiêu xong hãy lưu ý tìm Xá Lợi!”

Nhiều bà con đến viếng cũng tấm tắc khen rằng:

- “Sao trông ông mặt mày rạng rỡ quá!”

\*\*\*\*\*

Trong thời gian chờ đợi thiêu hóa, cô con gái của ông là Huệ An đã nằm mộng thấy gia đình nhặt được nhiều kim cương trong tro cốt của Ba mình.

Quả đúng như thế, sau khi hỏa táng đã thu được:

1. 20 viên Xá Lợi tròn vo, to bằng đầu đũa ăn cơm, màu xanh đậm.
2. Khoảng 50 viên Xá Lợi nhỏ bằng đầu viết bích, có viên màu xanh đậm, có viên màu hồng sáng lấp lánh.
3. Hơn 300 mảnh xương nhỏ và đẹp có màu xanh nhạt pha trộn vân sáng trắng và một mảnh xương có 3, 4 màu sáng lấp lánh như xà cừ.
4. 60 hoa Xá Lợi có vòng tròn giữa có nhiều lỗ nhỏ, đủ các màu rất đẹp mắt.

Đặc biệt là có một viên xá lợi to bằng giọt nước và hình dạng giống như giọt nước, màu trắng tinh tuyệt đẹp.

Trước kia bình bông cúng Phật trong nhà, chỉ để hai tuần là héo. Vậy mà khi ông Chúc Quý mất, bình bông trải qua sáu tuần mà vẫn chưa héo.

*(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)*

## **18. Cụ bà Huỳnh Thị Dền (1917 - 2000)**



Cụ bà Huỳnh Thị Dền, pháp danh Quảng Khánh, sinh năm 1917, ngụ tại Bình Dương. Lập gia đình khi lên 19 tuổi, chồng làm nghề Đông Y, sanh được năm gái, một trai.

Bà tính tình hiếu thuận, từ hòa, giản dị, ưa bố thí, thích phóng sanh, thương yêu người nghèo khổ, giúp đỡ trẻ mồ côi... Nên ai ai cũng đều quý mến.

Thuở nhỏ, bà thường theo mẹ đến chùa lễ Phật, hạt giống Phật pháp sớm được nảy mầm, bà bắt đầu biết niệm Phật từ đó. Lúc mẹ qua đời, bà tự tay nấu nướng cúng dường 14 vị Sư.

Năm 1968 chồng mất, bà thủ tiết nuôi con.

Bà thường niệm Nam Mô A Di Đà Phật, khi buồn cũng như khi vui, khi các con bệnh bà lại càng tha thiết niệm Phật nhiều hơn.

Năm 1978, gia đình bà sang Mỹ, hai năm sau định cư tại Sacrameto.

Đến năm 1990, cả nhà đều quy y Tam Bảo với Sư Bà Diệu Từ tại chùa Diệu Quang.

Trong 10 năm, hàng ngày các con bà đi làm, bà ở nhà một mình, càng chuyên tinh niệm Phật. Khi bà bệnh, các con đề nghị bà nên niệm Phật Dược Sư để uống thuốc, bà bảo:

- “Mẹ đã quen niệm Nam Mô A Di Đà Phật rồi, Phật nào cũng là Phật, là đáng cao cả thiêng liêng. Phật A Di Đà cũng là đấng Y Vương”

Sau này vì già yếu, bà ít đi chùa hơn trước, nhưng luôn khuyên con cháu đi chùa để nghe Pháp, tụng kinh và niệm Phật, được vậy bà mới vui. Hàng tháng, bà còn động viên các con cháu đến chùa để thọ Bát Quan Trai và làm Phật sự, nhất là vào những ngày lễ lớn; từ sáng, là bà đã đánh thức các con dậy về chùa làm công quả rồi trưa về ngủ tiếp. Vì gia đình bà phát nguyện cúng dường toàn bộ rau cải (làm rau ghém) cho Phật tử dự lễ.

Riêng bà thì thích đi ngày thường, bởi dễ gặp Thầy (Sư Bà) để thưa hỏi về pháp môn niệm Phật. Mỗi lần được gặp riêng Thầy, bà mừng lắm. Có bữa nọ đi chùa về, cô Quảng Duyên hỏi:

- “Hôm nay mẹ đi chùa về có mệt không?”

Bà khoe:

- “Bữa nay, mẹ cầm tay Thầy, mẹ tưởng chừng như đang nắm tay một vị Phật sống. Từ đây về sau, tụi con không nên làm điều gì phật ý Thầy mà mang tội với Phật đó!”

Ngày 22 tháng 3 năm 2000, giữa đêm thức giấc, dậy đi ra ngoài, khi sắp bước trở vô phòng, bà chăm chú nhìn ra cửa sổ thấy bên ngoài vùng trời đêm bỗng rực sáng và toàn là bông hoa tuyệt đẹp. Bà bèn hỏi cô con gái lớn:

- “Sao bông hoa đâu mà nhiều quá vậy?”

Con bà liền nhìn ra chẳng thấy gì cả, liền đáp:

- “Đâu có gì đâu!”

Ngày 7 tháng 5 năm 2000, khi ngủ trưa dậy, bà thuật lại rằng:

- “Mẹ vừa nằm mơ thấy đi đến một cảnh tuyệt đẹp! Toàn là hoa, thật là nhiều hoa đẹp!”

Ngày 18 tháng 5 năm 2000, trong phòng bà xuất hiện một mùi thơm kỳ lạ, qua hôm sau cũng thế, tựa tựa mùi nước hoa mà không phải.

Thường ngày, bà rất thích nghe băng kinh và băng thuyết giảng của Sư Bà Diệu Từ. Đặc biệt là cuốn băng Báo Ân Phụ Mẫu. Nên trước khi ngủ, bà nghe băng, lúc thức dậy thì nằm im niệm Phật.

Đến ngày 20 tháng 5 năm 2000, bà còn ngồi nói chuyện vui cười với cháu con. Tâm trí bà rất tỉnh táo. Những lúc mệt mỏi thì bảo người nhà đỡ nằm xuống. Lúc đó, bà nằm yên lếp nhép niệm Phật, con bà ghé sát hỏi khẽ:

- “Mẹ! Mẹ nói gì?”

Bà lắc đầu:

- “Không, để yên mẹ niệm Phật.”

Nhìn thần sắc biết bà đang mệt và yếu nhiều hơn. Sau khi bàn bạc các con đưa bà vào nhà thương để truyền nước biển.

Vào bệnh viện 11 giờ 30 đêm, ngày 20 tháng 5 năm 2000, bác sĩ khám, y tá xét nghiệm máu và chụp hình phổi. Khoảng 1 giờ sau, bác sĩ cho biết huyết áp bà xuống thấp, trong người thiếu Potassium và cảm nên cho trụ sinh vào nước biển. Bà suốt ngày hôm sau có khi khô khi không, thường nằm yên nhắm mắt, miệng lếp nhép niệm Phật.

Tối 21 tháng 5 năm 2000, khoảng 9 giờ bà muốn uống thuốc sủ, con bà hỏi:

- “Mẹ muốn xin y tá thứ thuốc làm cho phân xốp hay uống nước trái prune?”

Bà đáp:

- “Mẹ muốn uống prune!”

Vài giờ sau bà đi cầu mấy lần.

Đến 5 giờ sáng ngày 22 tháng 5 năm 2000, đáp ứng lời thỉnh cầu qua điện thoại, Ni Sư Tịnh Lạc, Sư Cô Tịnh Minh và cô Quảng Hảo đến bệnh viện thăm bà. Khi ấy, bà lên cơn mệt nhiều. Ni Sư bảo mọi người chia nhau đứng hai bên giường và đến gần nói với bà:

- “Chúng tôi niệm Phật A Di Đà cho cụ nghe và cụ niệm theo nhe!”

Bà tuy mệt nhưng gật đầu mỉm cười, tự sửa lại thế nằm, duỗi thẳng chân ra trông có vẻ thoải mái, nét mặt không còn thấy mệt nữa. Ni Sư và sư Cô đồng cất tiếng:

- “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật”

Tất cả mọi người đều niệm theo.

Tới 8 giờ 10 phút tối ngày 22 tháng 5 năm 2000, bà trút hơi thở cuối cùng trong tiếng hộ niệm. Bà hưởng thọ 84 tuổi. Ni Sư bảo tất cả niệm Phật liên tục đừng ngừng nghỉ.

Được 20 phút sau, Ni Sư cùng cô Quảng Hảo đồng reo lên:

- “Phật pháp thật nhiệm mầu!”

Lúc đó, da mặt của bà bỗng chuyển sang màu hồng và sáng lên, da căng thẳng ra mất hết các nếp nhăn mấy phút trước đó, và những điểm lấm tẩm trên gương mặt cũng tiêu hết. Chỉ còn một màu hồng hào tươi trẻ như người phụ nữ khoảng 50 tuổi.

Vì lúc mất miệng bà há ra để thở. Nhưng khi da mặt bà đổi màu hồng thì bỗng nhiên cảm dưới từ từ đưa lên và khép kín miệng lại.

Ni Sư Tịnh Lạc và Sư Cô Tịnh Minh từ giã ra về. Mọi người còn lại vẫn tiếp tục hộ niệm.

Đến 9 giờ 40 tối, lúc ấy cô Quảng Duyên đứng kế bên ngang đầu bà, bỗng trông thấy hai trái tai dài ra hơn bình thường. Cô hơi sợ lui ra sau để đổi em cô đứng vào, song đôi mắt vẫn dán vào đấy.

Trái tai của bà vẫn còn dài ra. Cô liền khều người chị và Quảng Hảo, rí tai chỉ cho họ xem.

Kể từ khi bà mất, lúc mọi người niệm Phật, nhân viên nhà thương tôn trọng vấn đề tôn giáo nên không ai đến quấy rầy. Các con bà và cô Quảng Hảo đồng niệm suốt 12 tiếng đồng hồ.

Sau lễ hỏa táng thu được rất nhiều xá lợi.

*(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)*

## **19. Bà Huỳnh Ngọc Tuyết**

Bà Huỳnh Ngọc Tuyết ở Chợ Lớn, gốc người Hoa. Chồng là Trần Hòa Bình, nguyên chủ trại chim bồ câu Đông Phương Thủ Đức và công Ty Đông Phương Mật Ong tại đường Hai Bà Trưng.

Vào năm 1979, gia đình bà sang Mỹ định cư theo diện di dân do thân nhân bảo lãnh, và ngụ tại Dallas, Texas.

Vài năm sau, chồng bà mở tiệm buôn bán. Với kinh nghiệm sẵn có, ông đạt được thành tựu. Buổi trưa nọ, tiệm bị cướp, ông bị giết tại hiện trường, lúc ấy 55 tuổi.

Nỗi đau vô cùng to lớn, vô cùng bất ngờ thành linh giáng xuống, bà tuyệt vọng không lối thoát như đang bước trên ngõ cụt.

Nhờ sự giúp đỡ của chùa Phước Quang, sau khi hậu sự kết thúc, Thượng Tọa Thích Trí Hiền tặng cho bà và ba người con mỗi vị một quyển kinh Địa Tạng; khuyên đừng khóc buồn nữa, hãy về đọc tụng và hồi hướng cho ông Bình. Bà vâng theo, cơn đau sàu dần dần tan biến. Kế đó, bà quy y Tam Bảo, được Pháp Sư Tịnh Không đặt cho pháp danh là Diệu Âm.

Từ đó (1991), bà trở nên vui vẻ, bắt đầu ăn chay trường, thường xuyên đến chùa nghe pháp, tụng kinh, niệm Phật, làm công quả và hăng hái tham gia các Phật sự khác.

Năm 1992, Tịnh Trung Học Viện được khai mạc, bà kết bạn với Hàn Quán Trưởng. Được bà Hàn Anh khích lệ, phạm vi Phật sự mở rộng nhiều thêm, nhất là thành lập một “Phái Đoàn Niệm Phật” để trợ niệm cho những người sắp lâm chung.

Có lần, con bà hỏi:

- “Ở chùa buồn quá, có gì vui đâu mà mẹ đi hoài vậy?”,

Bà đáp:

- “Bây giờ là lúc mẹ vui nhất, sống một cuộc đời có ý nghĩa. Bố của con vô lộn nghề rồi. Con đọc kinh nhiều rồi sẽ thấy sự thật”

Một ngày nọ, bà vương bệnh ung thư tử cung. Sau khi phẫu thuật ra viện bà tiếp tục tu học, công quả như trước.

Đến năm 1994, bệnh tái phát, Bác Sĩ đề nghị nên làm quang tuyến, nếu không sẽ bộc phát rất nguy hiểm, bà từ chối.

Bà nói với các con:

- “Tất cả đều là chúng sanh, cùng một nhà, nếu tôi có nợ gia đình họ thì tôi sẽ trả, tôi không muốn cảnh chia ly, tôi đã nói với họ rồi, tôi sẽ không làm gì hết, hãy an tâm!”

Sức khỏe của bà lúc này suy kém nhiều nên ít tới chùa, chỉ ở nhà tụng niệm, lạy Phật, nghe băng giảng pháp mỗi ngày.

Thời gian lâu sau, chiều thứ năm, Huệ Nghi (con gái lớn của bà) đi làm về bà nói:

- “Hai năm nữa mẹ vãng sanh”

Nói xong bà mỉm cười.

Con bà la lên:

- “Trời ơi! Khổ quá mẹ ơi!”

Đầu năm 1995, bà bị ho, bác sĩ bảo trong phổi có những đốm nhỏ và cho thuốc uống, nhưng không giảm. Thể trạng suy sụp trầm trọng, nên bà không đi ra ngoài nữa; bạn bè bà con thường ghé thăm. Hôm nọ, qua cơn ho dữ dội, bà nhất quyết:

- “Vạn duyên buông xuống, vạn ngữ buông xuống, nhất tâm niệm Phật”.

Có lần, bà ôm đứa cháu ngoại 2 tuổi là Tuấn vào lòng và nói:

- “Bà có bệnh phải đi, không phải chết. Cháu đừng có buồn mà khóc khi nào nhớ bà thì cứ niệm một câu A Di Đà Phật. Vì bà bị ung thư nên phải ngủ thật nhiều. Cháu ráng học cho giỏi để sau này giúp các Sư dịch kinh sách.”

Từ đó, cháu bà không đến thăm bà nữa. Rồi bà đến thăm mẹ. Lúc từ giã, bà nói:

- “Vú gắng niệm Phật, con về nhé! Từ nay, con không đến thăm vú nữa. Nam Mô A Di Đà Phật!”

Đối với bà con, anh em, bạn bè, bà Tuyết từ giã bằng cách mua tặng hình Phật, xâu chuỗi, đèn, chuông mõ. Bà gửi hình Tây Phương Tam Thánh về Việt Nam tặng cho anh em và gửi qua Cali cho đứa em út tên Huỳnh Hón Vinh và viết thư như sau:

- “Lúc này chị ho dữ lắm. Nhưng không sao, chị vui vẻ chấp nhận, nghiệp chướng sẽ chuyển. Người càng ngày càng ốm (còn 39 ký lô), nhưng lòng chị càng ngày càng sáng, cũng nhờ Phật độ cho mình biết đường hướng nào phải đi cho đúng.

Vài lời thăm gia đình em.  
Chị Huỳnh Ngọc Tuyết”

Trong thời gian này ba cô con gái thay phiên chăm sóc cho bà. Cô con út phải nghỉ việc, luôn túc trực bên cạnh, giữ không cho ai đến thăm. Theo lời bà dặn, từ chối tất cả các điện thoại, sẵn sàng gánh chịu mọi phật lòng (nhất là đối với những người thân quyến, bằng hữu không am tường về Tịnh môn). Chỉ trừ những Pháp Sư của Tịnh Trung Học Viện thường đến hộ niệm, Sư Cô Mãn Ya và Thầy Trí Hiền được vô nhà mà thôi.

Bà quyết tâm vãng sanh Cực Lạc, chặt đứt tất cả tình cảm vật chất. Ngoài con đường giải thoát ra, bà không còn mong muốn gì hết. Bà thường tự nhủ:

- “Nếu như không dứt tất cả thì mình sẽ đi không kịp nữa.”

Ngay cả tình bạn đạo, cho dù họ có muốn tụng kinh, hộ niệm cho bà, bà cũng chối từ. Bà nhất quyết ra đi. Bà không tiếc điều gì. Bà chỉ bố thí.

Bà từng nhắc các con hãy đọc thật kỹ quyển sách: “Lâm Chung, Những Điều Cần Biết”, vì mong rằng quý Thầy và các con hộ niệm suốt 8 giờ, sau khi mình mãn phần.

Cuối năm 1995, mùa Giáng Sinh sắp đến, bà bảo con mua tấm thiệp Giáng Sinh, hộp kẹo chocolate và viết vài chữ: “Rất cảm ơn bác sĩ, từ trước tới nay đều do ông chăm sóc trị bệnh tôi, từ nay trở đi tôi sẽ không tới nữa”, rồi đến phòng mạch trao tận tay bác sĩ và nói: “Tôi rất là cảm ơn!”

Sau đó, phái đoàn bệnh viện tới, bác sĩ gửi rất nhiều loại thuốc. Khi họ ra về, bà căn dặn các con:

- “Lấy thuốc cất đi để dành, sau khi mẹ đi rồi mới đem trả lại cho cô y tá, vì thuốc này có thể trị bệnh cho người khác, còn mẹ tự biết, bệnh của mẹ không còn cách nào chữa được nữa!”

Từ từ bà yếu hơn, càng ốm hơn, quần áo mặc hết được. Tuy vậy, công phu niệm Phật càng tăng, bà thường bảo các con:

- “Hãy lo niệm Phật, niệm Phật sẽ giúp ích cho các con về sau; lúc đó, các con sẽ hiểu không cần phải nói.”

Hoặc là:

- “Các con đi niệm Phật, tụng kinh, lạy Phật. Lúc này, là lúc tốt nhất cho các con, hãy giữ lấy cơ hội này, về sau thời gian này, sẽ không có nữa!”

Cả ba đều nghe lời làm theo.

Về sau, bà phải dùng máy thở oxygen. Một hôm, cô y tá hỏi Huệ Nghi:

- “Có phải mẹ cô đang chờ, mong mỗi chuyện gì đó không?”

Huệ Nghi đáp:

- “Không có!”

Cô y tá nói tiếp:

- “Thông thường, một người bị ung thư không thể nào kéo dài lâu vậy đâu; da của mẹ cô vàng hết cả rồi!”

Huệ Nghi phân bua:

- “Có thể do mẹ tôi tụng kinh, niệm Phật nên có sức chịu đựng lâu dài.”

Cô y tá vẫn ngơ ngác, không sao hiểu nổi.

Qua Tết, có lần bà nói:



- “Đừng lo nấu nướng chi cho nhiều, hãy tập ăn uống giản dị là tốt nhất, mẹ thích nhất là các con cùng niệm Phật chung với mẹ là mẹ vui sướng nhất!”

Thế là cả ba đều vô phòng ngồi niệm Phật chung với bà hoài, giống như mấy ông Sư.

Ngày 26 tháng 2 năm 1996, cô con Út của bà gọi điện thoại cho Sư Ông Tịnh Không, và hỏi:

- “Thưa Hòa Thượng! Sao mẹ con ngủ nhiều quá, không biết có lỗi mất cơ hội vãng sanh không?”

Hòa Thượng đáp:

- “Không thể!”

Cô hỏi tiếp:

- “Thưa Hòa Thượng, khi nào mới có thể cho mẹ con uống cái hột Xá Lợi?” (Bởi vì trước đây, có cư sĩ bày cho cô như thế nên định làm theo.)

Sư Ông liền quở:

- “Học Phật Pháp, tại sao không biết tôn trọng hạt Xá Lợi!”

Rồi nhắc:

- “Nhắc với mẹ là, Tây Phương Tam Thánh đang ở ngoài cửa, mẹ hãy an tâm mà đi lúc nào cũng được!”

Vào một buổi chiều, Thầy Trí Hiền và hai vị đệ tử ghé thăm, bà nói:

- “Họ đứng ngoài cửa đông lắm, tụi nó đứng chen nhau đầy cả phòng. Khi niệm A Di Đà Phật thì tất cả biến mất!”

Đến ngày 28 tháng 2 năm 1996, lúc 7 giờ, con bà gọi điện thoại đến Tịnh Trung Học Viện cho biết là bà sắp ra đi. Đến 8 giờ 30 phút, Đại Đức Wu-Kai cùng năm vị Pháp Sư vào phòng bắt đầu cuộc hộ niệm. Lúc ấy, bà thở rất yếu, không nhúc nhích nữa.

Khoảng 10 giờ, trong phòng tự nhiên xuất hiện một mùi hương không biết từ đâu, con bà đang niệm Phật, bỗng nhiên phải trở mắt tìm xem chuyện gì, sao mà thơm quá, rồi ngỡ có ai xúc dầu, nhưng khi bước ra khỏi phòng thì không có mùi gì cả.

Sau 11 giờ trưa, ánh sáng giống màu hạt gạo hơi vàng chiếu qua cửa sổ, xuyên qua bức màn màu trắng khiến cho nguyên cả phòng đều sáng rực. Ánh sáng ấy xuyên qua như thế thì gương mặt của bà thay đổi. Hôm ấy, là một ngày âm u không có ánh mặt trời. Hơn nữa, ngôi nhà kê bên thật cao cho nên trọn năm, ánh sáng chưa bao giờ lọt vào nhà bà. Nhưng bảy giờ, tất cả căn

nhà của bà đều sáng rực, hoàn toàn sáng rực, không có bóng của người. Ánh sáng ấy sáng hơn cả ánh sáng mặt trời, không thể nói được. Chữ nghĩa thế gian không thể diễn tả được ánh sáng ấy, ánh sáng ấy tỏa xuống làm mất tiêu hết cả các bóng.

Đến 11 giờ 23 phút, bà đi vào thế giới Cực Lạc, đi trong ánh quang minh của Phật một cách an nhàn, thanh thản. Sau đó, báo tin cho liên hữu hay; có khoảng 60 người đến luân phiên trợ niệm, suốt 26 tiếng đồng hồ.

Vào buổi tối hôm đó, mùi thơm lại tỏa ra khắp từ phòng bà ra tới phòng khách. Các cư sĩ ngồi niệm Phật ở hành lang và phòng ngoài đều ngủ được. Về sau, có người hỏi Sư Ông Tịnh Không. Ngài cho biết đó là: “Chư Thiên xuống coi vì có người vãng sanh”.

Đến 19 giờ 30 phút, mới gọi bác sĩ đến để làm chứng. Cô y tá lập tức vào phòng bà. Đại Đức Wu-Kai nhắc nhẹ tấm khăn phủ mặt để cô y tá xem, rồi cô gật đầu đồng ý. Huệ Nghi đem trả lại những hộp thuốc để dành từ trước, cô y tá rất ngạc nhiên, cầm lên coi, những bao ni-lông còn nguyên chưa mở. Cô chăm chú nhìn bà Tuyết. Lúc đó, có người đang đứng lạy, cô cũng bắt chước làm theo, lạy một lạy, đọc A Mi Thò-Phò một câu rồi ra về.

Đến 13 giờ 30 hôm sau (29 tháng 2 năm 1996) di chuyển nhục thân của bà, nhục thân vẫn còn mềm, không có mùi hôi. Thực sự, trong vòng một tháng trước, bà đã không tắm, không gội, vậy mà lúc ấy, nhục thân của bà vẫn không hôi.

Thân nhân của bà lúc bấy giờ, không khóc lóc, ngược lại rất vui vẻ. Ba cô con gái biết mẹ mình chắc được vãng sanh nên rất đổi vui mừng. Tình mẫu tử như thế, người ngoài khó hiểu được. Bạn đồng tu cũng lộ nét hân hoan.

Sau khi làm lễ thiêu hóa, thu được rất nhiều ngọc Xá Lợi. Gồm hạt Xá Lợi và hoa Xá Lợi, được đưa về Tịnh Trung Học Viện Dallas để mọi người chiêm ngưỡng.

*(Thuật theo lời Huệ Nghi- con gái của bà)*

*(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi –Tịnh Hải sưu tập)*

## **20. Ông Lê Văn Hiếu (1940 - 2001)**

Lê Văn Hiếu sinh ngày 23 tháng 11 năm 1940, trong một gia đình trung lưu tại Long An. Sau, dời về Xóm Củi ở Chợ Lớn và thường đi chùa Long Vân với bà ngoại và biết tụng kinh hồi nhỏ.

Hơn 10 tuổi, đã đi theo Sư Ông chùa Long Vân hộ niệm cho người hấp hối hoặc dự các đám tang.

Lớn lên, Lê Văn Hiếu đi lính. Là một thanh niên có tâm đạo nên dù ở đâu, hễ rảnh là đến chùa lễ Phật, nghỉ phép về nhà, lại theo bà ngoại đi chùa.

Mấy năm sau giải ngũ, Hiếu lập gia đình với Nguyễn Ngọc Nuôi. Có tất cả là tám người con, một trai, bảy gái. Sinh sống bằng nghề buôn bán ở Chợ Lớn.

Vào các ngày rằm, ngày lễ, Hiếu thường theo đoàn hành hương viếng các chùa Ân Quang, chùa Trà Cú, Bến Tre, Mỹ Tho, Núi Bà...

Năm 1982, ông cùng vợ con quy y Tam Bảo với Hòa Thượng Thích Thành trụ tại chùa Đông Hưng ở Thủ Thiêm. Hiếu được Pháp danh Đồng Hưng và vợ là Đồng Thịnh.

Hiếu là một người có tâm đạo, buôn bán thì luôn bán rẻ cho mọi người, không hề nói thách. Đi chùa nào, thì lo tiếp tay với các Sư xây dựng sửa sang chùa ấy.

Năm 1992, ông qua Mỹ, dành dụm tiền gửi về Việt Nam tu bổ chùa Long Vân. Các con ông muốn xin vô làm việc ở sông bài, ông cấm ngặt không cho.

Chẳng bao lâu, Hiếu bị bệnh tiểu đường. Bệnh này thường kéo theo huyết áp cao, lá lách sưng và thận bị hư nặng. Sau đó, chân ông bị liệt, không còn đi được nên không thể quy lạy Phật.

Thấy ông bị bệnh nặng, ngồi một chỗ buồn bực, bà sợ chồng mình tự vận để khỏi phải đau đớn, nên thường đến bên cạnh khuyên rằng:

- “Mẹ con em sẽ tận tâm chăm sóc cho anh, anh đừng nên nghĩ đến hủy hoại thân. Anh hãy ráng tĩnh tâm rửa sạch nghiệp. Chỉ có Phật A Di Đà mới cứu độ được anh. Anh hãy ráng lo niệm Phật.”

Ông trả lời:

- “Tôi biết mà bà, tôi lúc nào mà không niệm Phật!”

Mỗi ngày sáng và chiều, ông đều thấp nhang xá Phật, vì không lạy được. Đúng giờ, ông đều nhắc vợ con chuẩn bị thấp nhang. Những giờ khác, ông nín lặng ngồi nghe băng giảng, hoặc lặng lẽ ngồi nghe máy niệm Phật và niệm theo.

Ông âm thầm hành trì như thế, mãi đến cuối tháng giêng năm 2001, bệnh bắt đầu trở nặng; gia đình đưa ông đến bệnh viện Fairfax. Tại đây, ông hoàn toàn đi vào cơn hôn mê. Vợ ông cấp tốc cung thỉnh Sư Cô Luân Liên, Trí Liên cùng các liên hữu đến để tụng kinh cầu nguyện và trợ niệm cho ông.

Khi đoàn người đến bệnh viện, khắp thân ông toàn là dây sợi chằng chịt của các biểu đồ theo dõi lâm sàng, và ống tiếp trợ từ bình dưỡng khí. Bạn của ông là Thiện Viên, nhìn thấy ông bất động liền ứa nước mắt, đến bên cạnh nói khẽ:

- “Anh hãy cố phần đấu trong cơn bạo bệnh, vắng anh các cháu sẽ khổ lắm!”

Sư Cô Luân Liên liền ngắt:

- “Trong tình huống này, tuyệt đối không được khơi động tình cảm gia thế của chú; nó sẽ làm trở ngại rất lớn trong việc hộ niệm cho chú ấy.”

Nói xong, Sư Cô tiến đến bên giường bệnh nhân; bằng âm điệu đều đều và nhẹ nhàng:

- “Chú Đồng Hưng, hôm nay Sư Cô đến đây để niệm kinh cầu nguyện cho chú, chú hãy tịnh tâm gạt bỏ mọi tình cảm thế gian, dứt bỏ mọi tạp niệm, nhứt tâm niệm Hồng Danh A Di Đà, cầu nguyện lực của Ngài tiếp độ cho chú.”

Mặc dù trong cơn nửa tỉnh nửa mê, nhưng sau những lời pháp nhẹ nhàng từ ái của Sư Cô, toàn thân ông chân động, môi mấp máy, mi mắt cùng mấy ngón tay rung động, chiếc giường chuyển động lên xuống mấy lần.

Sư Cô cho biết là ông đã cảm nhận được, mặc dù trong cơn hôn mê; Sư Cô hướng dẫn mọi người niệm chú Dược Sư và niệm Hồng Danh Phật A Di Đà.

Sau thời trợ niệm, trước khi về, Sư Cô để lại một máy niệm Phật trầm bồng của Thầy Thích Giác Sơn bên tai, vừa đủ cho ông nghe.

Liên tục nhiều lần trợ niệm, Sư Cô đề nghị với gia đình:

- “Chú Đồng Hưng đến giai đoạn hết cách cứu chữa. Bác sĩ cho biết rằng, bệnh nhân cần phải phẫu thuật để dẫn sữa từ ngoài vào dạ dày để cung cấp dinh dưỡng, nhưng tình trạng sức khỏe không đảm bảo an toàn sau thời kỳ hậu phẫu thuật. Vậy nên đưa chú Đồng Hưng trở về nhà!”

Mọi người đều tán đồng, để tiện lợi cho việc hộ niệm và cầu nguyện. Tuy bệnh trạng rất trầm trọng nhưng nhờ hộ niệm nên ông rất tỉnh táo nhẹ nhàng. Khi hiểu được ý định mình sẽ được đưa về nhà lo trợ niệm, ông đã biểu hiện phấn khởi, tay chân mi mắt rung động, nhép miệng với thần thái an tịnh.

Lúc 11 giờ trưa ngày mùng 8 tháng 2 năm 2001, ông xuất viện, với bộ phận tiếp trợ dưỡng khí và y tá đi theo.

Về đến nhà, Sư Cô Luân Liên lại gần bên khai thị.

- “Chú Đồng Hưng, Sư Cô, Ni Cô cùng quý đạo hữu và gia đình đồng cầu nguyện, hộ niệm cho chú được nhẹ nhàng an lạc. Chú hãy gạt bỏ mọi vọng niệm; nhớ niệm Phật theo, ráng nhứt tâm, đừng gián đoạn, Chư Phật sẽ tiếp độ cho chú.”

Một lần nữa, mi mắt, bàn tay ông rung động nhẹ, hơi thở mạnh hơn, như muốn gắng gượng ngồi dậy.

Toàn thể gia quyến gồm vợ ông, tám con, hai rể cùng Ban trợ niệm đồng hộ niệm cho ông. Sư Cô Luân Liên khuyên bảo mọi người không nên có một lời than khóc thương tình, hay biểu lộ

buồn thảm. Sau đó, Sư Cô phát cho mỗi người một quyển kinh và hướng dẫn cùng niệm theo Sư Cô và Ni Cô Trí Liên.

Tất cả niệm kinh trong bầu không khí trang nghiêm, thanh tịnh từ 12 giờ trưa. Đúng 2 giờ rưỡi chiều, Sư Cô ra hiệu cho cô y tá bệnh viện rút ống tiếp hơi dưỡng khí, ông thở từng chập gián đoạn rất khó khăn.

Âm thanh trợ niệm cứ vang rền, chí thành và miệt mài. Tiếng Sư Cô niệm mỗi lúc một to hơn, mọi người tập trung niệm mãnh liệt hơn, hơi thở bệnh nhân từ từ yếu dần...

Hơn 5 giờ chiều, mặt của ông trở nên hồng hào như người khỏe mạnh, thần sắc an tĩnh từ hòa lộ nét vui tươi.

Cụ bà Diệu Ngọc (Ngô Thị Sơn), nhạc mẫu của ông, đã hơn 85 tuổi, thấy thế liền thốt lên:

- “Thằng Hiếu mặt đỏ hồng như thế này, chắc nó chưa đi trong ngày nay”.

Buổi hộ niệm kéo dài đến 5 giờ 48 phút, Sư Cô vì nhận thấy bệnh nhân rất tươi tắn và thở đều đặn nên nghĩ rằng, có thể còn kéo dài nhiều giờ. Để hộ niệm cho một buổi lễ cúng một Phật tử khác đã hứa trước, Sư Cô chuẩn bị đi, xong sẽ trở lại, nhưng xe vừa ra đến cổng, vợ ông hấp tấp gọi Sư Cô quay trở lại. Ông bắt đầu phun nước bọt.

Tiến nhanh đến bệnh nhân, Sư Cô dặn:

- “Chú Đồng Hưng! Ráng nhứt tâm niệm Phật!”

Sư Cô cùng mọi người tiếp tục hộ niệm. Vài phút sau, bỗng ông thở ra ba hơi dài, mỗi hơi cách khoảng vài giây; mặt hơi ngẩng lên, nửa như từ già, nửa như cảm ơn mọi người, rồi trút hơi thở sau cùng, lúc 5 giờ 53 phút chiều ngày mùng 8 tháng 2 năm 2001. Ông hưởng thọ 61 tuổi.

Lúc ấy, con gái ông tên Thu Vân, bỗng nhiên thoảng ngửi một mùi hương lạ ngọt ngào, khiến trong người cảm thấy khỏe khoắn khác thường.

Tiếng niệm Phật vẫn tiếp tục vang đều. Sắc mặt ông đỏ hồng từ từ tái xanh, Sư Cô thăm dò khí đạo, sờ nhẹ các nơi và cho biết:

- “Chú Đồng Hưng đã xuất thần lưu lại hơi ấm nơi đánh đầu trong trạng thái an tĩnh.”

Sư Cô còn dặn thêm:

- “Phật tử Đồng Hưng đã vãng sanh. Sau buổi lễ hỏa táng, nên dặn dò nhà quản, đừng dùng máy nghiền, hãy giữ nguyên xương cốt còn lại để kiểm nghiệm”.

Thi thể của ông vẫn còn mềm dịu mãi đến khi nhà quản đến chở đi hỏa thiêu.

Hai ngày sau, thân nhân ông mang hết hài cốt về chùa cho Sư Cô kiểm nghiệm.

Ông Lê Văn Hiếu pháp danh Đồng Hưng đã lưu lại rất nhiều Xá Lợi đủ loại, đủ cỡ, đủ màu sắc đẹp đẽ.

*(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi - Tịnh Hải sưu tập)*

## **21. Bà Nguyễn Thị Tân (1921 - 1999)**

Nguyễn Thị Tân, pháp danh Diệu Hưng, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1921, tại Trà Vinh. Đến tuổi trưởng thành, lập gia đình thì cư trú tại Sài Gòn. Lúc con trai của bà là Lý Trường Xuân vừa chào đời được 10 tháng, chồng bà qua đời, bà thủ tiết nuôi con, khi ấy bà 24 tuổi.

Năm 40 tuổi (1961), bà quy y Tam Bảo, rồi thọ Bồ Tát giới tại gia ở chùa Ân Quang. Ban sơ, bà dùng chay kỳ, mỗi tháng 4 ngày. Đến năm 1979, bà phát tâm trường chay. Bà thường xuyên đi chùa nghe pháp, thích làm các Phật sự, cùng các việc phước đức khác như: giúp chùa, giúp Tăng Ni, giúp trẻ mồ côi...

Bà hay đến chùa Ân Quang và những chùa khác. Trong đó, có chùa Huệ Nghiêm, nơi đây bà quen biết với Thầy Thích Trí Tuệ.

Cảm cảnh khổ sâu xa của kiếp người; xét thấy vạn vật trên thế gian này đều hợp tan, phù du, ảo mộng, mong manh, ngắn ngủi, như sương, như chớp... Càng kính hãi hơn khi thấu hiểu nỗi đau thương không bến, không bờ của vòng trầm luân xoay chuyển vô tận, vô cùng.

Do thâm nhuần Phật Pháp, lòng tin vững chắc vào bi nguyện độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà, nên bà tha thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Năm 1981 con trai bà ra nước ngoài, bà niệm Phật càng khẩn thiết hơn. Lúc quét rác, bà cũng niệm Phật, hốt rác, xới đất trồng rau, cũng niệm Phật,... Nhớ con cũng Niệm Phật, càng nhớ càng niệm. Mười năm trường, biến niềm nhớ thương thành câu Phật hiệu.

Năm 1991 bà cùng cô con dâu và cháu nội sang Mỹ theo diện bảo lãnh đoàn tụ gia đình. Thế rồi, bà tiếp tục đi chùa lễ Phật và làm công quả như trước, tiếp tục vui vẻ niệm Phật trong mọi oai nghi. Bà may mắn gặp lại Thầy Trí Tuệ tại chùa Vạn Hạnh nhưng chùa Vạn Hạnh lại xa nhà, vì vậy bà thường đi chùa Vạn Phước của Thầy Vân Đàm. Sau này, chùa Vạn Phước đổi thành Tu Viện Pháp Vương.

Ngày rằm tháng tư năm 1999 (Lễ Phật Đản), bà vẫn còn làm bánh vui vẻ cúng Phật và còn vui cười dự “Ngày Cha Mẹ” do hội Ái Hữu Gia Long Miền Đông tổ chức. Nhưng đến đầu tháng 6, thì bà phát bệnh nhanh chóng không thể ngờ, dù đau lưng rất dữ dội nhưng chưa bao giờ bà rên xiết. Gia đình đưa bà vào nhà thương Fairas. Nơi đây chẩn đoán bà bị nhiễm trùng đường tiểu.



Khi về nhà, bệnh không thuyên giảm. Sau đó, sang tiểu bang Virginia, đến bệnh viện Maryland, bác sĩ tìm ra ung thư bao tử; vì phát hiện quá muộn màng nên không còn điều trị được nữa, họ đành phải cho ra về.

Ngày 12 tháng 6 năm 1999, bà xuất viện. Về nhà, bà nói với Thiện Viên (con nuôi của bà - anh này là người rất có đạo tâm, hằng say làm các Phật sự):

- “Má đã biết đường đi rồi!”

Dáng vẻ của bà rất ung dung tự nhiên, không chút sợ hãi, lo buồn, dẫu biết rằng cái chết đang cận kề bên mình trong gang tấc.

Đến ngày 20 tháng 6 năm 1999, hội Ái Hữu Gia Long tổ chức cầu an cho bà tại Tu Viện Pháp Vương với sự hiện diện hàng trăm Phật tử trong vùng. Bà cười chào hỏi mọi người, thành thật cảm ơn tất cả và bình thản ra về sau buổi lễ.

Sáng ngày 29 tháng 6 năm 1999, bệnh tình bà trầm trọng. Bà vẫn sáng suốt, luôn luôn chấp tay niệm Phật. Bà đạo đến hộ niệm đông đảo. Bà bảo mọi người đừng khóc. Bà nằm ngửa chấp tay niệm Phật và niệm đến khi không còn niệm ra tiếng. Đến 3 giờ 30 chiều thì bà trút hơi thở cuối cùng, sắc mặt liền thay đổi, gương mặt bỗng nhiên sáng đẹp hẳn lên. Hơi ấm còn lưu lại nơi đầu và trán. Bà hưởng thọ 78 tuổi.

Sau đó, Thầy Vân Đàm đến. Thầy sờ trán cụ, bảo:

- “Cụ ra đi tốt đẹp!”

Kế đó, Thầy Trí Tuệ cũng đến. Trước khi ra đi, bà đã chuẩn bị tất cả tang sự. Tất cả đồ liệm đem theo cho bà, bà tự lo sắm đầy đủ như quần áo liệm, mũ Quan Âm, kể cả chiếc mền Đà-la-ni, mà cháu con không hay biết.

Bà đã viết thư dặn dò khi bà chết phải đem đi thiêu. Khi nhật tro phải lượm từ dưới chân dền lên đầu. Rồi đem vào chùa 49 ngày, sau đó đem rải ở đâu cũng được.

Lễ hỏa táng kết thúc thu được rất nhiều Xá Lợi. Gồm hoa Xá Lợi và xương Xá Lợi.

*(Trích : Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi- Tịnh Hải sưu tập)*

## **22. Cư sĩ Nguyễn Văn Luông (1947 - 1996)**

Cư sĩ Nguyễn Văn Luông sinh năm 1947, cư ngụ tại ấp Thạnh Lộc I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Nguyễn Văn Thành, mẹ là cụ bà Lê Thị Dinh. Anh đứng thứ Hai trong gia đình và có tất cả sáu người em.

Thuở nhỏ, học hành chỉ mới lớp 3 trường làng.

Khi năm lên 21 tuổi, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Mềm, sinh được sáu đứa con, ba trai, ba gái.

Anh có lối sống đơn giản, ăn mặc bình dị. Tính tình thuần hậu hiền lành, thương yêu hết thảy các em, hòa nhã đối với tất cả mọi người, nên ai ai cũng cảm mến. Anh rất siêng năng cần mẫn, quanh năm suốt tháng miệt mài với thửa ruộng luống cày.

Do vì cha mẹ và người thân phát tâm quy kính Tam Bảo, anh cũng hưởng ứng làm theo. Đồng thời hướng dẫn vợ con cùng trường chay tu niệm, lánh dữ làm lành, cầu sanh Tịnh Độ, lúc ấy, vào khoảng cuối thập niên 70.

Những dịp nhàn rỗi anh thường xem kệ giảng, và dấu bận công chuyện mấy công khóa sớm chiều không hề bỏ sót. Đúng như lời của Đức Phật Thầy Tây An thuở xưa đã từng chỉ dạy:

“...Ngày hai thời lặng lẽ công phu.  
Việc chi dầu quá cần cù,  
Cũng nhân vài khắc tập tu nguyện cầu.  
Khi rảnh việc đồng sâu chợ búa.  
Đem sám kinh tụng của Thầy ban,  
Đọc cho thông thuộc đôi hàng.  
Ngâm nga trong lúc thanh nhàn bản khoán.”

Mặc dù mưu kế sinh nhai chộn rộn, anh vẫn thường thăm viếng cha mẹ, cung dưỡng những món lạ vật ngon, ít khi vắng thiếu. Phù hợp với lời chỉ dạy của các bậc tiền bối:

“Con ơi! Càng biết đạo mỗi,  
Càng làm đẹp để hạnh ngôi con người.  
Ở ăn quy củ trong đời,  
Trong thời thuận thảo ngoài thời hòa vui.  
Nhớ ơn cha mẹ dưỡng nuôi,  
Thì không thể trở nên người con hư.  
Trọn câu tử hiếu phụ từ,  
Đó là căn bản đạo người xưa nay.”

Thể lực của anh rất tốt, suốt năm này qua tháng nọ ít khi bệnh, nếu có cũng chỉ cảm gió sơ sài mà thôi.

Mãi đến đầu xuân năm 1996, anh nghe trong người tứ đại bất hòa, bèn đạp xe đi tìm thầy thuốc lo bề chữa trị. Sau rốt, đến bác sĩ Huệ ở Thốt Nốt xét nghiệm, phát hiện khối u ở gan vào thời kỳ thứ III.

Sức khỏe bắt đầu tụt dần, nhưng tinh thần anh vẫn an nhiên, trong khi vợ con đều bàng hoàng kinh sợ.

Anh thường nằm trên ghế bố, bệnh hành ngật mình bằng những cơn đau nóng dữ dội, rất khó chịu, không thể diễn tả được. Mỗi cơn thường kèm theo xuất mồ hôi đầm dề, khi qua cơn thì hơi khỏe lại một tí, có thể gắng gượng tới lui. Giai đoạn này, công phu hành trì của anh càng thêm khẩn thiết, ý nguyện vãng sanh mãnh liệt thêm hơn. Do vì:

“Biển trần kiếp tạm nổi trôi,  
Không tu khổ mãi chẳng đời nào yên.  
Sanh ra trong cõi trần duyên,  
Người nào cũng bị nã phiền chẳng không.  
Không ai trăm việc vừa lòng,  
Mà ai cũng có nã nồng nọ kia.  
Dục tâm óc ách như đĩa,  
Đem thân ra để làm bia đạn trần.  
Biết rằng rốt cuộc bỏ thân,  
Nhưng mà các dục vọng trần không buông.  
Quên rằng tài vật dư muôn,  
Bỏ thân tài vật bỏ luôn đâu còn.  
Chết thân tan rã lần mòn,  
Nhưng bao tội lỗi hồn còn đeo mang.  
Xác tan nhưng tội không tan,  
Đầu thai trở lại thế gian trả đền.  
Vì mê nên kiếp trước quên,  
Hay đâu ăn trước nay đền trả sau.  
Trả đền hoặc chậm hoặc mau,  
Đã vay không một người nào trốn qua.  
Chúng sanh nơi cõi Ta Bà,  
Sao không nghĩ tới để mà tu thân.  
Nếu không trốn khỏi tử thân,  
Dù đeo đấm cuộc hồng trần luống công.  
Cuối cùng cũng phải tay không,  
Đâu bằng tu niệm để hồng siêu sanh.  
Đem lòng tham muốn lợi danh,  
Đổi ra lòng muốn tu hành quý hơn.  
Lợi danh sẽ mất theo thân,  
Tu hành sẽ cứu hồn thăng Phật đài.  
Càng nhiều tham vọng trần ai,  
Càng làm cho kiếp đọa đày đầy thôi.  
Hồng trần là cõi bạc vôi,  
Nó không chung thỉ với người nào đâu”.

Nên:

“ Đường vãng sanh Cực Lạc một lòng cầu,

Kiếp thống khổ bao lâu rồi cũng khỏi.”

Vợ con anh vô cùng khổ tâm, vô cùng lo lắng, nên khuyên anh dùng mẫn để nâng cao hiệu quả điều trị theo lời thầy thuốc yêu cầu. Khi vắng mặt chị và mấy cháu, người em gái bên cạnh bèn nhắc nhở:

- “Anh Hai à! Anh phải tự giác! Cũng như là... đời mình trước sau gì cũng phải chết, mình phải giữ cái Đạo để mà đi, anh đừng có ăn mẫn ghen!”

Anh khẳng khái trả lời:

- “Anh hồng có ăn đâu, em đừng sợ!”

Lúc này, thân nhân đặt bàn hương án, bà con đồng đạo rất đông đảo đến cầu nguyện. Mặt khác, vợ anh cũng mua chim cá phóng sanh, hồi hướng cho anh. Đồng thời, cha mẹ ruột, cha mẹ vợ và các em của anh thường ở gần sách tấn và trợ niệm hàng ngày.

Khoảng 10 ngày sau, vào ngày 18, thấy anh mệt nhiều thân quyền bắt đầu thay phiên túc trực hộ niệm liên tục. Vào giữa khuya đêm 22, trong cơn đau dữ dội, anh chợt đọc lên hai câu trong quyền Khuyến Thiện:

“Gần hấp hối tâm thân xao xác,  
Trí vẫn vợ kinh sợ vô cùng.”

Rồi tiếng niệm Phật của anh nhỏ dần nhỏ dần, sau đó ngưng hẳn, mọi người xung quanh lớn tiếng xưng to Thánh Hiệu. Mãi đến 6 giờ sáng, anh an tường trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày 23 tháng 1 năm 1996. Anh hưởng dương 49 tuổi.

Lúc ấy, có một số người ở xa ngoài đồng thấy nhà anh chói sáng, họ ngỡ là nhà cháy.

Cuộc trợ niệm vẫn tiếp tục duy trì đến 9 giờ, khám nghiệm toàn thân, thì chỉ có đỉnh đầu hãy còn nóng ấm. Đặc biệt là gương mặt thật tươi-sáng-đẹp. Chư đồng đạo đều lộ sắc hân hoan, chia sẻ niềm vui vô biên với người đã sanh sang cõi Tịnh.

*(Thuật theo lời cô Tám Chờ em gái của anh)*

### **23. Ông Nguyễn Văn Lai (1941- 2000)**

Ông Nguyễn Văn Lai sanh năm 1941, cư ngụ tại ấp Thạnh Lộc I, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, Thành Phố Cần Thơ. Cha là cụ ông: Nguyễn Văn Giới; mẹ là cụ bà Nguyễn Thị Qua. Ông có hết thảy là tám anh em và đứng thứ Tám trong gia đình.

Đến năm 21 tuổi, ông kết hôn với bà Trần Thị Khoán, sinh được mười một người con, bảy trai, bốn gái. Chuyên canh tác ruộng lúa, nuôi vịt, nuôi tôm cá, giăng lưới, đặt lợp... làm phương kế sinh nhai.

Tính tình của ông rất siêng năng cần mẫn, rộng rãi với người ngoài nhưng lại nghiêm khắc với con cái. Hay nóng giận, dễ đổ quạu trong khi chuyện chẳng đáng gì!

Ngay từ thuở thiếu thời, ông đã tín hướng Tam Bảo, tin tưởng Phật Trời. Ông thường xem kinh sách, nhất là quyển “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ”. Sáng chiều, hai thời lễ bái, chay lạt mỗi tháng bốn ngày. Nhưng vấn đề ăn chay đối với ông dường như hết sức vất vả khó khăn!

Khi tuổi quá 50, ông hay ao ước: Chừng nào lo chuyện đôi bạn cho con trai Út xong, ông sẽ gác bỏ mọi thứ, chuyên chí tu hành. Nhưng:

“Lòng người mong thế!”

Mà:

“Lẽ trời chưa thế!”

Đùng một cái! Ngày 24 tháng 12 năm 1998 ông ngã bệnh. Đến bác sĩ ở xã, huyện, tỉnh... rồi ra Sài Gòn, các nơi đều chẩn đoán là khối u gan. Sợ tâm lý bệnh nhân và người thân tổn thương, bác sĩ ở Thành Phố đề nghị:

- “Nên chờ Bác về Cần Thơ điều trị. Đừng ra đây nữa vì xa xôi và tốn kém!”

Về đến nhà, cô con gái thứ Tư biết Ba mình chắc chắn không qua khỏi nên âm thầm khóc, khóc nhiều lắm. Tối ngày thứ ba, ông hay được, bèn nói:

- “Con người ta sống chết đều có số! Khóc cái gì mà khóc!”

Nghe Ba mình nói vậy, cô cũng an lòng.

Thời gian này, gia đình điều trị cho ông bằng thuốc Nam cầm chừng. Sự ăn uống, sinh hoạt của ông cũng chưa bứt ngặt chi lắm.

Vả lại, trong gia đình, đã có 3 người con ăn chay tu niệm, nên cứ 5 hay 7 hôm thì có một liên hữu ghé thăm, giảng giải Phật Pháp cho ông nghe, nói rõ về nhân quả báo ứng, về lý vô thường: vạn vật trên cõi trần đều tạm bợ, không bền như sương mai, không chắc như bóng bọt... Ngay cả tâm thân của chúng ta cũng chỉ là ánh chớp chiều tà, thấy đó rồi mất đó. Sinh già, bệnh chết dính liền theo nhau như bóng theo hình. Tất cả đều là giả, chỉ có vòng sống chết luân hồi là khổ đau, là hiện thực:

“Da môi tóc bạc lần lần,  
Lục cùm chân run mấy chốc.

Dù sang vàng ngọc đầy nhà,  
Vẫn khô suy già bệnh tật.  
Ví hưởng khoái lạc ngàn muôn,  
Đâu khỏi vô thường chết mất.”

Sau cùng, liên hữu giới thiệu cho ông về pháp môn Tịnh Độ, khuyên ông gạt sạch muôn duyên, một lòng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, hầu được an vui vĩnh viễn:

“Duy có đường tắt thoát ly,  
Chỉ niệm A Di Đà Phật.”

Nghe xong, ông rất đôi vui mừng, sốt sáng làm theo.

Ông thả hết hào cá đang nuôi, bỏ thí lúa tiền cho người nghèo, cho họ cấy bạch đàn để cất nhà... Tính tình ông bỗng dung thay đổi một trăm tám chục độ.

Mỗi ngày, ông hành trì 3 thời lễ bái (do sức yếu nên không đứng được mà chỉ ở tư thế xá, ngồi), thiết tha xưng niệm câu lục tự Di Đà. Lúc khỏe, ông cũng thường xem kệ giảng cho hiểu biết và niềm tin của mình sâu chắc thêm hơn.

Sáu tháng sau, bệnh trở nặng, các con đưa ông lên An Giang, qua 25 ngày, thuốc men vừa chích lẫn uống, bệnh tình thuyên giảm đôi phần. Bác sĩ cho ông về nhưng vẫn duy trì thuốc uống.

Khi còn ở An Giang, ông nằm mộng thấy con chó đến trước ông, nhìn ông lom lom, phút chốc biến thành anh chàng thanh niên, phút chốc đổi thành chó, liên tiếp 3 đêm. Đêm thứ 3, trong cơn mơ, ông hốt hoảng niệm Phật vang rền. Cô con gái chạy tới bên cạnh hỏi ông duyên cớ. Thì ra khi xưa, ông có nuôi bày vịt trong ruộng, có con chó đực của người cháu láng giềng đã vật chết trọn bày vịt. Tức quá, ông đập chó chết tốt. Ông hỏi con:

- “Giờ phải làm sao?”

Con ông khuyên ông nên sám hối, niệm Phật, hồi hướng cho nó. Chính con ông cũng niệm Phật, cầu nguyện thay cha. Từ đó về sau, ông không còn nằm mộng gặp nữa.

Ngày mùng 8 tháng 7 năm 1999 ông bảo với con:

-“Thôi ngày mai, con làm đồ chay cho Ba ăn luôn!”

Cô con gái thấy Ba mình xưa nay, ăn chay rất khổ nhọc nên vẫn nấu mặn như lệ thường. Khi dùng xong, ông đều ói ra hết, liên tục hai ngày như thế.

Năm hôm sau nhân dịp tuần thất người em trai của ông, ông cho thỉnh các bậc thiện trí thức lão thành đến, tổ chức làm lễ phát nguyện trường chay, câu Tam Bảo gia hộ cho mình. Trong gia quyến, những người chưa ăn chay cũng vì ông đồng phát nguyện trường chay.



Bấy giờ, ông nhất tâm chí thành niệm Phật. Khách khứa đến thăm hỏi (trừ bạn đạo), phần nhiều ông đều nhờ người nhà tiếp chuyện. Trường hợp bất khả kháng thì ông quay mặt vào vách, để cho những chuyện tào lao bớt lọt vào tai.

Đến ngày 14 tháng 12 năm 1999 buổi ăn sáng, ông không dùng. Khoảng 10 giờ, cô con gái hay được đến hỏi:

-“Bữa nay, con đi chợ không có ở nhà. Bộ con không đúc, Ba giận sao mà không ăn?”

Ông chỉ đáp một tiếng:

- “Không!”

Rồi chìm vào hôn mê.

Thân quyến mời chư đồng đạo sắp xếp lên chương trình hộ niệm và cầu an. Mãi tới 2 giờ khuya rạng ngày 16, ông tỉnh lại (trải qua 54 giờ), liền hỏi con về việc tiếp đãi chư vị hộ niệm thế nào. Khi biết mọi mặt đều thỏa đáng, ông chấp tay lên ngực nhép môi niệm Phật theo mọi người.

Sáng ra, người cháu của ông tên là Y Na đến gần bên hỏi nhỏ:

- “Sao mà ba bữa nay, ông hông nói chuyện, ông có giận hờn gì ai hông mà im ru vậy, Bác Tám?”

Ông đáp:

- “Bác thấy bên cảnh Cực Lạc đẹp dữ lắm! Có nhiều hoa sen, có tên bác trong đó nữa!

Tu dễ lắm Y Na ơi! Mình niệm Phật là được thành Phật!”

Sáng ngày 10 tháng 1 năm 2000, ông lại nói với Y Na:

- “Chắc là ngày 12, có thể Phật rước Bác!”

Ngưng giây lâu rồi ông nói tiếp:

- “Nhưng mà chưa chắc, nó còn mờ mờ ảo ảo lắm!”

Đến 10 giờ ngày 12, ông lên cơn mệt suốt 3 tiếng đồng hồ.

Sáng ngày 14 tháng 1 năm 2000 ông cho gọi các con lại, rồi dặn dò:

- “Ba đã tạo dựng sự nghiệp như vậy đó! Các con làm được thì để làm, còn không thì bán bố thí. Bao nhiêu công chuyện vậy thôi, chớ đừng bày bố gì thêm!”

Ông còn bảo người con trai thứ Tám đi hốt cát trong kim tĩnh, để sáng mai ngày 15, lu bu lắm.

Chiều lại lúc 4 giờ, mọi người đều đi nghỉ để dùng cơm, riêng liên hữu Ba Vốn tới hỏi ông:

- “Sao nằm hoài vậy, chú Tám? Chùng nào đi đây?”

Ông đáp:

- “Một giờ tui đi!”

Hôm sau, nhằm ngày 15 tháng 1 năm 2000 lúc 11 giờ, ông bắt đầu mệt nhiều. Gần 50 đồng đạo vây quanh hộ niệm. Đúng 1 giờ chiều, ông trút hơi thở cuối cùng. Ông ra đi hết sức nhẹ nhàng và an lành! Nét mặt thật tươi và sáng đẹp. Hưởng dương 59 tuổi. Trước lúc di chuyển nhục thân vào kim tĩnh, chư đồng tu phát hiện đánh đầu của ông rất nóng.

Suốt một tháng hộ niệm, trong nhà luôn có khoảng 50 đồng đạo túc trực. Bình thời ông thường ao ước khi mình mất phải được chư vị hộ niệm bằng giọng trầm, nhịp điệu thanh thót và đều. Lại thay! Quả đúng như vậy, giờ ấy, những người có giọng chác, sắc... bỗng dưng không hiện diện.

Cô con gái thứ Tư của ông trường chay tu trì đã nhiều năm, lòng luôn ray rức:

- “Chắc Ba hồng thương mình sao, mà trước khi ra đi ông gọi hết con cháu lại để dặn dò, mà ông hồng kêu mình?” (Vì lúc ấy cô không có mặt).

Cô thường nghĩ trong lòng như vậy.

Ba ngày sau, khi đi mở cửa mả về, tối lại cô nằm mơ, thấy ông hiện về, thân tướng to lớn trang nghiêm phi thường, mặc y phục bà ba trắng. Ông nói với cô:

- “Con đã lớn rồi! Từ đó đến giờ sao thì bây giờ vậy! Ba khỏi phải nhắc nhở!”

*(Thuật theo lời Tư Sương con gái của ông)*

## **24. Ông Nguyễn Văn Khương (1922 - 1983)**

Ông Nguyễn Văn Khương sinh năm 1922, cư trú tại Ngã Cũ, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Hưng, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Giới. Ông có tất cả là tám anh em và ông đứng thứ Bảy trong gia đình.

Thuở nhỏ, ông có biệt tài đọc truyện rất hay nên được ông bà nội cưng, thương hết mực.

Khi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Nương, sinh được tám người con, ba trai, năm gái. Chuyên canh tác ruộng đồng để làm phương kế sinh nhai.

Tính tình ông thuần hậu, giàu lòng thương giúp người, lời nói và việc làm luôn là mẫu mực cho mọi người xung quanh. Vì thế, ai ai cũng đều quý kính mến mộ.

Thân phụ của ông vốn là Đại Hương Cả. Năm 1945, do biến cố thời cuộc mà cụ đã tỉnh ngộ, phát tâm qui hướng Tam Bảo. Nhờ đó, mà ông cũng thừa hưởng di sản tinh thần quý báu của cha mình, lúc ấy ông tuổi vừa mới hăm ba.

Năm 1968, ông di cư sang rạch Sa Mau, đồng chung thôn xã, cảnh quang nơi đây thanh tịnh nên rất thích hợp cho việc tu tập hành trì. Ông tích cực tham gia hoằng pháp lợi sinh, xây cất chùa, tạo lập giảng đường phổ truyền Giáo Lý, nhằm lúc phong trào chân hưng Phật Pháp tại miền Nam đang phát triển rầm rộ.

Với trình độ học vấn sâu rộng và siêng năng nghiên cứu nội điển nên công tác Phật sự tương đối trôi chảy thuận lợi.

Đến năm 1975, hoạt động giáo sự đình chỉ, ông lui về chuyên tu, sống đời tri túc, lạc đạo an bản:

“Tương với muối cháo rau đạm bạc,  
Nghèo lương hiền biết niệm Di Đà”

Cũng từ đạo ấy, ông cùng với những người trong gia đình phát nguyện trường chay, giới sát, tinh tấn tu hành. Bởi góm ghê nổi khổ của kiếp trầm luân, thấu tột lẽ đau thương vô tận nơi dòng sinh tử, xuống xuống lên lên giữa ba cõi sáu đường, ông hạ quyết tâm:

“Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,  
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”

Vì vậy cần phải:

“Nên tu chớ có dần dà,  
Vì rằng ngày tháng trôi qua lệ làng.  
Khó biết được thời gian chết đến,  
Cái chết không nhất định trẻ già.  
Đời nhiều cách chết xảy ra,  
Cho nên thường có tre già khóc măng.  
Việc sanh tử Phật rằng đại sự,  
Còn luân hồi còn tử sanh luân.  
Tử sanh không gỡ cho sông,  
Dù rằng đến bực đế vương ra gì.”

Thế nên, ông ngày đêm khẩn thiết tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Công việc gia đình, ông dần dần thu xếp và giao phó lại cho các con, phần mình chuyên tâm lễ bái và trì niệm. Ông tự lập ra thời khóa mỗi ngày bốn thời công phu lễ niệm, mỗi thời là hai tiếng đồng hồ. Ngoài ra, ông còn xem kinh đọc sách, nhứt là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, Con Đường Tu Tắt, Tu Tâm Dưỡng Tánh, Kim Cang Chú Giải...

Điều đáng được chú ý ở đây là thời khóa công phu mà ông tự lập ra, ông âm thầm tuân thủ đều đặn, chưa từng trễ sót. Có những lúc nắng hạ oi bức gặt gao, các con thương cha tuổi già sức yếu nên lên tiếng khuyên ngăn, tạm thời ngưng giảm để giữ gìn sức khỏe. Ông ôn tồn trấn an và khích lệ:

- “Các con đừng nên nói vậy! Hồi Ba phát tâm tu là nguyện trong một kiếp này sẽ được kết quả vãng sanh. Nhưng rồi duyên nghiệp mãi đeo mang đến bây giờ thì Ba đã làm xong bổn phận với gia đình. Giờ phút cuối cùng này, Ba phải cố gắng tu thôi! Chỉ có tu mới thoát khỏi sinh tử luân hồi. Chỉ có hành mới tăng thêm phẩm hạnh. Và có nguyện Cự Lạc mới vãng sanh. Vậy, các con hãy để cho Ba làm tròn theo bổn nguyện của mình!”

Ông thường cùng với bạn đạo là liên hữu Công Danh hay lui tới Tịnh xá Ngọc Trung ở Thốt Nốt, và Tịnh xá Ngọc Giang ở Long Xuyên.

Thấy hai cô con gái Út đang tuổi hoa xuân mà có ý hướng tu giải thoát rất hợp với lòng mong mỏi của ông, ông thường nung đúc và sách tấn. Có người thân quyến phản đối:

- “Con nó hãy còn nhỏ dại, mình đừng nên ép uổng, tội nghiệp nó!... Biết nó có vững bền hay không?”

Ông đáp:

- “Chuyện đó thì cũng do duyên nghiệp riêng của mỗi đứa. Nhưng bổn phận làm cha, mình khuyên bảo nó cố gắng được ngày nào thì nên ngày đấy!...”

Bao giờ và lúc nào ông cũng mong muốn các con có được đường hướng rõ rệt, dứt khoát hẳn với thế tục, đầy phiên toái buộc ràng. Chỉ một lòng một dạ xuất ly bể ái đầy tang thương và khổ lụy. Phải luôn hướng tâm về nẻo Đạo mới có thể hy vọng gặt hái được kết quả mỹ mãn trên con đường giác ngộ mà thôi. Như lời Tổ Thầy đã hằng chỉ dạy:

“Nghe chuông linh sớm dứt bể ái hà,  
Kéo vật dục cuốn lôi vào bể khổ.”

Hoặc Cổ Đức đã từng than thở:

“Ái dục trôi lôi chẳng lúc xong,  
Hằng ngày phiên nào quấn quanh vòng.  
Ngục tù nhà nước còn khi mãn,  
Cái ngục gia đình mãi đóng gông!”

Năm 1981, nhân chuyến đi An Giang, lúc quay trở về, tai nạn xe cộ đã làm căng chân phải của ông mang trọng thương khá nặng, ông phải dùng thuốc kháng sinh suốt mấy tháng liền, sức khỏe tụt dốc dần từ đó.

Thế rồi, những cơn cảm sốt xuất hiện, tuy không nặng lắm nhưng cứ dai dẳng, dây dưa mãi không dứt. Cho đến giữa tháng chạp năm 1982, ông bị chứng bí tiểu ngặt nghèo. Sau khi điều trị bằng Đông Y được khỏi thì thể trạng thực sự suy sụp rõ rệt. Tất cả thuốc hay thầy giỏi đều bó tay, gia đình nóng lòng định đưa ông đi Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông nhất định không chịu, chỉ muốn ở nhà hộ niệm vãng sanh Tây Phương. Đồng thời, ông đã viết di chúc dặn dò vợ con rất nhiều điều: cách thức hộ niệm, cách thức chôn cất... Trong đó, có bảy bài thơ thất ngôn tứ cú, đại ý tỏ lòng tri ân, lời cảm tạ, khuyến tấn và hẹn tương ngộ với chư bạn đạo tại đài sen nơi đất Phật.

Ngày 19 tháng 3 năm 1983, ông trở bệnh nặng, không còn đi đứng được nữa, nhưng tinh thần vẫn an định, không chút gì suy xuyên. Con cháu và đồng đạo thay phiên trợ niệm. Trước những cơn đau nhức kinh hồn không thể tả, các con rơi lệ thở than:

- “Từ nào đến giờ Ba mình đã nhiều năm tu hành, tích tạo phước đức mà sao bây giờ lại ra nông nỗi này?”

Ông hay được liền an ủi:

- “Các con đừng nên nghĩ như vậy! Sát nghiệp của Ba rất nặng. Vả lại, Ba nguyện trả nghiệp dồn cho xong để kiếp này vãng sanh. Các con đừng khóc lóc mà làm trở ngại trong lúc Ba ra đi! Các con cũng đừng lo lắng, mà phải cố công hộ niệm cho Ba, để Ba nhẹ bước trên con đường về Cực Lạc!”

Đúng như lời người xưa đã từng cổ vũ:

“ Rán tu cho đến tận cõi Tây Phương,  
Chớ dừng bước trên đường đi Cực Lạc.  
Khổ thế mấy cũng chỉ là đến thác,  
Sống thác là định nghiệp của nhân gian.  
Đã biết rồi chớ lấy đó buồn than,  
Nên cương quyết tự ngăn sanh tử hậu.  
Sống đời mọi nghiệp mê không tạo cấu,  
Tất không duyên gì đáo cõi trần dương.  
Theo sự đời chung cuộc rã như sương,  
Hướng về Phật tất khỏi đường tạm giả.  
Chỉ giải thoát mới gọi là chí cả,  
Sống siêu sanh mới là kẻ sống đời.  
Người biết lo về Phật lúc tàn hơi,  
Đó mới thật là người chơn giác ngộ.”

Chư Tăng Ni cùng các bậc thiện trí thức hay tin, lần lượt đến thăm hỏi, sách tấn ông, ông rất vui mừng và tỏ lòng biết ơn khi các vị ra về.

Có lần, Thượng Tọa Giác Đăng (Trụ trì Tịnh xá Ngọc Trung), đến thăm, thấy ông đau đớn dữ dội, liền phát nguyện gánh nghiệp thế. Khi về, mấy hôm liên tục Sư đau nhức bao nhiêu, thì ông nơi giường bệnh, nhẹ bớt bấy nhiêu. Nhờ vậy, mà tín tâm của các con ông đối với lý luân hồi nghiệp báo càng tin tưởng thêm sâu chắc hơn.

Cũng thời gian này, gia quyến và chư đồng đạo lên chương trình trợ niệm và đặt bàn hương án cầu an cho ông. Ông đề nghị cầu siêu đùng cầu an. Đa số không đồng ý, nói:

- “Anh chưa chết mà cầu siêu cái gì?”

Ông đáp:

“Thì cứ cầu siêu! Nếu tui chưa vãng sanh thì cũng còn ở đây chớ đâu có đi đâu đâu, mà các anh sợ!”

Con cháu và bạn đạo luân phiên thay ca nhau hộ niệm. Ông khẩn thiết niệm Phật theo. Mỗi khi có người yêu cầu ông niệm to tiếng ông đều đáp ứng. Ông cũng thường căn nhắc con cháu là sau khi ông mất tám giờ đồng hồ mới được động đến nhục thân của ông.

Ngày 20 tháng 4 năm 1983, ông từ từ chìm vào cơn hôn mê. Đến 5 giờ 30, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh Phật hiệu vang rền của chư đồng đạo. Ông hưởng thọ 61 tuổi.

Lễ an táng được cử hành trong ngày, sau tám giờ hộ niệm tiếp theo, khi di chuyển nhục thân đến nơi an nghỉ cuối cùng, vào lúc 2 giờ chiều, mọi người ai cũng thấy gương mặt ông sáng đẹp hơn lúc sống, và có một quang đóa bằng miệng chung nổi lên giữa đánh đầu (vì đầu ông bị hói), có vị lấy tay sờ vào, thấy có cảm giác ấm nóng rõ rệt.

*(Thuật theo lời Út Đào con gái của ông)*

## **25. Ông Đồng Văn Lễ (1919 - 1987)**

Ông Đồng Văn Lễ sinh năm 1919, tại Long Xuyên. Thân phụ là cụ ông Đồng Văn Ngữ, thân mẫu là cụ bà Phan Thị Phải. Ông có tất cả là chín anh em và đứng thứ Tư trong gia đình.

Khi trưởng thành, ông kết hôn với bà Lê Thị Mạnh, sanh được sáu người con, bốn trai, hai gái. Gia đình cư ngụ tại ấp Phụng II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Quanh năm, chuyên nghề ruộng rẫy làm phương kế sinh nhai.

Ông có đức tính bao dung từ hòa, cần kiệm và giàu lòng thương người, giúp người. Hiếu hạnh của ông được xếp vào hàng mẫu mực, hiếm có đời nay.

Suốt thuở niên thiếu trôi qua, nhờ hấp thụ truyền thống gia đình, ông đã biết kính tin Tam Bảo, ăn chay kỳ, sớm chiều lễ Phật, ưa đọc kinh sách Thánh Hiền.



Khi 51 tuổi (1968), ông chính thức phát tâm trường chay, nỗ lực tu hành. Ngoài bốn thời lễ niệm mỗi ngày, ông còn tích cực tham gia các công tác từ thiện xã hội, lo cứu giúp kẻ cơ bản từ gạo lúa cho đến của cải, bạc tiền... Đồng thời, ông cũng khuyến gọi mọi người chuyên lo làm lành và niệm Phật.

Có lần đi Châu Đốc về, khi đến nhà chỉ còn chiếc quần xà-lỏn, vì mọi thứ ông đều biếu tặng cho người túng thiếu.

Một tối nọ, thấy ông ngồi trên giường niệm Phật, bà liền hỏi:

- “Sao tối rồi mà ông hồng giảng mừng, để muỗi cắn vậy?”

Ông đáp:

- “Hồi sáng, tui cuốn cho người ta rồi?”

Bà hỏi tiếp:

- “Sao ông hồng nói với tui hay, để tui đưa cái khác đem cho?”

Ông nói:

- “Cho bà hay, bà cho mừng cũ, tội nghiệp người ta!”

Đối với gia quyến, ông ôn hòa, vừa nghiêm nghị răn dạy từ cái ăn cái mặc cho đến đối nhân xử thế. Đặc biệt, là yêu quý sinh mạng các loài vật, và cần kiệm dùng sai để có dư ra, hầu giúp đỡ người khác, bởi vì họ đang khốn đốn hơn mình... Con cháu đều kính nể, vâng lời.

Mỗi lần mẹ bệnh, ông đều đích thân chăm sóc. Mẹ ngủ trên giường, ông trải chiếu ngủ ở dưới. Các con lấy làm lạ, hỏi lý do, ông đáp:

- “Năm ở đó, khuya lỡ Tía có ngủ quên, Nội con bước xuống, Tía cũng hay được!”

Khi dùng cơm, ông ở bên cạnh mẹ trọn buổi, tự tay gấp thức ăn cho bà, vừa quan sát, vừa ân cần hỏi han ngon dở, mặn nhạt thế nào để đáp ứng kịp thời. Lỡ bận công việc, ông bảo thân quyến phải làm y như thế.

Ông đối xử rất bình đẳng bên mình cùng bên vợ, không nghiêng không lệch. Những dịp đi xa về, món ngon vật lạ mà ông mua cho mẹ bao nhiêu thì phân dành cho nhạc mẫu cũng bấy nhiêu.

Ông thường khuyến khích con cháu, bạn bè cố gắng nỗ lực tu thân hành thiện. Đem Phật pháp giáo huấn gia tộc. Những lúc nhàn rỗi, chúng thường tụm năm tụm ba bàn chuyện bông lông, ông dịu dàng khuyến nhắc:

- “Các con đừng nên lãng phí thời gian, nói chuyện qua lại một hồi, cười xà thì hết, lợi ích gì đâu! Sao không ráng lo niệm Phật!”

Vì mến mộ hạnh tu của ông nên các thiện trí thức thường xuyên lui tới để bàn luận Phật Pháp, sách tấn hành trì. Ông Hai Quán là bạn đồng tu tri âm tri kỷ với ông, thường cùng ông đi các nơi khuyên nhắc mọi người niệm Phật tu hiền, làm lành lánh dữ, nhất là bỏ đi đọa tà kiến, chân chánh tu hành. Ông Hai đã cư ngụ ở nhà của ông gần hai mươi năm trời dăng dăng, ông cùng bà vợ đã lo lắng, săn sóc cho ông bạn đạo này suốt thời gian bệnh cho tới lúc mất, vào buổi trưa ngày 14 tháng 12 năm 1983. Ngày ra đi, ông Hai rất vui vẻ nói nói cười cười và không quên đưa tay chào đồng đạo đúng như lời mà ông đã hứa từ trước!

Có nhiều cụ già bệnh đến giai đoạn chót, tự biết không qua khỏi, đều đốc thúc con cháu phải đi mời cho bằng được ông Tư Lễ đến hộ niệm cho mình.

Suốt mấy mươi năm trường công phu tu hành của ông đại để là như vậy.

Cả quãng đời cần mẫn làm ăn, xằng xái giúp đời, đến năm 67 tuổi (1986) thể lực của ông bắt đầu suy kém. Con cháu đòi đưa đi bệnh viện chữa trị, ông không cho, mời bác sĩ về nhà, ông cũng cự tuyệt. Không cần uống một viên thuốc Tây nào cả, chỉ uống thuốc Thầy ( 5 thứ lá cây), và thỉnh nước cúng trên bàn Phật, an tâm niệm Phật, một lòng một dạ cầu mong sớm được vãng sanh mà thôi! Cố gắng làm theo lời dạy:

“Thành lòng nước lã nên hồ,  
Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban.”

Bệnh tình của ông không nặng nề gì cho mấy, các khớp tay khớp chân thường mỗi nhức, ngũ tạng lục phủ mòn hao dần dần, hơn một năm ông mới qua đời.

Trọn khoảng thời gian bệnh, công phu thường nhật so với trước kia, dường như không có gì thay đổi. Sự tinh tấn lễ bái trì niệm, thời khóa răn nhắc chưa từng trễ sót.

Quả thật, đây là tấm gương đáng để cho hàng hậu học noi theo! Cần phải:

“Nuôi trong lòng một chữ bền,  
Mọi điều chi cũng làm nên như thường.  
Việc chi nếu nửa đường lại bỏ,  
Dù là điều rất nhỏ cũng hư.  
Tu hành cũng giống thế ư,  
Không đi đến cuối thì người ra ma.”

Ngày mùng 3 tháng 3 năm 1987 ông cho gọi các con đến rồi dặn:

- “Tía, trước khi chết, Tía hông có ham các con ở lại lo giàu nghèo, tiền bạc gì hết trơn...!”

Các con từ lớn tới nhỏ, lo tu hiền, ăn chay, niệm Phật là Tía mừng...!”

Thấy sức khỏe ông nguy ngập, người nhà đề nghị đặt bàn cầu an và mời chư đồng đạo đến hộ niệm. Ông cản lại, nói:

- “Còn sớm lắm! Chừng nào gần tới, Tía sẽ cho hay!”

Đến 6 giờ sáng ngày mùng 6 tháng 3 năm 1987 ông bảo con gái thứ Ba rằng:

- “Sen ơi! Con tắm rửa thay quần áo cho Tía, lo đặt bàn và mời đồng đạo đến, kéo không kịp. Tía sắp sửa đi rồi!”

Khi thân nhân đã thay y phục, bạn đồng tu đã tề tựu chật cứng cả nhà. Ông bảo mang thuốc Thầy ra cho ông uống. Uống xong chén thuốc, chương trình hộ niệm bắt đầu.

Niệm được một lát, ông an tường vãng sanh, gương mặt hết sức tươi vui, sáng đẹp lạ thường. Lúc ấy, đúng 7 giờ sáng ngày mùng 6 tháng 3 năm 1987. Ông hưởng thọ 68 tuổi. Cuộc trợ niệm vẫn được duy trì mãi đến giờ nhập mạch. Sau đó, khám nghiệm tử thi thì thấy đánh đầu hấy còn ấm nóng.

\*\*\*\*\*

Điều hết sức lạ lùng, là:

Lúc lễ an táng, được tiến hành trong ngày. Thân nhân đang chọn lựa chỗ chôn, vì diện tích đất thổ cư quá khiêm nhường, đất ruộng lại quá xa, không còn chỗ nào thuận tiện cả, sân nhà hơi trống nhưng vẫn hẹp. Bàn tán tới lui xong, tất cả mọi người quyết định chôn trước sân. Khi bắt đầu khởi công đào, thì một vị láng giềng tốt bụng nhà đối diện bên kia rạch đề nghị, nên đem sang bên ấy chôn.

Khi qua xem vị trí, thì bất giác các con ông giật mình, nhớ lại giấc mộng của cha mình ba hôm trước.

Ba ngày trước, ông kể rằng:

- “Tía nằm mơ. Tía thấy Thầy nắm tay Tía bước một bước qua con sông, đi đến một miếng đất. Thầy bẻ một nhánh cây cắm xuống khoảng trống giữa hai ngôi mộ, rồi nói với Tía: Nữa con về nằm ở đây ...!”

Thế là nơi an táng cho nhục thân của ông xảy ra đúng y như điềm mộng diệu kỳ mà ông đã bảo trước.

## 26. Bà Lê Thị Mạnh (1923- 2006)

Bà vợ của ông [ĐỒNG VĂN LỄ] tên là Lê Thị Mạnh (1923- 2006), tính tình rộng rãi, hiếu thuận, cần mẫn, siêng năng, chịu khổ chịu khó gánh vác công chuyện gia đình. Chẳng hề se sua chung diện, trọn đời không cất giữ bạc tiền. Chưa từng ngời lê đôi mách bàn chuyện dở xấu của người. Mỗi khi chồng con bố thí, hay tham gia các công tác từ thiện xã hội... bà đều tùy hỷ, nung đúc thêm hơn.

Năm 45 tuổi, bà phát tâm trường chay, lễ Phật, hết lòng niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Bà không biết chữ, nhưng thích nghe băng đĩa kinh giảng lắm, nhưt là những khi có bậc thiện trí thức đến nhà, bàn luận diễn giải Phật lý, bà rất đổi vui mừng.

Ngoài phần tự tu ra, bà còn thường xuyên cùng bạn đạo đi cầu an, cầu siêu cho các thân hữu xa gần.

Khi tuổi quá lục tuần, mọi việc giao phó lại cho các con. Bà sớm chiều chỉ lo lễ niệm, lụi hụi lau dọn các ngôi thờ phượng luôn được tươm tất, trang nghiêm.

Bà thường xuyên khuyên nhắc con cháu tu hành, lạy Phật, niệm Phật để vãng sanh Phật Quốc. Những khi lên xe cộ ghe tàu, hay lúc dự lễ tiệc trong thân thuộc, bà thường ngồi im, có người cháu thấy lạ hỏi.

Bà đáp:

- “Lo ngồi niệm Phật. Chớ biết nói gì bây giờ!”

Qua bao lần chứng kiến bạn đạo, chồng và con vãng sanh nên tín tâm nguyện tâm của bà vô cùng sâu chắc và khẩn thiết, sự hành trì mỗi lúc một thêm thuần thực sâu dày. Nên bà:

“Quyết một kiếp Tây Phương đến chôn,  
Phá chur ma trừ hồn độn tâm.  
Quyết không chịu kiếp luân trầm,  
Dầu sao cũng quyết Lôi Âm dựa kê.”

Tháng 8 năm 2005, bà bỗng nhiên lâm bệnh, cứ đi cầu là ra máu, các con đưa đi Bệnh Viện Đa Khoa An Giang để điều trị. Hai tuần sau, bác sĩ mới phát hiện “khối u đại tràng”, liền làm thủ tục hồ sơ chuyển bà lên Thành Phố. Bà kêu các con chở bà về nhà. Các con cháu xúm lại năn nỉ đòi đưa bà đi Sài Gòn để phẫu thuật. Bà nói:

- “Đi về nhà uống thuốc Thầy rồi niệm Phật vãng sanh, chớ không có đi đâu hết! Có mổ bệnh cũng không thể hết! Các con cãi má, má sẽ đập đầu chết! Hãy để tiền mổ đó lo tuần thất, lo bố thí, làm phước...!”

Gia quyến đành phải nghe theo. Về đến nhà, bà vừa uống thuốc Nam, vừa niệm Phật. Dù bệnh ung thư hành hạ dữ dội, bà vẫn an nhiên nhẫn chịu, không hề rên rỉ than đau. Bà còn khuyên nhắc bạn bè, con cháu cố gắng niệm Phật tu hành, hầu xứng đáng với lòng mong mỏi của Thầy Tổ:

“Ước trăm họ nhẹ mình có cánh,  
Đồng bay về Cực Lạc một đàn.”

Để mãi mãi là quyến thuộc chân thật, không phải ly tan, tạm bợ như cõi trần đầy khổ đau này :

“Sau hưởng đặng phước thừa của Phật,  
Hồn nhẹ nhàng vượt khỏi tử sanh.  
Nguyện đem công quả tu hành,  
Cứu trong Tông Tổ vãng sanh Liên Đài.  
Về Phật Quốc ngày ngày an lạc,  
Cả giống dòng giải thoát luân trầm.  
Rồi đem đạo pháp huyền thâm,  
Độ trong sanh chúng hết làm hết mê.  
Cả vạn vật đồng về Phật cảnh,  
Chẳng luyến trần ảo ảnh gạt lường.  
Nguyện cầu chư Phật mười phương,  
Niết Bàn tịch tịnh là đường vô sanh.”

Suốt 7 tháng trường hoan hỷ trả nghiệp, đến đầu tháng 3 năm 2006 bà nói với các con:

- “Ráng lo đám giỗ Tía con đi, rồi mời đồng đạo đến cầu nguyện cho má. Má chết!”

Khi lễ giỗ ông cụ vừa xong (ngày 6 tháng 3 năm 2006) thấy sức khỏe của bà suy kém, các con yêu cầu hộ niệm. Bà ngăn lại:

- “Thôi, chừng nào gần tới, má sẽ cho hay!”

Từ đó, bà chuyên niệm Phật. Các con luân phiên nhau túc trực hộ niệm cho bà, khi hỏi gì bà cũng đáp:

- “Con đừng hỏi, để má niệm Phật!”

Người ngoài đến, bà cũng giữ nguyên trạng thái đó.

Ngày 18 tháng 3 năm 2006 bà bảo con đi mời đồng đạo đến hộ niệm cho bà. Chương trình hộ niệm bắt đầu liên tục ngày lẫn đêm.

Khi đó, có người ngồi gần bên cạnh hỏi nhỏ:

- “Trước khi cô chết, cô có trần trối gì hông, cô Năm?”

Bà đáp:

- “Hông! Bây giờ, nhắc nhở con cháu niệm Phật thôi, chớ hông có dặn dò điều gì hết. Vì từ nào tới giờ dạy nhiều rồi, bây giờ hông có dạy nữa, để niệm Phật ra đi!”

Hộ niệm đến 3 giờ 30 phút sáng ngày 19 tháng 3 năm 2006 môi bà đang động, bỗng dừng ngừng lại, tỉnh táo an lành qua đời. Bà hưởng thọ 83 tuổi.

Trước khi bà mất khoảng vài giờ, trong nhà bà xuất hiện một mùi thơm kỳ lạ, lan ra tận sau hè và sang qua bên kia rạch hơn 70 mét. Có nhiều người thắc mắc không biết mùi gì, chạy tới chạy lui lục lạo kiếm tìm.

*(Thuật theo lời Mai - Sen – Loan, con và dâu của hai ông bà)*

## **27. Ông Đồng Văn Hảo (1956- 1996)**

Anh Đồng Văn Hảo sinh năm 1956, tại ấp Phụng II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Đồng Văn Lễ, mẹ là Lê Thị Mạnh. Anh có hết thầy sáu anh em và đứng thứ Tư trong gia đình.

Ngay thuở ấu niên, anh đã có tính hiếu thuận, hiền hòa, giàu lòng nhân ái và chân thật.

Năm lên 14 tuổi, một hôm, ông Hai Quán nói với anh:

- “Con xin Ba, cho bác dẫn đi núi một chuyến cho biết!”

Sau khi được sự chấp thuận của cha, anh nói với mẹ:

-“Má đi chợ mua cho con bốn con lươn, nấu canh hai con, còn hai con gông lại. Chừng nào con đi núi về sẽ dùng!”

Mấy ngày sau, khi viếng non xong trở về, anh đem hai con lươn còn lại đi thả; phát tâm trường chay, quyết chí tu hành.

Anh đình chỉ học phổ thông, ghi danh lần lượt dự các khóa học do Ban Phổ Thông Giáo Lý tổ chức tại Tân Tây, rồi đến chùa Vạn Phước ở Trà Uôi và Hội Quán ở xã Thuận Hưng, tất cả đều thuộc địa bàn huyện Thốt Nốt.

Năm 1977, mặc dù tiếp giúp cha mẹ việc đồng áng ruộng rẫy, anh vẫn hăng say tham gia các công tác từ thiện xã hội, nồng nhiệt: bắt cầu, bồi lộ, cất nhà... Do tính tình nhu thuận, rộng rãi giống hệt như cha và mẹ của mình, nên anh đi đâu, ai ai cũng đều thương yêu quý mến.

Có lần, mẹ bảo đi ruộng tưới khô qua. Đi được nửa đường, gặp nhà người đang lợp, anh phóng vào làm tiếp tới tối mới về, quên bẵng công chuyện của mình!... Hễ thấy vợ chồng ai lớn tiếng cự cãi là anh nhảy vào dụi dàng phân giải, làm êm đẹp đôi đàng.

Nói chung, về mặt đối nhân xử thế của anh, vô cùng khéo léo và rất chân tình.

Còn phần trở lại đời sống tâm linh, anh siêng năng nghiên cứu đọc học nội điển, cũng siêng năng tham vấn Phật pháp với bậc tiền bối lão thành, bởi vì thân phụ vốn là người đức hạnh nên các thiện trí thức thường lui tới viếng thăm.



Đường hướng tu của anh: lấy hiếu thuận lễ nghĩa làm nòng cốt, làm nền tảng cho việc hành thiện tích đức, hồi hướng Tây Phương. Song song với việc tinh cần chí thành lễ bái và trì câu Lục Tự ra, anh còn triệt để nghiêm trì giới hạnh, gìn giữ oai nghi. Vì thế, các bạn đồng tu thấy đều kính nể.

Như có lúc đang lui cui lao tác, bất chợt có bạn đạo của chị mình đến nhà, anh lập tức chạy vào trong, mặc y phục đoan trang tề chỉnh.

Sự công phu hành trì của anh âm thầm như thế, trải suốt hơn 20 năm.

Vào giữa năm 1994, bụng anh đau ê ẩm dây dưa. Lúc đầu ít, anh điều trị qua loa không mấy chú ý, dần dà mỗi lúc tăng thêm. Đến cuối tháng 5 năm 1995 vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang điều trị, nhưng không thuyên giảm. Thân nhân đưa đi Thành Phố Hồ Chí Minh. Bác sĩ chẩn đoán là “Khối u đại tràng.” Vì phát hiện quá trễ, bệnh đã tới giai đoạn nguy ngập. Biện pháp xử lý đành phải phẫu thuật và đem cả hậu môn ra ngoài.

Một tháng nằm viện điều trị, sau đó ra về. Lúc này, sức khỏe của anh suy sụp rõ rệt. Thế nhưng, tín tâm nguyện tâm cầu sanh An Dưỡng Quốc thì kiên cố và tha thiết hơn xưa, sự hành trì thì hăng hái và mạnh mẽ thêm hơn. Điều này rất thích hợp với lời khuyên:

“ Là Phật tử cho kham chí nguyện,  
Tất nhiên là toàn thiện đường tu.  
Xác phàm mà chẳng phàm phu,  
Tây Phương ký hiệu diêm phù rút tên.”

Căn bệnh quái ác, hoành hành anh dữ dội bằng những cơn đau tàn khốc hãi hùng, nhất là một tháng trước khi mất. Nhiều đồng đạo cùng thân quyến vây quanh, xoa chà đấm bóp để chia sẻ với anh. Có điều đáng khâm phục là, anh rất hoan hỷ trả nghiệp, chẳng hề rên siết than phiền.

Anh nói:

- “Cũng có phước cho tui, tuy bị bệnh hoạn kéo dài mà vẫn tỉnh táo niệm Phật, chớ mê thì khổ biết mấy...!”

Kiếp trước, chắc mình tạo nghiệp ác nặng quá, nên giờ mới như vậy! Nguyện kiếp này trả cho hết để sớm được vãng sanh...!”

Đôi lúc, đang đau, có bạn tu đến, anh bật dậy, tươi cười niềm nở chào hỏi, dường như chẳng có đau đớn gì cả. Đúng như câu:

“Bụi trần tuy bao phủ,  
Son sắt vẫn một lòng.  
Mây qua trăng lại tỏ,  
Sóng lặng biển hườn trong.

A Di không ngớt tưởng,

CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM

Đà Phạt vẫn hằng mong.  
Nguyện sanh về Cực Lạc,  
Chẳng thích ở trần hồng”

Thời gian này, anh thường thì thăm căn dặn với chị:

- “Ráng nghe, chị Ba! Chị ở lại, ráng lo chăm sóc cho má! Ráng khuyên má lo tu! Ráng khuyên má lo niệm Phật...!”

Vào khoảng 20 tháng 1 năm 1996 thấy thể trạng của anh cạn kiệt, người chị đề nghị hộ niệm, anh nói:

- “Thôi, bây giờ còn sớm lắm, chị Ba! Chùng nào gần tới, em sẽ cho chư đồng đạo hay!”

Ngày 24, anh nhờ người thân dời chỗ nằm của mình từ nhà sàn gác phía sau ra nhà trước, đồng thời mời bạn tu đến nhà để lên chương trình hộ niệm.

Hộ niệm suốt hai đêm, đến 5 giờ 30 sáng ngày 26 tháng 1 năm 1996 anh bảo mọi người ngưng, ra ngoài nghỉ xả hơi một tí, để gia quyến thay y phục cho mình.

Khi tất cả đều ra ngoài, người chị bung ly nước định cho anh uống, anh nói:

- “Thôi, chị Ba ơi! Bây giờ, mà còn uống gì nữa. Lo niệm Phật. Em mệt nhiều lắm, sắp sửa đi rồi! “Khi thay đồ xong, chư đồng đạo trở vào tiếp tục hộ niệm, anh nói:

- “Chị Ba! Chị rút chiếc gối ôm ra đi! Em nằm theo kiểu Đức Phật Thích Ca!”

Người chị y lời, anh nằm nghiêng, tự đưa hai chân thẳng ra và chồng lên nhau theo lối “Kiết Tường”, hai tay chấp lại, rồi niệm Phật. Niệm Phật được khoảng hơn 5 phút, anh thở ba hơi thở mạnh, rồi an lành vắng sanh. Lúc đó, đúng 6 giờ sáng ngày 26 tháng 1 năm 1996. Anh hưởng dương 40 tuổi.

Âm thanh niệm Phật hiệu của chư liên hữu vang dội không ngừng cho đến giờ nhập mạch, khi xem thấy gương mặt anh rạng rỡ, trong thế nằm vô cùng trang nghiêm hy hữu, ai ai cũng xôn xao nơi lòng, nổi mừng vui và niềm kính phục. Đặc biệt là các khớp xương đều mềm mại và đỉnh đầu hãy còn ấm nóng.

Hay tin anh mất nhiều người (nhứt là những người không tu) rơi lệ. Dường như, họ tiếc thương...! Dường như, họ đã mất đi một cái gì quý giá lắm!!!

*(Thuật theo lời: Mai – Sen – Loan)*

## **28. Ông Đồng Văn Hòn (1951 – 2006)**

Anh Đồng Văn Hòn sinh năm 1951, là anh ruột thứ Hai của Đồng Văn Hảo.

Tính tình của anh chân thật, hiền hậu và hiếu thuận.

Lúc lên 22 tuổi, anh kết hôn với chị Phạm Thị Mai, xin được một người con nuôi tên Đồng Thị Diễm. Hai vợ chồng sống bằng nghề làm ruộng, nuôi vịt, suốt lúa... Khi chưa phát tâm tu, anh ăn nhậu dữ lắm! Đèn chường quày đầu hướng thiện thì cũng tinh tấn dữ lắm!

Năm 2000, anh ngã bệnh, đưa đi bệnh viện, bác sĩ chẩn đoán là “khô u dạ dày”, liền phẫu thuật. Bốn năm sau, bệnh tái phát, phẫu thuật lần thứ hai tại Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, thời gian nằm viện là 21 ngày.

Đang độ thanh xuân, có mấy ai biết dừng lại những thú vui, những đam mê, những đắm nhiễm của thế trần để nghiên ngẫm, chiêm nghiệm giá trị đích thực của cuộc sống, hầu hướng đến hạnh phúc chân thật của kiếp nhân sinh.

Thế nên, bệnh khổ vẫn là một cơ duyên may mắn nhưt! Nó giúp chúng ta thể hội lời Phật dạy một cách rõ ràng nhất, sâu sắc nhất, giúp chúng ta thân chứng hương vị an lạc và đạt được tự do tuyệt đối, trong cõi đời, vốn phù du, đầy tang thương khổ lụy này!

Suốt tháng năm dài bệnh hoạn, chư liên hữu ghé thăm an ủi, nhắc lại gương hạnh của thân phụ, giảng giải Phật Pháp, khích lệ tu hành. Đột nhiên, anh giật mình tỉnh ngộ, phát tâm trường chay, tinh tấn lễ Phật sám hối, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lúc ấy, khoảng giữa năm 2004.

Khi thấy anh quá ư ốm o gầy mòn, có thể “ra đường gió bay”, chị vợ ngậm ngùi xúc cảm, khuyên nên dùng mặn trở lại để có sức khỏe, anh khảng khái hạ một câu xanh rờn:  
- “Thà bỏ xác chớ không bỏ cuộc!”

Đúng theo tinh thần từ bi mà Đức Phật Thầy Tây An đã dạy:

“Thịt thà xương máu tanh hôi,  
Cỏ cây rau cải cũng rồi bữa ăn.  
Đức từ bi lòng hằng thể hiện,  
Không sát sanh lòng thiện ta còn.  
Lạt chay tuy chẳng ngọt ngon,  
Còn hơn thú vị cơm choan máu hồng.”

Trọn ngày, trừ thời khóa lễ bái trì niệm ra, anh miệt mài xem kinh đọc sách, khuyên nhắc gia quyến nỗ lực tu hành. Bởi xét thấy xác thân tạm bợ này dơ bẩn, chứa nhóm vô vàng khổ đau sâu hận:

“Mang xác thú không làm thẹn tử,  
Còn đem tâm đắm đuối say mê.”

Nên anh dốc lòng ước nguyện sanh về Cực Lạc. Anh tin tưởng tuyệt đối vào 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà. Nhứt là nguyện thứ 18:

- “Nếu chúng sanh trong mười phương thế giới, nghe danh hiệu ta, khởi tâm tin ưa, nguyện sanh về nước ta. Khi lâm chung niệm danh hiệu ta, từ một niệm cho đến mười niệm, nếu chẳng được sanh về cõi nước của ta, ta thề chẳng thành Phật”.

Nhờ chúng kiến: cha, em và mẹ vãng sanh nên anh càng thêm hăng hái. Thấy vị nào ra đi cũng tinh tảo tươi vui, thanh thản nhẹ nhàng. Rất khác với thường nhân: phùng mang trợn mắt, mê mê sáng sáng khi trút hơi thở cuối cùng! Do vậy, sự tu của anh chỉ chuyên một hướng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sám hối lỗi lầm quá khứ, nhứt quyết nguyện về Tịnh Độ. Như lời nhắn nhủ của cổ nhân:

“Lòng thê với lòng:  
Sám lỗi trước,  
Hối lỗi sau,  
Cổ công mài dũa thì thau ra vàng.  
Phù dung sớm nở tối tàn,  
Đời người như giọt sương tan đầu cành.  
Sanh rồi tử,  
Tử rồi sanh,  
Nồi chìm bể khổ sao đành cam tâm.  
Phen này chẳng để lỡ làm,  
Hong Danh sáu chữ tay cầm trong tay.  
Nhứt tâm quyết nguyện Liên Đài,  
Chí thành tu ắt có ngày được lên.  
Hư nên ở một chữ bền!”

Sau đám tang mẹ (ngày 19 tháng 3 năm 2006) ba ngày, niềm bi cảm trào dâng, sức khỏe của anh bỗng nhiên đột quy. Dù thế, câu niệm Phật càng khắng khít thêm hơn. Những ngày gần cuối đời, con bệnh hành hạ anh mỗi lúc một dữ dội.

Chiều mùng 5 tháng 7 năm 2006 trong cơn mê sáng, anh vừa nói, vừa lấy tay chỉ trỏ:

- “Nó...! Nó...! Đông dữ lắm, Sen ơi! Nó xúm lại lôi kéo chân tao.”

Người em gái liền nhắc:

- “Thôi! Anh ráng niệm Phật đi!”

Anh đáp:

- “Tao niệm không được! Nó đánh tao... Mà đánh tới mày nữa...!”

Mọi người xung quanh đồng thanh niệm Phật. Được một hồi, anh tỉnh và khỏe lại bình thường. Đến 2 giờ khuya anh nói:

- “Sen ơi, Sen! Thầy về kia! Em thấy hông?”

Cô em đáp:

- “Hông...! Ở đâu?”

Anh nói:

- “Thầy đứng gần cửa đó!”

Người em gái nói:

- “Thầy về độ anh, cho anh sáng suốt, hết bệnh. Thôi, anh ráng niệm Phật đi!”

Anh liền gật đầu.

Người em gái chạy đi thắp hương các ngôi thờ cúng, rồi tiếp tục đứng bên giường hộ niệm.

Sáng lại, cũng như mọi ngày, chị đi bán bánh mì ngoài đầu cầu, anh qua mái chái (phòng bên) dùng một ít cháo, rồi nằm nghỉ.

Đến 7 giờ 30 phút, thấy vợ đi bán về, anh liền bảo:

- “Bà ơi! Bà thay quần áo cho tui đi!”

Chị đáp:

- “Hùng sáng, làm cái gì thay quần áo! Hồi tối thay rồi, làm cái gì thay nữa!”

Anh nói:

- “Thôi mà...! Thay quần áo cho tui sạch sẽ đi!”

Khi thay xong, chị dọn cơm nhưng anh cho biết rằng, đang mệt nên anh nằm nghỉ, không ăn.

Chị đành phải dùng một mình. Khi ăn chưa hết chén cơm, nghe tiếng anh gọi:

- “Bà qua kêu Ba Sen và Năm Hót qua niệm Phật! Chắc tui đi! Tui mệt dữ lắm mệt rồi... Đi kêu Chiến và Bảy Bé lại hộ niệm cho tui!”

Chị thấy anh quá tỉnh, quá khỏe nên cũng bỏ qua. Một hồi, anh lồm cồm ngồi dậy, hỏi:

- “Bà cho hay chưa?”

Chị đáp:

- “Chưa! Cô Ba thức hồi khuya tới giờ, để cô ngủ, chứ ông kêu hoài sao?”

Anh nói:

- “Chèn ơi! Kêu qua niệm Phật giùm đi, bà ơi! Hồng êm đâu. Tui đi à!”

Chị cũng không đi vì không bao giờ tin rằng, lúc này, chồng mình sắp chết. Bèn ngồi bên cạnh, nói:

- “Thì thôi, để tui niệm Phật cho ông!”

Hai ông bà đang ngồi niệm được một lúc. Kế đó, người em trai bước qua, anh liền bảo:

- “Hót ơi! Niệm Phật tiếp anh!”

Nói xong, anh liền nằm xuống. Các chị em ở gần hay được, xúm lại hộ niệm, anh nhép môi niệm theo. Chẳng bao lâu, anh nhẹ nhàng qua đời, lúc đó 9 giờ 30 phút sáng, ngày mùng 6 tháng 7 năm 2006. Anh hưởng dương 55 tuổi.

Đến giờ nhập mạch, đỉnh đầu của anh vẫn còn ấm nóng, các khớp xương đều mềm mại, gương mặt tươi sáng lạ thường. Sự vắng sanh của anh, đã làm nhiều người phát tâm tinh tấn tu hiền.

*(Thuật theo lời: Mai - Sen - Loan)*

## **29. Bà Nguyễn Thị Thai (1932-1997)**

Bà Nguyễn Thị Thai sinh năm 1932, nguyên quán tại Bắc Năng Gù. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Khá, thân mẫu là cụ bà Trương Thị Tốt. Bà có cả thầy là sáu chị em và đứng thứ Hai trong gia đình.

Khi đến tuổi hoa xuân, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Chính, quê ở Đốc Vàng, sinh được mười người con, năm người mất từ nhỏ. Định cư tại ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà chuyên lo nội trợ, thành phần lao động chính do ông chồng gánh vác.

Đến năm 1975, ông chồng thất nghiệp, kinh tế gia đình lần hồi sa sút, rồi lâm vào cảnh bán hàn, bà phải đi mót lúa, mót đậu, làm cỏ mướn... để sinh nhai.

Vì vất lộn với cuộc sống nhọc nhằn khổ cực, cho chuyện manh áo chén cơm, làm bà cảm nhận sâu sắc về kiếp người:

"Bèo bọt trôi sông quá chơi vơi,  
Già trẻ trước sau chẳng ở đời.  
Vạn vật thanh suy còn rồi mất,  
CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM



Luôn thay đổi chẳng lúc nào ngơi.  
Sang hèn hạn định ba vương đất,  
Thọ yếu chỉ tồn một tác hơi.  
Trên cõi Ta Bà toàn những khổ,  
Tu về Tịnh Độ ắt thành thời."

Cho nên đến năm 1982, bà phát tâm trường chay. Mặc dù, đời sống vật chất túng thiếu nhưng bà và người con trai thứ Tư rất hăng hái tham gia công tác từ thiện xã hội, có khi bà nấu cơm đãi ăn tại nhà cho mấy mươi đồng đạo, trong những cuộc sưu tầm thuốc Nam quanh vùng.

Thời gian rảnh rỗi, bà thường nghiên cứu kệ giảng, rồi cũng thường khuyên nhắc người quen cố gắng tu thân, hành thiện.

Năm 1987 người bạn đường ra đi, bà lúc ấy 55 tuổi, cùng sống chung với ba người con, hai trai, một gái. Hoàn cảnh nghiệt ngã của cuộc đời, thôi thúc ý chí cầu sanh Tây Phương khẩn thiết.

Nhờ chân thật tu hành, tâm tính bà ngày càng trở nên hiền lành, nhẫn nhường, cần kiệm, rộng lòng thương người, lối xóm chòm riêng, ai ai cũng cảm mến.

Công khóa tu trì của bà luôn giữ đều đặn, lễ lạy mỗi ngày bốn thời, sau thời lễ lạy, bà thường ngòai niệm Phật tẩn một cây nhang. Thịnh thoảng, bà cũng thường đi hộ niệm, cầu nguyện hoặc theo đoàn lầy thuốc Nam ở núi, ở hòn... đôi khi, ra tới rừng ở tận Đổng Nai.

Trước khi mất vài năm, bà tự biết trong mình có bệnh nhưng bà giấu các con. Bà ít nói chuyện, chuyên lo niệm Phật, hầu chuẩn bị chu đáo cho chuyến đi xa được kết quả vẹn toàn. Điều này, đáng để cho những hành giả đang trên bước đường cầu sanh sang Phật Quốc phải học tập và phải tự hỏi lại chính mình. Do vì:

"Đến Tây Phương khó, nhưng mà không khó,  
Hỏi lại mình thật có muốn về chăng?  
Trăm ngàn vạn thứ thấy thấy đều quãng,  
Chỉ còn Cực Lạc khãng khãng trong lòng.  
Được như vậy trần hồng xóa sỏ.  
Ao sen vàng sẽ trở hoa xinh.  
Hãy nên tự hỏi lại mình,  
Nếu như đã quyết vãng sanh khó gì!"

Đầu năm 1996, khi bệnh phát tác dữ dội, các con đưa bà đến Chợ Mới, An Giang, Sài Gòn rồi ra Lái Thêu. Các bác sĩ đều chẩn đoán là bị "Ung thư tử cung" và đều bó tay.

Về nhà, các con đặt bàn hương án, để nhờ đồng đạo đến hộ niệm và cầu an cho bà. Tuy cơn đau hoành hành, bà vẫn nhờ chư liên hữu hộ niệm và cầu siêu giùm chứ không cầu an. Vì bà muốn được vãng sanh càng sớm càng tốt.

Một hôm cô Út Đồng đến thăm, bà nói:

- “Nhờ quý cô cầu nguyện vãng sanh giùm tôi, vì tôi ham vãng sanh lắm!”

Cô Út hỏi:

- “Chị có nhớ niệm Phật thường không, chị Hai?”

Bà đáp:

- “Tôi không quên đâu, cô à! Tài sản có bao nhiêu đó mà không nhớ sao được!”

Bệnh mỗi lúc càng nặng hơn, nhưng bà vẫn bình tĩnh niệm Phật, tâm tâm ý ý cầu sanh Tây Phương.

Đến ngày 20 tháng 03 năm 1997, cô Út The, một liên hữu chân tu, thân quen với bà, tới hộ niệm cho bà. Vì thuở còn khỏe mạnh bà có nghe ông Hai Quán ở Cần Thơ trước khi chết, đưa tay chào đồng đạo. Nên bà thích lắm, thường nói:

- “Chùng nào tôi chết, tôi cũng chào đồng đạo như vậy đó!”

Cho nên cô Út The lúc này hộ niệm bèn nhắc:

- “Cô nói, lúc chết, chào đồng đạo rồi mới vãng sanh! Bây giờ, cô tính chùng nào đi? Chùng nào chào đây?”.

Bà mỉm cười gật đầu thay cho lời đáp.

Đến sáng ngày 24 tháng 3 năm 1997, bà nói với người con trai thứ Tư rằng:

- "Tạo ơi! Bữa nay, con không đi đâu nghen! Ở nhà với mẹ! Con qua kêu Hai On, Năm Mum, Út Dứt... Kêu mấy anh em họp lại, thắp hương các ngôi thờ cúng đi!"

Khi mọi việc đã xong xuôi, thân quyến và đồng đạo tề tựu đông đủ, hộ niệm được một lát thì bà vui tươi đưa tay chào tất cả mọi người, rồi từ từ trút hơi thở sau cùng. Bà hưởng thọ 65 tuổi.

*(Thuật theo lời Nguyễn Thị Nuôi, cô con gái thứ Năm của bà và liên hữu Út The)*

### **30. Bà Thái Thị The (1951 – 2003)**

Cô Thái Thị The sinh năm 1951, tại Vĩnh Long. Thân phụ là cụ ông Thái Văn Cự, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Tròn. Hai ông bà sinh cả thảy là bảy người con, cô đứng thứ Út trong gia đình. Nghề nghiệp chính của cha cô là làm ruộng và thợ mộc.

Mẹ mất sớm, cha cô quy y với Đức Thầy, năm 1939. Đến năm Ất Dậu (1954), vì hoàn cảnh cuộc sống nơi quê nhà không được an ninh, cha cô muốn giữ trọn tinh thần tín ngưỡng theo

Đạo, nên bỏ nhà cửa, đất vườn, đi về vùng Láng Linh để sinh sống. Sau đó, định cư tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Cô chỉ học tới lớp ba trường làng. Nhờ ảnh hưởng tinh thần đạo đức và hạnh lành của cha, nên cô đã phát tâm quy hướng Tam Bảo từ thuở ấu thơ. Năm 11, 12 tuổi, cô thường theo cô bác đọc sám kê trong những ngày rằm và ba mươi tại Hội Quán, giọng đọc của cô rất hay, nhất là khi ngâm nga bài “Cõi Cực Lạc với pháp môn Tịnh Độ”, ai nghe rồi... cũng muốn tu!

Năm 17, 18 tuổi, cô hằng ngày đi sưu tầm thuốc Nam và thường xuyên ghé cốc cô Út Đồng, ngồi ngoài hành lang để nghe các vị giảng viên thảo luận Phật Pháp. Được biết rằng, cô ăn chay trường rất sớm nhưng không rõ là tháng năm nào.

Tính tình của cô hiền hòa, vui vẻ, siêng năng cần mẫn, chịu khó chịu khổ lại nói ít, cười nhiều nên ai ai cũng đều quý mến.

Đến ngày 14 tháng 7 năm 1975, cha cô chỉ phát cơn mệt một tí rồi qua đời. Dâu bề tang thương nơi cõi bụi hồng làm cho cô cảm nhận sâu sắc về lý vô thường của lời Phật dạy, mạng sống con người quả thật quá mong manh, ngắn ngủi, tạm bợ. Ý chí giải thoát đã nhen nhóm từ lâu trong tâm tư bừng lên khi khổ đau tràn ngập cõi lòng.

Lúc này, các anh chị lớn đều đã ra riêng, còn lại cô với gia đình của người anh thứ Bảy sống chung nơi phủ thờ.

Mỗi ngày, sáng cô tìm thuốc Nam cho phòng thuốc đến chiều hoặc tối mới về nhà, tắm gội xong, công phu lễ niệm rồi dùng cơm và đi ngủ. Theo tập tục gia đình, chị dâu cúng bốn chén cơm lưng lưng, nơi bàn thờ ông bà mỗi ngày, phần đó cũng là phần chừa lại dành cho cô, buổi chiều hoặc tối, đem xuống ăn.

Do ông anh thứ Bảy lúc này, chưa thấm nhuần Phật Pháp nên chẳng mấy hài lòng với việc làm từ thiện của cô, nên đến buổi cơm tối, khi cô lên ngồi, liền cần nhằn la trách. Vì vậy hôm nào về nhà, thấy tình hình không ổn thì cô công phu lễ niệm miết cho đến khi anh mình đợi mãi, mồn mõi đi ngủ, cô mới lặng lẽ chun vô mừng niệm Phật, thay cơm! Đúng như lời Cổ Đức đã sách từng sách tẩn:

"Rán tu trong cảnh khó tu,  
Rán hành giữa lúc âm u khó hành.  
Tu cho hết dữ ra lành,  
Hành cho hết trược ra thanh cuộc đời.  
Khổ nay chịu được vui mơi,  
Chớ buồn những lúc tình đời khô khan.  
Rán tu cho kiếp khỏi tàn,  
Rán hành để có lập bằng sông mê.  
Phật chờ nơi chốn Liên Huê,  
Khó khăn mấy cũng rán về tới nơi"

Qua chi tiết trên, chúng ta nhận thấy, nhẫn lực của cô quả thật phi thường! Đòi nay, có mấy ai đuổi theo kịp!

Hằng năm khi đến mùa lúa, cô phải đi mót lúa, cắt lúa mướn hay làm mướn để có hơn một chục gia. Chi dụng cho bảy lễ giỗ là bảy gia, và đến niệm Phật ở thất của đồng đạo thì mỗi tháng, dùng một gia.

Năm 1981, cô về tu chung với người cháu bà con bên ngoại nhưng lớn tuổi hơn cô, là: cô Hai Hằng, cũng ở tại địa phương nhà. Cứ tới mùa vụ thì cô xin tạm vắng mặt để đi mót lúa. Cách thức tu thì chuyên về niệm Phật cầu vãng sanh. Sáng thì từ 4-6 giờ, trưa từ 11-1 giờ, tối từ 5-7 giờ, khuya từ 11-1 giờ. Cứ sau sám nguyện là niệm Phật và lễ Phật. Mỗi khi bị bệnh thì tín tâm tuyệt đối vào "Ba bài thuốc Thầy" hoặc là nước cúng trên bàn thờ Phật, khỏi phải bận lòng và lãng phí thời gian đi chữa trị Đông Tây y, chỉ vui vẻ trả nghiệp, thành tâm sám hối- niệm Phật cho tiêu tan nghiệp chướng. Lòng tin của cô như đã được kết tinh mạnh mẽ qua những lời giáo huấn mà chư Cổ Đức đã từng khuyến bảo:

"Tin có Phật Thần trợ cứu cho,  
Tin mình tu được, một lòng lo.  
Đạo màu tại thế luôn trau luyện,  
Siêu thoát Tây Phương chỗ hẹn hò.  
Hôm sớm Di Đà tâm chớ lãng,  
Tháng ngày phước đức việc đừng ngưng.  
Tin câu báo ứng không sai chạy,  
Tin có Liên Hoa Cự Lạc chờ."

Mùng 1 Tết năm 1982 (cô 31 tuổi), cô bị bệnh sốt rất nặng, đi tiểu ra máu lợn cợn và rất tanh – hôi, có khi ba, bốn bô trong 24 tiếng đồng hồ. Cô vẫn một lòng uống thuốc Phật và niệm Phật cầu vãng sanh, nhứt quyết không đi chữa trị đâu cả. Cô Hai Hằng và một số bạn đồng tu túc trực hộ niệm. Tình trạng bệnh kéo dài, khi tăng khi giảm, suốt hai tuần lễ, cơn sốt mới lui và tiểu ra máu mới hết hẳn, và thêm 25 ngày nữa, sức khỏe mới hồi phục bình thường.

Năm 1983, người anh thứ Hai cho một công đất nên sự sống tương đối ổn định, cô không còn đi làm thêm trong những tháng thu hoạch vụ mùa mà thường cùng cô Hai Hằng may áo tràng cho đồng đạo. Thỉnh thoảng, hai cô cũng nhận chăm sóc những ca bệnh nặng để hộ niệm. Ngoài thời gian công phu hành đạo ra, hai cô luân phiên hốt thuốc Nam "Ba Bài" gia giảm cho mọi người quanh vùng, và đi hộ niệm người đang hấp hối. Cô còn có hạnh buông xả rất tốt, không quan tâm đến vật chất, đặc biệt, là không cất giữ tiền bạc; còn việc: ăn, mặc, ở, lại càng "rất đơn giản!"

Công phu hành trì cứ đều đặn như thế, suốt hơn 20 năm như một ngày.

Đến tháng 9 năm 2002, cô bắt đầu nhiễm bệnh, dây dưa đến cuối năm, càng lúc càng trầm trọng. Tuy thể xác đau yếu nhưng cô luôn vui vẻ và tinh thần của cô vẫn kiên định, nhất là niềm tin sâu chắc về luật Nhân Quả, quyết một lòng uống thuốc Phật, niệm Phật để theo Phật về Tây

Phuong. Rất nhiều đồng đạo, có cả lương y đề nghị đưa đi bệnh viện, cô vẫn một mực khước từ, điều đáng khâm phục là công phu thường khóa không ngưng nghỉ. Có lần, cô nói với cô Hai Hằng:

- "Tui bịnh kỳ này, chắc tui phải ra đi. Dì ở lại, dì ráng lo tu hành! Tui chắc đi trước dì rồi!"

Cô Hai bèn chắc lưỡi:

- "Khôn quá há! Giành đi trước. Dì nhỏ tuổi mà dì khôn hơn tui... Tiền thì không chịu giữ, bắt tui giữ, còn bây giờ, ra đi thì giành đi trước!..."

Ngày 20 tháng chạp, có cô Hai Sáng và thím Tư Khoáng ghé thăm và có hỏi cô rằng:

- "Chị có chuẩn bị gì để ra đi không?"

- "Tui đã có chuẩn bị sẵn hết rồi!"

- "Chị chuẩn bị gì? Nói nghe coi!"

- "Cái thứ nhất là mình phải tập trung tư tưởng niệm Phật cho chí thành. Cái thứ hai là mình phải đầy đủ: Tín - Nguyện - Hạnh, nếu thiếu một trong ba thứ đó thì hồng có được vãng sanh đâu!"

- "Trước khi chị về Phật, chị phải làm như thế nào để chúng tôi biết chớ?"

Cô khẳng khái trả lời:

- "Trước khi về Phật, tôi sẽ vẫy tay chào đồng đạo và nở một nụ cười rồi mới ra đi. Ngày đi thì chắc là không xa đâu! Nhưng mà tôi nói trước không có được!"

Tối lại, cô Hai Hằng hỏi:

- "Dì đau mà dì có sợ chết hông?"

Cô đáp:

- "Hông! Tui hông có sợ chết đâu!"

Và còn dặn:

- "Trong lúc tui hấp hối, người nào có thăm tui, dì đừng có cho vô để tui tập trung niệm Phật!"

Lại dặn thêm:

- "Một công đất của anh Hai cho, mà dì không chịu lãnh thì thôi giao lại cho ông anh thứ Bảy, để anh lo cúng kiếng lễ giỗ ông bà, hàng năm!"

Đến mừng 2 tết năm 2003, cô bị tai biến liệt nửa bên trái. Bệnh mỗi lúc một nguy ngập. Đồng đạo hay tin kéo đến hộ niệm liên tục hăm bốn trên hăm bốn. Đến 11 giờ trưa ngày mừng 6 tháng giêng năm 2003, cô an lành trút hơi thở cuối cùng, hưởng dương 52 tuổi.

Trong lúc hộ niệm, có một cô liên hữu mới phát tâm tu nên chưa có kinh nghiệm, ngồi gần bên giường, nhìn thấy tay trái cô Út The ở dưới mền nhúc nhích, cô bèn lấy tay đè xuống để giữ yên. Lần thứ hai, cô cũng đè xuống nữa. Đồng đạo Hai Tác bèn ngăn lại:

- "Tám à, Tám! Em buông tay ra đi, để người bệnh tự nhiên làm gì thì làm!"

Cô bèn lấy tay ra thì tay trái của cô Út The (cái tay mà 4 ngày qua bất động) từ dưới mền tung lên chào mọi người, đồng thời cô cũng nở một nụ cười, đúng như lời mà cô đã hứa ở hai tuần lễ trước.

*(Thuật theo lời cô Hai Hằng, bạn đạo ở chung với cô).*

### **31. Bà Đặng Thị Vân (1954 - 2009)**

Chị Đặng Thị Vân sinh năm 1954, tại Thành Phố Huế. Cha tên Đặng Văn Nghĩa, mẹ là Nguyễn Thị Đóa. Chị có tất cả chín anh em và đứng thứ Hai trong gia đình.

Thuở bé vì em đông, chị phải phụ giúp bố mẹ chăm lo công việc nhà, nên chỉ học đến lớp 2 trường làng.

Chị có tính hiếu thảo, lòng rộng rãi, rất mực siêng năng, sức nhẫn nại phi thường.

Năm 1975, cả gia đình di cư vào Nam. Ban đầu đến Phụng Hiệp, bốn tháng sau, dời về Cống Mới, xã Thuận Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Lúc này, chị vừa tròn 20 tuổi.

Ba năm sau, chị kết hôn với anh Nguyễn Thành Lực, sinh được bốn người con, hai trai, hai gái.

Hằng ngày, chồng đi làm mướn; chị ở nhà lo việc nội trợ. Năm 1982, anh đi xa, biệt biệt tin tức. Chị cố tìm, nhưng tìm mãi không gặp nên đành phải tự xoay sở bằng nghề chiên bánh tiêu và bánh cam, bán để nuôi con, vì lúc ấy đứa Út chưa đầy 2 tuổi.

Hơn một năm sau, anh chồng trở về, có được nghề mộc nên đi cất nhà mướn. Cũng vì vậy, mà anh chè rượu nhiều hơn, bôn ba bươn bả nhiều hơn... Càng làm cho chị buồn khổ nhiều hơn! Hệt như tâm tình của một sư ni:

“Hỡi ôi! Ngao ngán cái ách còng,  
Tạo chi lối nhớ ầm- bết- bông.  
Đau khổ quá nhiều đâu đẹp dạ,  
Niềm vui chút xẻo chả hài lòng.  
Tất bật đêm ngày nào ngơi nghỉ,

Quay quàng tâm tưởng tợ cuồng phong.  
Mộng đời ngắm nghĩa chao ôi! Chán!  
Chán ngán. Ôi chao! Cái ách còng!”

Với bản tính nhẫn nhường, chịu khó nên chị chẳng mấy quan tâm đến số phận lên đênh của bản thân mình, mà chỉ mong các con được nên người, mơ ước các con có được tương lai tươi sáng.

Có lẽ, hoàn cảnh bất như ý này kéo dài hơn suốt 10 năm, đã giúp cho mầm Bồ Đề Tâm thuở quá khứ, đột nhiên khởi phát trong chị. Chị cảm nhận sâu sắc về nỗi khổ của kiếp người. Mọi thứ trên trần đời đều mong manh, đều tạm bợ... Có đó rồi mất đó, như khói mây khi tụ khi tán, như bèo bọt lúc hợp lúc tan...

“Hoa sớm nở rụi tàn khi chiều đến.  
Mới thanh xuân mấy chốc bệnh già rồi.  
Gẫm đời người đâu khác cánh bèo trôi.  
Vô lượng kiếp cuộn tròn trong bể khổ!”

Năm 2006, chị mắc bệnh thận, xương sống thường đau nhức ê ẩm.

Năm sau, chị phát nguyện trường chay, dự định đi nấu cơm Tổ Từ Thiện ở Bệnh Viện tại Thành Phố. Nhưng duyên may không đủ nên ước mộng chẳng thành, chay lạt cũng chỉ được hơn một năm.

Bệnh trước chưa hết, kế đó, chuyển sang bệnh dạ dày. Dây dưa mãi cho đến đêm 29 tháng 11 năm 2008 hạ sườn bên phải của chị sưng đau dữ dội, khó bề kham nhẫn.

Khi đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, bác sĩ chẩn đoán là “Ung thư gan” thời kỳ chót, và cho biết thêm mạng sống chẳng còn bao lâu. Thuốc giảm đau khi tiêm vào lại phản tác dụng. Ăn uống bất cứ thứ gì vào, chị cũng đều mửa hết ra.

Hay tin, người em gái thứ Út là Đặng Thị Mỹ Dung đến thăm và động viên chị nên buông xả muôn duyên, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Chị đồng ý, liền xin xuất viện về nhà đồng đạo tại xã Trung Thạnh, huyện Thốt Nốt để an dưỡng vào ngày mùng 5 tháng 12 năm 2008.

Thời gian trước, chị thường thích xem các đĩa Phật Pháp. Nhưng thích nhất vẫn là Quyển Khuyến Thiện, hâm mộ nhất là cô “Năm giò heo” vãng sanh. Ngoài ra, chị thường có cảm giác khi đến chùa, am hay chỗ nào có nhiều người tu tập thì tâm hồn thơ thới, an lạc lạ kỳ.

Từ ngày 6 tháng 12 năm 2008, chị bắt đầu nhai cơm gạo lứt, phối hợp với đắp thuốc Nam và uống thuốc Bắc, đồng thời nhờ chư đạo hữu cầu nguyện.

Vài hôm sau, bệnh tình thuyên giảm rất nhiều, cơn đau cũng bớt rõ rệt.



Hằng ngày, đều có bạn đạo đến thăm hỏi, sách tấn, giảng giải thêm về lý nhân quả báo ứng, về sự thống khổ của kiếp luân hồi, về lợi ích của sự niệm Phật, về bi nguyện độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà; liên hữu còn hướng dẫn chị phát nguyện sám hối, phát nguyện vãng sanh Tây Phương, kể chuyện vãng sanh, đọc chuyện vãng sanh, mở đĩa về vãng sanh... Chị rất khát ngưỡng, chăm chú lắng nghe, tỏ lời cảm ơn khi các thiện tri thức ra về. Chị đã:

“Quyết giữ vững lòng son với Phật,  
Quyết tu cầu giải thoát trần gian.  
Đạo tâm tinh tấn một đàng,  
Nhiệm màu được thấy Tây Phang được kè.”

Chị đồng mãnh nỗ lực hành trì, câu Phật hiệu nối liền, ít khi gián đoạn.

Ba mươi tám ngày trôi qua, bệnh lần chuyển nặng, chị bắt đầu ngưng ăn, chỉ uống được một ít nước. Những cơn đau thần sậu quỉ khóc thường xảy ra vào giữa đêm, nên chư đồng đạo thay ca hộ niệm.

Hộ niệm đến ngày thứ 7, vào lúc 1 giờ 30 phút đêm 20, rạng ngày 21 tháng 1 năm 2009 chị đã trút hơi thở cuối cùng, sau cơn đau kinh hôn 3-5 phút. Chị hưởng dương 55 tuổi. Trước đó hai tiếng đồng hồ, một liên hữu đến bên cạnh an ủi, khích lệ, khai thị và còn thỉnh cầu:

- “...Chừng nào chị vãng sanh, chị phải để lại cho chúng em một nụ cười làm chứng tín nghen!”

Lời thỉnh cầu này cũng chỉ là lặp lại nhiều lần, ở những ngày trước đó.

Nghe xong, dù đang đau đang mệt, chị cũng gạt đầu rồi cười nhe hàm răng trắng phếu lộ ra ngoài. Lúc mất, miệng chị há rất to, mọi người vẫn tiếp tục hộ niệm, sau 3 giờ, miệng chị từ từ ngậm lại nhưng không kín, lưu lại “ một nụ cười tuyệt vời hy hữu!”

Sáng ra, khi hay tin chị qua đời, thân nhân và đồng đạo tập nập đến hộ niệm cho đến trưa. Cũng trong thời gian này, người ta phát hiện bà già chồng bên nhà bấp tức tủi khóc than kể lể:

- “Trời ơi! Con dâu tui, không biết nó còn nắm níu cái gì hông, mà cái đầu nó nóng quá trời!”

Những người xung quanh, có vị biết được chút ít đạo lý, bèn giải thích cho bà nghe. Hiểu ra, bà mới biết chắc chắn, con dâu mình đã được vãng sanh.

*(Thuật theo lời Đặng Thị Mỹ Dung, em gái của cô và Ban Hộ Niệm)*

### **32. Bà Lê Thị Đâu (1908 - 1989)**

Bà Lê Thị Đâu sinh năm 1908, nguyên quán rạch Vạn Lịch, xã Trung An. Bà và em gái mồ côi cha lẫn mẹ từ thuở bé, được người dì ruột nuôi nấng cho đến lúc trưởng thành.

Khi tuổi hoa xuân, bà thành hôn với ông Trần Văn Cò, cư ngụ tại vòm Lấp Vò, ấp Thạnh Phước II, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Bà có tám người con, bốn trai, bốn gái. Sinh sống bằng nghề làm thuê, nhất là cấy lúa mướn.

Tính tình bà thuần hậu, hiền lành chất phác, con cháu thầy đều thích mến, kính trọng. Bà rất bình dị, giản đơn từ miếng ăn cho đến tấm mặc.

Gia cảnh vốn dĩ thanh bần, bởi không được thừa hưởng di sản vật chất do tổ tiên để lại, mà phải tự lực mưu sinh bằng đôi tay đen với tâm hồn trắng ở giữa chốn bụi hồng, đầy gian nan, đầy khó nhọc!

Các con của bà cũng không hơn không kém, sau khi định vợ gả chồng, mỗi người đều phải tự lập bằng đủ mọi thứ nghề: làm thuê, cấy lúa mướn, đặt lợp lò, giăng lưới thả câu...

Vào khoảng cuối năm 1986, do một hôm, cô cháu nội khuyên:

- “Bà già rồi, Nội ơi! Sống cũng không còn bao lâu. Trên cõi đời này, có cái gì thiệt đâu! Thôi, bà hãy ăn chay niệm Phật để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc!”

Bà hỏi lại:

- “Được hông?”

Cháu bà đáp:

- “Được, Nội ơi! Nội ráng cố gắng đi nhen, Nội! Bà ráng niệm Phật là được vãng sanh!”

Bà nói:

- “Vậy hả! Vậy tao cầu về Cực Lạc luôn!”

Thế là thiện căn nhiều đời khởi phát, bà hoan hỷ làm theo. Cũng từ đạo ấy, bà siêng năng lễ Phật, bà lễ Phật bằng tất cả trái tim thành kính của mình. Trên tay luôn có xâu chuỗi 18 hạt. Vì lưng đau nên bà ngồi niệm Phật chỉ khoảng 15 - 20 phút, sau mỗi thời cúng, chứ chẳng được lâu. Hầu hết thời gian trong ngày, đều hành trì ở tư thế nằm võng và đi đứng. Dường như, bà đã thực sự hạ quyết tâm rời khỏi vòng sanh tử luân hồi:

“Lênh đênh chìm nổi chốn trần hồng,  
Sinh già bệnh chết mãi xoay vòng.  
Khi sống tạo thành bao sự nghiệp,  
Thác rồi cũng một nắm tay không.  
Trăm, ngàn, muôn thứ đâu đem được,  
Chỉ có nghiệp duyên chất chập chồng.  
Cháu con thân thuộc nào tiếp giúp,  
Nghe câu Phật hiệu hỡi còn trông.  
Còn trông giải thoát kiếp vô thường,

Nguyện lớn Di Đà đấng Pháp Vương.  
Cực Lạc quê xưa mau về gấp,  
Đừng nên dong ruổi chôn tha phương.  
Cha lành tựa cửa trông con đại,  
Lòng mãi quặn đau nỗi nhớ thương.  
Mê muội bao ngày thôi khép lại,  
Chuyên trì Lục Tự để lên đường.”

Bà ở thì ở nhà người con thứ Ba, tại vòm rạch Lấp Vò, đến giờ cơm thì đi vào nhà người con thứ Sáu, cách khoảng 200 mét vì gia đình này, trọn nhà, đều dùng chay trường. Bà thích nghe đọc kệ giảng lắm nên đến giờ ăn, bà thường đến sớm nửa hoặc một tiếng đồng hồ, hay dùng cơm xong, nấn ná nằm lại trên võng để được nghe các cháu đọc 5 - 10 trang rồi mới ra về.

Điểm đặc biệt là bà có tâm buông xả cao độ, chẳng hề bận lòng đến chuyện cháu con, nhất là cháu con hay đem những chuyện làm ăn lời lỗ, chuyện xấu dở đúng sai, vô số chuyện tạp nhạp để than thở nỉ non với bà. Bà thường nói:

- “Mồ tỏ nó! Kệ nó! Tui lo chuyện của tui! Chớ hông lo đến chuyện của ai nhiều làm chi cho mệt cái tâm của tui!”

Thật đúng với câu đối liền của Cổ Đức:

“Một năm hai níu suốt ngày lận đận: Ri thêm khổ!  
Trăm buông ngàn xả quanh năm thông thả: Rứa mà vui!”

Liên hữu Tư Rô thường xuyên lui tới viếng thăm, an ủi khích lệ, giảng giải Phật Pháp, nhưt là kể chuyện vãng sanh cho bà nghe, khuyên bà chuyên tâm niệm Phật để sớm được trực đáo Tây Phương - gãy đúng chỗ ngứa - bà vui mừng thích thú ghê lắm. Cứ hơi lâu mà không thấy ghé, bà nói lầm bầm:

- “Thằng Rô cỡ này, sao nó đâu mất tiêu rồi bây! Tao nhớ nó quá!”

Công phu hành trì của bà tinh chuyên, cần mẫn suốt ba năm. Đến ngày 29 tháng 9 năm 1989 bà bỗng dưng ngã bệnh, nằm ngủ mê man li bì, suốt ngày, biếng ăn biếng uống. Rước thầy thuốc, sau khi chẩn đoán là “hạch đàm ác tính”, đề nghị gia đình đừng nên đi chữa trị làm chi cho tốn kém vô ích. Nên uống thuốc Nam và chích vài mũi thuốc khỏe cầm chừng, đồng thời lên chương trình hộ niệm. Thân quyến y theo, bắt đầu hộ niệm từ ngày 29 tháng 9 năm 1989 tại nhà người con thứ Sáu.

Kể từ giờ phút đó, bà ngưng ăn, chỉ dùng một ít sữa vì cổ họng đau dữ dội mỗi khi thực hiện động tác nuốt vào. Kể đó, bà dứt hẳn uống sữa, chỉ còn thuần là nước.

Mặc dù, tình trạng kinh tế gia đình quá ư khiêm tốn. Buổi điểm tâm khuya, cho Ban Hộ Niệm, chỉ vòn vện “cháo cò” và củ cải muối. Nhiều lúc, thân quyến bà ước ao nấu đũa chừ liên hữu bằng nồi cháo niêm nhưng đó chỉ là chuyện trong mơ, bởi lẽ... đã vượt quá tầm tay. Nhưng tinh thần của đồng đạo trợ niệm hết sức, chân thành và chí thành.

Chỗ ngủ cho khoảng 20 đồng đạo ở xa, hộ niệm ca đêm, lại vô cùng khó khăn. Hơn nữa, nhưt là những khi đông tổ bão bùng. Vì chỗ nằm của bà còn phải căng cao su, hồ hướng chỉ là... chỗ khác! Nên nhờ sự tương thân tương ái của những ngôi nhà bên cạnh.

Xuyên suốt hai tuần lễ trợ niệm, thể lực bà mỗi lúc một cạn kiệt dần dần. Dù vậy, bà vẫn nhép môi niệm Phật theo mọi người. Cho đến 9 giờ sáng ngày 14 tháng 10 năm 1989 bà vẫn còn niệm ra tiếng rành rẽ rõ ràng, hai tay chấp lại để trên ngực, kế đó rơi ra, 2 phút sau, an tường qua đời trước sự hiện diện của hơn 70 người đưa tiễn. Bà hưởng thọ 81 tuổi.

Bốn tiếng đồng hồ sau đó, khám nghiệm thi thể, tất cả các nơi đều lạnh, chỉ có đỉnh đầu nóng dữ dội, tay vừa sờ vào y như hơ tay trên miệng một lò than.

*(Thuật theo lời Trần Thị Hà, cháu nội bà)*

### **33. Ông Phạm Ngọc Hòa (1914 - 1997)**

Ông Phạm Ngọc Hòa sinh năm 1914, nguyên quán ấp Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông: Phạm Văn Sửu, làm Hội Đồng thời Pháp Thuộc. Thân mẫu là cụ bà: Mạch Thị Thảo. Hai ông bà sinh được năm người con, ông đứng thứ Tư trong gia đình.

Đến tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Huỳnh Thị Mừng, sinh được một trai, bốn gái, cư ngụ tại ấp Tân Thuận, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp chính là làm ruộng.

Tính tình ông hiền hậu, thẳng thắn, siêng năng, nhẫn nhục, thích giúp người, đời sống kiệm ước và đơn giản từ miếng ăn cho đến tấm mặc. Đối với các con, ông dạy dỗ rất nghiêm khắc nhưng, cũng rất khéo léo từ việc ăn, ở cho đến mọi sinh hoạt đời nhân xử thế đều phù hợp với đạo nghĩa, biết nhận chịu thiệt thòi, không tranh đua với người.

Sau năm 1975, ông đã cảm nhận cảnh đời đầy khổ đau, vô thường, giả tạm, không chi bền chắc nên ông đã phát tâm trường chay, sớm chiều lễ Phật, dần dần giao phó hết việc nhà cho các con, còn phần mình chuyên tâm hành đạo.

Ban sơ, ông thường cùng với một số thiện tri thức như ông Hai Mù Tiễn.. đi đây đó để sách tấn mọi người làm lành, lánh dữ, chí tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đây là con đường thẳng tắt nhất để một đời liễu sanh thoát tử mà ai cũng có thể tu, không cần biết trí hay ngu, nghiệp nặng hay nhẹ, chẳng phân già trẻ, chẳng luận nghèo giàu, bất luận hoàn cảnh nào cũng có thể hành trì được cả!

Điểm đặc biệt là trọn đời, ông không hề mặc đồ tu như bao nhiêu đồng đạo khác, thích nhất vẫn là quần tây, áo sơ mi cũ màu. Các con ông thường phàn nàn:

- “Ba ăn mặc như vậy ra đường, người ta cười tui con chết!”

Ông trả lời tinh bơ:

- “Có sao đâu!”

Về sau, ông thường chạy xe một mình đi các nơi để đắp đường, bồi lộ vì vào thời điểm thập niên 70 và 80, các tuyến đường giao thông nông thôn, toàn bộ là đường đất nên đến mùa mưa và mùa nước nổi, thường hay bị lầy lội, sạt lở. Trên chiếc xe hon-đa Đam, ông trang bị đồ dùng cá nhân như: quần áo, mềm mùng và một cái leng, một cái cước, một cái ky... Đến đoạn đường nào hư thì dừng lại, lui cui làm một mình, vừa làm vừa niệm Phật. Chiều tối thì tìm những nhà quen gần đó tạm nghỉ, làm năm, ba ngày xong thì đến đoạn đường hư lở khác làm tiếp tục.

Đôi khi, ông cũng tham gia cầu nguyện tuần thất và hay tìm đến các cháu phát tâm tu để khuyên tấn, nung đúc cố gắng nỗ lực hành trì.

Trải qua nhiều năm như vậy, các con ông thường than phiền:

- “Ba tu thì ba ở nhà ba tu. Chớ Ba đi như vậy, lỡ như bịnh hoạn, chết giữa đường giữa sá thì tui con biết làm sao đây?”

Nhưng, ông cứ giả lã cho xong chuyện.

Đến năm 1990 (76 tuổi) ông mới cất một cái thất sàn nhỏ, ở phía sau nhà, chuyên lo niệm Phật, lễ Phật và nghiên cứu các kinh sách về Tịnh Độ như: Niệm Phật Thập Yêu, Tịnh Độ Chánh Tông.... Có điều kỳ lạ là, sau khi ông cất thất thì cây Bồ Đề mọc xung quanh thất của ông rất nhiều.

Thấy các con cứ mãi mê làm ăn, thỉnh thoảng ông cũng lên tiếng khuyên can bớt kinh doanh lại để có thời gian lo tu hành. Bởi vì trên đời này, cái gì cũng là tạm giả, từ nhà cửa, của cải, tiền bạc... cho đến cái xác thân của mình đang mang cũng toàn là đồ giả. Chết rồi không đem theo được thứ gì cả...!

“ Vạn vật vốn nhơn duyên tạo cấu,  
Các việc đều Thành, Trụ, Hoại, Không;  
Thân con người như thể cái bông,  
Huê mỹ chỉ được trong ngày buổi.  
Mọi sự của người đang cặm cụi,  
Đều đi theo cái tuổi của người.  
Phật ngàn xưa cũng đã cặn lời,  
Rằng vạn sự trong đời là tạm.  
Kẻ ngu xuẩn đến người bác lãm,  
Ai cũng đều nhìn nhận thế ư!  
Xưa sao thì nay cũng vẫn như,  
CHUYỆN VĨNG SANH Ở VIỆT NAM

Vật đã tạm bao giờ cũng tạm.  
Giống tham ái cứ lo chăm bám,  
Lửa tử sanh ngày tháng thiêu luôn.  
Suốt cổ kim nhân vật quay cuồng,  
Không tìm thấy con đường vĩnh cửu.  
Mưu hạnh phúc ở nơi hình hữu,  
Thất bại luôn thành tựu vẫn không;  
Nào mấy ai được biết tình lòng,  
Cứ phí của phí công vào đây.”

Các con ông lặng thính lắng nghe, không lý sự gì với ông hết. Nhưng sau đó thì họ sầm sì với nhau:

- “Ba tu riết rồi Ba hết biết gì luôn rồi! Cái gì đâu mà giả! Tiền, anh cầm anh mua một lần hai, ba chiếc xe hon-đa... mua cái gì cũng được mà làm sao giả!”

Đến tháng 7 năm 1997, ông bị bệnh về đường tiêu hóa, gia đình đưa ông đến Bệnh Viện Hữu Nghị của huyện để điều trị khoảng một tuần lễ, nhưng có lẽ ông đã tự biết trước mình sắp phải ra đi nên ông đòi con cháu đưa về nhà để ông niệm Phật theo Phật. Trong thời gian còn ở bệnh viện, có nhiều đồng đạo đến hỏi thăm sức khỏe của ông ra sao, ông vừa cười vừa đáp:

- “Theo người đời... người ta thường nói: “Đứt bóng”. Có lẽ chuyện này, tui đứt bóng thiệt rồi!”

Về nhà, ông chỉ nằm im niệm Phật, mọi việc đều nhờ con cháu giúp đỡ. Trước đó ông đã âm thầm tự tay viết trên giấy cát-tông những bảng đề nghị:

- “Khi tôi bệnh, yêu cầu bà con, đồng đạo đến thăm thì đừng có hỏi thăm gì tôi hết, chỉ niệm Phật thôi! Có cần gì thì hỏi thăm gia đình tôi! Tôi rất là cảm ơn!”

Rồi ông ký tên phía dưới và viết một bảng để nơi bàn vong, sau khi ông mất là:

- “Đồng đạo đến đây cầu nguyện thì tôi cảm ơn. Đừng có lạy tôi!”

Ngoài ra, ông còn dặn dò và sắp xếp mọi thứ về hậu sự của mình để con cháu làm theo, vì lúc này con cháu của ông chuyên lo làm ăn chưa hiểu biết gì nhiều về Phật Pháp.

Cũng trong thời gian này, vào ngày 22 tháng 8 năm 1997 gia đình y theo lời của ông, mời chư đồng đạo đến hộ niệm cho ông, theo các số điện thoại mà ông đã ghi sẵn. Hay tin ông mệt, chư đồng đạo gần xa đều kéo đến, luân phiên trợ niệm cho ông, suốt 13 ngày đêm. Lúc này ông vẫn còn ăn uống, tinh táo bình thường. Mỗi khi thấy các con mặc áo tràng vào hộ niệm cho mình, ông tươi cười, biểu lộ sự vui mừng vô cùng to lớn.

Hộ niệm đến ngày thứ 7 thì ông cự tuyệt mọi sự ăn uống, ngay cả nước lạnh, ông cũng không uống, chỉ nhiếp tâm niệm Phật. Thấy vậy, con ông liền hỏi:



- “Bây giờ, Ba tính tuyệt thực cho sạch sẽ đặng về Phật hay sao mà Ba không chịu ăn uống gì hết vậy Ba?”

Ông không trả lời mà chỉ gật đầu. Đây quả thật, là một quyết định phi thường:

“Thấy rõ cái xác phàm như áo.  
Lành thì phải mặc rách thì phải tháo,  
Không sợ lo không có tiếc than.  
Chỉ bỏ thân tạm giả trần gian,  
Chớ thân tướng kim cương còn mãi.  
Thân ấy mới là thân tồn tại,  
Nó mới là chính cái thân mình.  
Còn cái thân khi chết thì sinh,  
Nó là bóng của thân chơn thật.  
Bóng thì mất nhưng thân không mất,  
Thế cho nên chẳng chút lo rầu.  
Mượn giả thân để lập đạo màu,  
Xong rồi trả cho đâu ra đó.  
Thân là bè trước sau phải bỏ,  
Đẻ lên bờ hầu có qui hương.  
Bè rã tan người chẳng tổn thương,  
Vì vậy rất coi thường cái chết.”

Trước khi mất 3 ngày, con cháu thấy thể trạng của ông quá khô gầy và cạn kiệt nên nóng lòng mời y tá gần nhà, truyền nước biển cho ông để ông có sức khỏe mà niệm Phật. Khi y tá đến nhà, định lấy kim để ghim vào mạch và truyền dịch thì ông vẫy chân không chịu. Y tá lầm tưởng là ông sợ đau nên nói:

- “Ông Tư ơi! Con lấy kim nhỏ để ghim, không có đau đâu, ông đừng sợ!”

Ông liền trả lời một cách thản nhiên:

- “Lúc này, không có kim nào bằng niệm Phật hết!”

Biết được sự quyết tâm mãnh liệt của ông nên gia đình cũng chịu theo. Qua đây, ta thấy được tín tâm và nguyện tâm của ông thật là sâu chắc và khẩn thiết.

Trong khi hộ niệm, mọi người quan sát thì chỉ thấy ông nằm im, mắt hơi nhắm, niệm Phật thắm trong tâm, ai cũng ngỡ là ông bị hôn mê, nhưng mỗi khi có cơn gió thổi tung tấm hình Đức Phật A Di Đà treo trước mặt, ông liền đưa tay giữ tấm hình lại không cho bay. Việc này khiến cho mọi người đều thấy lạ và thán phục sự công phu của ông.

Vào khoảng hơn 12 giờ trưa, ngày 4 tháng 8 năm 1997, trong khi đang hộ niệm cho ông thì liên hữu Ba Mỏng đang nằm nghỉ trên gác nhà sau, bỗng ngửi được một mùi hương lạ mà không



biết từ đâu đến. Một lát sau, vào đúng 15 giờ 7 phút thì ông an nhiên, tỉnh táo mà qua đời, không hề biểu lộ một chút gì là sợ hãi và đau khổ. Ông hưởng thọ 83 tuổi.

Qua 8 tiếng hộ niệm, mọi người đều thấy gương mặt ông càng lúc càng đẹp, càng hồng hào, càng đầy đặn, miệng mỉm cười vui tươi, trước đó thì gương mặt hốc hác, sạm đen. Chư đồng đạo khám nghiệm thì thấy toàn thân ông đều lạnh, duy chỉ có đỉnh đầu còn nóng, các khớp xương đều mềm dịu.

Sau khi ông mất, bốn người con lần dâu và rể nhận thấy rằng, suốt 13 ngày đêm, hộ niệm cha mình và những tuần thất kế tiếp sau đó, chư đồng đạo đã tận tâm giúp đỡ mà không có một điều kiện, một đòi hỏi, một tính toán... nào cả. Khác hẳn với tình đời, lúc nào cũng so đo, có qua, có lại...:

“Chợ đời đủ thứ ghen tương,  
Đâu bằng cửa đạo yêu thương một tình.  
Đời mưu lo sống riêng mình,  
Đạo luôn xây dựng hòa bình sống chung.  
Đời lo xác thịt thông dong,  
Đạo ngoài xác thịt còn trong tinh thần.  
Đời lo thân chẳng yên thân,  
Đạo vui thể chất tinh thần cũng vui.  
Đời sau khi chết là rồi,  
Đạo sau khi chết còn ngồi tòa sen.”

Hơn nữa, ngày 30 tháng chạp sẽ đến! Mấy ai thanh thản, nhẹ nhàng tươi cười trước khi từ giã cõi bụi hồng này! Do đó, các con ông đồng phát tâm trường chay, buông bỏ mọi việc, một bề lo tu “Hai bên nắm hết không nên; Cái nào chân thật lâu bền thì theo”, hầu noi theo gương hạnh và cũng đáp lại sự mong mỏi của cha mình khi còn sinh tiền là: con cháu phải biết tu hiền lo ăn chay niệm Phật, đừng mãi miết chạy theo những thứ bạc tiền giả tạm.

Điểm đặc biệt là, kể từ khi ông mất, trên phần mộ của ông mọc lên một cây Bồ Đề, rồi mọc lan ra khắp khu vườn mà gia đình vợ chồng người con gái thứ Tư đang ở. Điều đặc biệt lạ kỳ hơn, là sau mỗi cây Bồ Đề, đều có một cây sung mọc kế bên. Ngoài hai công đất của gia đình chú Tư ra tức là những mảnh đất bên cạnh không tìm thấy cây Bồ Đề nào mọc cả. Tin này được người ngoài lan truyền, lúc bấy giờ, có rất nhiều du khách các nơi đều đổ về đây để được tận mắt tham quan và chứng kiến điều kỳ lạ này.

*(Thuật theo lời của bà Phạm Thị Kim Măng và ông Trần Duy Hình, con gái và rể thứ Tư của ông)*

### **34. Bà Nguyễn Thị Quyên (1941 - 2007)**

Bà Nguyễn Thị Quyên, sinh năm 1941, cư ngụ tại ấp Thạnh Phước II, xã Trung Thạnh, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Cha tên Nguyễn Văn Phú, mẹ là Nguyễn Thị Châm. Bà có tất cả bốn chị em và là thứ Ba trong gia đình.

Thuở bé, bà học đến lớp 3 trường làng, hay ham thích đọc truyện tích cổ xưa.

Lúc lên 19, bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Mùi, nghiệp vụ quân nhân, người cùng thôn xóm, sinh được năm người con, hai trai, ba gái.

Năm 1970, hai vợ chồng bà dọn nhà về gần nhà cha mẹ ruột, không bao lâu, đưa con gái thứ Tư lâm cơn bạo bệnh rồi mất phần.

Năm 1975 chồng bà có vợ bé, bà ly hôn, khi đó bà 35 tuổi và đưa con trai Út vừa mới lên tư.

Quanh năm suốt tháng, chăm lo việc đồng án, chân lấm tay bùn, cố gắng tận lực săn sóc nuôi dạy các con cho được nên người. Bà chưa từng lân la sang nhà hàng xóm, ngồi lê đôi mách, bàn chuyện bông lông.

Lối sinh hoạt của bà rất kiệm ước, từ miếng ăn cho đến tấm mặc đều gói ghém giản đơn. Dù vậy, bà vẫn sẵn sàng, tùy thời san sẻ với kẻ túng thiếu khốn nàn. Năm nào trúng mùa thì lon gạo cho người đến xin đầy, năm nào lúa thất thì lon gạo lưng lại.

Một nắng hai sương làm cho đôi vai gầy thắm lạnh, bà cảm nhận chắc thật về nỗi khổ của kiếp người, ý hướng về nẻo đạo mơ hồ đọng lại trong tâm tư, rồi dần dần bùng lên, sau những chuỗi ngày dập dờn khốn đốn.

Năm 1987, bà phát tâm trường chay, sớm chiều lễ bái. Năm sau, người con gái thứ Ba cũng noi gương, lập hạnh theo bà. Riêng con trai lớn, sợ thể lực mẹ mình suy mòn nên ngỏ ý khuyên ngăn, nhưng bà vẫn cương quyết không thay đổi chí nguyện.

Bốn năm tinh cần tu niệm, một hôm, người con trai lớn khi đi ruộng sạ phân lúa, bỗng nhiên bị tai biến, chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang nhưng y- bác sĩ bó tay đành phải chở về, đồng đạo xúm lại hộ niệm, được vài giờ thì anh qua đời, khi đó, anh mới vừa 31 tuổi. Thời gian ngã bệnh đến lúc ra đi chỉ vòn vẹn có 3 ngày, từ ngày 24 đến 26 tháng 11 năm 1991.

Nỗi đau lòng chưa hàn gấn, cuối tháng giêng năm 1992 cô con gái thứ Năm do gây gỗ với người láng giềng, bèn uống thuốc rầy tự tử.

Từ đó, ý nguyện niệm Phật cầu sinh Tây Phương của bà càng mạnh mẽ hơn và khẩn thiết hơn. Những khi con bà vá bao hay may đệm, bà thường đọc Thi Văn Giáo Lý cho con nghe, từ quyển một đến quyển 6, thay vì trước đó, thì hay kể chuyện cổ tích cho con biết tội phước, tin nhân quả mà thôi, nhờ vậy mà con bà nhớ thuộc gần hết 6 quyển.

Bà thường nhắc nhở con bà niệm Phật trong mọi oai nghi, lắm lúc đang lui cui làm, đột nhiên bà hỏi:

- “Nãy giờ, con có niệm Phật không?”

Con bà đáp:

- “Cũng ba hồi nhớ, ba hồi quên, má ơi!”

Bà liền rầy:

- “Sao con không ráng nhớ niệm! Để tâm mình nghĩ tưởng lung tung làm gì!”

Đôi khi, bà cũng thăm dò ý hướng của con. Biết được con mình quyết định rút sợi dây oan trái, bà rất đổi vui mừng, vô cùng an tâm và luôn động viên:

- “Con thấy không! Sáng nào, cũng thức dậy, ăn ba hột, lây quây thì hết một ngày. Ngày nào cũng vậy. Nhìn kỹ cuộc đời, đâu có gì là vui chân thật đâu! Nếu con không giữ được cuộc sống bình thường, mà lập gia đình thì chỉ có khổ, chồng thêm khổ mà thôi!”

Như lời khuyên của Cổ Nhân:

“Tu gấp kéo tháng ngày qua huốt,  
Dịp qua rồi muốn gặp khó thay.  
Bóng thiều quang chẳng đợi chờ ai,  
Sự tu phải hành ngay mới kịp.  
Chết trẻ cũng là qua một kiếp,  
Chết già thời cũng hết một đời.  
Cái chết không hẹn tuổi hẹn người,  
Chớ nên đợi ngày mới sẽ hồi.  
Chuyện giờ trước còn không lượng nổi,  
Huống chi là chuyện tới ngày mai.  
Biết bao người vừa mới sông đây,  
Sau đó ít phút giây đã chết.  
Đợi hơi thở sắp gần khi hết,  
Mới lo tu thì việc trễ tràng.  
Nay khá tu chớ đợi thời gian,  
Sớm đi tất nhiên đàng mau tới.”

Do vì không giao thiệp với hàng xóm chung quanh, con bà đâm ra lo ngại, lỡ như gia đình có xảy ra sự cố gì, chẳng biết phải xoay sở thế nào. Bà an ủi:

- “Kẻ nghèo khó tu hành ngay thẳng; Không cầu siêu Phật bỏ hay sao”.

Ý bà muốn cho con biết rằng, dù cảnh ngộ có nghiệt ngã thế mấy, nếu mình thật tâm tu hành thì Tam Bảo, Trời

“Phật Tiên nào có xa xăm,

Thiên hình vạn tượng từng tâm biến thành.  
Lòng thanh vào được cõi thanh,  
Thần giao cách cảm thông hành khắp nơi.  
Hiểu thâm kính Phật sợ Trời,  
Việc làm không dấu tiếng lời khó khăn.  
Khởi tâm một mấy chỉ giảng,  
Mắt Thần xem thấy như lần điện quang.”

Thấy gia cảnh của bà đơn chiếc, rất nhiều đồng đạo cũng như người chị thứ Hai khuyên bà nên thường xuyên đi dự các ngày niệm Phật, do các liên hữu tổ chức. Bà nói:

- “Chị rảnh rỗi thì đi được, còn tui thì không có thời gian. Nên phải vừa làm, vừa niệm!”

Mỗi năm vào các ngày lễ ở Tổ Đình, Ông Ba Thới, ông Nguyễn Trung Trực, bà thường tham gia đầy đủ, ít khi vắng mặt.

Công phu hành trì của bà thâm lặng, đại để như thế, suốt 20 năm.

Đến tháng 4 năm 2007, bà ngã bệnh, đi bác sĩ điều trị qua loa, tạm thời hồi phục, vài lần như vậy trong người nghe cũng chưa đến nỗi nào.

Tới đầu tháng 7, bỗng dưng bệnh nặng, chân sưng phù, đến Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt, nằm viện hai, ba ngày, thấy chân không giảm, bà hỏi bác sĩ. Bác sĩ cho biết là ung thư gan giai đoạn cuối, vô phương cứu chữa, bà lật đật xếp đồ ra về. Từ đó, bụng và chân từ từ sưng to lên. Con bà đòi chở đi thầy này thầy nọ, bà dứt khoát không chịu, chỉ uống thuốc Bắc dạng hoàn để xổ tiêu, cầm cự tạm thời.

Kể từ đó, bà khẩn thiết niệm Phật nhiều hơn, thỉnh thoảng, có các đồng đạo ghé thăm khuyên tấn, bà mừng lắm. Có vị hỏi:

- “Trong lúc cô Ba bệnh đây, mà cô Ba có sợ chết hay là không?”

Bà thân nhiên trả lời:

- “Hồng sợ chú ơi! Mình đi thì phải về, chứ đi mà hồng về, đâu có được!”

Vị đồng đạo ấy tán thán:

- “Ồ! Như vậy là tinh thần của cô Ba vững lắm, chẳng sợ lệch lạc chí hướng tu hành!”

Hai tuần cuối, bệnh phát dữ dội, bà không còn dùng được thuốc thang, cơm cháo gì được nữa. Sức lực cạn kiệt dần, bụng và chân dần dần sưng, mỗi lúc một to. Tuy vậy, bà vẫn tỉnh táo, tinh tấn niệm Phật nhiều hơn.

Hai ngày cuối, bà ngưng hẳn uống, nằm bất động, trong người đau mỏi, bức bách, khó kham nhẫn nổi, bụng và chân sưng lớn thêm hơn. Chư đồng đạo túc trực thay ca hộ niệm suốt ngày đêm.

Vào 9 giờ đêm 19 tháng 9 năm 2007, bà bỗng lên cơn co giật tay chân, mắt trợn, trông thấy dễ kinh sợ hãi hùng. Chư đồng đạo tập trung hộ niệm to tiếng, âm thanh vang rền, qua năm phút sau, mới trở lại bình thường.

Đến 11 giờ khuya, hiện tượng đó lại tái diễn trở lại. Lần này, kéo dài hơn 10 phút, trông rất dễ thất kinh hồn vía. Sau này, mỗi khi nhắc lại, có vị nói:

- “Nếu như lúc đó có một mình tui, chắc tui bỏ chạy mất!”

Đến 11 giờ 30, thấy hơi thở của bà yếu dần, toàn bộ lực lượng trợ niệm đều khẩn thiết xưng to Thánh Hiệu. Được một lúc, bà đưa mắt liếc nhìn tất cả mọi người, dường như tỏ lòng tri ân, mà cũng dường như, nói lời giã biệt. Xong rồi, hai tay co lại chấp thành năm đũa trên ngực, đôi mắt từ từ khép lại, an tường nhẹ nhàng ra đi. Lúc ấy đúng 11 giờ 45 phút khuya, ngày 19 tháng 9 năm 2007. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Cuộc trợ niệm vẫn tiếp tục duy trì, 4 giờ sau, khám nghiệm thi hài, duy chỉ có đánh đầu hã còn nóng ấm.

Sáu giờ sau khi mất, thân nhân thay y phục, thì phát hiện bụng và chân của bà xẹp trở lại bình thường, tay chân đều mềm dịu, nét mặt tươi đẹp y như một người đang nằm ngủ.

*(Thuật theo lời Nguyễn Thị Thủy và Ban Hộ Niệm)*

### **35. Ông Cao Ngọc Thâm (1923 – 2001)**

Ông Cao Ngọc Thâm sinh năm 1923, cư trú tại ấp Tân Mỹ, xã Tân Lộc, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Cao Ngọc Hân, mẹ là Nguyễn Thị Tốt, ông là người con duy nhất của hai ông bà.

Khi tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Bùi Thị Bông, sinh được mười người con, bốn trai, sáu gái. Hai ông bà chuyên canh tác vườn, ruộng và rẫy làm phương kế sinh nhai. Từ năm 1959 đến năm 1975, ông giữ chức Xã Trưởng tại bản xứ.

Tính tình ông nhân từ mà cương trực, có uy lực, ai tiếp xúc cũng đều kính sợ. Khi còn làm việc, ông xử lý mọi chuyện rất công bằng, không cao ngạo phô trương, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người, luôn đậm đà tình làng nghĩa xóm nên được lòng đại đa số quần chúng.

Ông đến với Đạo rất sớm nhưng chỉ dừng lại ở “Chay Bốn Bữa” và “làm lành lánh dữ”, không mấy gì đoái hoài đến chuyện giải thoát sanh tử luân hồi.

Ông rất quan tâm đến việc giáo dục con cái. Mỗi tháng, ông đều họp mặt gia đình lại để nhắc nhở và dạy dỗ chúng, nhất là tu dưỡng nhân cách, đức hạnh và phương thức đối nhân xử thế.

Năm 1981, lúc này ông 58 tuổi, vào ngày 25 tháng 2, ông đang chuẩn bị thùng thao để đi bắt cá về ăn, tình cờ có cô Bảy Nguyên là em nuôi của ông, cô này sống hạnh xuất gia, thường đi đây đó để nhập thất chuyên tu, thấy thế cô khuyên ngăn ông.

Vốn là người có học vấn sâu rộng, lại ưa chuộng chân lý nên sau một hồi lý luận qua lại với cô em, ông giật mình tỉnh ngộ, mọi kiến giải thiên chấp sai lầm của ông nhất loạt rơi rụng. Ông nhận ra rằng, lẽ Đạo rất sâu xa mầu nhiệm, cần phải luôn học hỏi thêm. Từ đó, ông phát nguyện trường chay, giới sát, phóng sanh, chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ, quyết lòng niệm Phật cầu về Tây Phương.

Khi bắt đầu khởi sự dùng chay, đến ngày thứ sáu ông đột nhiên ngã bệnh rất nặng. Đưa đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, bác sĩ khám xong, chẩn đoán là “Hội chứng dạ dày tá tràng” và đề nghị:

- “Bệnh của ông phải dùng mặn mới điều trị được! Còn ăn chay thì không trị được!”

Ông khẳng khái đáp:

- “Thôi! Tui thà chết thì chết! Nếu chết, thì tui về nhà niệm Phật vãng sanh! Chớ còn hơn ăn mặn sa địa ngục!”

Sau đó, ông đòi xuất viện về nhà dùng thuốc Nam lây lất qua ngày. Trải qua suốt một năm, vóc dáng tiêu tụy héo gầy, thân quyến nhìn thấy đều động lòng thương cảm ai bi, lên tiếng khuyên can:

- “Bác sĩ nói vậy, thôi Ba ăn mặn đi! Để thùng thảng trị cho hết bệnh rồi hả ăn chay trở lại!”

Ông đáp:

- “Thôi! Ba thà chết thì chết, chớ hông ăn mặn!”

Rồi ông đến trước bàn Phật, quỳ xuống phát nguyện một lần nữa, thề bỏ xác chớ không trở đũa. Đây, quả thật tín tâm của ông đối với luật nhân quả đã kiên định:

“Tu như khát nước thêm cơm,  
Đường xa muôn dặm cũng hờm đến nơi.  
Kiên tâm mới thấu cơ Trời,  
Đừng gieo nửa buổi, thời chiều muốn ăn.  
Làm giàu còn phải khó khăn,  
Huống chi làm Phật làm Thần dễ đâu.  
Dục tu thì phải thật cầu,  
Trước sau như một mới hầu thành công.”

Hôm nọ, duyên may đưa đây, có một người bạn ghé thăm, nói với ông rằng:

- “Anh Hai à! Đâu anh bảo mấy đứa cháu chặt mười trái dừa tươi lấy nước. Rồi sắc chung với một ký gừng già, thắng kẹo lại. Anh ăn cái đó, hồng chừng ấm cái bao tử, hết bệnh à!”

Ông y theo, quả là thần phương diệu dược, ma bệnh tiêu tan nhanh chóng phi thường, sức khỏe được hồi phục hoàn toàn.

Từ đó trở đi, đường tu của ông tương đối xuôi chèo mát mái.

Ngoài thời khóa lễ niệm sớm tối ra, ông thường xuyên đọc kinh sách, nhất là những kinh sách về pháp môn Tịnh Độ. Ông cũng thường luận bàn Phật lý với các bạn đồng tu và tích cực tham gia những công tác phúc lợi xã hội như: bắt cầu, làm lộ, cất nhà tình thương, trồng bạch đàn từ thiện...

Đã hai mươi năm trường trôi qua, sự hành trì của ông đại để là như thế!

Đầu năm 2001, ông bị sốt nặng, thuốc men chữa trị mãi mà không thuyên giảm. Đến ngày 26 tháng 1 năm 2001, ông nhập viện. Bác sĩ ở Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, cho biết ở phổi có khối u. Xử lý bằng phẫu thuật thì không an toàn vì tuổi ông đã cao.

Do sợ ông bị ảnh hưởng về mặt tâm lý nên mọi người trong gia đình đều giấu giếm, không dám cho ông biết.

Nằm viện được vài ngày, thấy thái độ của các con hơi lạ, ông sinh nghi, liền hỏi:

- “Sao mà... Tụi bây thấy Ba đau như vậy là bệnh gì? Mà mỗi lần Ba đau là Ba cố gắng niệm Phật để trông cho nó hết. Giả sử, nó đi đến tuyệt vọng cũng được nữa! Chứ tụi bây để Ba ở đây hoài hồng được! Bây giấu Ba cái gì...? Cứ việc nói ra đi con! Ba không có sợ chết đâu con!”

Năm Châu thưa:

- “Nói thiệt với Ba! Cái bệnh của Ba là bệnh phổi, thuộc loại nan y. Trị hoài, trị hoài thôi, chớ hồng hết rồi!”

Ông liền bảo:

- “Thôi vậy thì đem Ba về! Có gì thì hộ niệm cho Ba!”

Khi về nhà, con cháu đắp thuốc, giặt thuốc và sắc thuốc Bắc cho ông uống liên tục mà bệnh tình vẫn ngày một nặng dần. Thời gian này, công phu niệm Phật của ông vô cùng mãnh liệt và khẩn thiết hơn trước. Thân thích và chư đồng đạo đến thăm, hỏi han về thuốc men, về sức khỏe, hoặc là hỏi những chuyện bông lông không dính dáng gì tới chuyện niệm Phật vãng sanh, ông đều gạt ngang hết thảy:



- “Lại đây thăm tui! ...Thuốc men gì thì có mấy đũa nhỏ nó lo! ...Lại đây khuyên tui ráng niệm Phật là tui chịu!”

Và ông cũng thường nói:

- “Chí thành niệm một niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tiêu diệt được 80 ngàn ức kiếp trọng tội sinh tử! Đại gì mà không niệm!”

Đúng như lời khai thị của Cổ Đức:

“ Nếu mình cố gắng lo tu dưỡng,  
Tất Phật không hẹp lượng với mình.  
Phật từ bi cứu độ chúng sanh,  
Chẳng phụ kẻ hữu tình với Phật.  
Người niệm Phật được lòng thành thật,  
Đương nhiên là có Phật vãng lai;  
Phật không hề bỏ sót một ai,  
Nếu người ấy tâm hoài đến Phật.”

Trong suốt quá trình nằm bệnh, ông cự tuyệt không cho con gái và dâu trực tiếp chăm sóc, chỉ cho con trai thân cận, chăm sóc mà thôi.

Bệnh chứng lần hồi chuyển nặng, 4 tháng sau ông yếu nhiều, gia quyến đến bèn mời đồng đạo đến cầu an. Ông hỏi:

- “Các con cứ việc nói đi! Ba bị bệnh gì, để Ba biết mà Ba chuẩn bị! Chứ mấy đũa giấu Ba hoài là hồng được! ...Ba cứ ngỡ...Ba hy vọng Ba hết... Mà nó hồng hết... Ba hồng có chuẩn bị được thì làm sao đây! Uông cuộc đời của Ba lắm!”

Năm Châu cũng gan miệng đáp:

- “Thưa Ba! Con nói cho Ba biết! Anh em hông ai dám nói. Ba có khối u ở phổi, kêu là ung thư đó!”

Nghe xong, ông liền nói:

- “Ồ! Vậy thì đặt bàn cầu an và hộ niệm cho Ba!”

Chương trình hộ niệm bắt đầu từ ngày mùng 5 tháng 4. Đến tờ mờ sáng ngày mùng 7 thấy ông khỏe chur liên hữu ra về, chỉ còn con cháu trong nhà luân phiên nhau trợ niệm. Khi đồng đạo ra về chưa được 10 phút, ông đột nhiên mệt trở lại. Ông bảo gia quyến đỡ dậy. Khi đỡ dậy, đau quá ông bèn niệm:

- “A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! A Di Đà Phật...! Phật ơi rước con...! Khổ quá khổ...! Về Cực Lạc mới là hết khổ!”

Kế đó, ông đi cầu. Lát sau, ông gọi Sáu Nghiệp:

- “Nghiệp à!”

Sáu Nghiệp đáp:

- “Dạ!”

Ông bảo:

- “Con làm sạch sẽ cho Ba đi! Ba để lại cho con cái đó đó! Con ráng nhớ nhen!”

Sau khi Sáu Nghiệp dọn dẹp vệ sinh, thay y phục cho ông xong, ông nói:

- “Bây giờ Ba mệt quá! Các con hộ niệm cho Ba đi!”

Con cháu gom hết lại, đồng thời, chạy đi mời chư liên hữu trở lại hộ niệm cho ông. Ông niệm Phật theo mọi người. Tiếng của ông nhỏ và yếu dần. Niệm mãi từ 7 giờ sáng cho đến 11 giờ 25 phút trưa, ông an tường, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, nhằm ngày mùng 7 tháng 4 nhuận năm 2001. Ông hưởng thọ 78 tuổi.

Ngay lúc ấy, có luồng ánh sáng lớn bên cửa phía Tây xẹt lên, một số bạn đạo phát hiện ngỡ là có điện, vì ngày hôm ấy điện đã cúp.

Đồng thời, trưa hè oi bức, bốn bề lặng chan, bỗng có một luồng gió lớn lùa vào nhà, làm chiếc mùng rơi xuống. Sáu Nghiệp thấy vậy, nhẹ nhàng giất lên. Khi vừa giất lên xong, thì một luồng gió lớn mát lạnh khác lại lùa vào, làm cho mọi người ai cũng đều sanh tâm hoan hỷ.

Cuộc trợ niệm vẫn được tiếp tục duy trì, đến 8 giờ đồng hồ sau, chư liên hữu khám nghiệm tử thi, thấy các nơi đều lạnh, duy chỉ có đánh đầu còn ấm nóng.

*(Thuật theo lời Sáu Nghiệp và Út Hằng, các con của ông)*

### **36. Ông Liêu Duy Trà (1917- 2006)**

Ông Liêu Duy Trà sinh năm 1917, tại Hòa Định, xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Cha là Liêu Tú Xương, mẹ là Nguyễn Thị Xiêm. Ông có tất cả là chín anh em và ông đứng thứ Sáu trong gia đình.

Khi lên 23 tuổi, ông lập gia thất với bà Trần Thị Ba, sinh được tám người con, bốn trai, bốn gái, cư ngụ bên quê vợ, ấp Đông Bình, xã Tân Lộc, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Hai ông bà sanh sống bằng nghề làm ruộng, ông còn làm thêm nghề phụ là thợ mộc.

Ông có tính hiền lành, thật thà chất phác, hay giúp đỡ những người xung quanh.

Thuở còn niên thiếu, ông đã kính tin Tam Bảo, ăn chay kỳ, sớm tối lễ Phật, niệm Phật tu hiền.

Năm 1977, ông phát nguyện trường chay, khẩn thiết trì niệm Lục Tự Hồng Danh trong mọi oai nghi, nhứt tâm hướng về Cực Lạc thế giới:

“Sớm về cõi Phật an thân.  
Kéo kiếp phong trần dày gió dạn sương.”

Những lúc rảnh rỗi ông thích đọc quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, quyển Tu Tâm Dưỡng Tánh và nhiều kinh sách khác nữa. Ông thuộc lòng khá nhiều thi kệ nên thường “Ngâm nga trong lúc thanh nhàn băng khuâng”. Ông còn hằng say nghe các bậc thiện trí thức giảng giải Phật lý, mặc dù thính lực của ông rất yếu so với người thường.

Song song bên cạnh đó, ông còn sốt sắng tham gia các công tác từ thiện xã hội.

Năm 1987, ông ngã bệnh rất trầm trọng, các con đưa đến Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt. Bác sĩ chẩn đoán là “Hội chứng dạ dày tá tràng”. Qua 7 ngày điều trị, không thuyên giảm gì cả, ông đòi về và nói:

- “Không thuốc nào bằng thuốc Phật!”

Về đến nhà, ông bảo thân quyến thỉnh nước cúng trên bàn thờ, rồi ông thành khẩn nguyện vái, niệm Phật mà uống. Trải qua 3 ngày, bệnh tình dần dần ổn định. Quả thật:

“Thành lòng nước lã nên hồ,  
Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban.”

Sau khi lành bệnh, ông càng tin tưởng vào pháp môn “Niệm Phật” nhiều hơn, tin tưởng vào sự gia hộ của Tam Bảo lực vô cùng vi diệu. Rồi ông tiếp tục cùng chư bạn đạo đi cất nhà tình thương đây đó quanh vùng.

Sự tu trì của ông bao giờ và lúc nào cũng quyết tâm nhắm đến mục đích giải thoát vòng sanh tử luân hồi, hầu đạt được an vui chân thật thường hằng. Bởi vì khi mệnh chung nhắm mắt xuôi tay, trăm thứ chẳng mang theo được thứ gì. Chỉ có nghiệp tội với phước mà thôi:

“Một khi thâm xét cạn lời,  
Thấy đời khổ não như ngồi tù lao.  
Khô bệnh hoạn ai nào tránh khỏi,  
Đau chỗ nào cũng gọi xốn xang.  
Ngày qua là một ngày tàn,  
Trẻ rồi già kẻ bước sang tử kỳ.  
Đẹp cho mấy cũng qui lại thổ,  
Sang đến đâu chỉ số bá thiên.

Đêm ngày sáng tối liên miên,  
Mạng như than lửa khó yên trong lò.”

Cho nên, mỗi lần bàn chuyện với các bạn đạo đồng trang lứa, hoặc với con cháu, ông hay nói:

- “Minh làm chuyện gì, bất cứ là chuyện gì trên trần gian này, thì cũng chỉ là chuyện phụ thôi! Chỉ có niệm Phật vãng sanh Tây Phương mới thật sự là chuyện chính yếu của mình!”

Thời gian vùn vụt trôi qua mau chóng, các con thấy cha tuổi cao sức yếu đồng đến khuyên lơn:

- “Thôi, Tía ơi! Tía bớt làm từ thiện để chuyên lo niệm Phật đi!”

Ông đáp:

- “Mỗi một búa đẽo, búa đục, kéo cưa, mũi đinh... đều là một hạt chuỗi để Tía niệm Phật!”

Vào năm 1992, ông bị “Dời ăn” nơi mí mắt khá nặng. Bôi đắp đủ thứ thuốc mà không giảm. Các con chở ông đến thầy thuốc nổi tiếng ở Thốt Nốt. Khám xong, vị ấy lắc đầu, bó tay và cho người nhà của ông biết rằng:

- “Theo kinh nghiệm nghề nghiệp, người mắc bệnh y hệt như ông, tôi chưa gặp ai thoát khỏi lưỡi hái của tử thần cả. Bây giờ, nên đưa cụ về, con cháu nên xúm lại cầu nguyện cho cụ, phần cụ phải chí thành tha thiết niệm Phật, may ra có thể hóa hung thành kiết. Còn thuốc thì cứ mang về trị cho lấy có mà thôi!”

Vài hôm sau, các con ông sang thỉnh thuốc về dùng tiếp. Khi hay tin ông nhất tâm niệm Phật mà thoát chết, thầy thuốc lại bảo:

- “Nếu may mắn chẳng mất mạng thì đôi mắt không thể giữ được!”

Có lẽ, nhờ ông hết lòng trì niệm, mọi nhớ lo nghĩ tưởng chông chát trong tâm, ông đều xả bỏ, chỉ còn duy nhất một câu Lục Tự nơi lòng. Tuần lễ trôi qua, bệnh dứt hẳn, vạn sự đều bình ổn an lành.

Kể từ đó, ông thường căn dặn các con:

- “Sau này Tía có bệnh, thì các con đừng có đưa đi đâu hết. Cứ để ở nhà lo cầu an, niệm Phật là được rồi!”

Đến ngày 10 tháng 7 năm 2006 ông phát bệnh sốt tê liệt cả hai chân, người nhà bèn cầu an, niệm Phật và thỉnh nước cúng cho ông uống. Liên tiếp 3 hôm liền, chân ông khỏi hẳn. Sức ông từ từ yếu dần, chỉ còn lui tới được trong nhà. Gia quyến có vị đề nghị đưa ông đi bệnh viện điều trị. Ông nói:

- “Tía đã già rồi, đi bệnh viện chữa trị cũng không hết đâu! Không có thuốc nào qua thuốc Phật! Thôi, để Tía ở nhà niệm Phật đi, cho chắc ăn!”

Mãi tới ngày 14 tháng 8, ông yếu nhiều, không còn đi được nữa. Nhưng, ông vẫn minh mẫn sáng suốt, ông còn kể chuyện niệm Phật vãng sanh, nhắc nhở con cháu cố gắng niệm Phật để được vãng sanh và dặn dò hậu sự...

Chiều ngày 15, thấy ông mệt nhiều, người con rể thứ Ba mới hỏi ý với gia tộc:

- “Minh cần nên hộ niệm cho Tía hông?”

Chưa ai trả lời, ông vừa nghe xong liền ngăn lại:

- “Thôi khỏi! Đừng làm phiền chư đồng đạo. Để nội nhà mấy đứa con hộ niệm cũng được rồi!”

Thế là đêm đó, con cháu trong nhà thay phiên nhau trợ niệm cho ông. Sáng lại, ông nói:

- “Dác này, Tía mệt hơi nhiều! Thôi, các con mượn đồng đạo đến hộ niệm cho Tía đi!”

Hay tin, chư vị đồng tu kéo đến khá đông. Hộ niệm đến trưa, sắc diện của ông bỗng biến đổi, ban hộ niệm tập trung toàn bộ lực lượng lại, chỉ thành hộ niệm cho ông.

Dù rất mệt, cụ vẫn nhép môi niệm Phật theo mọi người. Thỉnh thoảng, con ông đến gần bên, kê tai khẽ hỏi nhỏ:

- “Tía có nhớ niệm Phật để vãng sanh Tây Phương không?”

Ông gật đầu, chứ không đáp. Rồi nhép môi niệm Phật tiếp tục.

Niệm mãi được hơn 3 giờ, ông nghiêng người qua bên phải, 2 phút sau, ông nằm ngửa trở lại, tay chân ngay thẳng trang nghiêm. Rồi ông đưa mắt nhìn khắp hết thấy mọi người dường như ngổ lời già biệt, kể đó ông nở một nụ cười, đôi mắt từ từ khép lại mà qua đời. Lúc ấy, đúng 3 giờ 15 phút chiều ngày 16 tháng 8 năm 2006. Ông hưởng thọ 89 tuổi.

Không biết công phu niệm Phật của cụ thể nào mà giây phút ra đi, cụ lại thong dong, nhàn hạ và vui tươi ngàn ấy? (!) Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì cho đến giờ nhập mạch. Chư liên hữu khám nghiệm, thấy toàn thân ông đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn nóng ấm. Ai ai cũng nhìn thấy gương mặt ông đẹp sáng hẳn ra, nụ cười vẫn còn in đậm trên bờ môi, làm vui lây những người con Phật. Một đồng đạo trong ban hộ niệm là Năm Sĩ phát biểu:

- “Tui mà chết được như ông Út liền cấp này, là tui cũng chết nữa! Khỏi cần phải chờ đợi giây phút nào!”

*(Thuật theo lời cô Đáng, con gái của ông)*

### **37. Ông Trần Văn Tôn (1928 - 2002)**

Ông Trần Văn Tôn sinh năm 1928, cư ngụ tại Bích Vàm, thuộc ấp Qui Thạnh II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt tỉnh Cần Thơ. Cha tên Trần Văn Chi, mẹ là Mai Thị Tám. Ông có hết thảy bốn anh em và đứng thứ Tư trong gia đình.

Năm lên 27 tuổi, ông thành hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng, sinh được sáu người con, ba trai, ba gái. Hai ông bà canh tác mấy công ruộng làm phương kế sinh nhai.

Ông có bản tính hiền lành, thật thà, chất phác mộc mạc. Ngay thuở còn thơ ấu, ông đã biết tin tưởng Phật Trời, lý nhân quả tội phước.

Tư cách đối nhân xử thế của ông rất mực từ hòa, trung hậu, từ trong nhà ra ngoài hàng xóm, chưa từng có chuyện cự cãi méch lòng. Vì thế nên ông được mọi người tôn kính mến thương.

Ông rất ưa xem kinh sách, vừa ứng dụng vào đời sống hằng ngày, vừa giáo dưỡng con cái, dạy con trau sửa thân tâm, luôn hướng về giải thoát. Nhưng nền tảng căn bản vẫn là “Đạo Làm Người”. Ông đã dùng thân hạnh của mình làm gương cho chúng noi theo, hơn là ngôn ngữ, lý luận suông.

Ông luôn ôn hòa, dịu dàng chỉ dạy con cái từ ly từ tỵ: “Phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau...” Mỗi khi chúng có lỗi lầm, đến chiều tối, ông kêu lại giải bày lẽ tốt xấu, hay dở, đúng sai... để cho con hiểu rồi tự nguyện, tự giác sửa lỗi.

Đối với giấy có chữ và chân nhang, không được vất bỏ bừa bãi, mà phải cho vào thùng, chùng nào đầy đem đốt, thả tro xuống sông.

Ông thường kể cho các con nghe những chuyện về nhân quả, lợi ích của sự niệm Phật... Đặc biệt, là cách thức hành trì trong đời sống hằng ngày:

- “... Con người sống đây như cõi tạm, con ơi! Đầy khổ sở!... Ráng niệm Phật cầu vãng sanh!”

- “... Môn niệm Phật dễ hành lắm, con ơi! Cuộc từng cuộc đất, bước từng bước đi, mình đều niệm Phật được. Vừa đi vừa niệm Phật thanh nhàn lắm con ơi!..”

Sau năm 1975, hai ông bà đồng phát tâm trường chay tu hành. Ngoài hai thời lễ Phật sớm chiều, ông còn tham gia cầu an, cầu siêu các nơi và dự khóa niệm Phật định kỳ mỗi tháng, ở nhà chư đồng đạo đó đây.

Nhà đối diện bên kia rạch, có người cháu sống độc thân, tu hạnh giải thoát, ông thương vị này lắm. Vị này thỉnh thoảng cũng sang chơi, ông thường khuyến khích:

- “Bác rất tin tưởng nơi cháu! Được thân người là dịp may muôn thuở... ráng tu mà giải thoát kiếp này! Ráng niệm Phật cầu vãng sanh... Cuộc đời này khổ lắm, ráng tu đừng có chậm trễ. Nếu để thời gian trôi qua rồi đâu kéo lại được, xong mất một đời, uổng lắm...!”

Ông còn đem kinh sách cho vị này tham khảo. Vì biết tuổi trẻ rất khó giữ vững lý tưởng giác ngộ, dễ bị sắc hương rù quyến, danh lợi cuốn lôi... nhất là những khi đường xa gánh nặng, mỗi bước chùn chân.

“ Có nhiều kẻ ngã lòng bỏ cuộc,  
Dù đường tu đã bước bao năm.  
Nhưng vì thiếu tự tín tâm,  
Cho nên mới bị đời làm bỏ tu.  
Những hôm sớm công phu từ trước  
Khác nào cây thường được tưới tâng.  
Gần ngày có trái sắp ăn,  
Tự tay người nữ chặt phăng cội cành.”

Những năm tháng về chiều, công phu hành trì của ông càng cần chuyên tinh tấn. Tỉnh thoảng, ông cũng đan vài cái rổ, cái xè cho bà đi theo lối xóm bán, để đổi tàu hủ, tương chao... Ông làm với tính cách thể dục, vừa làm vừa niệm Phật nên rất thư thả, thông dong. Bởi ông đã hạ quyết tâm:

“An phận nghèo,  
Vui với Đạo!  
Buông bỏ muôn duyên trần giả tạo.  
Kiếp người định số đã an bày,  
Quyết thẳng về Tây Phương ngồi sen báu.”

Và:

“Tóc sương thay mái đầu xanh,  
Một đời sự nghiệp nghĩ thành không hoa!  
Soi bồn phận, lánh đường tà.  
Âm thầm thời tiết đổi.  
Lặng lẽ tháng ngày qua.  
Kíp mau tìm đến chơn thường lộ,  
Dám chậm chờ xem bệnh tử mà!  
Cõi Phật đâu xa cách?  
Về chẳng chỉ tại ta!  
Mỗi niệm chỉ cần không thối chuyển.  
Ao vàng đã sẵn có Liên Hoa.  
Thân tàn về cõi báu,  
Sen nở thấy Di Đà!”

Năm 2000, lúc này ông 72 tuổi. Đêm nọ trong cơn ngủ nửa tỉnh nửa mê, ông nghe tiếng ồn ào của đoàn người đi ngang qua nhà. Có tiếng bước chân của ba, bốn người ghé vào gần tới cửa định gõ. Họ nói với nhau:



- “Bắt ông này đi! Bắt ông này đi!”

Bỗng, có tiếng của một ông cụ, cũng từ trong đoàn người ấy vọng lại:

- “Thôi! Ông già đó niệm Phật, hiền muốn chết mà bắt cái gì!”

Ông chợt giật mình thì hay trời đã giữa khuya.

Sức khỏe của ông rất tốt, quanh năm suốt tháng ít khi bệnh, dù chỉ bệnh xoàng.

Vào khoảng rằm tháng 10 năm 2002 ông bị cảm sốt dây dưa. Vài ngày sau, gia quyến đưa ông đi Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt điều trị mười ngày. Buổi đầu, bác sĩ chẩn đoán là viêm phổi. Sau đó, xác định là lao phổi, liền chuyển qua khoa lao. Vài ngày, khám kỹ lại thì bác sĩ chẩn đoán là không có lao, mà cũng không còn viêm phổi, bèn cho xuất viện ra về. Lúc này, sức khỏe của ông trở lại bình thường.

Về nhà được ba hôm, sáng ngày mùng 1 tháng 11 năm 2002 khoảng 10 giờ, ông lên con mệ, gia quyến chạy đi cho đồng đạo hay, cùng kéo đến hộ niệm. Ông nhờ người nhà thay y phục, đồng thời nói với mọi người:

- “Một giờ tui đi! Đi trước đám mưa!”

Chương trình trợ niệm bắt đầu từ 12 giờ, ông nhép môi niệm theo. Niệm mãi cho đến 1 giờ 20 chiều, ông tự sửa tay chân, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, gương mặt tươi đẹp, nhuận sáng lạ thường. Ông hưởng thọ 74 tuổi.

Cũng cùng lúc đó, bầu trời đang quang đãng, bỗng nhiên kéo mây rồi đổ một cơn mưa. Mưa vài phút, vừa đủ ướt áo thì nắng chói chang trở lại.

Đồng thời cũng lúc này, một đám con nít vào đầy chật cứng cả nhà, đứng xếp hàng chấp tay niệm Phật, giọng rất đều và rất thành khẩn trang nghiêm!

Một liên hữu có mặt hết sức kinh ngạc qua hiện tượng kỳ lạ hiếm có này!

\*\*\*\*\*

Bà vợ của ông tên là Nguyễn Thị Hoảng, hạnh đức và sự hành trì đại để tương tự như ông. Khi ông đã qua đời, bà thường hay nói:

- “Chùng nào tao mát, con cháu khỏi phải lo thuốc men, nuôi nấng, giặt giũ đồ đạc gì cho tao hết!”

Bà có thói quen là mỗi trưa đều đi tắm, tắm xong tự giặt đồ, rồi đến trước ngôi Tam Bảo lễ Phật.

Chiều mùng 3 tháng 2 năm 2004, bà hơi mệt. Các con đưa bà đến bác sĩ Huỳnh Lợi, ở Thốt Nốt chích thuốc. Tối về, bà khỏe lại bình thường.

Trưa hôm sau, khi tự tắm giặt xong, bà lên cơn mệt trở lại, giãy lát thì từ trần. Lúc ấy đúng 12 giờ trưa, ngày mùng 4 tháng 2 năm 2004, bà hưởng thọ 72 tuổi. Quả đúng y như điều hằng ngày bà thường nhắn nhủ.

*(Thuật theo lời Trần Văn Hiền, Trần Văn Long, các con của hai ông bà và liên hữu Ba Tốt)*

### **38. Ông Võ Văn Hên (1925 - 2007)**

Ông Võ Văn Hên sinh năm 1925, cư ngụ tại ấp Phụng Thạnh II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha là Võ Văn Dân, mẹ là Nguyễn Thị Lý. Ông có bảy anh em và đứng thứ Bảy trong gia đình.

Lúc lên 30 tuổi, ông kết hôn với bà Lê Thị Lân, sinh được năm người con, lấy “nghề nguội” (làm dao, búa...) để sinh nhai.

Tính tình ông rất hiếu thuận, cần kiệm, siêng năng, nhưng cũng rất dễ nổi nóng. Sức khỏe ông rất tốt, quanh năm, ít khi đau bệnh, cho dù cảm xoàng.

Vì gia cảnh bần hàn, cái ăn cái mặc tạo nên lăm nổi vất vả, gian nan. Qua bao cuộc bể dâu xoay chuyển, ông ý thức được thực chất của kiếp người. Nó mong manh như hạt sương ban mai, nó ngắn ngủi như làn chớp chiều tà, tạm bợ tợ bọt bèo, giả dối dường mộng mị, sinh già, bệnh chết... là nỗi khổ đau chắc thật, luôn hiện hữu bên mình.

Năm 1975, ông phát tâm trường chay, sớm chiều lễ Phật tu trì. Từ đó, tính tình ông từ từ thuần hậu, tập khí giận hờn cũng được chuyển đổi rất nhanh. Ông cư xử với mọi người trong nhà, cho tới lối xóm, đều nhã nhặn, bao dung. Những gì bị mất mát, đều xem như không có, chẳng hề trách phiền, than kể... còn an ủi vợ:

- “Thôi! Kệ! Người ta hông có mới lấy của mình. Người ta dùng xài cũng như mình dùng xài chớ gì!”

Cũng từ đó, ông chuyên mặc đồ vật mề, chuyên đọc quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, nghe băng đĩa cũng chỉ Thi Văn Giáo Lý, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Mỗi khi có các đồng tu đến bàn luận đạo lý, khuyến tấn tu hành, ông rất đổi vui mừng.

Năm 1994, sau khi trợ niệm cho người anh thứ Hai được vãng sanh, ông càng tinh tấn thêm hơn. Xâu chuỗi chẳng giây phút nào rời tay, công khóa lễ bái chưa từng trễ sót. Ông thường khuyên nhắc các con cháu ráng lo niệm Phật tu hiền. Ông hay nói:

- “Mình lo niệm Phật tu hành, đó là làm riêng cho mình, nữa đem theo được, còn mình làm đây là làm chung, bởi vì tất cả đều bỏ lại!”

Đúng như lời khích lệ của cổ Đức:

“Gánh trần tục hãy mau quăng ném,  
Để rảnh tay gói ghém sự tu.  
Nào vừa hương bát nước công phu,  
Nào tịnh niệm A Di Đà Phật.  
Các ô nhiễm tâm vô nhứt vật,  
Chỉ một lòng phước đức vun bồi.  
Nơi Liên Hoa cứu phẩm chưa ngồi,  
Thì nhất định chưa thôi niệm Phật.”

Và:

“Rùa quý mai, hạc quý mông,  
Thỏ chuột quý bộ tư lông của mình.  
Hoa khoe hương sắc đẹp xinh,  
Sớm chiều ong bướm mặc tình ruỗi rong.  
Hót hay chim phải vào lồng  
Anh hùng xuất chúng vướng vòng hoa ương.  
Ngựa tài ngày vạn dặm đường,  
Đêm ngày phi tẩu nắng sương phủ phàng.  
Kiếp người đầy nổi bất an,  
Chỉ cầu Đà Phật Tây Phang đến liền.”

Đầu năm 2007, cơ thể ông bắt đầu suy yếu, sự ăn uống có phần trở ngại khó khăn. Đến cuối tháng 7 năm 2007, cơn bệnh bạo phát, các con đưa ông đi điều trị nhiều nơi, sau rốt qua Sa Đéc, một vị Tiến sĩ y khoa đã chẩn đoán là “ung thư dạ dày” và đề nghị thân nhân:

- “Nếu như muốn cho con cháu thấy mặt thì nên chở ông về nhà, vì nếu chuyên đi thành phố giải phẫu thì ông có thể mất trên bàn mổ!”

Gia quyến y theo lời thầy thuốc, ngày 23 tháng 7 năm 2007, đưa ông về nhà. Kể từ giờ phút đó, ông buông bỏ tất cả, không còn để ý đến gì khác ngoài chuyện niệm Phật cầu vãng sanh. Con cháu đều nài nỉ xin đưa ông đi bác sĩ để chích thuốc giảm đau hoặc vô nước biển cho khỏe hơn, ông một mực khước từ, chỉ uống nước trắng chứ không ăn, không uống bất cứ loại thực phẩm nào, suốt trong 21 ngày. Nhờ vậy, mà cơn đau tạm im, tinh thần vô cùng tỉnh sáng.

Ông lập ra thời khóa trợ niệm, bắt buộc con cháu phải tuân thủ, ông luôn theo dõi và đốc thúc giờ giấc. Cứ mỗi tối, sắp ghé ngồi có hàng, cả chục người đồng cao thanh niệm Phật. Ông nằm trên giường bệnh lắng nghe đếm thầm, chừng nào đủ số rồi mới cho đi nghỉ. Vì không quen nên chúng niệm không đều nhịp, người nhanh kẻ chậm. Ông nói:

- “Mây đưa nên niệm theo giọng vợ Bé Sáu (cô này thường đi hộ niệm). Câu nào rõ ràng câu này...Đừng nên sọc đưa!...”

Ông còn căn dặn khi ông mất, con cháu phải bắt ghế ngồi cách giường xa xa, đừng đưng đến giường.

Suốt 21 ngày, thần trí của ông rất minh mẫn, luôn nhắc nhở con cháu cố gắng tu hành trong khi thể lực của ông dần dần tụt dốc. Tối ngày mùng 3 tháng 7 năm 2007, đến giờ niệm Phật hàng ngày, ông bảo mọi người niệm Tây Phương Tiếp Dẫn. Cô dâu Út kinh ngạc thưa:

- “Ba chưa chết sao lại niệm Tây Phương Tiếp Dẫn, thưa Ba?”

Ông giải bày rằng, muốn tập trước cho quen để đến chừng đó, khỏi phải lọng cọng.

Tất cả đồng niệm Tây Phương Tiếp Dẫn, được một lát thì ông bảo thôi, niệm sáu chữ trở lại bình thường như mọi bữa. Lúc này, các con ông có linh cảm ông sắp sửa ra đi nên đều túc trực hộ niệm suốt đêm. Đến 2, 3 giờ khuya, ông dặn dò lần cuối:

- “Chừng nào ba mất, các con ở lại ráng lo tu hiền. Mình không niệm Phật được nhiều thì niệm ít. Mình không lễ Phật được nhiều thì cúng lạy mỗi ngày hai thời... Cúng ngôi Tam Bảo và Thông Thiên thì chỉ cúng nước lạnh và bông hoa thôi, còn bàn thờ ông bà thì cúng chi cũng được!...”

Rồi ông niệm Phật theo âm thanh trợ niệm của mọi người. Tiếng niệm của ông nhỏ dần, nhỏ dần cho đến khi dứt hẳn, im lìm trút hơi thở cuối cùng, ra đi hết sức nhẹ nhàng thanh thản. Lúc đó, đúng 5 giờ 30 phút sáng, ngày mùng 4 tháng 10 năm 2007. Ông hưởng thọ 82 tuổi. Khi nhập mạch, khám nghiệm đỉnh đầu ấm nóng, mọi nơi đều lạnh.

### **39. Ông Võ Văn Phải (1915 - 1994)**

Anh ruột thứ Hai của ông Võ Văn Hên tên là Võ Văn Phải. Vì cha mẹ đều mất sớm, ông Hai phải làm lụng vất vả, lo gánh vác gia đình, nuôi dưỡng một đàn em dại. Vì vậy, ông Hai thất học, chỉ biết một chữ ký và tên của mình mà thôi.

Ông Hai tính nết hiền hậu, thật thà, nói chuyện nhỏ nhẹ, dịu dàng. Cư xử với mọi người đều từ hòa, nhân hậu.

Mấy mươi năm bon chen trong xã hội để tạo nên chén cơm manh áo, quả thật quá đổi vất vả nhọc nhằn. Cuộc sống đầy khổ đau và tạm bợ giúp ông tinh ngộ chơn lý, thể hội sâu sắc hơn về thực chất của một kiếp người:

“Mới thấy đó mày xanh tóc sậm,  
Bỗng nhiên rồi đầu tẩm sương mai.  
Mắt lò tai điếc lạ thay,  
Da dùn má cốp chơn tay mỗi lần.  
Ma bệnh đến tử thần lẻo đẻo,  
Cướp thân người vội kéo ra đi.  
Mùi lòng tử biệt sinh ly,  
Vợ con thân thuộc li bì nhỏ sa.

Thân người sống thịt da tươi tốt,  
Khi chết rồi gân cốt lạnh tanh.  
Bao nhiêu bả lợi mỗi danh,  
Cũng không rờ nắm giữ giành với ai.  
Dầu tiền bạc lâu dài muôn dặm,  
Khi chết rồi cũng nắm tay không.  
Chẳng đem một cắc một đồng,  
Chỉ ôm tội phước trong lòng mà thôi.”

Ông trường chay tu hành rất sớm, con cháu không ai còn nhớ rõ là năm tháng nào. Khi các em đã yên thân, yên bề, ông Hai không lập gia đình, sống một mình, chuyên tu trong căn nhà nhỏ, cạnh gia đình người em thứ Bảy (Võ Văn Hên).

Ngoài kinh tế tự túc bằng cách trồng trọt vài thứ trên mảnh vườn nhỏ ra, hết thấy mọi thứ đều nhờ em cháu trợ cấp. Và lại, ông Hai rất tri túc, ăn mặc đơn giản đạm bạc, nên nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho đời sống hằng ngày chẳng là bao. Nhờ vậy, sự tu rất thuận lợi dễ dàng.

Ông Hai thường khuyên nhắc con cháu tu hành, thấy ai tu được, ông mừng ghê lắm.

Mặc dù kém chữ nghĩa nhưng nhận thức về Phật pháp của ông vô cùng sâu sắc. Liên hữu Tu Đạm hay ghé để trao đổi đạo lý vì mến kính hạnh đức của ông. Tỉnh thoảng, ông Hai Quán-bạn tâm giao- thường lui tới viếng thăm, ăn chung ngủ chung, bàn luận chuyện tu hành với ông rất tương đắc.

Khi tuổi hạc càng lên cao, công phu của ông Hai càng thâm hậu tinh thuần. Mỗi ngày ngoài bốn thời lễ lạy ra, ông dồn hết sức lực vào việc niệm Phật cầu vãng sanh, khuyên tấn những em cháu có duyên cố gắng tu hành, còn mọi chuyện dường như, ông chẳng còn để lại trong tâm.

Đầu tháng 7 năm 1994, ông Hai lên con mệ, thân nhân đưa đi bệnh viện chữa trị. Bác sĩ ở Cần Thơ chẩn đoán là “Tim thông”, khuyên nên đưa cụ về, đừng nên phẫu thuật vì cụ đã quá già rồi.

Về nhà, ông Bảy sắc thuốc Nam cho ông uống, bệnh tình tạm yên ổn đôi phần. Lúc này, ông ngồi niệm Phật nhiều hơn vì năm khó thử nên rất mệt.

Ngày mùng 10 tháng 9 năm 1994, khoảng 8, 9 giờ tối, ông Hai nằm được, nằm ngửa nghe khỏe, cảm thấy thoải mái. Ông Hai nói với ông Bảy:

- “Tao niệm Phật tới chừng nào mòn môi, đuối rồi ... thì mày niệm tiếp sức cho tao!”

Đêm ấy con cháu đều đi vắng chỉ có ông Bảy và bà Bảy bên cạnh săn sóc, hộ niệm cho ông.

Ông Hai niệm Phật tới khuya, âm thanh yếu dần rồi dứt hẳn, nhẹ nhàng qua đời. Lúc đó, đúng 11 giờ khuya, ngày mùng 10 tháng 9 năm 1994. Ông hưởng thọ 79 tuổi.

Hay tin ông Hai mất, con cháu và đồng đạo tới hộ niệm. Đến trưa khi nhập mạch, mọi người khám nghiệm thấy đỉnh đầu của ông còn nóng trong khi toàn thân đều lạnh.

Hiện thời, người niệm Phật rất đông nhiều, mà người vãng sanh thì quá ít ỏi. Lý do là hai chữ “hiếu thuận” không làm được, nếu có làm thì cũng qua loa sơ sài, hay phô trương hình thức, chứ không tận tâm tận lực thực hiện. Qua câu chuyện trên, chúng ta nhận thấy, ông Hai đã dùng hết quãng đời thanh xuân, son trẻ của mình để hoàn thành bổn phận huynh trưởng. Đây quả thật là một tấm gương hết sức quý báu, đáng để cho chúng ta noi theo. Một liên hữu trong Ban Hộ Niệm đã cảm kích, kính tặng ông mấy câu thơ:

“Cung kính dâng Người một nén hương,  
Lòng nguyện với lòng: Gắng noi gương.  
Đạo nhân cố sức làm chân thật,  
Hồi hướng Tây Phương ắt thuận đường.”

*(Thuật theo lời Võ Văn Sáu- con của ông Bảy, và cháu của ông Hai)*

#### **40. Thầy Bửu Hạnh (1927-1990)**

Thầy Bửu Hạnh thế danh là Võ Văn Hai, sinh năm 1927, nguyên quán xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Thuở 9 tuổi, thầy tham gia kháng chiến chống Pháp, mãi đến năm 1954, các bạn bè đều tập kết ra Bắc, thầy ở lại tiếp tục công tác chuyên ngành quân y.

Khi lên 27, thầy kết hôn với bà Nguyễn Thị Út, sinh được bảy người con, bốn trai, ba gái.

Năm 1966, vì chiến cuộc ác liệt, thầy dời nhà về Gò Vấp, Sài Gòn.

Ba năm sau lại về huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Đôi phen thay đổi chỗ ở, năm 1970, gia đình thầy mới thực sự định cư tại ấp Thuận Tiến, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Thầy sinh sống bằng nghề y tá, do tay nghề khá cao nên sự thu nhập thuận lợi, sinh hoạt gia đình tương đối phong phú.

Mặc dù, chưa thâm hiểu gì nhiều về Phật Pháp, nhưng thầy giàu lòng thương người, điểm đặc biệt là ưa thích thực chất chứ không chuộng hình thức, hư danh. Hằng năm, vào những ngày rằm lớn, thầy trị bệnh miễn phí, ngày đó, cho dù nửa đêm nửa hôm, có ai gõ cửa, thầy vẫn chích thuốc phát thuốc, không lộ vẻ bực bội khó chịu.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, thầy công tác tại Bệnh Viện Đa Khoa Bình Minh.

Năm 1978, thầy đến quy y với Thượng Tọa Thích Giác Thới ở Xóm Chày, được pháp danh là Bửu Hạnh và bắt đầu ăn chay, dần dần thầy dùng chay trường. Đồng thời nghiên cứu, đọc tụng các kinh điển đại thừa, nhất là kinh Kim Cang, kinh Duy Ma Cật và lần chuỗi niệm Phật.



Ít lâu sau, cô bạn đường phát tâm xuất gia, thuộc hệ phái Khất Sĩ, pháp danh là Chơn Liên, lần lượt đến hai cô con gái, một vị pháp danh là Liên Huệ, còn một vị là Diệu Thông. Từ nhiều đời, trong thân tộc có lệ, cứ ba năm thì phải tổ chức lễ cúng một con heo, kể từ khi trường chay, thầy bỏ hẳn tập tục này, đổi lại cúng chay. Vì thế, có nhiều người trong gia quyến phản đối kịch liệt, nhưng thầy vẫn giữ vững lập trường của mình.

Bên cạnh đó, thầy còn mang hết gia sản: ba hộp vàng lá mà mình đã tích chứa từ lâu cùng với của hồi môn dành riêng cho từng người con, đều dùng vào công việc từ thiện. Có điều đáng kính phục là thầy không ý vào vị trí quyền lực làm cha của mình mà tự tiện hành động. Trước khi làm, thầy họp mặt toàn thể thành viên trong gia đình lại, rồi giải thích rõ về giá trị của sự giúp đỡ những kẻ đang lâm vào hoàn cảnh hoạn nạn, khốn cùng... san sẻ vật chất, thể hiện tình người, thể hiện tình tương thân tương ái với nhau, giữa cõi bụi hồng, vốn dĩ lắm nỗi thăng trầm đau thương, đầy tan tóc, để cho các con đều hoan hỉ hưởng ứng công việc phúc lợi này.

Hình thức cụ thể là thầy mua 10 bao gạo chỉ xanh, ai đến xin thì cho, chẳng kể lạ hay quen, xa hay gần, nhà mấy người thì cho mấy lít. Cứ hết 10 bao này thì mua 10 bao khác, chùng sạch tiền thì thôi. Khi có tiền thì làm tiếp.

Còn bệnh nhân nào quá nghèo thì thầy trị bệnh miễn phí. thầy còn che một cái nhà cho những bệnh nhân tạm trú. Có nhiều cô gái giang hồ khi bệnh không tiền lo thuốc, sau thời gian điều trị lành, cảm ân đức của thầy, đều gọi là cha nuôi, trước khi giã biệt. Vì vậy, mà thầy làm cha nuôi rất nhiều người. Đây thật sự tương ứng với lời khai thị:

“Tu không phải với Trời với Phật,  
Mà phải tu với vật với nhân.  
Muốn tu thành Phật thành Thần,  
Phải nên bố đức thi ân cho người.  
Làm một việc một lời ân đức,  
Hơn ngàn ngày kinh Phật tụng suông.  
Thấy người khổ động lòng thương,  
Đức cao hơn kẻ niệm suông Di Đà.  
Phước do bố thí ra mà có,  
Đức do lòng cứu độ mà sanh.  
Ngôi Tiên quả Phật muốn thành,  
Do điều bố thí do tình độ dân.”

Năm 1980, thầy xin chuyên công tác về trạm y tế xã, để có rộng thời gian công phu trì niệm hơn, vì trực ở tuyến xã, một tuần chỉ có vài buổi.

Có dạo, thầy ăn gạo lứt muối mè gần ba năm. Một hôm đang ngồi tu, có con rít lớn đến kẹp, mà thầy chẳng có cảm giác đau đớn gì cả, rồi lấy cây khều ra, chỉ cho các con của thầy xem.



Mãi đến năm 1988, thầy bị tai biến mạch máu não liệt nửa người. thầy không chịu đi bệnh viện, nhưng các con nóng lòng chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Ở đây, thầy châm cứu vài ngày thì xuất viện.

Về nhà, sức khỏe dần dần hồi phục, có thể đi tới lui gàn gàn. Thời gian này, thầy chuyên tu nhiều hơn, đọc kinh sách nhiều hơn, tay lần chuỗi niệm Phật cũng nhiều hơn. Kế đó, thầy cung thỉnh Thượng Tọa Thích Giác Thới về tại nhà rồi làm lễ thế phát xuất gia. Kể từ đó, nơi gác lầu tư gia, thầy chuyên cần hành trì tu niệm, tay lúc nào cũng không rời chuỗi.

Vào cuối tháng giêng năm 1990, thầy bảo con đi mời thợ nhiếp ảnh đến để chụp hình cho mình, vì mình sắp sửa ra đi. Khi thợ đến, thấy dáng mạo quốc thước của thầy, người nhiếp ảnh liền hỏi:

- “Thầy Thầy còn khỏe quá mà chết cái gì?”

Ông an nhiên đáp:

- “Thì cứ chụp đi! Ba tháng nữa là tôi chết!”

Đến cuối tháng tư vào giữa đêm, thức giấc, thầy hỏi người con trai thứ Tư ngủ gàn.

- “Mấy giờ rồi?”

Con thầy đáp:

- “Dạ thưa Ba! Một giờ rưỡi rồi!”

Ông liền lấy phấn ghi vào vách hai hàng chữ. Hàng trên viết:

“1 giờ 30”. Hàng dưới, gạch đầu dòng viết: “3 giờ 30, Ba theo Phật”.

Ghi xong, thầy nằm ngửa trên giường, tay cầm chuỗi, im lặng niệm Phật.

Người con trai thứ Hai ngủ ở nhà trước nghe động, lồm cồm ngồi dậy, bụng nguyên bộ đồ nghề y tá vô. Thấy thế, anh bèn cấp tốc chạy đi cho mẹ là Ni Sư Chơn Liên đang ở Tịnh Thất An Lạc hay (Tịnh thất cách nhà một đôi). Ni Sư liền dẫn toàn bộ Ni chúng về, đồng thời cung thỉnh vài vị Sư đến hộ niệm.

Trợ niệm tiến hành mãi cho đến 3 giờ 30 phút, hơi thở thầy yếu dần, mọi người cố gắng hô to Phật hiệu.

Trong gia quyến đã tụ hội đầy đủ, chỉ còn cô con gái út là Diệu Thông, đang tu ở chùa Quan Âm tại Hội Bài, Bà Rịa Vũng Tàu, không liên lạc được vì cô đang trên xe về Hà Tiên để bán nhang cho chùa. Khi cô đến Bắc Bình Minh thì cảm thấy trong người nóng bức lạ thường, linh cảm có điều gì không hay xảy ra, cô bèn gọi hết số hàng định bán, nhanh chóng lên xe quay về

thăm nhà, vì nhà ở gần đó. Khi cô vừa bước vào cửa, nhìn mặt thầy, thì cũng giây phút ấy, thầy trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh trầm hùng của câu Hồng Danh Vạn Đức.

Lúc ấy, vừa đúng 7 giờ 30 sáng, ngày mùng 1 tháng 5 năm 1990. Cụ hưởng thọ 63 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì. Đến 5 giờ sau, chư Sư khám nghiệm thì thầy đánh đầu của thầy hãy còn nóng ấm.

*(Thuật theo lời Võ Văn Đáng, Pháp Danh ĐỊNH TUỆ, con của ông)*

#### **41. Ông Đỗ Thanh Sơn (1959 - 2006)**

Anh Đỗ Thanh Sơn sinh năm 1959, tại phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên. Cha tên Đỗ Văn Sét, mẹ là Trần Thị Chính. Anh có tất cả là mười anh em và đứng hàng thứ Năm trong gia đình. Biệt hiệu là Năm Cao.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh kết hôn với chị Hồ Thị Liên, sinh được bốn người con, hai trai, hai gái. Anh sống bằng nghề thợ mộc.

Anh có đức tính chân thật, nhân nhượng, giàu lòng thương người, giúp người nên được mọi người thương mến.

Nhờ hấp thụ gương hạnh của thân phụ, năm 20 tuổi anh phát tâm trường chay, sớm chiều lễ Phật, nồng nhiệt tham gia các công tác từ thiện xã hội, bào chế Đông dược thành phẩm, biếu tặng khắp các nơi. Vợ con đồng chí hướng nên đã hỗ trợ, nung đúc anh thêm. Ngoài việc đích thân làm mẫu mực cho các con noi theo, anh còn khéo léo đem đạo lý để cư xử hài hòa êm đẹp, giảng giải tỏ tường:

- "...Khi mẹ giận, mẹ la rầy con. Biết chắc rằng, điều la rầy là không đúng nhưng con cũng không được cãi lại! Chờ dịp khác, từ từ trình bày sau..."

...Còn đối với thầy thợ làm công cho nhà mình (con anh mở dịch vụ Quảng Cáo), mình đừng so đo tính toán quá. Lỡ làm hơn một buổi thì xem như một ngày, còn những trường hợp hơi vất vả, phải thêm tiền bồi dưỡng. Vấn đề tiền bạc, con nên rộng rãi, thoải mái một tí..."

...Con không được có tư tưởng chủ - tớ. Phải tôn trọng người làm, xem nhau như bạn, những việc nặng nhọc phải nhảy vô tiếp giúp một tay!..."

Khi rỗi rảnh, anh thích đọc kinh sách lắm, nhất là quyển "Khuyến Thiện" và nhiều băng đĩa Phật Pháp khác. Những quyển sách hay, xem xong, anh đều đưa cho các con đọc qua.

Đường lối tu hành chủ yếu của anh là: "Cố chí làm lành" rồi "Chuyên niệm Phật" để "Cầu sanh Phật Quốc". Thế nên, ngoài hai thời lễ niệm, anh đều nhiếp tâm trì câu Vạn Đức Hồng Danh

trong mọi oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi...sao cho không gián đoạn vì e rằng, nếu cù cưa sẽ lỗ làng, uổng phí một kiếp người nên anh hạ quyết tâm như lời khai thị của Cổ Đức:

“Rõ cảnh mộng chớ quanh đường mộng,  
Biết miền chơn, kịp chóng tu chơn.  
Dần dà tính thiệt so hơn,  
Tuổi xuân qua mắt để hờn về sau.  
Sáu chữ Phật cùng nhau gắng niệm,  
Chín phẩm đài sẽ chiếm ngôi vinh.  
Chớ nên mình phụ lấy mình,  
Trách sao Viêm Chúa vô tình chẳng dung.  
Bỏ điều ác thuận từng nẻo thiện,  
Chừa lối xưa, tu tiến đường sau.  
Lại vì quyên thuộc bảo nhau,  
Cùng khuyên già trẻ sớm mau tu trì.  
Khiến mỗi kẻ đều quy bốn giác,  
Cho muôn người đồng thoát sông mê.  
Dù trong lao khổ dám nê,  
Đài sen đốt mảnh hương thề nguyện xin.  
Nguyện xin quyết vững tin với Phật,  
Nguyện từ nay khép chặt phòng thu.  
Nguyện kiếp này gắng công phu,  
Thân người dễ mất quả tu khó thành.  
Âm thầm trì niệm đêm thanh,  
Rõ ràng từng chữ Hồng Danh nối liền.  
Thân - tâm xả, hết muôn duyên,  
Thế Tôn dành sẵn Kim Liên một tòa !”

Có lần, anh nói với vợ:

- “Tui ráng làm, lo cho các con ăn học khôn lớn và có nghề nghiệp là tui nghỉ làm thợ, để lo làm việc từ thiện và chuyên niệm Phật đặng vãng sanh Cực Lạc. Hiện nay, mình còn sống đây, nếu chừng nào, biết mình sắp chết thì mình phải buông xuôi hết tất cả, để chuyên lo niệm Phật thì chắc chắn Phật đến rước!”

Sự công phu hành trì của anh đều đặn và bền bỉ như thế, suốt hai mươi năm. Vào khoảng tháng 2 năm 2006, anh bị nóng sốt, đưa đến bệnh viện Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, bác sĩ chẩn đoán là “viêm gan siêu vi B” và còn cho biết là bệnh này khi bộc phát thì dễ bị hôn mê lẫn.

Anh nói với vợ:

- “Người ta mà để hôn mê thì thất bại lắm! Mình phải ráng niệm Phật sao cho đừng hôn mê, nếu hôn mê là dở.”

Trong hai tuần điều trị tại bệnh viện, anh tha thiết niệm Phật thành tiếng, nghe rất rõ ràng rành rẽ. Lắm lúc, anh nóng sốt tựa hồ như đi vào trong trạng thái hôn mê, anh cố niệm lớn lên, cả phòng đều nghe.

Bữa nọ, anh kêu vợ lại nói:

- “Tui đang niệm Phật, mơ màng thấy chiếc xe Chử Thập Đỏ, đậu ở cửa bệnh viện Đại Học Y Dược và có hai người tướng hình to lớn đến nói: “Chùng nào ông đi ra, ông lên xe này, chúng tôi rước ông”. Tui thầm nghĩ, nếu Phật đến rước thì phải có hào quang hay là hình Đức Phật, hoặc hoa sen trang nghiêm tử tế hiện tới. Còn mấy tên này làm như vậy, kỳ lạ quá! Tui càng tha thiết niệm Phật liên tục thì chúng mất, nhưng vừa mê mê thì thấy họ khiêng băng ca tới nói: “Chùng nữa, ông lên đây tui tui rước ông!” Những khi mơ màng thì hiện những cảnh ấy nữa. Tui bèn phát nguyện: “Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô Phật Tổ, Phật Thầy từ bi gia hộ cho con: Nếu con tới số thì nhờ Đức Phật A Di Đà đến rước con vãng sanh về Cực Lạc; Nếu con chưa tới số, nhờ Phật độ con hết bệnh, con về nhà, nghỉ nghề thợ mộc và nguyện hy sinh hết thân này, đi làm từ thiện xã hội, lo tu hành tạo phước đức cho đến khi nào đủ duyên, Phật đến rước con về Cực Lạc. Nam Mô A Di Đà Phật!” Nguyện xong, tui không còn thấy mấy người và chiếc xe đó nữa!”

Bệnh thì thấy không thuyên giảm, anh xin bác sĩ về nhà một tuần lễ, sau sẽ lên điều trị tiếp. Trên đường về, anh nói với vợ:

- “Nếu tui bỏ xác vãng sanh thì đem tui vô lò thiêu!”

Đến nhà, anh không tiếp khách, chỉ ở trong phòng chuyên tâm niệm Phật, đúng bảy ngày.

Ngày 14 tháng 4 năm 2006 buổi sáng, thấy anh yếu dần, đồng đạo và thân quyến xúm lại hộ niệm. Anh yêu cầu khi niệm, chỉ một người niệm, số còn lại lặng lòng lắng nghe. Phải niệm thật chậm, niệm từ chữ, từ câu cho anh niệm theo.

Hộ niệm đến 2 giờ chiều, anh nhẹ nhàng nương câu Phật hiệu mà qua đời. Anh hưởng dương 47 tuổi. Gia đình y theo lời dặn, đưa nhục thân anh vào lò thiêu Phú Hòa.

Trong giây phút hộ niệm cho anh, cô con gái thứ Ba (Ngọc Thu), xưa nay cô có lập trường nguyện tu hạnh giải thoát, dù không mang hình thức người tu, cô mong mỗi Ba mình chắc chắn được vãng sanh và nhứt định phải báo cho mình một điềm lành nào đó, để mình an tâm giữ vững đường hướng mà mình đã chọn. Câu niệm Phật của cô cứ vương vấn niềm cầu mong, trộn lẫn lòng chí thành tha thiết. Ngay phút giây anh lìa trần, bỗng xuất hiện một luồng gió thơm mùi hương lạ, từ trong phòng phát ra, phất nhẹ qua mặt cô, làm cho cô tỉnh sáng, tâm ý an định, nỗi hoài mong được lời giải đáp, lòng tràn đầy vui sướng, tâm hồn thơ thới lâng lâng.

Trong khi chờ đợi thiêu hóa hài cốt, thì người chị thứ Ba đến nói:

- “Trước đây chị có nghe người ta nói, người nào tu hành niệm Phật chính chắn khi bỏ xác, thiêu sẽ có Xá Lợi. Còn chú Năm ăn chay cũng lâu và khi bệnh cũng tha thiết niệm Phật, vậy hãy vô lò thiêu kiếm Xá Lợi, chớ bỏ uổng lắm!”

Nghe vậy, con cháu anh vô lò thiêu thì lúc ấy, nhân viên lò thiêu đưa ra, thấy xương thì màu trắng nhưng có nhiều cục to, nhỏ, đen, xám khác lạ. Thấy vậy, con cháu anh nhặt khoảng hai mươi viên, đem về để trên bàn thờ của anh. Những viên đó khi ánh nắng rọi đến thì phản chiếu ra nhiều màu sắc.

Thời gian sau, có những Sư Cô từ Canada về, nghe tin ghé viếng, quý Ni hết lòng trân trọng và cung kính bưng những hạt Xá Lợi ấy, quỳ xuống để trên đầu vái:

- “Ngài ơi! Ngài độ cho con tu hành giống như Ngài!”

Vợ con anh nghe thấy quý Sư Cô thành kính nguyện vái như vậy, ai nấy đều rùng mình cảm kính.

*(Thuật theo lời chị Năm: Hồ Thị Liên và con trai của anh)*

## **42. Ông Nguyễn Thành Tâm (1969 - 2006)**

Anh Nguyễn Thành Tâm sinh năm 1969, cư ngụ tại Thới Lai. Sau, di chuyển về xã Thuận Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Kế lại, qua Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Cha tên Nguyễn Văn Bé, mẹ là Nguyễn Thị Diệu. Anh có tất cả bốn anh em và đứng thứ Út trong gia đình.

Năm 31 tuổi, anh kết hôn với cô Nhan Thị Lệ Thủy, sinh được hai người con. Hai vợ chồng sinh sống bằng nghề buôn bán nhỏ.

Tính tình anh hiền hòa và nhân hậu. Thuở ấu thơ (11 tuổi) đã phát tâm trường chay, thờ kính Tam Bảo, niệm Phật làm lành. Anh rất thích đọc học kinh sách.

Dần dần, sự tu tập cũng tiến triển theo thời gian. Anh tự nỗ lực hành trì mà không cần người sách tấn. Công phu sớm tối mỗi buổi là 2 tiếng đồng hồ, kể cả lúc lập gia đình cho đến ngày ra đi, dù bon chen vật lộn với cuộc sống, thời khóa chưa từng thay đổi.

Nhờ gặp phải cô vợ chất phác nhu thuận, nên đời tu của anh tương đối “xuôi gió thuận buồm”. Sau khi kết hôn hai tháng, là cô cũng tu tập giống hệt như anh. Đặc biệt là trì tụng kinh Kim Cang và kinh Vạn Phật, đồng thời niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Đại Sĩ cầu sanh Tây Phương.

Anh thường đem Phật Pháp để giảng giải cho vợ nghe, an ủi và khích lệ cô tin sâu nhân quả, để được bình an khi phải đối diện với giông bão của cuộc đời. Dồn hết niềm tin, an trú vào chư Phật và chư Bồ Tát, những khi hữu sự cần phải chí thành xưng niệm danh hiệu của Ngài! Như lời của Cổ Đức đình ninh khuyển bảo:

“Niệm Phật bằng tất cả tấm lòng son,  
Chỉ một niệm đủ thân Phật hiện.  
Mẹ đây con! Niệm cho liền miệng,  
Chẳng thành tâm dầu niệm bao lâu.  
Phật cũng không hóa hiện đến đâu,  
Cảm chẳng có ứng nào có được.”

Còn chuyện quan hệ làm ăn, anh xem nhẹ vấn đề tiền bạc. Đôi lúc, đi thu gom nợ, thấy người ta lâm cảnh khó khăn bứt ngất, chẳng những anh không nõ đòi mà còn cho tiền ngược lại thêm.

Về nhà, vợ của anh biết được liền than thở:

- “Chèn ơi! Tính của anh như vậy, làm sao làm chuyện lớn được!”

Anh nói:

- “Thôi kệ đi! Mình làm, Phật Trời cho mình ăn thì tốt hơn!”

Có lần, vợ anh vừa cầm một chỉ vàng được một triệu mang về, gặp lúc có người đàn bà lỡ đường đang con duyên phận bi đát, anh lấy 400.000 đồng biếu tặng, cô vợ đành miễn cưỡng tùy hỷ theo anh.

Vào dịp rằm lớn trong năm, anh thường mua gạo mang đến chùa gần nhà để quý thầy phân phát cho các gia đình nghèo.

Quán ăn của anh, cặp vách là nhà người chị ruột có bơm gas bán lẻ.

Khoảng 10 giờ ngày 12 tháng 7 năm 2006, cô gái làm công cho anh, vào phòng bơm gas mà không khóa kỹ, anh chạy vô khóa lại nhưng không kịp, bình gas nổ một tiếng thật lớn. Vợ anh chạy vào thì thấy anh đi ra, mặt mày mình mẩy đều đen thui, cô òa lên khóc. Anh trấn tĩnh:

- “Không sao đâu! Mình ra Bệnh Viện, người ta chữa trị, chớ có gì mà lo!”

Nói xong, anh bước lại tủ, mở tủ lấy bộ đồ mới mặc vào, rồi ra lên xe taxi đến Bệnh Viện Kiên Lương. Vì bồng nặng quá nên chuyển lên Bệnh Viện Kiên Giang, sau đó ra Bệnh Viện Chợ Rẫy TP.HCM.

Diện tích phỏng rất lớn, hình như khắp cả mình, mặt ,tay, chân đều có đủ. Vợ anh mỗi bữa trông thấy các bệnh nhân thay băng ai nấy đều rên đau, kêu Trời kêu Phật, có người khóc suốt cả ngày, còn chồng mình chẳng thấy phản ứng gì. Cô lấy làm lạ, liền hỏi:

- “Anh, bộ hông có đau hay sao mà thấy anh im ru vậy?”

Anh đáp:



- “Con người ta ai mà không biết đau. Đứt ngón tay có một chút mà còn đau, hà huống phỏng như vậy... Nhưng mà mình đã là người biết ăn chay, biết niệm Phật, thì mình phải biết kiềm chế, không thể nào rên than được. Và lại, đâu có gì ngoài nhân quả đâu! Lúc trước, mình đã vay thì bây giờ, phải vui vẻ mà trả, phải chấp nhận với số phận của mình!”

Ngưng hồi lâu, rồi anh nói tiếp:

- “Anh lâm cảnh ngộ như vậy là do kiếp trước, anh đã tạo ác nghiệp rất nhiều. Mà em ưng anh làm chồng thì chứng tỏ rằng kiếp trước, em cũng đã tạo ác nên mới gặp anh. Vậy thì thôi, em đừng hờn trách, buồn phiền chị và cô làm công gì cả!”

Đúng như lời răn nhắc của cổ nhân:

Con ơi ! Trong cảnh trần lao,  
Chúng sanh lặn lội chùng nào mới thôi.  
Xưa nay cứ mãi luân hồi,  
Trả vay nghiệp hoặc cuốn lôi không ngừng.  
Có thân chẳng liệu lấy thân,  
Chung qui đưa đến mộ phần vô duyên.  
Hiện thân hưởng của nghiệp tiền,  
Lai sanh chịu lấy ác duyên đương đời.  
Chúng sanh trong lúc hiện thời,  
Sao không nghĩ đến cuộc đời mai sau.  
Luật nhân quả chẳng sai đâu,  
Ác sanh nhứt định đáo đầu ác lai.  
Mê trần nên mới bào thai,  
Chớ không phải tự nhiên đày ra đâu.  
Sanh ra nơi cõi mê sâu,  
Suốt đời có thấy ai đâu lạc nhàn.  
Cánh hoa hết nở rồi tàn,  
Nửa chùng sâu bọ cắn ngang là thường.  
Xác thân xét lại tận tường,  
Cùng hoa kia cũng một đường khác chi.  
Mây trần không ngớt phủ vi,  
Chúng sanh chẳng thấy những gì xa xôi.  
Thế gian nay lỡ mai bồi,  
Phật đài luôn được an ngồi bình thân.  
Cũng do lòng chẳng mê trần,  
Nên không luân lạc xoay vần trong mê.  
Lòng ưa nơi cõi Liên Huê,  
Cho nên thân được dựa kê Đài Sen.

Suốt hai mươi mấy ngày liền, bệnh tình của anh dường như chẳng hề suy giảm. Chiều ngày 4 tháng 10 năm 2006 vợ anh vẫn đút cơm cho anh như thường lệ, thấy chồng ăn ít quá nên cô đâm ra lo lo, linh cảm dường như sắp xảy ra chuyện gì.



Đến tối, khoảng 10 giờ, anh nhờ vợ lấy khăn trắng nhúng nước, lau mình cho sạch sẽ. Lau xong, nhờ đỡ dậy, bèn nói với vợ.

- “Mình bệnh, thôi bây giờ, mình chỉ biết cầu với Bồ Tát thôi! Chứ không ai cứu mình nổi! Thôi, anh lạy Bồ Tát để Bồ Tát giúp anh!”

Nói xong, anh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm 4 lễ, rồi nhờ đỡ nằm xuống. Liên nói:

- “Cái nghiệp của anh tuy là nặng. Kiếp này là nặng! Nhưng mà kiếp sau, anh khỏe lắm! Từ trước đến giờ, anh có dạy cho em những gì hằng ngày, sau này anh có chuyện gì thì em hãy nhớ những điều đó mà làm theo...”

Khi người thân mình mất!... Bất cứ là ai. Đặc biệt, là mình không được quyền khóc. Mình phải đứng kể một bên niệm, dù mấy tiếng Phật cũng được hết. Đó là mình thương người đó đó! Cái đó là em thương anh đó! Em tiễn anh đi về một nơi an lành. Còn nếu mà em nói tiếng thương... Vợ chồng ai mà hồng thương... Nhưng mà em khóc, cái đó xem là không thương! Tại vì, em giữ anh lại, em lôi anh xuống “Địa ngục”. Còn em đứng, em niệm Phật cho anh, đó là thứ tình em đối với anh tốt rồi đó!

Anh dạy em hằng ngày làm sao, em ráng nhớ và làm theo y như vậy. Được vậy là anh vui lắm rồi...! Nhưng mà biết chắc là em không niệm thì anh cũng vẫn đi về trên. Em hãy yên tâm về chỗ đó đi! Tại vì, anh đã tu mỗi ngày rồi. Anh đã biết, anh chọn con đường anh đi về đâu rồi! Cho nên trong lúc này, anh bị như vậy, anh không có buồn. Giờ phút đi theo Phật thì anh phải đi...

Em còn trẻ, trước hết trên đường tu, em phải biết tu hành! Đừng nên nghĩ đến chuyện gì khác hết. Em hãy ráng nhớ lời anh dặn. Em đừng nên nghĩ suy vu vơ...!”

Dặn dò xong, anh tự sửa mình trang nghiêm, hai tay xuôi xuống, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Cô vợ bèn kê miệng vào lỗ tai của anh, niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát 10 lần. Rồi chắp hai tay lại nguyện:

- “Hôm nay là ngày mùng 4 tháng 10 năm 2006. Chồng con tên là Nguyễn Thành Tâm vừa từ trần. Ngưỡng mong Đức Đại Từ Bi Quán Thế Âm Bồ Tát tiếp dẫn vong linh chồng con được vãng sinh về thế giới Cực Lạc!”

Lúc đó, đúng 10 giờ 30 đêm. Anh hưởng dương 37 tuổi.

Nỗi hoài nghi về sự ra đi của chồng cứ mãi canh cánh trong lòng. Đêm tuần thất thứ hai vừa xong, đến giờ ngủ, vợ anh hướng mắt nhìn về phía bàn vong, bỗng nhiên hình hoa sen nơi linh vị chuyển động và tỏa ánh sáng, giống như hệ thống đèn điện trang trí nơi các hào quang Đức Phật. Cô giật mình trừng to mắt ra, đồng thời tự nghĩ:

- “Mình đâu có năm chiêm bao đâu ta! Mình đâu có gắn điện đâu mà sao kỳ lạ vậy!”

Rồi, cô bước lại lấy tay sờ thẳng vào, không phát hiện được điều gì cả, ánh sáng vẫn tỏa chiếu ra xung quanh. Tần ngần giây lâu, cô mới rút một nén hương, đốt lên, thắp khấn nguyện:

- “ Nếu anh vắng sanh rồi, linh ứng báo cho em điềm này, thì như vậy đã đủ rồi!”

Khấn vừa xong, xem lại thì hiện tượng kia biến mất. Một lần nữa, cô đưa tay sờ vào linh vị, chạm phải giấy mực chứ chẳng có chi cả!

Bảy tuần thất vừa kết thúc. Hôm đó chị nằm mơ, thấy mình cùng nhóm bạn đến chùa làm công quả. Khi đã nấu nướng dọn dẹp xong xuôi, mọi người đồng kéo nhau đi nghe thuyết pháp. Khi đến nơi, cô thấy trên giảng đài có bày biện rất nhiều hoa, muôn màu vạn sắc, thật long lanh. Pháp Sư đang ngồi trên đó lại chính là chồng mình, mặc áo tràng màu vàng, uy nghiêm rực rỡ. Phía dưới, thính chúng có hơn ngàn người, im lặng lắng nghe. Sau buổi thuyết giảng, Pháp Sư gọi riêng cô lại, mời cô ngồi, rồi kể cho cô nghe một câu chuyện, đại để thế này:

“Thuở xưa, có cô tiểu thư con nhà trưởng giả, đã phải lòng một chàng thanh niên thuộc giai cấp cùng đinh, tức là người đầy tớ trong nhà mình. Họ đã bỏ trốn thật xa, đi tìm nơi xây tổ ấm. Mấy năm sau, sinh được hai đứa con. Cho đến ngày nọ, cô quá nhớ nhà, đòi về nhiều phen nên ông chồng miễn cưỡng chấp thuận.

Khi về giữa đường, rừng núi cheo leo, trời giông tố đổ xuống ầm ỹ. Không may, ông chồng bị rắn độc cắn chết, một đứa con bị nước suối cuốn trôi, một đứa bị cọp tha mất. Nỗi đau chưa hàn gắp thì hay tin cả gia quyến đều chết do nhà sập, trong cơn bão tố vừa rồi. Buồn thảm trào dâng tột độ, cô gần như mất trí hoàn toàn. Nhưng sau đó, nhờ gặp Phật, nghe pháp tu hành, chứng thành đạo quả.”

Cuối cùng, anh kết luận:

“Người ta như vậy đó! Cùng một lúc, nhiều người thân mất đi, thế mà vẫn tu hành thành tựu... Còn em chỉ mất có một người, sao chẳng bắt chước học theo? Và lại, anh đã vắng sanh Cực Lạc, đâu có rơi Địa Ngục đâu mà em buồn!

Lần này, anh cho em gặp để em khỏi phải uất ức. Từ đây về sau, anh sẽ không cho em thấy nữa!”

Giấc mơ đã thật sự làm cho cô bay mất mọi nghi ngờ và cũng đã nhiều năm qua rồi cô cũng không hề nằm mộng gặp lại chồng mình lần nào nữa cả!

*(Thuật theo lời cô Nhan Thị Lệ Thủy, vợ của anh)*

### **43. Bà Đoàn Thị Yến (1936 - 2009)**

Bà Đoàn Thị Yến sinh năm 1936, số nhà 321/12, ấp Trung Bình I, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Vàm Cỏ Vồn đi vào 130 mét, phía bên phải). Thân phụ là cụ ông Đoàn Văn Đãi, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Kiềm, chuyên nghề làm ruộng. Bà đứng thứ hai trong gia đình, chỉ có duy nhất một người em trai.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Huỳnh Văn Đổng, cùng hương thôn, sinh bảy người con, ba trai, bốn gái. Hai ông bà đều có đức tính hiền lành, thật thà, chất phác, rộng lòng thương giúp người. Quanh năm, miệt mài đồng áng, gót chân chưa hề lai vãng chốn phồn hoa.

Năm 1964 (lúc bà 27 tuổi), Hội Quán của Ban Trị Sự xã Vĩnh Trạch được thành lập, đoàn thuyết trình của ông Hai Tho và ông Hai Mù Tiễn thường đến diễn giảng Phật Pháp, bà cùng chồng đồng tham dự. Bà lại còn đăng ký vào ban hậu cần. Thỉnh thoảng, có cùng các bạn là Trần Kim Lợi, Trần Kim Khâu... đi các nơi diễn đọc sám kinh, vì giọng ngân nga của bà rất tốt. Trong thời gian này, hai ông bà ăn chay mỗi tháng sáu ngày. Ngoài công phu lễ Phật và niệm Phật sớm tối ra, ông bà rất hăng hái trong việc làm phước thiện, chẳng quản khó nhọc, tốn kém tài vật, hết lòng đùm bọc dân nghèo, nhất là đồng bào di cư, trong những cơn loạn lạc.

Năm 1992, ông bị bệnh xơ gan, không bao lâu thì mất. Trước đó, ông đã niệm Phật khẩn thiết rồi mới qua đời.

Đến rằm tháng giêng năm 1995, bà cùng cô con gái thứ Bảy phát tâm trường chay, hai năm sau cô Út cũng phát tâm theo. Lúc này, nhận thấy các con đã trưởng thành, năm người con lớn đều đã có gia đình, cơ nghiệp ổn định, còn hai cô gái thứ Bảy và Út sống chung với bà, nên bà cho mượn đất với giá rẻ, để rộng thời gian làm phước thiện: bắt cầu, bồi lộ, ủy lạo, tham quan hành hương... và cũng có thời gian chuyên tu nhiều hơn. Bởi lẽ:

“Thân người như sắt trên đe,  
Búa trời nhật nguyệt đánh đè ngày đêm.  
Qua một phút chết thêm một phút,  
Cứ đi lần đến lúc tắt hơi,  
Đâu ngày nào được nghỉ ngơi,  
Nếu người hẹn một hẹn mới là lầm.”

Công phu hành trì của bà cứ đều đặn sáng chiều, sau khi lễ Phật xong là ngồi niệm Phật một tiếng đồng hồ. Ban ngày thì cùng con cháu đi sưu tầm thuốc Nam, về nhà chặt, phơi khô, vô bao, cung ứng cho các phòng thuốc Nam. Có khi, tổ chức ghe tàu ra tận Rạch Giá tìm về. Quyển Thi Văn Giáo Lý bà thuộc lòng, hình như gần hết. Bà rất thích nghe các con bà đọc kinh truyện, nhất là kinh Hiền Ngu, nói về nhân địa hành Bồ Tát hạnh, cùng các điển tích nhân quả báo ứng. Đặc biệt, là đọc các kinh sách nói về y báo, chánh báo cõi Tây Phương, sự trang nghiêm, thù thắng của thế giới Cực Lạc, bà nghe suốt ngày mà không tỏ vẻ mệt mỏi chán nhàm.

Vào những ngày rằm, bà thường xay hai, ba chục gạo lúa, bố thí cho các gia đình nghèo. Có lần, bà nuôi bệnh cho cô con gái thứ Sáu, khi hết bệnh, xuất viện ra về, bà tặng cho những người

còn ở lại, hết tất cả: quần áo, mùng mền, đồ đạc...sạch sẽ cho tới không còn tiền dính túi, thuê xe Honda ôm, đến nhà mới thanh toán sau.

Gần nhà, có bà Ba gia cảnh khôn đốn, chồng mất sớm để lại một bầy con nên thường hái trộm hoa trái của người ta, ra chợ bán. Lần nọ, bà Ba trèo xoài té bị gãy xương cầu, vết thương sưng bầm lên mà không có phương tiện đi băng bó. Bà Hai hay tin, đến tận nhà thăm và giúp cho chi phí đi điều trị. Khi bà Ba lành bệnh, bà mới đề nghị:

- “Mợ Ba à! Mợ đã lớn tuổi (61 tuổi) mà cứ làm nghề này hoài, hông có tốt! Thôi, để tui hùn tiền mua cho mợ chiếc xuồng, lấy bún về, bơi vô xóm bán, mỗi ngày cũng được ba, bốn chục ngàn, sống vững hơn!”

Bà Ba nghe xong mừng lắm, muốn rơi nước mắt. Thời điểm đó, giá chiếc xuồng tương đương một chỉ vàng, khả năng của bà chạy gạo sớm chiều mà đã kiệt sức nên bà đâu dám ước ao điều đó, đâu là ao ước trong mơ!

Hạnh tu của bà Hai chẳng những thương người mà còn lan đến các loài động vật. Năm 2003, buổi trưa đang nghỉ mát dưới bụi tre ngoài ruộng, bắt gặp anh chàng thiếu niên ngồi trên cộ lúa do một con trâu kéo đi. Khi đến dốc, hai mươi mấy bao lúa quá nặng, trâu kéo không nổi, bị anh chàng la hét, quát roi lia lịa. Bà trông thảm quá, đôi dòng nước mắt cứ tuôn trào ra, liền đến khuyên can anh ta dừng tay lại nhưng vô hiệu. Bà bèn xuất tiền ra một trăm ngàn, trâu được tháo ách, xuồng sông trầm nghỉ. Từ đó về sau, anh thiếu niên ấy thường kể với mọi người:

- “Bà Hai thấy tui đánh con trâu mà bà khóc tội nghiệp cho nó...nên tui hông đánh nó nữa!”

\*\*\*\*\*

Khi có đồng đạo ghé thăm, bà Hai mừng lắm, tiếp đón rất vui vẻ, ân cần lo cơm nước, hết sức chu đáo. Bà kiệm ước phần mình. Thấy hạnh lành, nghe lời phải thì cố gắng nỗ lực làm theo, chẳng hề nhìn ngó xấu dở của người, chỉ thích lắng nghe chứ không thích nói. Vì thế nên bà Hai được mọi người kính mến.

Năm 2005, trên đường từ ruộng về nhà, bà ôm một bó nhãn lông, bỗng nhiên đột quỵ. Khớp cổ chân trái bị đau dữ dội, chuyển ra thành phố An Giang, bác sĩ chỗ này thì chẩn đoán là “viêm khớp”, bác sĩ chỗ kia cho là “bướu xương”. Cuối cùng, đến Bệnh viện đa khoa thì chẩn đoán là “thoái hóa khớp”. Khớp cổ chân sưng to, cử động rất đau và khó khăn. Bác sĩ xử lý bằng cách cho thuốc giảm đau kháng viêm và rút dịch ở khớp mỗi tháng một lần. Rút được vài ba lần, sau đó con bà tự làm ở nhà .

Trong thời gian này, có bác sĩ đề nghị gia đình nên đưa bà ra Sài Gòn giải phẫu khớp, tổng chi phí là 30 triệu, thì bệnh mới khắc phục dứt điểm. Các con quyết định đưa bà đi, bà không chịu. Bà nói:

- “Con người ta, ai cũng có căn có số. Tới số rồi thì Hoa Đà tái thế cũng phải bó tay! Thôi mình y theo lời Thầy Tổ đã dạy:

“ Lo thuốc thang khăn vái Phật Trời.  
Nguyện sửa lòng ắt Phật giúp đời,  
Ban phước rộng từ bi hỉ xả.”

Vì vậy, bà cứ sắc thuốc Nam, nguyện vái rồi uống tới. Các con hùn lại, đưa 30 triệu cho bà, lần hồi bà bố thí hết. Ở lối xóm, có người bệnh giống y chang như bà, sau khi đi mổ trở về rồi nằm một chỗ luôn, nhân đó bà hay nhắc với các con:

- “Đó! Thấy chưa. Con người ta ai cũng có căn có số, má nhờ bố thí mà bây giờ còn đi tới đi lui được! ”

Đến ngày mùng 4 tháng 7 năm 2009, khoảng 7- 8 giờ sáng, bà đang chăm chú nhìn ra cửa ngõ trong khi tay vẫn lần chuỗi, miệng vẫn niệm Phật. Đột nhiên, bà vẩy tay gọi người con lại:

- “Phét ơi! Lại đây! ”

Con bà đến, liền hỏi:

- “Gì má?”

Bà đáp:

- “Má thấy bốn người đàn ông mặc áo tràng màu dà, đầu đội hào quang nhìn má trân trân!”

Con bà quay nhìn ra sân, chẳng thấy gì cả, lại hỏi:

- “Đâu?”

Bà đáp:

- “Đứng bên kia sông đó!”

Ngưng một lát, bà nói tiếp:

- “Nó đó! Oan gia trái chủ đó! Chớ hồng phải Thần Thánh gì đâu! Thôi, con thấp hương các ngôi thờ cúng cho má nguyện vái”.

Một hồi sau, khi bà nguyện vái xong, con bà liền hỏi:

- “Bây giờ nó đâu?”

Bà đáp:

- “Nó đi rồi!”

Lại hỏi:

- “Bà vái ra sao má?”

Bà trả lời:

- “Nam Mô A Di Đà Phật. Con cầu xin ơn trên Đức Phật từ bi cứu độ con về cảnh giới Cực Lạc. Còn những nghiệp báo oan gia nhiều đời, nhiều kiếp mà con đã làm sát đó, sau khi học đạo hoàn toàn, con sẽ trở lại cứu độ hết! Nam Mô A Di Đà Phật!”

Chiều lại, bà thấy bốn vị ấy ăn mặc xinh xoàng, nanh gút, xông vô nhà, đứng nhìn bà lom lom. Bà chí thành niệm Phật thì họ vạt ra, lơ là một tí thì họ sáp lại, kéo dài đến sáng, họ mới bỏ đi mất. Cả đêm hôm đó, bà niệm Phật suốt không ngủ.

Sáng ra, trước mặt bà toàn là bông hoa, rất nhiều, rất lớn, rất đẹp. Hoa vạn thọ thì bằng cái chén, hoa huệ thì dài thật dài... Nghe bà diễn tả, các con ngỡ rằng bà bị chạm thần kinh, liền thuê xe chở ra Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Ban đầu, nghe khai bệnh, bác sĩ đưa bà qua khoa tâm thần. Sau đó, đo điện não đồ và làm một số cận lâm sàng thì chuyển về khoa nội. Nằm luôn 11 ngày, bụng và chân bà càng lúc càng sưng to, đi tiểu mỗi ngày hơn 30 lần. Thể trạng suy sụp trầm trọng. Bác sĩ cho biết, bà có tới bốn thứ bệnh: xơ gan, suy thận, hội chứng dạ dày tá tràng và thoái hóa khớp. Thấy Tây y không xong, các con đưa bà sang bệnh viện Thanh Bình để uống Nam dược, thêm sáu ngày nữa rồi mới về nhà, bệnh tình có khả quan chút đỉnh. Suốt thời gian điều trị, bà cứ nằng nặc đòi về:

- “Má niệm Phật dữ lắm! Bác sĩ hồng biết bệnh của má đâu! Đưa má về đi! Ở nhà niệm Phật thanh tịnh hơn ở đây!”

Từ đó, chân trái của bà gân từ từ rút lại, cơ teo dần và lan qua chân phải. Cuối cùng, chân co quéo lại. Các con bà xúm lại động viên cho bà tập duỗi ra, vì sợ khớp cứng như vậy khi chết không dậy nắp hòm được giống như một người ở lối xóm, nhưng đau quá, bà nói:

- “Nó muốn như vậy thì mình cứ để như vậy đi! Chùng nào về Phật thì Phật sửa ngay ra, chớ gì mà lo!”

Các con bà nghe qua rồi nhưng không mấy chú ý, cứ ngỡ là bà đáp cho xong chuyện mà thôi. Mặc dù thân bệnh nhưng bà không khổ, luôn vui vẻ hòa nhã nói cười. Chưa hề có thái độ bực bội, quạu quọ, kẻ lễ... Đáng nể phục là thời khóa sớm tối, bằng mọi giá: bò, trườn, léch... bà không để cho trễ sót. Có lần, đồng đạo Hai Mum thấy vậy, quá cảm động nên khuyên bà nên nằm một chỗ lễ niệm thầm cũng được, bà vừa trả lời vừa cười:

- “Đâu có được con! Tới giờ hốt hụi rồi, hồng hốt để trật lất sao được!”

Mấy lúc bệnh trở nặng, đau đớn dữ dội nhưng không nghe bà rên than. Bọn bè, thân quyến đến thăm giới thiệu thuốc Thần, thuốc Tiên có liên quan đến vật mạng, bà mạnh dạn từ khước:



- “Tôi từng tuổi này nếu hết bệnh, sống cũng chẳng bao lâu! Thôi, để tôi trường chay, trọn đạo để vãng sanh, không còn đắm chìm nơi cõi khổ này nữa!”

Nếu khách nào đến thăm mà đem chuyện thị phi đến thì bà kêu con bà mời ra bàn uống nước, bằng như đối để không mời được thì bà giả bộ ngủ li bì. Khi họ ra về, con gái trách:

- “Người ta tới thăm, mà má làm gì kỳ vậy?”

Bà giải thích:

- “Tao năm niệm Phật, chớ có ngủ đâu!”

Còn các bạn đạo đến sách tấn, khích lệ về Tịnh Độ, bà vui vẻ nói cười cả buổi, chẳng có dáng vóc gì bệnh hoạn cả và còn dặn dò:

- “Chùng nào quờn ghé thăm tui, để nói chuyện Phật Pháp cho tui nghe nghen!”.

Ngoài ra, bà rất thích nghe con bà đọc quyển “Tịnh Độ Toát Yếu” của Như Quang, say mê nghe dường tựa nhiễm ghiền.

\*\*\*\*\*

Như chiếc lá vào thu sẽ chín vàng, âm thầm rời cành, trở về cội gốc. Như vàng thái dương lên cao, rồi cũng phải chậm chậm khuất bóng sau rặng cây phương tây, mù tí xa mờ. Không mấy chốc, sức khỏe của bà suy sụp càng lúc càng rõ rệt. Nhưng, công phu trì niệm trái lại càng tinh thuần, lòng cầu sanh Tịnh Độ càng khẩn thiết. Lúc ăn một muống cháo, hay uống một hớp nước...bà cũng thường thâm thì:

- “Nam Mô A Di Đà Phật! Phải chi Phật rước con ngay bây giờ, khỏe biết mấy!”

Thấy bà lúc nào cũng nguyện vãng sanh, nên con bà hỏi:

- “Má! Chuyện này bà tính bỏ mấy đứa con thiệt sao?”

Bà đáp:

- “Đến lúc phải ly tan! Nếu muốn không ly tan thì mấy con phải ráng lo niệm Phật, sau này cùng vãng sanh Cực Lạc, mãi mãi chẳng xa lìa!”

Đêm 25 tháng 9 năm 2009, bà và cô con gái thứ Sáu đồng nằm mộng thấy 12 đứa bé, trai có gái có, độ chừng 12, 13 tuổi, đi đến bên giường, nói với bà rằng:

- “Bà Hai ơi! Mấy đứa con tới niệm Phật cho bà nghe nè!”

Nói xong, chúng liền ngồi xung quanh rồi cất giọng niệm, âm điệu trầm bổng du dương, nghe rất êm tai.



Rạng ngày 26, bà gọi cô con gái thứ Bảy đến thuật lại giấc mộng vừa qua và nói:

- “Lúc trước, má nghe trong núi Chóc có Ban Hộ Niệm. Thôi, con đi mời về hộ niệm cho má đi!”

Con bà sợ bà chết lắm nên trả lời:

- “Thôi má ơi! Con thấy rồi, hộ niệm là chết chắc!”

Bà vừa cười vừa nói:

- “Cái không đáng sợ lại sợ! Còn cái đáng sợ lại không sợ!”

Con bà chung hững. Bà chậm rãi giải thích:

- “Không được vãng sanh mới đáng sợ! Còn chết thì ai không chết mà phải sợ!”

Ngưng một tí, bà nói tiếp:

- “Má muốn mời Ban Hộ Niệm là má muốn các con có cơ hội gieo duyên với chư đồng đạo. Sau này, chư đồng đạo tới lui giúp đỡ, dẫn dắt các con tinh tấn thêm lên!”

Bà kêu đến lần thứ ba, cô con gái mới miễn cưỡng chịu theo, lòng luôn phập phồng lo sợ khi phải đối diện cái cảnh tử biệt sanh ly vốn dĩ sẵn có của kiếp làm người.

Ngày 27 tháng 9, Ban Hộ Niệm của liên hữu Tư Xả và Tư Găng trong Ba Thê ra, tiên hành cộng tu với bà và gia đình bảy đêm. Đến ngày thứ bảy, con bà nhắc:

- “Đêm nay là đêm cuối cùng rồi! Má tính sao?”

Bà trầm ngâm, bấm các đốt ngón tay, giây lâu rồi nói:

- “Thôi, các con cháu trong nhà cùng với cậu Bảy Thọ và chư đồng đạo gần đây, ráng hộ cho má chín đêm nữa!”

Sáng ngày mùng 10 tháng 10, khoảng 8 giờ, các con đang ngồi niệm Phật bên giường, bà đang nằm nghiêng chấp tay niệm Phật theo, chợt thấy bà ngẩng đầu lên rất lâu, chăm chú nhìn cảnh tượng chi đó mà gương mặt của bà rạng rỡ, trông như người có việc vui mừng, vượt quá hy vọng. Con bà lại gần hỏi, thấy gì thì bà đáp là thấy Phật. Lại hỏi chừng nào về Phật thì bà không đáp mà chỉ mỉm cười rồi đưa ra ba ngón tay, việc này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Người con thứ Bảy thì nghĩ rằng, bà bị loạn thần kinh trở lại, còn cô thứ Sáu thì ngỡ oán thân trái chủ giả Phật, nên sau khi nghe bà trả lời là thấy Phật thì cô than:

- “Nghịch tới nữa rồi!”

Bà liền đính chính:

- “Má hết nghiệp rồi! Còn đâu nữa mà trả!”

Sáng ngày 12, bà nhờ con tắm, gội đầu tới hai lần. Xong xuôi cô con thứ Bảy nói:

- “Bây giờ ăn một chút cháo nhen má! Trọn ngày hôm qua, bà hồng ăn miếng nào hết. Thôi bây giờ, ráng ăn một chút nhen?”

Bà đáp:

- “Má đã dặn rồi! Đừng ép má ăn uống gì hết để má sạch ruột, tĩnh tâm niệm Phật! Thôi, các con ra ngoài hết đi, khóa cửa phòng lại, đừng cho ai ra vô, ép ăn, ép uống, hỏi han gì cả, để má tĩnh tâm niệm Phật!”

Cũng như mọi khi, tối đến con cháu và bà con lối xóm cùng với đồng đạo quanh vùng, tề tựu lại cầu nguyện, cộng tu, hồi hướng cho bà xong, rồi lần lượt ra về, đêm nay cũng là đêm thứ chín, tức là đêm cuối cùng. Khi mọi người đã ra về hết, các con bà chia ca hộ niệm suốt đêm. Đến 4 giờ rưỡi sáng ngày 13, bà gọi hai cô con gái út lại, rồi tháo hai xâu chuỗi mà bà thường dùng, lần lượt đưa cho mỗi người một xâu và nói:

- “Má để cái này lại cho con nè! Ráng niệm Phật!”

Kế đó, cô Phết ngồi bên giường, niệm Phật cho bà nghe, thỉnh thoảng ngâm nga vài câu sám kệ:

“Niệm chữ A Di dẹp lòng sầu,  
Rán trì kinh kệ hoặc mau lâu.  
Cũng có ngày kia ta giải thoát,  
Giải thoát thì ta rõ đạo màu.”

Hoặc là:

“Ao sen báu Tây Phương đưa nở,  
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.”

Nhưng, cô cố tình đọc sai mấy chữ cuối, bà đều sửa đúng lại hết.

Đến khoảng 8 giờ, đồng đạo Hai Mum ghé thăm, hỏi thăm xong, đo huyết áp thấy rất tốt, rồi cùng cô Phết ngồi chia thuốc Nam thành phẩm dưới nền nhà. Hai người đang lui cui làm, bỗng nghe bà cất tiếng niệm Phật thật lớn, liền quay lại nhìn. Khi đến hết câu thứ ba thì hai chân bà vung lên rồi duỗi thẳng ra, con bà lật đật chạy lại, phóng lên giường, rờ tới rờ lui, reo lên:

- “Má! Má! Giò bà thẳng ra rồi! Chuyến này khỏi phải ngồi xe lăn!”

Cô còn chạy đi khoe với các chị em trong nhà.

Lát sau, bà buồn nôn, liên tiếp mửa ra sáu lần, mỗi lần khoảng một chén. Chất dịch màu hơi xanh, không có mùi gì cả. Cô lo sợ, liền thông báo cho chú liên hữu. Hay tin, đồng đạo tập nập kéo đến. Gần 6 giờ tối, gương mặt bà đột nhiên đổi sắc, hồng hào, đôi môi đỏ lên. Tất cả người thân đều ra ngoài, nhường chỗ cho Ban Hộ Niệm ngồi đầy khắp phòng. Bà nằm chấp tay niệm Phật theo mọi người. Đến 7 giờ 50 phút tối, bà an tường trút hơi thở cuối cùng, trong âm vang trầm hùng của câu Hồng Danh Vạn Đức. Nhằm ngày 13 tháng 10 năm 2009. Bà hưởng thọ 74 tuổi.

Năm giờ sáng ngày 14 (qua hơn 9 giờ sau khi mất) Ban Hộ Niệm khám nghiệm tử thi thì nghe có hương thơm, các khớp xương mềm mại, toàn thân đều lạnh duy có đỉnh đầu ấm nóng. Đến 8 giờ sáng, đang niệm Tây Phương Tiếp Dẫn để chuẩn bị nhập mạch thì có xuất hiện vòng hào quang năm sắc bằng cái nĩa trên vách tường, gần đầu thi hài, khoảng hai, ba phút. Cùng lúc, có người lồi xóm chạy xe ngoài đường cũng trông thấy trên nóc nhà có vòng hào quang năm màu lớn bằng bánh xe. Lễ an táng được tiến hành trong ngày 14, vào lúc 3 giờ chiều.

Tối lại khoảng 1 giờ khuya, mọi người đang ngủ, bỗng nhiên hai cánh cửa lớn nhà trước tự mở ra, âm thanh đầy mạnh vang to lên, đồng thời căn phòng hực sáng lên như thấp mấy chục ngọn đèn. Người con trai thứ Năm thất kinh hồn vía, trùm mền kín mít, cô thứ Sáu từ trong phòng bước ra, lông tóc dựng đứng, vội chạy trở vào, ngồi niệm Phật mà hai hàm răng cứng chặt lại. Hiện tượng này, rất lâu mới mất.

Ngày 16, tất cả cây cỏ xung quanh nhà ra đến mộ khoảng mười mấy mét đều trở hoa. Đặc biệt là cây mai gần bàn thông thiên, nở rộ vàng rực, kéo dài đến tháng hai năm sau (suốt bốn tháng trời).

Mỗi khi đến ngày tuần thất, thường xuất hiện “hiện tượng lạ” vào giữa đêm, khi không gian chìm vào tĩnh lặng. Thường hay nghe tiếng lục lạc xe ngựa và tiếng chân ngựa chạy lộc cộc từ đầu vòm đi vào, tới trước cửa cổng nhà bà thì dừng lại, năm bảy con chó xung quanh, đều cụp đuôi chun xuống sàn, nằm im re. Rồi tiếng chân của bốn, năm người từ trên xe bước xuống, đi vào nhà, những luồng gió xoáy rung mạnh những chiếc rèm đang giăng và bật hết những cánh cửa sổ đang đóng, đồng thời những cây đèn cầy trên bàn thờ và bàn vong đã tắt, tự động cháy sáng lên một lượt. Các con của bà dùng điện thoại ghi âm lại, nhưng khi mở ra thì không nghe gì cả. Đêm chung thất thì âm thanh của một đoàn người rất đông, lẫn những tiếng nói chuyện xì xào, đồng thời bốn chiếc ghế dựa ở bàn khách giữa nhà, tự động kéo ra, thật lâu mới đẩy vô trở lại.

Ngoài ra, còn rất nhiều điềm lạ khác, ở đây chỉ nêu đại lược mà thôi. Có lẽ, hạnh đức của bà chiêu cảm đến Long Thiên - Thiện Thần, chú vị đã ứng hiện để làm tròn tâm nguyện của bà khi còn sanh tiền. Cho con cháu bà có được cơ duyên vững bước trên con đường tu tập, cố gắng tinh tấn hành trì để được cùng nhau hội ngộ ở Tây Phương, thực sự là quyến thuộc chân thật, không phải ly tan như ở cõi đời giả ảo tạm bợ, đây khổ đau này!

Trước kia, chỉ có cô con gái thứ Bảy sống chung với bà là trường chay. Sau khi bà vãng sanh, tất cả các con đồng trường chay lễ Phật, đứng đầu là người thứ Hai: Huỳnh Văn Kết, anh đang

nuôi mấy ao cá cũng phóng sanh rồi lo tu niệm, hầu xứng đáng với niềm mong ước của Thầy Tổ, mà mẹ mình đã từng ngâm nga:

“Ước trăm họ nhẹ mình có cánh,  
Đông bay về Cực Lạc một đàn”.

Và:

“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc quốc,  
Hưởng công niệm Phật rất an lành.”

*(Thuật theo lời cô Bảy Phết, cô Út Phi, các con của bà và liên hữu Bảy Thọ)*

#### **44. Bà Huỳnh Thị Phi (1972 – 2014)**

Cô Huỳnh Thị Phi sinh năm 1972 là con gái Út của bà Đoàn Thị Yên và ông Huỳnh Văn Đống. Cư ngụ số nhà 321/12, ấp Trung Bình I, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Vàm Cỏ Vùn đi vào 130 mét, phía bên phải).

Tính tình của cô hiền lành, dễ hòa đồng với mọi người, đặc biệt là không bao giờ nhìn ngó những xấu dở lỗi lầm của kẻ khác và khi gặp cảnh duyên trái ngang cô đều an nhiên nhẫn chịu chẳng than trách, oán hờn.

Năm 1993, cô kết hôn với anh Trần Văn Tuấn, người cùng thôn xóm, cách nhà 500 mét.

Những tưởng hạnh phúc sẽ mãi ở lại bên mình cho đến trăm năm, răng long đầu bạc, nào ngờ như ánh chớp đêm đông, vừa thấy đó là cũng liền mất đó!

Năm 1996, cô bỗng đưa con tên Trần Ánh Thư mới 24 tháng tuổi trở về tá túc với mẹ và chị ruột thứ Bảy, vì chồng cô đã trao trái tim cho người con gái khác.

Nhờ sự thương yêu đùm bọc của mẹ và các anh chị nên cuộc sống của cô và đứa con thơ dại cũng tạm yên bình.

Năm 2005, cô cùng người chị thứ Ba đến làm công cho nhà hàng Yên Phương tại Thủ Đức, để gửi tiền về cho con ăn học.

Tháng 7 năm 2009 mẹ bệnh nặng, cô phải nghỉ việc trở lại quê nhà lo bề chăm sóc. Qua mấy tháng chăm sóc cho mẹ, đến ngày 26 tháng 9 mẹ bảo người chị thứ Bảy đi mời Ban Hộ Niệm và còn nói:

- “Má muốn mời Ban Hộ Niệm là Má muốn cho các con có cơ hội gieo duyên với chư đồng đạo. Sau này chư đồng đạo tới lui giúp đỡ, dẫn dắt các con tinh tấn thêm lên!”

Cô bèn nói với bà:

- “Má! Bà niệm Phật chừng nào vãng sanh có ấn chứng, con sẽ tu luôn!”

Mẹ cô hỏi lại:

- “Thiệt hông?”

Cô đáp:

- “Thiệt!”

Rồi hai người cùng đưa tay ghé với nhau và cùng cười sặc sụa.

Sau khi mẹ vãng sanh, cô tận mắt trông thấy rất nhiều, rất nhiều “hiện tượng lạ” chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn. Thiện căn quá khứ bỗng bùng phát khởi mãnh liệt, cô lập tức trường chay, giới sát, phóng sanh... Bao nhiêu y phục đều đem ra, bộ nào cũ thì đốt bỏ, bộ nào còn mới thì tặng cho người khác. Tín tâm thật sự kiên định đối với pháp môn Tịnh Độ, quyết một lòng niệm Phật, lễ Phật cầu vãng sanh Tây Phương, dù rằng sự hiểu biết về Phật Pháp của cô lúc ấy hãy còn quá khiêm nhường!!!

Từ đó cô trồng rau cải quanh nhà, cắt mang ra chợ bán, và chuyên cần lễ niệm mỗi ngày ba thời. Hạn chế tối đa về mặt giao tiếp, tối ngày cứ đóng cửa chuyên tu, chuyên hành, nhiều lúc cô con gái xin ngủ chung cô cũng đuổi ra.

Vào tháng 11 năm 2013 cô bị sốt dữ dội, đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang bác sĩ chẳng tìm ra là bệnh gì. Một tuần sau xuất viện, sức khỏe của cô từ đó suy sụp dần nhưng tín tâm nguyện tâm thì lại bền chắc và khản thiết rõ rệt.

Về nhà hằng ngày, cô chỉ lo lễ bái và trì niệm, thức ăn thì có các chị nấu sẵn, mọi thứ sinh hoạt cô đều đơn giản cần kiệm tối đa, dù rằng trước đó đã cần kiệm rồi. Cô vốn ít tiếp xúc với mọi người ngay cả người thân, lại chẳng có bạn đạo, không nghe băng cũng chẳng xem đĩa hay đọc kinh sách gì hết; đến thời điểm này thì lại càng nghiêm ngặt hơn, cô chỉ thuộc lòng một ít đoạn sám kệ mà cô tâm đắc, như sau:

“Nhân thấy sắc thường hay bận bịu,  
Tai ưa nghe những điệu âm thanh.  
Mắt với tai đều chọn đẹp xinh,  
Còn lỗ mũi ưa mùi êm dịu.  
Đồ thơm tho nó ưa nó chịu,  
Chôn xạ hương hay lết lại gần.  
Lưỡi ưa ngon là chuyện ân cần,  
Đồ ngọt béo nó ưa nó mến.  
Thân tham sướng muốn tiền của đến,  
Đặng ăn xài cho phỉ tấm tình.  
Ý thì ưa sửa sắc soi hình,

Với chức phận cho cao cho quý.  
Sáu đường ấy ở trong tâm ý,  
Ta mau mau dứt nó cho rồi.  
Nếu tỉnh tâm nào có mấy hồi,  
Mượn trí đạo đuổi ra khỏi xác.  
Dứt được nó ấy là giải thoát,  
Thì xác trần mới khỏi đọa đày.”

Và:

“Ôi! cả sang hèn chẳng ai thông thả,  
Sao hơn sanh cứ mãi đắm say.  
Chẳng tu thân đặng dựa Phật Đài,  
Cho thông thả hưởng mùi sen báu.  
Thần Thức nhập Thai Sen tinh hảo,  
Nên khỏi màng lo nổi khổ sanh.  
Thân thì thân công đức hiền lành,  
Bất di dịch khỏi vì khổ lão.  
Thể thanh tịnh thường không huyên não,  
Hết lo toan nắng lạnh gió mưa.  
Khổ bệnh kia bởi đó mà chừa,  
Ta thoát cuộc lao đao vì nó.  
Đường sanh mạng Phật, ta đồng thọ,  
Tánh an nhiên bất diệt trường tồn.  
Tử thân kia đâu dám bắt hồn,  
Thoát luân chuyển khỏi đeo khổ tử.  
Cuộc y thực muốn chi đủ thứ,  
Không nhọc nhằn lo việc sanh nhai.  
Trí yên nhàn nhìn cảnh Phật Đài,  
Khỏi quả khổ mưu cầu bất đắc.  
Cả hải chúng thấy đều vững chắc,  
Toàn dân lành đâu có đắn đo.  
Dứt ái ân quyền thuộc chuyện trò,  
Thoát sống khổ thương yêu, ly biệt.  
Chữ hòa thuận kể sao cho xiết,  
Tâm đồng nhau thượng thiện vui vầy.  
Cảnh như như chẳng có đổi thay,  
Không màng biết phân chia hơn ngã.  
Sẵn vị ngôi rành phân thượng hạ,  
Khỏi khô câu oán ghét gặp nhau.  
Thân tâm thường trụ hết rạt rào,  
Chất thô trực tiêu tan mất cả.  
Cõi Tịnh Độ lắm điều thanh nhã,

Khổ, buồn, rầu, lo, sợ chẳng còn.  
Chôn Ta Bà tìm lụn dầu mòn,  
Thân tứ đại của người cũng thế.  
Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ,  
Đến tội rồi mới hối muộn màng.  
Chi cho bằng ta sớm lo toan,  
Gìn giới luật nghe Kinh trọng Phật.  
Đến lâm chung quả lạnh đầu mát,  
Cõi Tây Phương chừ Phật đợi chờ.  
Việc tu thân thiện tín hằng hờ,  
Chùng họa đến e cho khó tránh.  
Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,  
Rán phụng hành kéo phụ Phật xưa.  
Lòng từ bi chẳng quản nắng mưa,  
Xông thuyền giác rước đưa sanh chúng.  
Trong một nước nhân tài hữu dụng,  
Kẻ tu hành đa phước thì nên.  
Quyết trau thân tánh hạnh cho bền,  
Niềm ơn nghĩa toan đền dứt nợ.  
Ao sen báu Tây Phương đua nở,  
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.”

Bệnh trạng kéo dài càng lúc càng trầm trọng, cô ngổ ý với các anh chị hộ niệm bằng cách tạo không gian yên tĩnh cho mình, nhất là đừng cho họ hàng biết rằng cô đang lâm trọng bệnh, để khỏi phải mất thời gian do thăm hỏi, bàn tán lu bu.

Đến ngày 22 tháng 7 năm 2014, cô nhờ các anh chị và con cháu niệm Phật cộng tu với mình nên mỗi tối gần cả chục người đến cầu nguyện rồi ngồi niệm Phật, sau đó hồi hướng cho cô. Nguyện văn khi bắt đầu cộng tu đọc là:

“...Cầu xin Đức Phật A Di Đà phóng quang gia hộ cho em con là Huỳnh Thị Phi được bình tật tiêu trừ, tai qua nạn khỏi, thân tâm an lạc...”

Cô không chịu đòi sửa lại rằng:

“...Cầu xin Đức Phật A Di Đà phóng quang tiếp dẫn Huỳnh Thị Phi sớm vãng sanh về thế giới Cực Lạc...”

Cộng tu được hai tuần thì vùng ngực của cô đau dữ dội, đưa ra bệnh viện ở An Giang, bác sĩ chẩn đoán là “khối u tim”, trọng lượng lúc này chỉ có 33 ký lô. Nằm viện được ba ngày thấy hơi khô, cô đòi về nhà để yên tĩnh niệm Phật, dễ nhất tâm hơn. Về đến nhà thì tiếp tục cộng tu như trước, riêng phần cô thì sự hành trì càng khẩn thiết hơn trước.

Trong thời gian ở bệnh viện, bác sĩ đề nghị với người nhà nên bồi dưỡng để cho cô tăng trọng lượng từ 35 ký trở lên thì sẽ làm hồ sơ chuyển ra Sài Gòn phẫu thuật và tổng chi phí là một trăm



triệu. Bác sĩ còn hướng dẫn cụ thể là phải cho cô ăn sáng một con cá lóc nửa ký và chiều một con, còn dạy thêm: thịt bò và rau củ, hoa quả, cách thức nấu xào cụ thể chi li.

Vì vậy người chị thứ Bảy muốn thăm dò ý tưởng của em mình nên hỏi:

- “Bác sĩ khuyên như vậy! Ý em ra sao?”

Cô đáp:

- “Chèn ơi! Nếu ăn một con cá lóc mà sống thêm một trăm tuổi nữa em cũng hỏng thèm. Cơ hội này em sẽ vãng sanh Cực Lạc, về với bà Má! Sướng muốn chết. Ngu gì mà ở mãi cõi khổ này!”

Thấy chí hướng của em mình đã kiên định, vững vàng, các anh chị của cô rất an tâm và vui mừng. Lúc này, thân quyến của cô đã chuẩn bị đủ một trăm triệu đồng, và cho cô uống bột dinh dưỡng và sữa En-sua để tăng trọng lượng, rồi sẽ tiến hành phẫu thuật theo đề nghị của bác sĩ, nhưng cô không chịu, và còn nói:

- “Tiền đi mở hãy cho em mua gạo bố thí và mua cá phóng sanh...”

Cô còn nói với người chị thứ Bảy:

- “Chị cho em xin hai cây bạch đàn!”

Chị cô hỏi:

- “Làm chi vậy?”

Cô đáp:

- “Để mướn người cưa chẻ củi, khi em mất nấu đám lo tuần thất cho em!”

Chị cô đồng ý. Rồi nhất nhất làm liền, y như lời yêu cầu của cô.

Bệnh tình tăng dần, đến ngày 29 tháng 9 cô yếu nhiều, khi ngồi dậy phải nhờ người đỡ, các anh chị túc trực hộ niệm. Qua chiều hôm sau là ngày 30, cô lấy tiền từ lâu mà cô dành dụm, nhờ người chị thứ Bảy mua cho cô một cái giường và tấm nệm. Chị cô hỏi:

- “Chi vậy?”

Cô trả lời:

- “Để mời đồng đạo đến hộ niệm cho em. Nếu em nằm như vậy các anh chị thấy sẽ tủi thân!”

Vì từ trước đến giờ, cô trải chiếu nằm trên nền gạch chứ không có giường.

Sáng mùng 1, cô hỏi người chị thêm hai lần nữa. Đến 11 giờ trưa, con gái dìu cô lên giường nằm quay mặt về hướng Tây. Cô nằm niệm Phật được một lúc thì vùng ngực của cô đột nhiên đau dữ dội. Chị Bảy của cô liền hỏi:

- “Bây giờ thuê xe tắc-xi đưa em ra bệnh viện nhen?”

Cô đáp:

- “Thôi! Để ở nhà niệm Phật!”

Đứa con cô sờ tim không còn thấy mạch chỗ nào đập cả, bèn cho các dì hay. Chị thứ Sáu đến hỏi cô:

- “Mạch lạc của em bây giờ hết còn rồi! Em có sợ hông?”

Cô đáp:

- “Hông! Cơ hội này về với Phật mà sợ cái gì!... Ăn nhằm gì đâu. Các chị đừng có khóc nhen!”

Rồi cô cười khê khà.

Gia đình bèn cấp tốc điện thoại mời Ban Hộ Niệm. Hộ niệm đến 8 giờ 45 phút tối, cô tỉnh táo, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày mùng 1 tháng 9 năm 2014, cô hưởng dương 43 tuổi.

Cuộc hộ niệm tiếp tục duy trì đến 10 giờ sáng ngày hôm sau, khám nghiệm tử thi, thì thấy các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn nóng ấm. Các khớp mềm mại, dịu nhũng. Gương mặt lúc trước thì hốc hác và sạm đen trông rất xấu. Lúc này, bỗng dưng gương mặt đầy đặn, mày đậm, môi đỏ hồng lên, miệng như đang mỉm cười, trông tuyệt đẹp, ai nhìn cô cũng phải giật mình.

*(Thuật theo lời của cô Sáu Đậu và cô Bảy Phết, chị của cô)*

#### **45. Bà Trần Thị Cẩm Vân (1972 - 2008)**

Cô Trần Thị Cẩm Vân sinh năm 1972, tại ấp Thới Hòa, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Trần Thanh Tòng, mẹ là Phạm Thị Ngọc My. Cô chỉ có một người anh.

Cô có bản tính nhu hòa, hiền lành và chân thật.

Năm lên 9 tuổi, khi đang học được lớp ba thì cha cô qua đời, cô phải nghỉ học phụ tiếp với mẹ bán buôn ở ngã ba lộ tè Rạch Giá để tạo manh áo chén cơm.

Năm 1988, hôm nọ vào mùa mưa, cơn dông tố đã làm sập sáu căn nhà, trong số đó, có nhà của cô. Tự dưng, cô cảm nhận sâu sắc về nỗi khổ của kiếp người. Mọi thứ đều phù du giả tạm, không chi bền chắc cả:

“Mây nổi  
Bèo trôi  
mãi:  
Hợp - Tan!  
Hoa nở ban mai  
tối rụi tàn.  
Tất bật cả đời:  
trăm thứ tạo,  
Ra đi cũng chỉ:  
Một Áo Quan!!!”

Cô liền phát tâm trường chay theo mẹ, lúc ấy, cô 16 tuổi.

Từ đó, cô siêng năng sớm chiều lễ bái, trì niệm, đọc học kinh sách. Dù bận rộn bon chen vất vả với đời, bảo tồn sự sống. Cô vẫn thường cùng mẹ đến chùa Tân Hương, chùa Khánh Vân để làm công quả hoặc dự các khóa niệm Phật; cô cũng hay lui tới nhà các bạn đạo để học thêm về giáo điển với các bậc thiện trí thức, ứng dụng thiết thực vào đời sống sinh hoạt hằng ngày. Chân thật làm lành lánh dữ, chân thật tu thân, chân thật sửa tánh, chân thật hiếu thuận và hòa kính với hết thầy mọi người. Tất cả, cô đều hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc, một lòng trì niệm danh hiệu A Di Đà.

Thời gian dần dà trôi qua, kinh tế gia đình ngày một bần chật. Năm 2003, cô xin mẹ đi làm công nhân cho Xí Nghiệp May Da Giày An Giang. Hơn một năm, cô bệnh nên nghỉ việc để lo chữa trị. Kế đó, cô lại xin mẹ làm ở Công Ty Chế Biến Đông Lạnh ở gần nhà. Nhưng chỉ được chín tháng thì bệnh tái phát, nơi vùng bụng đau ê ẩm liên tục, có lúc dữ dội.

Đến An Giang, bác sĩ chẩn đoán là “khối u buồng trứng”, đề nghị ra Sài Gòn.

Ngày 8 tháng 7 năm 2008 vào Bệnh viện Trung Tâm Ung Bướu TP.HCM, bác sĩ quyết định phẫu thuật. Trong thời gian chờ đợi, cô phát nguyện:

- “Nam Mô A Di Đà Phật!

Nếu duyên con còn ở Ta Bà, thì xin Đức Phật từ bi cho con hết bệnh, con sẽ làm công quả, tinh tấn tu hành cho đến ngày viên mãn. Còn như duyên con hết, thì xin Ngài từ bi rước con về Cực Lạc!”

Sau khi phẫu thuật, bác sĩ yêu cầu thân nhân khuyên cô dùng mận để đủ dinh dưỡng và đề kháng. Mẹ hỏi ý cô thế nào, cô đáp:

- “Chuyện ai làm nấy biết! Bác sĩ là bác sĩ; Mình là mình! Trên đường tu, quan trọng là giây phút này! Con người khi mà từ dưới chân núi trèo lên tới đỉnh thì mát mẻ thơ thới lắm! Còn nếu đi xuống rồi lên trở lại thì rất là khó khăn!”

Thấy con giữ vững lập trường, mẹ cô tràn đầy niềm vui sướng. Bởi vì:

“Việc chi đâu mấy khó khăn,  
Lòng người nhất quyết rồi cũng nên.  
Người tu cần có chí bền,  
Gặp bao thử thách cũng nên kiên trì.”

Xuất viện vài tuần lễ, bệnh tình không thuyên giảm, bèn trở lên tái khám. Lần này, bác sĩ đề nghị vô hóa chất. Cô liền nói với mẹ:

- “Mẹ ơi! Vô hóa chất là chết. Thôi, để con uống thuốc Nam “Lo thuốc thang khăn vái Phật Trời” để con chết nhẹ nhàng hơn!”

Về nhà, cô khăn thiết niệm Phật nhiều hơn, cơn đau cũng gia tăng, hoành hành nặng nề hơn. Chư đồng đạo và thân quyến thấy thế nóng lòng, đòi đưa đi bệnh viện để chích thuốc giảm đau, cô không chịu, nhưng vì mọi người nài nỉ nên cô đành chấp thuận. Đến Bệnh Viện Bình Dân An Giang, sau khi khám xong, bác sĩ cho biết, vết thương đã bị ung thư và nói:

- “Bệnh này, thôi hãy an phận đi! Chích thuốc thì chích, nhưng cho toa về nhà chích chứ không cho nằm viện!”

Khi ra xe Tắc-xi, vừa bước lên ngòai, cô nói với mẹ:

- “Mẹ à! Từ đây trở đi, con sẽ nhất tâm niệm Phật. Con không muốn tiếp xúc nữa đâu, mẹ nên cách ly con. Bởi, tình mẫu tử không thể nào không xúc động. Đồng thời, mẹ cũng đừng cho anh Hai con và mấy anh đến thăm con, trong giờ phút này!”

Dặn dò xong, cô nhiếp tâm niệm Phật. Đêm đó (ngày 9 tháng 10 năm 2008), bệnh phát kịch liệt. Cô đồng mãnh nắm chặt hai tay lại niệm Phật tha thiết hơn. Đến 4 giờ sáng, cơn đau từ từ dịu xuống dần, cô khỏe khoắn trở lại bình thường, sau đó, cô nói với mẹ:

- “Mẹ ơi! Bây giờ, mẹ tắm rửa cho con, gội đầu luôn!”

Mẹ cô đáp:

- “Con ơi! Bây giờ còn sớm quá!”

Dì ba chen vào:

- “Còn sớm lạnh lắm, Vân ơi!”

Cô nói:

- “Không sao đâu! Mẹ nấu nước nóng là được!”

Tắm gội xong, cô nhờ mẹ dìu lại võng, vừa đi cô vừa nói, nhưng âm thanh bị lạc giọng, không nghe rõ, mẹ cô nói:

- “Nãy giờ con nói, mẹ không tiếp thu được!”

Cô chỉ mỉm cười rồi nằm xuống. Nằm trên võng, phơi tóc một hồi, cô lại nhờ mẹ dìu lên giường. Nằm khoảng 15 phút, cô bỗng dưng, tự bật dậy quay mặt về hướng Tây niệm Phật, phong thái điệu bộ vóc dáng y như người không có đau bệnh gì cả, gương mặt tươi hồng khác thường. Ngồi niệm Phật hơn 20 phút, cô nằm xuống trở lại. Mẹ cô trong lòng cảm thấy hết sức lạ lùng, đến gần cất tiếng hỏi:

- “Vân ơi! Bữa nay con khỏe rồi hả?”

Cô đáp:

- “Bữa nay, con khỏe hơn mọi bữa!”

Mẹ cô nói tiếp:

- “Nếu khỏe! Vậy thôi, bây giờ con nằm ráng niệm Phật, để mẹ dọn dẹp, phơi đồ cho kịp khô.”

Bà sắp sửa xoay người bước đi, cô nắm tay bà lại nói:

- “Mẹ ơi! Con cho mẹ biết: hôm nay qua 10 giờ, con về Phật, ghen mẹ!”

Nghe qua, bà vô cùng mừng rỡ, chen lẫn nỗi ngại ngghi. Ngần ngừ một tí, rồi bà đáp:

- “Con nói, con về Phật thì mẹ mừng lắm! Nhưng con phải nhứt tâm niệm Phật mới được:

“Cứ nhứt tâm tín nguyện phụng hành,  
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng.  
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,  
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi”

Con nhớ nhứt tâm niệm Phật, nghe con!”

Kế đó, liên hữu Dể bước vào, khi đã hỏi thăm, an ủi, đã lã xong xuôi, rồi nói:

- “Bữa nay, em chích thuốc cho chị rồi, em phải tranh thủ về bà Sáu để đưa đám tang!”

Cô đưa tay lên vừa khoát qua khoát lại, vừa nói:

- “Hôm nay, chị không chích thuốc, mà cũng không uống thuốc nữa!”

Dễ chưng hửng, hỏi lại:

- “Bữa nay, chị không chích thuốc nữa hả?”

Cô đáp:

- “Không chích nữa! Bữa nay qua 10 giờ, chị về Phật rồi!”

Dễ liền yêu cầu:

- “Chị Vân ơi! Vậy, chị chờ em nhen! Em đi bà Sáu rồi về, em đưa chị về Phật!”

Cô chỉ mỉm cười chứ không trả lời.

Mẹ cô bước ra ngoài, nói nhỏ với cháu:

- “Dễ ơi! Chuyện này, hai cô cháu mình biết thôi nhen! Đừng cho ai hay hết, lỡ như không đạt, sẽ mất tín tâm của chư đồng đạo!”

Dễ vâng dạ rồi thì tức tốc ra đi. Nhưng rồi không biết tại sao, cả hai không ai tự chủ được lòng, đều bấm điện gọi đi tùm lum. Thế là, không mấy chốc, chư liên hữu kéo tới tấp nập. Liên hữu Mười Ne lại gần giường, hỏi cô:

- “Vân à! Con nói về Phật, mà con về bằng cách nào vậy con?”

Cô đưa bàn tay lên cao, chìa năm ngón ra, đáp:

- “Con thấy Đức Phật ở giữa hư không, hiện hào quang ngũ sắc, chú Mười! Hơn 10 giờ, con về Phật nhen chú Mười!”

Nghe xong, ông cười và nói:

- “Thôi, vậy rất tốt! Mà con nhớ cố gắng niệm Phật, dù thấy Phật hay không thấy Phật, mình cũng phải giữ vững đức tin!”

Đến đúng 10 giờ 20 phút hôm đó (ngày 11 tháng 10 năm 2008), cô an nhiên niệm Phật mà qua đời. Trước lúc ra đi, cô đưa mắt nhìn hết thấy từng người đang đứng hộ niệm, kể đó cô hướng mắt nhìn thẳng lên hư không, chăm chú nhìn giây lâu, rồi từ từ khép đôi mắt lại. Cô hưởng dương 36 tuổi.

Cuộc trợ niệm vẫn duy trì tiếp tục, tám tiếng đồng hồ, khám nghiệm tử thi thì thấy đỉnh đầu rất nóng trong khi toàn thân đều lạnh, gương mặt rất vui tươi, xinh đẹp, các khớp xương đều mềm mại. Sau khi hỏa thiêu thu được nhiều xá lợi.

Gần ba tháng sau, hôm nọ khi thắp hương, mẹ cô âm thầm khẩn nguyện:

- “Vân ơi! Lúc trước con có hứa với chú Mười và với mẹ, chừng nào con được vắng sanh, con phải linh ứng báo một điềm gì đó. Mà sao cho đến hôm nay, mẹ không thấy gì hết vậy?”

Độ chừng nửa giờ sau, đột nhiên trong phòng xuất hiện một mùi thơm ngào ngạt, lan ra khỏi cửa trước lẫn cửa sau. Ngửi mãi mà cũng không rõ là mùi hương gì!

*(Thuật theo lời của mẹ cô - Phạm Thị Ngọc My)*

#### **46. Bà Nguyễn Thị Cúc (1942 – 2008)**

Cô Nguyễn Thị Cúc sinh năm 1942, cư ngụ xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Hiền Cư, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Luyến. Cô có cả thầy sáu chị em và đứng thứ ba trong gia đình. Nghề nghiệp làm ruộng.

Năm lên 21 tuổi, cô thành hôn với ông Phạm Văn Chiêu, sinh được một trai, hai gái. Tính tình của cô từ hòa, chân thật và nhẫn nại mọi khó khăn.

Thời gian đang mang thai sắp sanh lần thứ ba, cô bỗng giác ngộ Phật Pháp, nhận ra rằng kiếp người ngắn ngủi tạm bợ, mong manh, đầy giả dối, đầy tang thương, đầy khổ đau và hệ lụy:

“Sáu còn biết muốn thành rồng,  
Người sao không dạ ước mong siêu phàm.  
Mang xác thú không làm thẹn tui,  
Còn đem tâm đấm đuổi say sưa.  
Chẳng lo hành đạo sớm trưa,  
Đòi thân sen báu thơm tho lâu dài.  
Sao lại chịu sống ngày thống khổ,  
Không lo tìm kiếm chỗ thanh nhàn.  
Xuống lên trên cõi thế gian,  
Ăn cay uống đắng muôn ngàn kiếp qua.  
Sao chẳng chịu xét ra cho kỹ,  
Chán thói đời dối mị gạt mình.  
Nào danh nào lợi nào tình,  
Làm môi để nhử cho mình mắc câu.”

Hoặc là:

“Cảnh thế gian dường thế chón ao tù,  
Trong biển khổ mấy ai mà thoát đặng.”



Thế nên, cô đã dần dần thuyết phục ông chồng đồng phát tâm trường chay, đồng giữ tịnh giới, tu hạnh giải thoát. Nhưng chỉ được hơn một năm, chồng cô thoái tâm, cô bèn xin chồng cho mình rời khỏi gia đình để thực hiện trọn vẹn ý nguyện ban đầu.

Các bạn bè của chồng cô, đề nghị với anh rằng:

- “Anh nên để cho chị đi đi! Vài bữa, chị ẵm con trở về năn nỉ anh chớ gì! Anh mà ngăn cản chị, chị sẽ làm eo... “héo phách” lắm!”

Nhiều người nói như thế anh bèn nghe theo. Vì xét thấy một người phụ nữ với ba đứa con dại, không nhà cửa, không tài sản, không... mọi thứ!... Thì cái ăn cái mặc lo đã không kham thì còn sức lực và tâm lực đâu... để mà... tính chuyện ...tu... với... hành!

Cái ngày mà cô dắt hai cháu và bồng đứa con tám tháng tuổi ra đi, để cho chồng có vợ khác, mọi người đứng nhìn theo, ôi thôi... chật cả một khúc đường! Quả thật, đây là chuyện hiếm lạ nhất từ xưa đến nay, mà... chỉ có người có tín tâm kiên định lắm, mới có thể thực hiện nổi một quyết định “phi thường và táo bạo” như thế này! Lúc ấy, cô 27 tuổi.

Từ đó, cô phải một mặt buôn tảo bán tần, làm thuê, làm mướn để nuôi con; một mặt duy trì thời khóa lễ niệm sớm tối, luôn chí thành âm thầm nguyện cầu Ân Trên Trời Phật chứng minh và gia hộ. Thân tuy khốn đốn, nhọc nhằn nhưng tâm hồn cô nghe có niềm an lạc, vì cô tin chắc rằng: “vạn sự khởi đầu nan”, mà “qua cơn mưa thì trời sẽ sáng!”

Trải qua thời gian khá dài, sự chân thật tu hành của cô đã làm cảm động ông già chồng, ông mới cho cô năm công đất để sinh sống. Lần sau, ông lại cho thêm ba công nữa khi thấy cô đã bán hết số đất đã cho đợt đầu. Những ngày gần cuối đời, gia sản của ông đã suy sụp, cô bèn lần lượt bán hết số đất mà ông đã cho cô đợt sau để lo thang thuốc cho ông nên cô được thân quyến bên chồng quý mến, khâm phục.

Đầu tiên, cô đưa các con sang cù lao Cả Nam, nơi mà có nhiều am cốc của những người tu. Ở đây vài năm thì chuyển về nhà cô Tư Lường để thuận tiện cho các con đi học. Sau cùng thì về lại gia đình cha mẹ ruột, riêng cô thì ở chung với người chị thứ Hai chuyên tu, cách đó khoảng nửa cây số, đối diện với chùa An Hòa Tự cho đến ngày mãn phần.

Năm 2002 cô bị bệnh, thân quyến và đồng đạo đưa cô đến nhiều bệnh viện như: Bệnh Viện Tri Tôn, Bệnh Viện Da Liễu Cần Thơ, Bệnh Viện Trung Tâm Chinh Hình, Bệnh Viện Việt Pháp Thành Phố Hồ Chí Minh ... nhưng các bác sĩ đều phải bó tay vì chẩn đoán cô bị bệnh “Sơ Cứng Bì”, thuộc loại nan y, không có thuốc trị.

Tự biết mình mạng sống không thể kéo dài được nên cô đã khấn thiết hành trì, sức khỏe tuy suy yếu nhưng tinh thần cô thì càng kiên định và dũng mãnh, công phu bái sám, tịnh niệm mỗi ngày ba thời không hề biếng trễ. Đúng như lời răn dạy của Cổ Đức:

“Núi to bao đụn mãi có ngày thông,  
Đạo khổ mấy cổ công tu sẽ đắc.  
Giống sanh tử nếu không đem gieo rắc,

Mầm thế gian không thể mọc được đâu.  
Đường vắng sanh Cực Lạc một lòng cầu,  
Kiếp thông khổ bao lâu rồi cũng khỏi.  
Trên đường đạo phải tinh thần cứng cõi,  
Chinh phục đời để theo dõi lòng tin.  
Chữ Di Đà luôn trấn ở tâm mình,  
Như Tam Tạng đi thỉnh kinh thuở trước.”

Và:

“Lấy sức mạnh tinh thần chóng chỏi,  
Rán vượt qua cho khỏi rừng mê.  
Một lần này dứt sự ủ ê,  
Muôn kiếp tới hưởng bề khoái lạc.  
Phật có nói rằng câu giải thoát,  
Bằng đức tin siêu việt phàm phu;  
Mong ra ngoài như kẻ tử tù,  
Được thế chẳng bao lâu đắc đạo.”

Thời gian êm ả trôi qua, đến ngày 23 tháng 3 năm 2008, sức khỏe của cô yếu dần, bạn đồng tu đến thăm, bèn đề nghị:

- “Thôi, để chúng em hộ niệm cho chị!”

Cô trả lời:

- “Tôi còn tự niệm được! Tôi chưa đi bây giờ đâu! Đến ngày 30 tới, tôi mới về Phật!”

Mọi người đồng ý. Cô Bảy Sang liền nói:

- “Vậy thì sáng 30, chúng tôi sẽ đến tiễn đưa chị!”

Người chị thứ Hai của cô chen vào:

- “Nói vậy chớ đi cái gì! Cô Ba cô còn khỏe lắm!”

Sáng ngày 30 đúng hẹn, đồng đạo đến hộ niệm. Cô yêu cầu:

- “Quý vị niệm ba câu cho tôi niệm ba câu với!”

Thế rồi, kẻ mạnh người đau thay đổi nhau luân phiên cùng niệm lớn tiếng. Đến 12 giờ trưa mà sức khỏe của cô vẫn bình thường, thần sắc vui vẻ, tươi tỉnh. Cô Út Lam nói:

- “Bữa nay ngày 30, mà tôi có thấy gì đâu...! Vì người gần chết tôi biết...!”

Ai cũng thấy cô bình thường, không có dấu hiệu gì sắp sửa chết cả, nên đồng nhau từ giã ra về. Mọi người về chưa được bao lâu thì cô bắt đầu lên cơn mệt, khi ấy cô nằm ngửa, xuôi thẳng chơn tay, miệng vẫn đang nhép môi niệm Phật. Các con cô liền chạy cho cô Hai Tuyết, cô Tư Không, cô Hai Dung và đồng đạo hay.

Khi mọi người tề tựu xung quanh hộ niệm được một lúc thì cô an tường trút hơi thở cuối cùng, nét mặt hết sức hân hoan, rạng rỡ, lúc đó khoảng 2 giờ 30 phút chiều. Nhằm ngày 30 tháng 3 năm 2008, cô hưởng thọ 66 tuổi.

*(Thuật theo lời cô Hai Tuyết và cô Tư Quang, chị em của cô)*

#### **47. Ông Nguyễn Thành Ghi (1971 - 2010)**

Anh Nguyễn Thành Ghi sinh năm 1971, cư ngụ tại xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Cha là ông Nguyễn Văn Viên, mẹ là bà Nguyễn Thị Hố, hai ông bà có tất cả sáu người con và anh Ghi đứng thứ Ba trong gia đình.

Nhờ hấp thụ truyền thống của Tổ Tiên, cha mẹ đã sớm qui hướng Phật Pháp nên năm 15 tuổi, cả gia đình phát tâm trường chay, anh cũng phát tâm theo. Công khóa thường ngày, anh lễ sám hai thời sáng tối, sau đó, anh ngồi niệm Phật vài mươi phút. Anh thường xem quyển: Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.

Năm 25 tuổi, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Búp, sinh được hai gái, một trai. Tính tình anh rất tốt, nói ít cười nhiều luôn vui vẻ, lối xóm và chư đồng đạo ai ai cũng đều quý mến. Anh hăng hái tham gia các việc từ thiện xã hội, mỗi lần ba mẹ vợ đi cứu trợ miền ngoài, anh đều ủng hộ. Có một lần nợ, trong nhà hết tiền, anh cũng đi hỏi mượn bạn bè để đóng góp vào. Láng giềng cần gì, anh đều tận tình giúp đỡ.

Năm 32 tuổi, anh về sống bên ba mẹ vợ vì hai ông bà chỉ có đứa con gái duy nhất. Ba năm sau, anh đi khai mở đất mới, xa nhà vất vả, không ai nấu nướng, ăn uống kham khổ, vợ anh lại bận lo cho các con còn thơ dại, nên năm 35 tuổi, anh xin với ba mẹ dùng lại chay kỳ và nguyện sau này, khi đất đai thành phẩm, anh dùng chay trường trở lại.

Anh làm ruộng ở xã Vĩnh Gia, các việc từ thiện, chưa tới mùa gặt lúa, anh đã hứa trước. Anh thường ủng hộ: cất nhà trẻ, các Ban Trị Sự, tổ nấu cháo ở các bệnh viện... Anh có sắm một chiếc tắc-ráng đồ sẵn dầu, nếu như ai có bệnh hoạn hoặc các việc cấp bách anh sẵn sàng chờ giúp. Trước lúc xảy ra tai nạn hơn một tháng, đêm nào anh cũng mở máy phát sám kệ nghe cho tới sáng.

Ngày 28 tháng 10 năm 2010 lúc 10 giờ, trên đường từ xã Vĩnh Gia đi đến chợ Châu Đốc để mua thuốc hạ phen lúa. Khoảng hơn 11 giờ trưa, đến ngã tư vào chợ, thì bất ngờ, có một thanh niên say rượu chạy chiếc xe Wave Trung Quốc đâm ngay vào phuộc xe của anh, anh bị té nhào bất tỉnh. Người dân xung quanh xúm lại, thấy trong túi áo của anh rơi ra một chiếc máy điện thoại di động, liền lượm lên, gọi báo cho gia đình hay rồi cấp tốc chuyển anh xuống Bệnh Viện

Tri Tôn, dọc đường anh đã tắt hơi nhưng mọi người vẫn đưa anh vào bệnh viện để bác sĩ khám nghiệm tử thi. Kết quả cho biết, anh đã bị gãy cổ cột, khi làm thủ tục xong, thân nhân chở xác anh về.

Về tới nhà khoảng 8 giờ tối, sắc mặt anh xanh xao khó coi, gia đình mời Ban Hộ Niệm đến khai thị, trợ niệm cho anh liên tục, đến 11 giờ trưa hôm sau gương mặt anh đổi lại bình thường. Khi thân quyến tựu hội đầy đủ, gia đình mới làm lễ nhập liệm, cầu nguyện di quan và đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng, nhằm ngày 29 tháng 10 năm 2010. Anh hưởng dương 39 tuổi.

Nhờ ba mẹ ruột và ba mẹ vợ của anh hiểu biết Phật Pháp, lợi ích của sự trợ niệm nên mời Ban Hộ Niệm Liên Xã ở Vĩnh Xương. Mỗi tuần thất là khoảng vài chục người đến cộng tu trọn ngày, cứ luân phiên chia giờ niệm Phật rồi lạy Phật sám hối và khai thị cho anh tại bàn vong.

Mẹ vợ và vợ cũng khai thị cho anh mỗi ngày, gia đình còn thu băng một đoạn trích trong quyển Khuyến Thiện của Ngài Vô Danh Cư Sĩ, kể về tám nỗi khổ ở cõi Ta Bà, và tám niềm vui nơi miền Tây Phương Cực Lạc để phát tại bàn vong mỗi ngày, đồng thời máy niệm Phật cũng mở liên tục không gián đoạn. Mỗi đêm, người vợ và hai con đều tụng kinh Địa Tạng để hồi hướng cho anh.

Ngày tuần thất thứ nhất, cô Hai ở cùng xóm đi cầu nguyện về bị té xe. Tối lại, cô chiêm bao thấy anh về hỏi thăm cô đi cầu nguyện cho con về bị té có sao không, anh còn bảo cô Hai xuống nhà kêu vợ anh cho gạo và mở cốp xe lấy cho cô tiền vì từ khi xảy ra tai nạn cho tới giờ, tiền anh cất trong xe vẫn còn y nguyên, chưa ai phát hiện.

Tuần thất thứ ba, người anh họ làm ruộng giáp ranh, xạ lúa bị thừa, thấy bên anh mạ dày nên mượn máy cô qua tuyền một số. Tối lại, có một cô trong nhóm, chiêm bao thấy anh về quở trách: “Sao cô lại nhổ đập lúa của tôi!”. Người anh mượn chai thuốc sâu cũng thấy anh về đòi lại. Ba mẹ và vợ biết được anh còn tiếc của, chưa buông xả nên mới làm thêm nhiều công đức như: cúng dường Tam Bảo ở chùa các nơi, bố thí gạo, ấn tống kinh sách, phóng sanh... trong mỗi tuần thất để hồi hướng và cầu nguyện cho anh sớm được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Đến tuần thất thứ năm, cô Tám Đâu ở lồi xóm, khi xả ca hộ niệm, vào khoảng 12 giờ trưa, cô ra nằm nghỉ ở phía trước nhà, mới vừa chợp mắt thì cô thấy hình Đức Phật A Di Đà từ bàn vong của anh bay ra sáng ánh.

Gần đến tuần thất thứ bảy, cô Út Hà người cùng xóm với anh, (sống hạnh xuất gia, tu chung thất với một bạn đạo) cô nằm chiêm bao thấy anh và hai người bạn, cả ba thân tướng đều hết sức trang nghiêm, gương mặt tràn đầy hoan hỷ, báo cho cô biết là anh đã được vãng sanh về cõi Phật.

Sáng ra đúng ngày tuần thất thứ bảy cô liền tường thuật điềm mộng cho mẹ vợ của anh hay. Do vậy anh Bảy trưởng Ban Hộ Niệm, đến trước bàn vong khẩn nguyện:

- “Đệ Ghi ơi! Nghe những giấc mộng của đồng đạo kể lại là điềm rất tốt, đệ được về cõi Phật. Đoàn hộ niệm của chúng tôi cũng thành tâm trợ niệm, hồi hướng công đức mà sao không thấy triệu chứng gì hết. Nếu thật sự đệ được vãng sanh, thì ngày nay là tuần thất cuối, đệ hãy báo cho đoàn biết!”

Một lát sau, trong lúc hộ niệm, Cô Năm đang ngồi bên chiếc giường đặt gần bàn vong, bỗng thấy nơi di ảnh của anh xẹt ra một luồng ánh sáng. Cô liền kể cho anh Bảy nghe. Vì anh Bảy không thấy nên anh đến bàn vong, nguyện thêm một lần nữa. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, nơi ảnh của anh tại bàn vong, cũng xẹt ra một luồng ánh sáng như trước, lần này mọi người đều trông thấy. Từ đó trở đi, không ai còn thấy anh về báo mộng lần nào nữa cả.

*(Thuật theo lời ông Nguyễn Văn Chậm, bà Ngô Thị Bung, Nguyễn Thị Búp, ba, mẹ vợ và vợ của anh)*

#### **48. Bà Nguyễn Thị Quận (1946 – 2013)**

Bà Nguyễn Thị Quận sinh năm 1946, cư ngụ tại ấp Tân Hiệp A, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Tư, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Tại, bà có ba anh em và đứng thứ Hai trong gia đình.

Tính tình của bà từ hòa, hiếu thuận, thích sống đơn giản, đặc biệt là ý chí kiên định.

Năm 1979, bà kết hôn với ông Lê Văn Lượm, người cùng bản xứ, là công chức nhà nước, hai ông bà không có con.

Đến năm 2004, ông bạn đường ra đi. Trong lúc làm tuần thất cho chồng, chư vị đồng đạo đến cầu nguyện, an ủi và giảng giải về lý nhân quả, lý vô thường của Phật dạy, cuối cùng, giới thiệu về pháp môn Tịnh Độ, dùng Tín, Nguyện, Hạnh một đời sẽ ra khỏi sinh tử luân hồi, vĩnh viễn thoát ly bể khổ. Nghe xong, bà tỉnh ngộ, voi bớt đau buồn, liền phát tâm trường chay, sớm chiều lễ bái, niệm Phật làm lành, cầu sanh Cực Lạc.

Người em trai thứ Ba của bà tên là Nguyễn Tấn Phương, nhà ở cách đó khoảng bốn cây số, ông cũng thường xuyên tới lui thăm viếng chị mình, ông cũng trường chay tu hành. Thấy chị đã lớn tuổi, lại đơn chiếc nên đề nghị:

- “Anh Hai mất rồi. Chị ở đây vắng vẻ quá! Thôi, hãy sang bán nhà cửa, về sống chung với gia đình em...!”

Tháng 7 năm 2006, bà thu dọn xong xuôi rồi về ở nhà người em trai. Công khóa thường nhật, bà vẫn duy trì đều hai thời lễ niệm sáng tối.

Năm 2008, bà đến An Hòa Tự ở Phú Tân, tham gia công quả ở tổ may áo tràng. Sau đó, đến cộng tu và công quả tại đạo tràng của cô Huệ Nương.

Tháng 2 năm 2011, bà phát bệnh, đến thành phố Long Xuyên, bác sĩ chẩn đoán là “khối u đại tràng”. Nhập viện hai tuần rồi chuyển lên Bệnh Viện Chợ Rẫy. Ở đây, bác sĩ xử lý bằng cách phẫu thuật đưa hạ môn ra ngoài, thời gian nằm viện là 16 ngày. Khi xuất viện, bác sĩ hẹn một tháng sau tái khám.

Đúng hẹn, bà trở lại Bệnh Viện Chợ Rẫy; ở được ba ngày, bác sĩ khám nghiệm xong, cho biết là bệnh đã di căn nên đề nghị xạ trị. Bà bèn nói với chú Ba:

- “Tưởng lên đây có phần thay đổi tốt hơn thì có thể trị. Bây giờ, bệnh của chị đã di căn rồi, thôi miễn đi! Trị làm chi cho tốn tiền em út. Tại vì, chị thấy biết bao nhiêu người xạ trị thời gian ngắn rồi cũng chết chớ không có hết. Cho nên để số tiền đó sau này, chị mãi phần rồi lo hậu sự sẽ đỡ hơn. Nếu xạ trị cũng không sống được...!”

Vì thế, bà cương quyết đòi về, em bà thấy vậy cũng tùy thuận, liền đưa bà về.

Khi về nhà, sức khỏe bà hồi phục tương đối tốt nên bà tiếp tục đi làm công quả cho chùa ở Vàm Cống, Lấp Vò, được 7 tháng thì về chùa Huệ An, gần chợ Mương Điểm ở thành phố Long Xuyên. Bà tự qui định, mỗi ngày niệm 15 ngàn câu Phật hiệu, ngày nào làm công quả nhiều thì ban đêm, phải thức niệm cho đủ số mới đi ngủ. Các buổi công phu của đại chúng, bà không có tham dự, sớm tối chỉ lễ Phật khoảng 15 phút rồi chuyên niệm Phật mà thôi. Cách thức niệm của bà là dùng hai cái hộp đựng hạt me, hễ niệm xong một tràng 108 hạt thì nhặt một hạt me từ hộp bên này cho qua hộp bên kia, tới chừng nào đủ số mới đi nghỉ. Bà duy trì cách thức này cho đến khi qua đời.

Bà tu ở đây khoảng hơn một năm, đến tháng 2 năm 2013 bệnh tái phát, bà trở về nhà. Lúc này, bệnh hoành hành dữ dội và liên tục, nhưng bà vẫn một lòng niệm Phật đau nhiều chừng nào, bà niệm Phật nhiều chừng nấy, không hề rên than. Dù vậy, bà vẫn tự tắm giặt, em bà khuyên để cho em cháu săn sóc nhưng bà không cho, nhiều lúc yếu, bà phải bò đi.

Mấy người cháu thương cô lắm, thấy bà bò lếch như vậy, không chịu nổi, mới xúm lại năn nỉ bà rằng:

- “Anh em tụi con hùn lại, thừa khả năng để điều trị cho cô! Nghe nói, Bệnh Viện Việt Mỹ trị những bệnh như cô hiệu quả cao lắm! Vả lại, chúng con đã chuẩn bị sẵn xe cộ hết rồi!”

Bà đáp:

- “Mấy đứa con thương cô thì cô rất mang ơn mấy con! Nhưng mà bệnh của cô, cô độ chắc không qua khỏi! Bây giờ, chớ đi tới trên thì cũng chết, chớ không có hết! Mà lên trên chết thì cô khó được vãng sanh. Nếu thương cô, tốt hơn mấy cháu nên để cho cô ở nhà, chờ ngày ra đi. Chớ cô quyết định không đi...!”

Nghe qua, các cháu của bà rất cảm động, từ đó trở đi không dám đề cập tới chuyện chữa trị nữa. Phần bà thì khẩn thiết trì niệm đồng mãnh thêm hơn:

“Muôn cho Phật Di Đà lai viếng,

CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM



Trong lòng dừng vắng tiếng Nam Mô.  
Có thật mời thì kẻ mới vô,  
Không thềm gọi ai mà bước đến.  
Mong về Phật cõi phàm chớ mền,  
Muốn nên Tiên tách bến hồng trần.  
Phải quyết tâm chớ có ngại ngần,  
Quang âm cứ xoay vần chẳng đợi.  
Chúng sanh ở trong miền hạ giới,  
Khá chọn đường đi tới Tây Phương.  
Để phỉ ròi hết cảnh oan ương,  
Và cũng dứt xong đường sanh tử.  
Nếu nghiệp ác không còn lo trử,  
Tất là không khỏi sự báo oan.  
Vay thế gian phải trả thế gian,  
Đi đường Phật thì sang cõi Phật.  
Thế gian chịu khổ sâu chất ngất,  
Cõi Phật thì khoái lạc vô biên.  
Rán tu hành rán chường phước duyên,  
Để sớm được trường miền bốn mạng.”

Dần dà, bệnh mỗi ngày một nặng, thấy bà đau nhiều, ngày 19 tháng 3 năm 2013 chú Ba mới mời Ban Hộ Niệm đến cầu an và cộng tu.

Trong những ngày cầu an và cộng tu, chư đồng đạo đến khai thị và sách tấn về Tịnh Độ, giảng giải rõ ràng về nỗi thống khổ ở cõi Ta Bà và sự vui màu nhiệm nơi Tây Phương Cực Lạc. Từ đó, nguyện cầu sanh của bà càng khẩn thiết thêm hơn, cứ niệm vài câu Phật hiệu là bà phát nguyện:

- “Nhờ ơn Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn con về Cực Lạc!”

Bà cứ lặp đi lặp lại như vậy liên tục.

Cầu an và cộng tu đến ngày thứ 9 thì bà khỏe hẳn, cơn đau dường như tiêu tan mất hết, bà đi tới đi lui trong nhà, có khi, còn cầm chổi quét sân.

Khoảng hai tháng sau, bệnh đột nhiên tái phát, hành hạ bà dữ dội. Đêm mùng 9 tháng 4 năm 2013, đang nằm ngủ, chú Ba nghe tiếng bà niệm Phật rất lớn nên vào phòng hỏi:

- “Chị Hai, bây giờ sao rồi chị?”

Bà trả lời:

- “Chị bây giờ, đau lại rồi! Mà thôi, đau thì đau, nhức thì nhức. Mình niệm Phật thì cố gắng niệm!”

Chú Ba liền đề nghị:

CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM



- “Hay là em mời đồng đạo đến hộ niệm cho chị nghen!”

Bà đáp:

- “Chùng nào thúc hả!”

Sáng ngày mùng 10 tháng 4 năm 2013 bà tự bò đi tắm, chú Ba năn nỉ để cho em cháu bé hộ cho mà bà không chịu. Tối chiều, thấy bà yếu nhiều, chú Ba nói:

- “Để em mời đồng đạo hộ niệm cho chị nghen!”

Bà vẫn trả lời như trước:

- “Chùng nào thúc hả!”

Đến khuya đêm đó, chú Ba bỗng nghe tiếng bà niệm Phật vang dội, ông liền cho vợ và các con hay, đồng vào phòng, ngồi hộ niệm cho bà, bà cũng niệm nho nhỏ theo mọi người. Trải qua khoảng 2 giờ sau, cơn đau từ từ dịu dần, rồi bà liền nói:

- “Vừa qua chị nằm mơ, chị thấy một vị Sư đắp y vàng, tay ôm bình bát đi đến hỏi chị: “Có thuộc 48 lời nguyện của Đức Phật không?”. Chị mới trả lời: “Chỉ thuộc một, hai điều thôi!”. Vị Sư ấy lấy từ trong bình bát ra cho chị một quả trái cây, chị nhận mà không biết là trái gì. Xong rồi, vị Sư ấy ra đi.”

Nghe xong chú Ba bèn nói:

- “Chị thấy như vậy thì em cũng mừng cho chị! Điềm chiêm bao đó là điềm lành, biết đâu... Ân Trên đã cảm ứng cho chị thấy điềm lành như vậy! Chị hãy cố gắng tin tưởng đáng thiêng liêng, tức là Đức Phật A Di Đà!... Cố gắng phát nguyện cầu sanh Tây Phương mạnh mẽ lên, chị ơi!”

Bà đáp:

- “Lúc nào chị cũng phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc hết!”

Gia quyến tiếp tục hộ niệm tới hơn 4 giờ sáng, chú Ba liền điện thoại mời Ban Hộ Niệm. Hay tin, đồng đạo kéo đến, hộ niệm đến sáng thì thấy bà khỏe lại. Sáng hôm ấy, nhằm ngày 11, đúng ngày niệm Phật định kỳ hàng tháng của đạo tràng chú Út Sách ở gần đó nên các bạn đồng tu cùng nhau đi tham dự, hẹn trưa sẽ trở về hộ niệm tiếp, chỉ còn chú Hai Tuấn ở lại, ngồi trong phòng cùng với chú Ba hộ niệm cho bà.

Đã trải qua 7 ngày ngưng ăn, hôm qua bà còn gắng gượng bò đi tắm được, nhưng hôm nay thì sức đã cạn kiệt hoàn toàn, mọi xoay trở đều nhờ người thân làm giúp.

Lát sau, bà nói với chú Ba:

- “Bây giờ, chị khỏe rồi! Em mời cậu Hai đi uống nước đi!”

Hai người bèn ra ngoài, sau khi uống nước và dùng cơm sáng xong, đồng đạo Hai Tuấn trở vào, nói:

- “Em về nhen, chị Hai! Em có công chuyện, một chút em qua!”

Bà mở mắt ra nhìn, nhưng lặng thinh không đáp. Chú Ba đưa chú Hai ra tới cổng, vừa đi vừa trò chuyện qua lại. Tiền khách xong chú Ba quay trở vào, thời gian mất khoảng 10 phút, vào đến phòng thì bà đã dứt hơi. Lúc đó, đúng 8 giờ sáng ngày 11 tháng 4 năm 2013. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Điều kỳ lạ, là bình thường bà nằm đầu ở hướng Đông, nhìn bức ảnh Đức Phật A Di Đà treo trên vách phía Tây. Khi mất thì bà tự xoay đầu trở về Tây, hướng đầu vào hình Đức Phật và nằm nghiêng bên phải theo thể kiết tường rất đẹp. Một câu hỏi được đặt ra trong lòng mọi người, là: Vì sao trước đó 10 phút, bà không đủ sức tự xoay trở để thay đổi tư thế. Vậy mà khi từ giã cõi đời, bà tự quay đầu và nằm nghiêng được? Đó mới là vấn đề khó hiểu theo quan niệm thường tình!

Đồng đạo tiếp tục hộ niệm, sau 8 tiếng đồng hồ, khám nghiệm tử thi thì chân tay mềm mại, các nơi đều lạnh, duy còn đỉnh đầu ấm nóng, gương mặt vui tươi, sáng đẹp lạ thường.

*(Thuật theo lời Nguyễn Tấn Phương em ruột của bà)*

#### **49. Bà Nguyễn Thị Hai (1947 – 2014)**

Bà Nguyễn Thị Hai sinh năm 1947, nguyên quán huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Cha là cụ ông Nguyễn Văn Bền, mẹ là cụ bà Lê Thị Tư.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Nguyễn Tấn Thành, sinh được một trai và một gái, cư ngụ tại ấp Mỹ Phú, xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Gia đình bà sống bằng nghề làm mướn.

Theo tập tục cổ lệ, bà dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày, sáng chiều cũng lễ Phật, niệm Phật nhưng thời gian rất ngắn.

Bà có đức tính hiền hòa, đối với lối xóm chưa hề cãi vã mịch lòng một ai.

Ngày 18 tháng 12 năm 2013, đột nhiên bà phát bệnh nặng, đưa đến Bệnh Viện Đa Khoa huyện Thoại Sơn, hai ngày sau chuyển ra Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Bác sĩ chẩn đoán là “Khối u gan ác tính” nên đề nghị gia đình làm thủ tục chuyển lên Sài Gòn. Nhưng gia đình nghèo khó, không đủ điều kiện chữa trị nên xin xuất viện, nhằm ngày 23 tháng chạp.

Về nhà bà liền phát tâm trường chay, ông chồng cũng hưởng ứng ăn chay theo bà để hồi hướng cho vợ mình.

Không bao lâu, đến ngày 16 tháng 2 năm 2014 bình tái phát dữ dội, người thân đưa bà vào Bệnh Viện Đa Khoa Thoại Sơn. Ở đây được 6 ngày, bác sĩ khuyên ông chồng:

- “Thôi! Chú đem cô về đi! Lên thành phố vô hóa chất rụng tóc hết mà sống được một năm rồi cũng chết hà! Hơn nữa, chú không có khả năng, nghèo quá... nên thôi đi!”  
Về nhà, bà quyết lòng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ông chồng luôn ở bên cạnh để đốc thúc bà cố gắng hành trì.

Sau rằm tháng 3, bà nhờ chồng mời Ban Hộ Niệm. Ngày 23 tháng 3 năm 2014, Ban Hộ Niệm của liên hữu Sáu Phúc đến cộng tu, suốt một tháng rồi ngưng một tuần. Đợt sau, đến cộng tu và hộ niệm thêm 10 ngày nữa thì bà mãn phần.

Những ngày mới cộng tu, có lần bà nghe văng vẳng bên tai có tiếng nói:

- “Thôi! Niệm Phật đầy bụng rồi, đừng có niệm nữa!”

Biết đây là oan gia trái chủ nên đồng đạo đã khai thị, hướng dẫn bà phóng sanh và sám hối, một lòng thành tâm khẩn thiết niệm Phật, nguyện sanh Cực Lạc. Sau đó thì không còn nghe nữa.

Thân quyến của bà đi hốt thuốc Nam và mua thuốc Tàu cho bà uống, hầu giảm đi những cơn đau hành hạ, nhưng đến ngày mùng 2 tháng 5 năm 2014 khi người nhà sắc thuốc bung đến thì bà không chịu uống, khi hỏi lý do thì bà trả lời:

- “Bây giờ không uống thuốc nữa, chỉ mong chết được vãng sanh mà thôi!”

Bởi thấy thuốc không còn tác dụng, và không muốn bị phân tâm nên bà luôn hoan hỉ chấp nhận trả nghiệp, càng đau thì càng niệm Phật, không hề rên than. Mắt bà luôn chăm chú hướng về tấm ảnh Đức Phật A Di Đà mà Ban Hộ Niệm đã treo trên vách, tay luôn lần chuỗi, miệng luôn nhép môi niệm Phật, có khi niệm ra tiếng, chồng con luôn kề cận hộ trợ liên tục. Bởi vì, bà đã quá chán ngán cõi trần luân qua lời khai thị của Cổ Đức:

“Kiếp chúng sanh vô thường,  
Cõi thế gian mộng mị.  
Cứ nối nhau sanh thành,  
Cứ nối nhau tiêu hủy.  
Không phải là mới đây,  
Mà đã từ vô thủy.  
Khổ lão không thể ngăn,  
Khổ tử không thể trị.  
Thời đại có khác nhau,  
Sống chết vẫn một lý.  
Đen trắng khác mặt mày,  
Vui buồn đồng tánh ý,  
Sống theo lối cảm tình,  
Sống theo lòng ích kỷ.

Nào tha thiết ái ân,  
Nào mong cầu danh vị.  
Kẻ trẻ chưa vừa lòng,  
Người già chưa mãn ý.  
Ai cũng muốn trường sanh,  
Ai cũng muốn phú quý.  
Bệnh tật ai cũng ghê,  
Chết chóc ai cũng kỵ.  
Nhưng bệnh tật khó lia,  
Nhưng chết chóc khó tị.  
Ai cũng tôn công lao,  
Ai cũng hao tâm trí.  
Thân sống không giữ còn,  
Muốn ham chẳng được phí.  
Định mạng của người đời,  
Xưa nay không sai dị.  
Người cũng nên tỉnh hồi,  
Người cũng nên suy nghĩ.  
Giải thoát kiếp vô thường.”

Nên:

“Kiếp này nguyện cõi Tây Phương trực chỉ,  
Đức Di Đà thọ ký mới là ưng.  
Cánh sen vàng đem thay cái nhục thân,  
Kiếp sanh tử luân trầm không còn nữa!”

Đến ngày mùng 9 tháng 5 năm 2014, nhận thấy thể trạng của bà đã cạn kiệt vì đã hai tuần lễ ngưng ăn nên Ban Hộ Niệm tập trung toàn bộ lực lượng, hộ niệm cho bà. Tới gần 5 giờ chiều, bà đang niệm Phật thành thốt theo đại chúng, bỗng ngưng niệm đến chữ Đà thì dừng lại. Ai cũng ngỡ bà ra đi ngay lúc ấy, nhưng kéo dài hơn mấy mươi phút mà vẫn chưa dứt hơi. Ông chồng bèn đề nghị Ban Hộ Niệm tạm ngưng, ra ngoài nghỉ một tí để cho cô con gái tắm rửa, vệ sinh cho bà. Sau khi xong xuôi, mọi người trở vào, tiếp tục hộ niệm thì bà cũng chấp tay nhép môi niệm Phật theo mọi người. Khoảng 15 phút sau thì bà mỉm cười hai lần, rồi nhẹ nhàng vãng sanh, đúng vào lúc 5 giờ 30 chiều ngày mùng 9 tháng 5 năm 2014. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn tiếp tục duy trì cho đến sáng hôm sau. Khi khám nghiệm, các khớp xương đều mềm mại, đặc biệt là gương mặt xinh đẹp lạ thường.

*(Thuật theo lời Nguyễn Tấn Phương, chồng của bà)*

\*\*\*\*\*

Có hai bạn đồng tu cảm kích, kính tặng bà vài dòng thi như sau:

“Chị Hai mang bệnh ngặt nghèo,  
Khôi u ác tính nó đeo vào mình.  
Khốn thay hoàn cảnh gia đình,  
Gạo tiền giới hạn cảnh tình rất nguy!  
Sâu duyên, chị quy y Tam Bảo,  
Nguyện trường chay trực đảo Tây Phang.  
Đêm ngày Phật hiệu ngân vang,  
Bệnh đau mặc kệ thuốc thang chẳng màng.  
Tháng năm, mừng chín rõ ràng,  
Chiều năm giờ rười nhẹ nhàng dứt hơi.  
Mỉm cười hai lượt tuyết vời,  
Giã từ cõi thế về nơi Liên Đài.  
Hộ niệm thêm chân tay mềm dịu,  
Mặt đẹp xinh hơn lúc bình thường.  
Dường như nhấc khách trần dương,  
Tin sâu - Nguyện thiết Tây Phương có phần!”

## **50. Em Phan Thị Là (1998 - 2014)**

Em Phan Thị Là sinh năm 1998, con của anh Phan Văn Lập và chị Phan Kim Hoa, cư ngụ tại ấp Hòa Long, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Hai anh chị sinh được chín người con, năm trai, bốn gái, em Là đứng thứ Bảy trong gia đình. Hai anh chị sinh sống bằng nghề làm vườn.

Tính tình của em Là rất hiền lành và rất hiếu thảo, lễ phép với ông bà, cha mẹ cùng những người lớn tuổi, nói chuyện đều dạ thưa; đối với anh chị em thì kính trên nhường dưới. Cha mẹ tất bật lo làm lụng vất vả, lo cho các con miếng ăn tấm mặc, em thấy vậy nên tranh thủ đi học xong, về nhà đặng tiếp giúp gia đình, cho cha mẹ đỡ cơ cực phần nào. Khi tốt nghiệp bậc tiểu học xong, em theo học tại trường Trung Học Cơ Sở Định Mỹ, cách nhà em khoảng hai ngàn mét. Trong quá trình học tập em đều đạt được thành tích là học sinh giỏi nhứt lớp, từ lớp 1 tới lớp 7. Cách học của em là vừa làm, hay vừa đi đến trường vừa học lâm thâm trong miệng. Có lần, mẹ hỏi em:

- “Sao không thấy con học bài?”

Em trả lời:

- “Con thuộc rồi!”

Bởi, cha mẹ đều trường chay nên năm lên 7 tuổi, em phát tâm ăn chay theo. Điềm đặc biệt, là em không bao giờ thích xem phim, xem ti vi và đi chơi với bạn bè.

Đến năm 13 tuổi thì em phát bệnh. Ngày 14 tháng 12 năm 2011, đi khám ở Bệnh Viện Thoại Sơn, bác sĩ cho biết là em bị “Viêm cầu thận cấp”, nằm viện ở đây 7 ngày. Gia đình không đủ kinh phí để điều trị, nhưng nhờ sự quan tâm của tập thể thầy cô, nhất là thầy hiệu trưởng và thầy hiệu phó đã vận động tiền và còn viết bài viết, gửi cho nhà báo An Giang và đài phát thanh An Giang về tấm gương: “Vượt khó, học giỏi” mà đang lâm cơn bệnh nặng, không có tiền chữa trị. Khi nhà báo và đài phát thanh nhận được bài, rất cảm động, liền cho phát thanh tin và đăng tin. Cũng nhờ đó mà các nhà Mạnh Thường Quân khắp nơi, Hội Khuyến Học huyện Thoại Sơn, Hội Khuyến Học tỉnh An Giang... được biết, đến tận gia đình thăm hỏi và ủng hộ. Do đó, em được chuyển ra Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, ba tháng sau chuyển lên Bệnh Viện Nhi Đồng I Thành phố Hồ Chí Minh. Bệnh ngày một tăng dần và chuyển sang “Thận hư mãn tính”. Thông thường, khi bệnh nặng thì nằm viện khoảng một tháng, khi nào bệnh ít thì tái khám xong rồi mang thuốc về. Suốt hai năm như vậy, em đã nhập xuất viện hơn 20 lần và tổng chi phí trước sau khoảng 130 triệu đồng.

Trong suốt thời gian điều trị, em nghỉ học, khi về tới nhà thì mượn bài vở của bạn mình chép lại. Vậy mà cuối năm, kỳ thi lớp 7 lên lớp 8, em đạt thành tích hạng nhất lớp và nhất khối, một thành tích mà không ai ngờ được.

Do cơn bệnh kéo dài và hành hạ thân xác mình, làm ảnh hưởng rất nhiều người về tinh thần lẫn vật chất, biết bao là lo lắng, biết bao là vất vả, nhọc nhằn... Em cảm nhận, sức khỏe là một tài sản quý báu nhất của đời người, nên em đã mơ ước khi lành bệnh sẽ cố gắng học hành để mai sau trở thành bác sĩ, hầu đền đáp những ân đức mà mình đã thọ nhận, và xoa dịu bớt những khổ đau do bệnh tật do bệnh tật đem lại của tất cả những ai có mặt trên hành tinh này!

Vào tháng 11 năm 2013 bệnh đã chuyển sang giai đoạn nguy kịch, y bác sĩ phát hiện em đang dùng chay nên đã đề nghị gia đình cho em ăn mặn, mong đạt hiệu quả cao trong quá trình điều trị. Ban đầu, em không chịu nhưng do cha mẹ và thầy giáo khuyến mãi nên sau đó, em miễn cưỡng tạm dùng. Khi nhận thức ăn về phòng, thường thì, em chỉ ăn một vài miếng, còn bao nhiêu thì cho hết những em bé nằm bệnh chung phòng.

Cũng trong thời gian này, anh của em đến chùa Hoằng Pháp, thỉnh về quyển Niệm Phật Chỉ Nam đưa cho Ba. Ba em xem sơ qua, rồi ông đem lại trao cho em và nói:

- “Là ơi! Ước mơ của con là ước mơ làm bác sĩ. Mà Ba thấy... con bây giờ... không có đủ thời gian để học làm bác sĩ! Thôi, con niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, rộng độ chúng sanh, nó quý hơn một trăm, một ngàn lần so với làm bác sĩ nữa...!”

Em đón nhận và đọc liền một mạch, đến phần trích dẫn Tịnh Độ Pháp Ngữ của Đại Sư U Khê, thiện căn quá khứ bỗng nhiên khởi phát, gương mặt em tràn đầy hoan hỷ, tan biến mọi sầu đau. Từ đấy, em cứ tay thì lần chuỗi, miệng thì nhép môi niệm Phật luôn. Bác sĩ đến khám, hỏi câu nào đúng thì em gật đầu, câu nào không đúng thì lắc đầu. Sau đó, em khóc, nói với Ba, Mẹ rằng:

- “Thôi! Ba, Mẹ xin bác sĩ cho con về đi. Về nhà cầu an, hộ niệm cho con đi! Chắc con không có thể nào còn cơ hội để đi học nữa rồi. Bác sĩ đã cho biết, bệnh của con đã qua thận hư mãn tính giai đoạn cuối cùng, nặng lắm rồi! Con không có thời gian đi học nữa!”

Mẹ em hỏi:

- “Làm sao con biết?”

Em đáp:

- “Con nghe bác sĩ nói nhỏ với nhau!”;

Ba của em đồng ý, liền làm thủ tục xin ra về. Về đến nhà, em niệm Phật liên tục, em còn nói với mẹ:

- “Nếu ai có lại hỏi thăm con, mẹ trả lời đi, đừng có hỏi con!”

Ngày 24 tháng 1 năm 2014, Ban Hộ Niệm của liên hữu Tư Xã- Tư Găng đến cộng tu liên tục 7 đêm. Khi khởi sự, trưởng Ban Hộ Niệm đã khai thị tóm tắt những điều trọng yếu của nguyên tắc vãng sanh. Cuối cùng tóm kết lại, khuyên em phải tuân thủ hai điều: một là phát nguyện trường chay trở lại; hai là niệm Phật phải chí tâm và khẩn thiết nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Nghe xong, em tin nhận và chấp thuận hai điều kiện đã đưa ra.

Xong một tuần cộng tu thì tạm ngưng 10 ngày, nhằm ngày 11 tháng 2 năm 2014. Cũng hôm ấy, có thầy hiệu trưởng và hiệu phó đến thăm, em cứ lẩn chuối, nhép môi niệm Phật, không thưa hỏi gì cả. Mẹ em sợ hai thầy buồn nên nhắc:

- “Hai thầy vô thăm con kìa, con!”

Em chỉ gật đầu. Thầy giáo nói:

- “Thôi, thiếu Sáu ơi! Tui biết ý học trò tui rồi! Không sao đâu, thiếu đừng có sợ. Tui không buồn nó đâu! Nếu mà nó trả lời tui thì nó sẽ đứt đoạn niệm Phật. Nên để nó niệm Phật nhứt tâm!”

Qua hôm sau, tức là ngày 12 tháng 2 năm 2014, cuộc hộ niệm tiếp tục trở lại, đồng đạo Tư Xã đến khai thị và hỏi em:

- “Bữa nay, chú hỏi thiệt con! Con nguyện như thế nào, con nói cho chú mừng coi?”

Em đáp gọn lỏn:

- “Bây giờ, ước mơ của con là con nguyện: Nếu mà con có ra đi thì nhờ Đức Phật rước hồn con được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc!”

Khi ra ngoài, đồng đạo Tư Xã đã khen nhỏ với mẹ em:



- "...Tuy nó nhỏ tuổi mà tinh thần nó mạnh mẽ lắm đó chị!"

Sáng 5 giờ ngày 13 tháng 2 năm 2014, em nói với mẹ:

- "Mẹ ơi! Bữa nay, con muốn uống sữa!" (Lúc trước, em ít uống lắm).

Mẹ em pha cho em hơn nửa ly đem đến. Khi uống xong, em nói:

- "Mẹ ơi! Sữa bữa nay ngon quá! Thôi, mẹ pha cho con một ly nữa đi!"

Mẹ em đáp:

- "Bao tử con không tốt. Thôi, bây giờ con uống ít đi. Chút xíu mẹ pha cho con uống!"

Em nói:

- "VẬY HẢ MẸ! Thôi, mẹ có nấu cháo hông? Cho con ăn miếng cháo!"

Mẹ em múc nửa chén cháo đem lại. Ăn xong, em nói:

- "Sao bữa nay, mẹ làm cái gì con ăn cũng thấy ngon hết... Mẹ, bữa nay mẹ đừng có đi đâu hết, nghen mẹ! Mẹ ở trọn ngày nay với con đi, rồi... đau đớn thể nào con cũng chịu đựng được hết... Mẹ ở đây với con, con vui lắm đó... Từ đó tới giờ, con có hôn ầu, làm lỗi gì với mẹ, mẹ tha thứ cho con, nghen mẹ!..."

Gương mặt em hôm nay, bỗng dung thay đổi hẳn, hồng hào, tươi tắn, không còn sùng như mấy ngày trước nữa, nghe trong lời nói của con có cái gì đó làm chị linh cảm, dường như sắp sửa phải đến lúc phân ly! Thường khi, thì chị ít nghĩ đến giờ phút ấy, hay đúng hơn là không dám nghĩ tới nó. Bởi, cảm tình của một bà mẹ... không bao giờ muốn con phải rời khỏi tầm tay mình, ra đi mà không ngày gặp lại!

Em còn nói:

- "Mình nhiếp tâm niệm Phật tới 7 ngày mà mình không có vọng động, không nghĩ về cha mẹ, thế gian và chuyện gì quanh quẩn hết thì Phật hiện thân đến rước mình về Tây Phương Cực Lạc đó mẹ...!"

Mẹ ơi! Nếu con có gì thì mẹ đừng có khóc! Mẹ hứa với con đi! Nếu con có gì, mẹ niệm Phật cho con thì con yên tâm. Mẹ hứa với con đi!"

Câu này em nói tới ba lần. Khi mẹ em hứa rồi thì em nói tiếp:

- "Con có gì thì mẹ niệm Phật cầu cho con vãng sanh, chớ đừng cầu hết bệnh. Cầu cho con hết bệnh, con hồng chịu!..."

Đến hơn 11 giờ trưa, em nói:

- “Thôi, con nói chuyện với mẹ hồi sáng tới giờ, con không nói nữa, bây giờ con niệm Phật đặng con ngủ nghe mẹ. Con ngủ luôn à! Mẹ niệm Phật tiếp con đi!”

Khi bà niệm, em cũng niệm ra tiếng “Nam Mô A Di Đà Phật” đến câu thứ năm, mẹ em thấy vậy nên nói:

- “Con còn yếu quá hà! Con niệm ra tiếng thì mệt lắm. Thôi, con niệm thầm trong tâm đi, để mẹ niệm ra tiếng cho. Niệm trong tâm, Đức Phật cũng chứng mà...! Con niệm Phật thì niệm trong tâm đi rồi mẹ niệm tiếp cho!”

Em nói:

- “Vây, hả mẹ! Vây con niệm thầm rồi con ngủ luôn nghe mẹ! Con không nói chuyện nữa, mẹ niệm tiếp cho con đi! Mẹ niệm theo điệu nhạc niệm Phật!”

Em nhìn lên ngôi Tam Bảo rồi nhìn mẹ hai lần như vậy, kể đến em nằm nghiêng bên phải mà nhẹ nhàng thanh thản trút hơi thở cuối cùng. Lúc này đúng 12 giờ trưa, nhằm ngày 13 tháng 2 năm 2014.

Hộ niệm thêm 16 giờ, khi khám nghiệm tử thi thì các khớp xương mềm mại, đánh đầu ầm trong khi mọi nơi đều lạnh, gương mặt hồng hào, đôi môi giống như thoa son.

Bảy tuần thất trôi qua, mẹ em vẫn còn ray rứt, không biết con mình có được vãng sanh hay không mà không báo mộng cho mình biết gì hết trơn, để mình mừng. Tối lại, chị nằm mộng thấy em, thân tướng to lớn, cực kỳ đoan nghiêm. Em nói rằng:

- “Con báo tin cho mẹ biết, đặng mẹ đừng có lo cho con. Con đã về Tây Phương Cực Lạc rồi...!”

Khi tỉnh giấc, niềm an lạc vô biên tràn ngập trọn cõi lòng chị. Từ đó trở đi, nỗi hoài nghi trong tâm của chị thấy đều bay biến hết.

*(Thuật theo lời anh Phan Văn Liệp và chị Phan Kim Hoa)*

Qua câu chuyện trên, chúng ta nhận thấy đúng như lời khẳng định của Cổ Đức:

“Chỉ một niệm một lòng đi tới,  
Phật Tây Phương sẽ gọi đến tên.  
Chón liên trì sen báu nở lên,  
Khi mãn kiếp ngồi trên chín phẩm.

## MỤC LỤC:

### Lời Nói Đầu

1. Bà Nguyễn Thị Thoại (1919 - 2007)
2. Bà Nguyễn Thị Tý (1922 - 2012)
3. Bà Nguyễn Thị Xinh (1916 - 1983)
4. Bà Trương Thị Hàn (1903 - 1984)
5. Bà Nguyễn Thị Chín (1913 - 1994)
6. Cô Lương Thị Mọn (1950 - 1978)
7. Ông Trần Văn Cón (1923 - 1997)
8. Cụ Trần Văn Nghi (1926 - 2007)
9. Ông Nguyễn Văn Hai (1875 - 1973)
10. Ông Nguyễn Từ Tâm (1912 - 1972)
11. Bà Dương Thị Thu (1948 - 1996)
12. Thượng Tọa Thích Thiện Tường (1945 - 2000)
13. Bà Tô Vân Liên (1915 - 2000)
14. Cư sĩ Nguyễn Văn Trí (1926 - 2000)
15. Sư Bà Đàm Lựu (1933 - 1999)
16. Thầy Thích Minh Đạt (? - 1997)
17. Lão Cư Sĩ Lu Nhiên Phú (1929 - 2000)
18. Cụ bà Huỳnh Thị Dền (1917 - 2000)
19. Bà Huỳnh Ngọc Tuyết
20. Ông Lê Văn Hiếu (1940 - 2001)
21. Bà Nguyễn Thị Tân (1921 - 1999)
22. Cư sĩ Nguyễn Văn Luông (1947 - 1996)
23. Ông Nguyễn Văn Lai (1941 - 2000)
24. Ông Nguyễn Văn Khương (1922 - 1983)
25. Ông Đông Văn Lễ (1919 - 1987)
26. Bà Lê Thị Mạnh (1923 - 2006)
27. Ông Đông Văn Hảo (1956 - 1996)
28. Ông Đông Văn Hòn (1951 - 2006)
29. Bà Nguyễn Thị Thai (1932 - 1997)
30. Bà Thái Thị The (1951 - 2003)
31. Bà Đặng Thị Vân (1954 - 2009)
32. Bà Lê Thị Đấu (1908 - 1989)
33. Ông Phạm Ngọc Hòa (1914 - 1997)
34. Bà Nguyễn Thị Quyên (1941 - 2007)
35. Ông Cao Ngọc Thâm (1923 - 2001)
36. Ông Liêu Duy Trà (1917 - 2006)
37. Ông Trần Văn Tôn (1928 - 2002)
38. Ông Võ Văn Hên (1925 - 2007)
39. Ông Võ Văn Phải (1915 - 1994)
40. Thầy Bửu Hạnh (1927 - 1990)

41. Ông Đỗ Thanh Sơn (1959 - 2006)
42. Ông Nguyễn Thành Tâm (1969 - 2006)
43. Bà Đoàn Thị Yên (1936 - 2009)
44. Bà Huỳnh Thị Phi (1972 – 2014)
45. Bà Trần Thị Cẩm Vân (1972 - 2008)
46. Bà Nguyễn Thị Cúc (1942 – 2008)
47. Ông Nguyễn Thành Ghi (1971 - 2010)
48. Bà Nguyễn Thị Quận (1946 – 2013)
49. Bà Nguyễn Thị Hai (1947 – 2014)
50. Em Phan Thị Là (1998 - 2014)